

Số: 43/BC-KTNN

Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2025

## BÁO CÁO TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2024

Tổng hợp kết quả chính từ 247 Báo cáo kiểm toán (BCKT) của 125 nhiệm vụ kiểm toán<sup>1</sup> tổ chức trong năm 2024 đối với niên độ ngân sách năm 2023 (Chi tiết tại Phụ lục 01), KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội một số kết quả kiểm toán chủ yếu năm 2024 như sau:

### A. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN NĂM 2024

#### I. VỀ KIỂM TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2023

##### 1. Về lập và giao dự toán

###### 1.1. Dự toán thu ngân sách nhà nước

(1) Một số địa phương dự báo một số chỉ tiêu thu chưa sát dẫn đến ước thực hiện năm 2022 làm cơ sở xây dựng dự toán năm 2023 thấp so với thực hiện<sup>2</sup>; lập dự toán thu nội địa chưa đảm bảo tính tích cực<sup>3</sup> thậm chí lập thấp hơn ước thực hiện năm 2022<sup>4</sup>, chưa phù hợp với tốc độ tăng thu ngân sách nhà nước (NSNN) trên địa bàn hoặc tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân (HĐND)<sup>5</sup>; lập dự

<sup>1</sup> Bao gồm kiểm toán BCQT NSNN và Báo cáo nợ công năm 2023 tại BTC, Bộ KH&ĐT; 12 nhiệm vụ kiểm toán tại 34 bộ, cơ quan trung ương; 27 nhiệm vụ kiểm toán tại 56 tỉnh, TP trực thuộc TW; 06 chủ đề kiểm toán hoạt động; 24 chuyên đề; 25 nhiệm vụ kiểm toán dự án đầu tư; 13 nhiệm vụ kiểm toán NHNN và các DN, tổ chức TCNH và 17 nhiệm vụ kiểm toán lĩnh vực quốc phòng, an ninh, các cơ quan Đảng.

<sup>2</sup> Tỉnh Quảng Nam (ước thực hiện năm 2022 để xây dựng dự toán thu bằng 81,5% số thực hiện); Bình Định (bằng 85,8% số thực hiện); Bắc Giang (bằng 70% số thực hiện); Quảng Ngãi (bằng 82,6% số thực hiện); Vĩnh Phúc (bằng 85,5% số thực hiện)...

<sup>3</sup> Điểm d khoản 1 Điều 13 Thông tư số 47/2022/TT-BTC “phân đầu dự toán thu nội địa năm 2023 không kể thu tiền sử dụng đất, thu xổ số kiến thiết, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của NHNN bình quân cả nước tăng khoảng 7-9% so với đánh giá ước thực hiện năm 2022 (sau khi loại trừ các yếu tố tăng, giảm thu do thay đổi chính sách). Mức tăng thu cụ thể tùy theo điều kiện, đặc điểm và phù hợp với tốc độ tăng trưởng kinh tế trên địa bàn của từng địa phương”.

<sup>4</sup> Tỉnh Quảng Nam (dự toán thu nội địa năm 2023 không kể thu tiền sử dụng đất, thu XSKT, tiền bán vốn nhà nước tại doanh nghiệp, cổ tức, lợi nhuận sau thuế và chênh lệch thu, chi của NHNN tình lập bằng 79,8% so với ước thực hiện năm 2022); Ninh Thuận (lập bằng 92,5% so với ước thực hiện năm 2022); Đắk Nông (lập bằng 99,4% so với ước thực hiện năm 2022); Bà Rịa - Vũng Tàu (lập bằng 96,9% so với ước thực hiện năm 2022); Quảng Ngãi (lập bằng 64,2% so với ước thực hiện năm 2022); Nghệ An (lập bằng 97,9% so với ước thực hiện năm 2022); Tây Ninh (lập bằng 93,6% so với ước thực hiện năm 2022); Hà Tĩnh (lập bằng 88,6% so với ước thực hiện năm 2022); Thanh Hóa (lập bằng 96% so với ước thực hiện năm 2022)...

<sup>5</sup> Tỉnh Gia Lai (tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hàng năm do HĐND đề ra 8,6% trở lên, thu ngân sách trên địa bàn tăng 10%/năm trở lên); Kon Tum (tốc độ tăng thu theo Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội bình quân 8,2%, dự toán thu nội địa lập bằng 77,2% so với ước thực hiện); Đắk Lắk (tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 7%/năm, thu ngân sách trên địa bàn tăng bình quân 8%/năm; dự toán lập bằng 100,2% so với ước thực hiện năm 2022); Đồng Nai (tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm nội địa trên địa bàn bình quân hàng năm 8,5%; dự toán lập bằng 97,7% ước thực hiện năm 2022).

toán một số chỉ tiêu thu chưa đầy đủ, chưa bao quát hết nguồn thu<sup>6</sup>; chưa phù hợp khả năng thu<sup>7</sup>.

(2) Bộ Tài chính (BTC) trình Chính phủ báo cáo Quốc hội<sup>8</sup> đưa khoản thu từ nhà cung cấp nước ngoài có hoạt động kinh doanh thương mại điện tử tại Việt Nam vào khoản thu khác ngân sách là chưa phù hợp nội dung phát sinh của khoản thu (thuế GTGT và thuế TNDN) và chưa phù hợp quy định<sup>9</sup>. Tổng cục Hải quan (TCHQ) không giao dự toán thu từ hoạt động xuất nhập khẩu cho Cục Kiểm tra sau thông quan trong khi đơn vị này phát sinh thu hàng năm từ hoạt động kiểm tra sau thông quan<sup>10</sup>; một số Cục hải quan<sup>11</sup> không lập và không được giao dự toán thu khác trong khi khoản thu này phát sinh hàng năm.

### ***1.2. Dự toán chi ngân sách nhà nước***

Lập dự toán chi lĩnh vực giáo dục - đào tạo và dạy nghề, khoa học và công nghệ<sup>12</sup> chỉ thể hiện được chỉ tiêu chi thường xuyên, chưa thể hiện chỉ tiêu chi đầu tư<sup>13</sup>, do đó chưa có đầy đủ cơ sở đánh giá dự toán chi có đảm bảo tỷ lệ theo quy định<sup>14</sup>, cụ thể: Chi thường xuyên cho giáo dục - đào tạo và dạy nghề là 286.700 tỷ đồng, bằng 13,8% tổng chi NSNN; chi khoa học và công nghệ 12.091 tỷ đồng, bằng 0,58% tổng dự toán chi NSNN. Dự toán ngân sách trung ương (NSTW) chi trả nợ lãi 102,89 nghìn tỷ đồng thiếu thuyết minh, diễn giải chi tiết. Ngoài ra, công tác lập dự toán còn tồn tại:

#### ***1.2.1. Dự toán chi đầu tư phát triển***

<sup>6</sup> Tp.HCM, Hà Nội; tỉnh Hà Nam, Quảng Nam, Ninh Thuận, Đắk Nông, Quảng Bình, Bình Định, Bắc Giang, Quảng Trị, Quảng Ngãi, Hải Dương, Lâm Đồng, Thừa Thiên Huế, Phú Yên, Quảng Ninh, Hà Tĩnh, Đồng Nai, Gia Lai. Một số địa phương chưa lập dự toán đối với nguồn thu bán vốn nhà nước theo quy định tại Nghị định số 148/2021/NĐ-CP và Thông tư số 57/2022/TT-BTC trong khi khoản thu này đã phát sinh từ nhiều năm và từ năm 2022 đã thay đổi cơ chế thu nộp (nộp trực tiếp khoản thu phát sinh vào NSNN): Năm 2023 nguồn thu này phát sinh thu 9.215 tỷ đồng tại 28 địa phương như Hà Nội thu 6.523 tỷ đồng, Quảng Nam thu 150 tỷ đồng, Quảng Ngãi thu 109 tỷ đồng, Bình Dương thu 2.102 tỷ đồng, Hậu Giang thu 158 tỷ đồng...

<sup>7</sup> (i) Lập dự toán tiền thu sử dụng đất NSTW nhưng chưa có thuyết minh cơ sở lập, dẫn đến thực hiện không đạt dự toán giao (dự toán lập, giao là 2.016 tỷ đồng; thực hiện 1.392 tỷ đồng, bằng 69% dự toán giao); (ii) Thu từ nhà cung cấp nước ngoài dự toán 1.200 tỷ đồng thực hiện thu 6.896 tỷ đồng.

<sup>8</sup> Tại Phụ lục số VI kèm theo Báo cáo số 32/BC-CP ngày 16/10/2022 của Chính phủ về đánh giá tình hình thực hiện NSNN năm 2022 và dự toán NSNN năm 2023.

<sup>9</sup> Điều 77 Thông tư số 80/2021/TT-BTC “khai thuế, tính thuế trực tiếp của nhà cung cấp nước ngoài:... nhà cung cấp ở nước ngoài nộp thuế GTGT và thuế TNDN theo phương pháp tỷ lệ tính trên doanh thu”. Thực tế, Tổng cục Thuế đang theo dõi và hạch toán khoản thu này vào 02 tiểu mục thu là thuế GTGT và thuế TNDN. Theo báo cáo của BTC, năm 2025 khoản thu này đã được theo dõi, tổng hợp vào chương riêng (chương 208 - nhà cung cấp nước ngoài không có cơ sở thường trú tại Việt Nam) và đưa vào khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

<sup>10</sup> Năm 2022 thu được số tiền 239 tỷ đồng; năm 2023 là 654 tỷ đồng.

<sup>11</sup> Cục Hải quan Bà Rịa - Vũng Tàu 8 tỷ đồng; Hà Nội 54 tỷ đồng; Quảng Ngãi 2 tỷ đồng; Khánh Hòa 31 tỷ đồng; Hà Nam Ninh 12 tỷ đồng; Thanh Hóa 78 tỷ đồng; Lạng Sơn 17 tỷ đồng; Quảng Nam 5 tỷ đồng; Lào Cai 1 tỷ đồng; Hà Tĩnh 2 tỷ đồng; Long An 12 tỷ đồng; Cần Thơ 66 tỷ đồng....

<sup>12</sup> Báo cáo số 32/BC-CP ngày 16/10/2022 của Chính phủ.

<sup>13</sup> Theo báo cáo của đơn vị do việc tổng hợp phân bổ chi đầu tư phát triển chi tiết theo ngành, lĩnh vực chưa được thực hiện theo quy định.

<sup>14</sup> (i) Theo khoản 1 Điều 96 Luật Giáo dục năm 2019 “Nhà nước ưu tiên hàng đầu cho việc bố trí ngân sách giáo dục, bảo đảm NSNN chi cho giáo dục, đào tạo tối thiểu là 20% tổng chi NSNN”; (ii) Theo khoản 1 Điều 49 Luật Khoa học công nghệ năm 2013 “Nhà nước bảo đảm chi cho KH&CN từ 2% trở lên trong tổng chi ngân sách nhà nước hàng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH&CN”.

(1) Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2023 ban hành chậm<sup>15</sup>.

(2) Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) ban hành hướng dẫn về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023 chưa kịp thời<sup>16</sup>; chậm thông báo dự kiến số vốn đầu tư phát triển nguồn NSTW phân bổ cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương của kế hoạch năm sau<sup>17</sup>; ngoài ra, có nội dung tại thông báo còn chưa phù hợp quy định tại Nghị quyết số 43/2022/QH15<sup>18</sup>. Một số đơn vị dự kiến bố trí vốn cho các dự án khởi công mới chưa đủ thủ tục đầu tư và không có cam kết hoàn thiện quyết định đầu tư trước ngày 31/12/2022 theo hướng dẫn<sup>19</sup> nhưng Bộ KH&ĐT vẫn tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ giao vốn. Thực tế, một số dự án không giải ngân được hoặc có tỷ lệ giải ngân thấp<sup>20</sup>.

(3) Một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương dự kiến<sup>21</sup> và hoàn thiện dự kiến<sup>22</sup> kế hoạch đầu tư công gửi Bộ KH&ĐT, BTC chậm, thông tin chưa chính xác, đầy đủ<sup>23</sup>; hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN không chi tiết cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án<sup>24</sup>; dự kiến kế hoạch vốn (KHV) chưa

<sup>15</sup> Khoản 1 Điều 56 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định trước ngày 15/5/2022, thực tế ngày 22/7/2022 Thủ tướng Chính phủ mới ban hành Chỉ thị số 12/CT-TTg.

<sup>16</sup> Khoản 1 Điều 56 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định trước ngày 15/6/2022, thực tế ngày 22/7/2022 Bộ KH&ĐT mới ban hành Văn bản số 5035/BKHĐT-TH về xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023.

<sup>17</sup> Khoản 7 Điều 56 Luật Đầu tư công năm 2019 quy định trước ngày 15/8/2022, thực tế ngày 12/10/2022 Bộ KH&ĐT ban hành Công văn số 7248/BKHĐT-TH.

<sup>18</sup> Công văn số 7248/BKHĐT-TH quy định "trường hợp dự án thuộc KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025 chỉ bố trí vốn từ nguồn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội khi đảm bảo quy định tại tiết đ điểm 1.2 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15" trong đó yêu cầu các dự án này "hoàn thành trong giai đoạn 2022-2025" trong khi tiết đ điểm 1.2 khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 43/2022/QH15 quy định "Ưu tiên phân bổ vốn cho các dự án quan trọng quốc gia, các dự án trong danh mục KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025 đang triển khai thực hiện, có khả năng hoàn thành sớm nhưng chưa được bố trí vốn hoặc chưa được bố trí đủ vốn", không quy định cụ thể các dự án này phải hoàn thành trong giai đoạn 2022-2025.

<sup>19</sup> Văn bản số 7248/BKHĐT-TH hướng dẫn việc "bố trí vốn cho các dự án khởi công mới trong trường hợp chưa kịp hoàn thiện thủ tục đầu tư tại thời điểm lập kế hoạch thì trong báo cáo lập kế hoạch, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương phải cam kết hoàn thiện quyết định đầu tư các dự án trước khi giao chi tiết KHV năm 2023 (trước ngày 31/12/2022)".

<sup>20</sup> (i) Ủy ban Dân tộc (UBDT): Dự án Xây dựng Kho dữ liệu và Hệ thống khai thác thông tin thống kê công tác dân tộc và dữ liệu thống kê 53 dân tộc thiểu số dự kiến 18,6 tỷ đồng, giải ngân 0,64 tỷ đồng (đạt 3,4%); Dự án Xây dựng Học viện dân tộc dự kiến 5 tỷ đồng, không giải ngân được; (ii) Liên minh HTX VN: Xưởng thực hành nghề điện công nghiệp - Trường CĐ Kinh tế - Kỹ thuật Bắc Bộ dự kiến 19,66 tỷ đồng, giải ngân 0,33 tỷ đồng (đạt 1,7%); Trung tâm tư vấn, hỗ trợ, cung cấp dịch vụ, hình thành và phát triển hợp tác xã, liên minh hợp tác xã - Khu vực miền Bắc dự kiến 1,51 tỷ đồng, trong năm không được bố trí vốn chi tiết; Trường Trung cấp nghề và đào tạo cán bộ Hợp tác xã miền Nam dự kiến 97,51 tỷ đồng, giải ngân 0,91 tỷ đồng.

<sup>21</sup> Liên minh HTX VN; Đài Truyền hình Việt Nam; các tỉnh Quảng Bình, Bình Dương, Khánh Hòa, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

<sup>22</sup> Ban quản lý Làng văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam; NHNN; UBDT; ĐHQGTPHCM; Liên minh HTX VN; Hội Nông dân Việt Nam; tỉnh Hòa Bình, Hậu Giang, Bắc Giang.

<sup>23</sup> ĐHQGTPHCM (Công văn số 1445/ĐHQG-KHTC ngày 25/7/2022) không chi tiết cơ cấu nguồn vốn NSTW; NHNN Việt Nam: Dự án Nhà đa năng Phân vùng Bắc Ninh - HVNN (tại Văn bản hoàn thiện dự kiến kế hoạch số 7394/NHNN-TCKT ngày 21/10/2022 của NHNN) thể hiện cơ cấu vốn NSTW trong TMĐT là 2 tỷ đồng, tuy nhiên tại Quyết định số 2178/QĐ-NHNN ngày 28/12/2022 cơ cấu vốn NSTW trong tổng mức là 17,62 tỷ đồng (KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025 là 17,62 tỷ đồng, vốn lũy kế đến hết năm 2023 là 13,89 tỷ đồng).

<sup>24</sup> Theo quy định tại Văn bản số 7248/BKHĐT-TH của Bộ KH&ĐT: ĐHQGTPHCM: Hoàn thiện dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSNN năm 2023 không chi tiết cho các nhiệm vụ, chương trình, dự án mà chỉ dự kiến số vốn cho từng lĩnh vực với tổng số vốn là 1.353 tỷ đồng.

sát dẫn đến không giải ngân được<sup>25</sup>, phải điều chỉnh<sup>26</sup>, kéo dài<sup>27</sup> hoặc hủy KHV<sup>28</sup>. Phân bổ chi tiết KHV chậm<sup>29</sup>, chưa phân bổ ngay từ đầu năm<sup>30</sup>; phân bổ lần đầu cho một số dự án vượt dự kiến<sup>31</sup>; không đúng đối tượng<sup>32</sup>, nhiệm vụ chi<sup>33</sup> hoặc sai nguồn vốn<sup>34</sup>; chưa phân bổ đủ vốn cho dự án chuyển tiếp, dự án hoàn thành và dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch<sup>35</sup>; phân bổ chưa đảm bảo cơ cấu

<sup>25</sup> Tổng cục Thuế 51,6 tỷ đồng; Bộ LĐTB&XH 1.108,6 tỷ đồng; Tổng LĐLĐVN 85 tỷ đồng; Bộ KH&CN 56,7 tỷ đồng; BTC 406,3 tỷ đồng; tỉnh Tây Ninh: Đăng ký KHV từ nguồn vốn NSTW (vốn nước ngoài) cho các dự án ODA không phù hợp dẫn đến số vốn dự không phân bổ trong năm 2023 là 103,7 tỷ đồng.

<sup>26</sup> Tỉnh Bắc Giang 17,78 tỷ đồng (Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông (GMS) lần 2 tỉnh Bắc Giang); Khánh Hòa 355,87 tỷ đồng (Dự án Tăng cường khả năng chống chịu của nông nghiệp quy mô nhỏ với an ninh nguồn nước do biến đổi khí hậu khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ 07 tỷ đồng, Dự án Môi trường bền vững các TP Duyên Hải - Tiêu dự án TP Nha Trang 348,87 tỷ đồng).

<sup>27</sup> Viện KSNĐTC (DA Viện KSNĐ cấp cao tại Đà Nẵng 40,1 tỷ đồng; Viện KSNĐ tỉnh Hà Nam 17 tỷ đồng); BTC (DA Chuyển đổi số hướng tới mô hình học viện thông minh tại Học viện Tài chính); ĐHQGHN 323,8 tỷ đồng.

<sup>28</sup> Viện KSNĐTC 38,3 tỷ đồng; TANDTC 164,1 tỷ đồng; ĐHQGHN 1.008,08 tỷ đồng; tỉnh Quảng Ninh 981,50 tỷ đồng.

<sup>29</sup> ĐHQGTPHCM; Đài Truyền hình Việt Nam; Bộ Xây dựng; Bộ Y tế; Bộ Nội vụ; Bộ VHTT&DL; Bộ GD&ĐT; Bộ GTVT; Bộ Tư pháp; ĐHQGHN; Viện Hàn Lâm KH&HV; Bộ LĐTB&XH; Trung ương Hội LHPNVN; Trung ương Đoàn TNCSHCM; các tỉnh Thừa Thiên Huế, Hà Tĩnh, Nghệ An, Bình Dương, Ninh Bình, Đắk Nông, Bình Thuận, Đồng Nai, Tiền Giang, Hà Giang, Điện Biên, Sơn La.

<sup>30</sup> Tỉnh Hà Nam 354 tỷ đồng (huyện Lý Nhân 144 tỷ đồng, Sở KH&ĐT 210 tỷ đồng), Vĩnh Phúc 1.313,83 tỷ đồng, Thừa Thiên Huế 587,30 tỷ đồng, Bình Định 525,10 tỷ đồng, Quảng Nam 818,28 tỷ đồng, Quảng Ngãi 1.481,74 tỷ đồng, Bắc Giang (Sở KH&ĐT 76,81 tỷ đồng; huyện Hiệp Hòa 75,66 tỷ đồng), Quảng Ninh (TP Cẩm Phả 145,41 tỷ đồng, Uông Bí 64,31 tỷ đồng, Hạ Long 313,99 tỷ đồng), Phú Yên 516,77 tỷ đồng, Khánh Hòa 936,57 tỷ đồng, Lâm Đồng 687,07 tỷ đồng, Thái Bình 174,26 tỷ đồng, Ninh Bình 455 tỷ đồng, Kon Tum 335,74 tỷ đồng, Đắk Nông 155,74 tỷ đồng, Bình Phước 987,23 tỷ đồng, Bến Tre 10 tỷ đồng, Tiền Giang 55,7 tỷ đồng, Trà Vinh 1.195 tỷ đồng, Đồng Tháp 19,33 tỷ đồng, Cao Bằng 71,51 tỷ đồng, Bắc Kạn 154,20 tỷ đồng, Hà Giang 853 tỷ đồng.

<sup>31</sup> (i) UBND: Dự án Xây dựng Học viện dân tộc dự kiến 5 tỷ đồng, được giao 23,15 tỷ đồng, trong năm phải điều chỉnh KHV còn 2,96 tỷ đồng nhưng không giải ngân được; (ii) Hội Nông dân Việt Nam: Dự án đầu tư nâng cấp và bổ sung trang thiết bị trung tâm dạy nghề và hỗ trợ nông dân Hội Nông dân tỉnh An Giang, dự kiến 9,66 tỷ đồng, được giao 18,39 tỷ đồng, trong năm điều chỉnh còn 9,39 tỷ đồng, giải ngân 100%; (iii) Tỉnh Hậu Giang: Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối với tuyến Quản Lộ - Phụng Hiệp tỉnh Sóc Trăng, dự kiến 300 tỷ đồng, được giao 466,7 tỷ đồng, trong năm phải điều chỉnh còn 301 tỷ đồng, giải ngân 100%.

<sup>32</sup> Tỉnh Khánh Hòa bố trí nguồn XSKT 23,8 tỷ đồng để hoàn trả ứng trước tiền thuê đất đã nộp cho các nhà đầu tư tại Khu du lịch Bắc bán đảo Cam Ranh.

<sup>33</sup> Tỉnh Long An phân bổ cho Quỹ Bảo trợ trẻ em và phân bổ vốn đo đạc chỉnh lý biến động đất đai trùng nhiệm vụ chi thường xuyên của ngân sách tỉnh; Quảng Trị hỗ trợ cho tỉnh Savannakhet và Salavan (Lào) 04 tỷ đồng từ nguồn vốn đầu tư NSDP; Quảng Ninh phân bổ 28,44 tỷ đồng cho các dự án thuộc khối tư pháp; Khánh Hòa 26,4 tỷ đồng (cho dự án Nhà giáo dục tâm lý và Nhà làm việc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Stung Treng/Campuchia 12,4 tỷ đồng, bổ sung KHĐTCTH cho dự án Nhà làm việc Sở chỉ huy Tiểu khu Quân sự tỉnh Stungtreng/Campuchia 14 tỷ đồng); Lâm Đồng 50 tỷ đồng (bố trí từ nguồn chi đầu tư phát triển để tặng công trình cho 2 tỉnh của Lào 50 tỷ đồng; trong năm đã phân bổ và quyết toán 48,29 tỷ đồng).

<sup>34</sup> (i) Dự án Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền) giai đoạn 1: Vốn NSTW đã dùng để chi trả cho công tác GPMB (chủ yếu chi trả cho các hộ dân) là 67,79% (733,56/1.081,97 tỷ đồng) chưa phù hợp với Quyết định số 1535/QĐ-TTg ngày 15/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu: Sử dụng vốn NSDP để thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ tư vấn ngoài phạm vi dự án giá trị 1,66 tỷ đồng.

<sup>35</sup> Tỉnh Thừa Thiên Huế thiếu 612,25 tỷ đồng; Quảng Bình thiếu phần vốn đối ứng ODA 20,6 tỷ đồng; Bình Định thiếu 37,2 tỷ đồng; Bắc Giang thiếu 82,65 tỷ đồng (Sở KH&ĐT, huyện Lạng Giang); Quảng Ninh thiếu 312,87 tỷ đồng (TP Cẩm Phả); Ninh Thuận thiếu 29,78 tỷ đồng (huyện Ninh Hải); Phú Yên thiếu 192,52 tỷ đồng; Khánh Hòa thiếu 39,36 tỷ đồng; Lâm Đồng thiếu 12,10 tỷ đồng; Ninh Bình thiếu 116,97 tỷ đồng (TP Ninh Bình 108 tỷ đồng, huyện Gia Viễn 8,37 tỷ đồng); Nam Định thiếu 212,07 tỷ đồng; Kon Tum thiếu 83,62 tỷ đồng; Đắk Nông thiếu 234,83 tỷ đồng; Bắc Kạn (05 dự án bố trí KHV chưa phù hợp với tiến độ được phê duyệt tại CTĐT); Đồng Tháp chưa ưu tiên bố trí vốn cho 48 dự án thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo chuyển tiếp dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; Bộ TN&MT (Dự án xây dựng kho lưu trữ bảo quản tập trung toàn bộ tài liệu nguyên thủy địa chất, khoáng sản thiếu 6,4 tỷ đồng); Bộ VHTT&DL (Dự án Nhà hát Ca, Múa, Nhạc dân gian Việt Bắc KHV 07 tỷ đồng nhưng Bộ VHTT&DL không giao vốn cho dự án).

nguồn vốn dự kiến<sup>36</sup>; chưa sát thực tế phải hủy<sup>37</sup>, điều chỉnh KHV<sup>38</sup>; chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên<sup>39</sup>, không đủ điều kiện<sup>40</sup>; bố trí vốn cho một số dự án vượt thời gian quy định<sup>41</sup>; chưa ưu tiên bố trí xử lý dứt điểm nợ đọng xây dựng cơ bản (XD CB)<sup>42</sup>; bố trí vốn cho dự án khởi công mới khi chưa có chủ trương đầu tư (CTĐT)<sup>43</sup>, chưa có quyết định đầu tư<sup>44</sup> hoặc ngoài quy hoạch sử dụng đất<sup>45</sup>; chưa bố trí đủ vốn đối ứng<sup>46</sup> hoặc vượt kế hoạch đầu tư công trung hạn (KHĐTCTH)<sup>47</sup>; bố trí cho dự án chưa được bổ sung vào KHĐTCTH<sup>48</sup>; bố trí vốn điều lệ cho các Quỹ tài chính ngoài ngân sách không có trong KHĐTCTH<sup>49</sup>; điều chỉnh, bổ sung KHV chậm<sup>50</sup>, nhiều lần<sup>51</sup>, không đúng mục tiêu<sup>52</sup>, chưa báo cáo HĐND<sup>53</sup>, vượt giá trị quyết toán được duyệt<sup>54</sup>, không đúng thẩm quyền<sup>55</sup>;

<sup>36</sup> Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang: Số vốn năm 2023, 2024 chưa đảm bảo cơ cấu nguồn vốn dự kiến theo Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 25/8/2022 của HĐND tỉnh Hà Giang phê duyệt điều chỉnh CTĐT dự án.

<sup>37</sup> TP Đà Nẵng, Hồ Chí Minh; tỉnh Bình Định, Quảng Nam, Quảng Ninh, Lâm Đồng, Thanh Hóa.

<sup>38</sup> Tỉnh Vĩnh Phúc, Quảng Bình, Quảng Trị, Nghệ An, Bắc Giang, Ninh Thuận, Khánh Hòa.

<sup>39</sup> TP Hồ Chí Minh; tỉnh Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bắc Giang, Ninh Bình, Kon Tum, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, Cao Bằng, Vĩnh Long, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Quảng Ninh.

<sup>40</sup> TP Hà Nội 61 dự án 6.574,3 tỷ đồng.

<sup>41</sup> Tỉnh Bắc Giang 25 dự án nhóm C, Bà Rịa - Vũng Tàu 74 dự án (nhóm B, nhóm C), Điện Biên 15 dự án nhóm C, 03 dự án nhóm B; TP Cần Thơ 07 dự án; KBNN (05 dự án); Bộ TN&MT (03 dự án); TCHQ (06 dự án).

<sup>42</sup> Tỉnh Hà Nam, Quảng Trị, Quảng Nam, Hải Dương, Ninh Bình.

<sup>43</sup> Tỉnh Thái Bình 01 dự án, Nam Định 06 dự án (huyện Vụ Bản).

<sup>44</sup> Ban quản lý Làng văn hóa du lịch các dân tộc Việt Nam (Quyết định số 321/QĐ-LVHDL ngày 27/12/2022) giao 9,10 tỷ đồng cho Dự án Trung tâm quản lý điều hành văn phòng, đến 19/8/2024 mới phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 225/QĐ-LVHDL; UBND (Quyết định số 1003/QĐ-UBND ngày 28/12/2022) giao 23,15 tỷ đồng cho Dự án đầu tư xây dựng Học viện Dân tộc, đến hết năm 2023 chưa được phê duyệt dự án đầu tư; TP Đà Nẵng 03 dự án (91,60 tỷ đồng); tỉnh Bình Định 127 dự án (213,39 tỷ đồng), Quảng Nam 85 dự án (233,47 tỷ đồng), Thái Bình 03 dự án (160 tỷ đồng), Ninh Bình 62 dự án (419,50 tỷ đồng), Nam Định 01 dự án, Đắk Nông 22 dự án, Đồng Tháp 59,5 tỷ đồng, Vĩnh Long 2,47 tỷ đồng.

<sup>45</sup> Tỉnh Bắc Kạn (11 công trình cấp xã quản lý thuộc 03 CTMTQG được ghi KHV nhưng không nằm trong quy hoạch sử dụng đất giai đoạn 2021-2030 của huyện Ba Bể).

<sup>46</sup> Tỉnh Thừa Thiên Huế 6,81 tỷ đồng (CTMTQG xây dựng NTM), Quảng Ngãi 562,96 tỷ đồng, Bắc Giang 48,98 tỷ đồng (03 dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển KT-XH, trong năm 2024 đã bố trí đủ), Ninh Thuận 84,59 tỷ đồng (03 Chương trình MTQG), Phú Yên 10,02 tỷ đồng (Chương trình MTQG xây dựng NTM), Lâm Đồng 22,59 tỷ đồng (03 Chương trình MTQG), Nam Định 1,35 tỷ đồng (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững), Đắk Nông 47,86 tỷ đồng (Chương trình MTQG), Cao Bằng 9,94 tỷ đồng (Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững), Vĩnh Long (chưa đảm bảo mức tối thiểu bằng 15% tổng NSTW hỗ trợ).

<sup>47</sup> Tỉnh Long An 05 dự án, Trà Vinh 1,45 tỷ đồng.

<sup>48</sup> Một số dự án tại tỉnh Quảng Bình, Bình Định, Quảng Nam, Thái Bình, Kon Tum, Tiền Giang, Trà Vinh, Bạc Liêu.

<sup>49</sup> Tỉnh Hà Tĩnh 07 tỷ đồng (Quỹ Hỗ trợ Nông dân tỉnh 02 tỷ đồng, Quỹ hỗ trợ phát triển Hợp tác xã tỉnh 5 tỷ đồng), Bắc Giang 100 tỷ đồng (Quỹ đầu tư phát triển tỉnh).

<sup>50</sup> TP Hà Nội (quận Tây Hồ; huyện Phú Xuyên, Thanh Oai), Đà Nẵng; tỉnh Hà Nam, Quảng Bình, Quảng Trị, Bình Định, Quảng Nam, Bắc Giang, Ninh Thuận, Khánh Hòa, Nam Định, Đắk Nông (huyện Cư Jút), Tiền Giang, Bắc Kạn, Vĩnh Long, Hà Giang.

<sup>51</sup> Hội Nông dân Việt Nam điều chỉnh 02 lần; tỉnh Hòa Bình 05 lần, Hậu Giang 05 lần.

<sup>52</sup> Tỉnh Bình Định: Điều chỉnh KHV Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) 1,2 tỷ đồng (thuộc nguồn vốn vay của Ngân hàng Phát triển châu Á) bổ sung vốn cho Dự án Làng Hòa bình Việt Nam - Hàn Quốc (KVPVP) (thuộc nguồn viện trợ không hoàn lại của Cơ quan hợp tác Quốc tế Hàn Quốc và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam) không đúng mục tiêu sử dụng nguồn vốn.

<sup>53</sup> Tỉnh Quảng Nam, Bắc Giang, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp.

<sup>54</sup> Tỉnh Bắc Kạn 12 dự án.

<sup>55</sup> Tỉnh Hà Giang (UBND tỉnh điều chỉnh KHV vốn NSDP chưa đúng khoản 7 Điều 67 Luật Đầu tư công).

ứng trước KHV chưa đúng quy định<sup>56</sup>, chưa báo cáo HĐND<sup>57</sup>; chi trả nợ gốc<sup>58</sup> và thanh toán<sup>59</sup> cho các dự án chưa phù hợp quy định; còn đơn vị đề xuất trả lại KHV vốn đã giao<sup>60</sup>.

(4) Chính phủ báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH)<sup>61</sup> về việc phân bổ, điều chỉnh KHV NSTW năm 2023 giữa các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa kịp thời, dẫn đến không được xem xét, thông qua<sup>62</sup>. Đến ngày 31/01/2024, số vốn còn lại chưa phân bổ chi tiết phải hủy 19.326,09 tỷ đồng<sup>63</sup>, trong đó: NSTW 7.222,39 tỷ đồng của 17 bộ, cơ quan trung ương và 23 địa phương; NSĐP 12.103,70 tỷ đồng của 16 địa phương.

(5) KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025: Lập KHĐTCTH đầu kỳ giai đoạn 2021-2025 của một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương còn hạn chế, phải điều chỉnh tăng<sup>64</sup>, giảm<sup>65</sup> để đưa vào dự phòng của KHĐTCTH vốn NSTW giai đoạn 2021-2025; lập chưa đúng đối tượng<sup>66</sup>, chưa đủ điều kiện<sup>67</sup>, chưa đúng Nghị quyết của HĐND<sup>68</sup>, chưa bố trí vốn để trả nợ đọng XDCB<sup>69</sup>; chưa đảm bảo tỷ lệ tối thiểu theo lĩnh vực<sup>70</sup>; bố trí vốn thấp hơn<sup>71</sup> hoặc vượt<sup>72</sup> tổng mức đầu tư (TMĐT) được duyệt, vượt thời gian quy định<sup>73</sup> hoặc chưa có danh mục dự án<sup>74</sup>

<sup>56</sup> Tỉnh Thừa Thiên Huế, Kon Tum, Đồng Tháp: Chưa thu hồi hết KHV ứng trước của NSĐP nhưng vẫn tiếp tục ứng trước KHV năm sau.

<sup>57</sup> Tỉnh Bến Tre (UBND tỉnh chưa báo cáo Thường trực HĐND, HĐND định kỳ 6 tháng tại kỳ họp gần nhất đối với việc quyết định ứng trước ngân sách năm theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 37 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP).

<sup>58</sup> Tỉnh Bến Tre 29,19 tỷ đồng.

<sup>59</sup> Tỉnh Bến Tre 10,31 tỷ đồng, Trà Vinh 29 tỷ đồng.

<sup>60</sup> Liên minh HTX Việt Nam xin trả lại 98,02/170,5 tỷ đồng (chiếm 57,5% tổng KHV được giao năm 2023).

<sup>61</sup> Tờ trình số 614/TTr-CP ngày 01/11/2023 của Chính phủ.

<sup>62</sup> Tại Thông báo số 3137/TB-TTKQH ngày 22/11/2023 của Tổng thư ký Quốc hội về thông báo ý kiến của UBTVQH “do thời gian Chính phủ trình muộn, không đảm bảo thời gian trình UBTVQH tại phiên họp tháng 11 và báo cáo Quốc hội tại Kỳ họp thứ 6 của Quốc hội khóa XV...”. Đồng thời, UBTVQH đã yêu cầu Chính phủ chỉ đạo rút kinh nghiệm của bộ, ngành, tổ chức và các cá nhân có liên quan trong việc đề xuất, báo cáo chậm.

<sup>63</sup> Báo cáo số 2446/BC-BKHĐT ngày 02/4/2024 của Bộ KH&ĐT.

<sup>64</sup> Tại Quyết định số 215/QĐ-TTg ngày 12/3/2023: Tòa án nhân dân tối cao; Bộ GTVT; các tỉnh Tuyên Quang, Yên Bái, Lạng Sơn...

<sup>65</sup> Quyết định số 888/QĐ-TTg ngày 24/7/2023: Bộ NN&PTNT (cũ); Bộ TN&MT (cũ); tỉnh Lạng Sơn, Ninh Thuận...

<sup>66</sup> Tỉnh Bình Thuận: Bố trí 40 tỷ đồng cho dự án Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân tỉnh; tỉnh Quảng Ninh: Bố trí 168,46 tỷ đồng cho các dự án thuộc khối tư pháp (Tòa án, Viện kiểm sát).

<sup>67</sup> (i) Một số dự án chưa phê duyệt chủ trương đầu tư tại các tỉnh: Thừa Thiên Huế 06 dự án, Bình Định 165 dự án, Quảng Nam 03 dự án, Nam Định 10 dự án, Đắk Nông 03 dự án, Trà Vinh, Thanh Hóa (TP. Thanh Hóa 70 dự án); (ii) Một số dự án không bảo đảm thời gian bố trí vốn: Bình Thuận (03 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016-2020 sang giai đoạn 2021-2025).

<sup>68</sup> Tỉnh Bắc Giang: 07 dự án chuyển tiếp đến thời điểm 31/12/2023 đã bố trí vượt 90% TMĐT đối với dự án nhóm C, 85% TMĐT đối với dự án nhóm B (Nghị quyết HĐND quy định nguyên tắc bố trí 90% TMĐT đối với dự án nhóm C, 85% TMĐT đối với nhóm B đã nêu tại Biểu danh mục kèm theo Nghị quyết số 49/NQ-HĐND ngày 10/12/2021).

<sup>69</sup> Tỉnh Hà Nam 1.281,71 tỷ đồng, Tiền Giang 246,72 tỷ đồng, Tuyên Quang 462,85 tỷ đồng.

<sup>70</sup> Tỉnh Bình Thuận (Nghị quyết số 53/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND phân bổ nguồn XSKT 44% chưa đảm bảo tỷ lệ tối thiểu 60% đầu tư cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và y tế).

<sup>71</sup> Tỉnh Bình Định 2.673,75 tỷ đồng (18 dự án), Quảng Ngãi 528,14 tỷ đồng (12 dự án), Kon Tum 402,29 tỷ đồng, Đắk Nông 109,16 tỷ đồng (25 dự án), Bình Thuận 04 dự án.

<sup>72</sup> Tỉnh Phú Yên 03 dự án 7,23 tỷ đồng (huyện Sơn Hòa); TP Cần Thơ: 09 dự án 27,27 tỷ đồng; Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu 1,54 tỷ đồng.

<sup>73</sup> Tỉnh Bình Định 07 dự án bố trí vốn quá thời gian quy định (nhóm B trên 04 năm và nhóm C trên 03 năm).

<sup>74</sup> TP Đà Nẵng; tỉnh Quảng Trị (vốn đối ứng ODA), Quảng Ninh.

và mức vốn bố trí<sup>75</sup>; điều chỉnh KHĐTCTH khi chưa báo cáo HĐND<sup>76</sup>; chưa kịp thời điều chỉnh KHĐTCTH theo quy định<sup>77</sup>.

(6) Công tác quản lý, sử dụng vốn ODA tại một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương chưa hiệu quả. Qua đối chiếu báo cáo giải ngân 13 tháng năm 2023 cho thấy: (i) Một số bộ, địa phương chưa giao chi tiết KHV cho các dự án chiếm tỷ trọng lớn so với tổng số KHV được giao<sup>78</sup>; (ii) Nhiều dự án được phân bổ song tỷ lệ giải ngân thấp, thậm chí có bộ, địa phương 100% dự án được phân bổ nhưng không giải ngân được vốn<sup>79</sup>. Ngoài ra, tại Báo cáo của Chính phủ<sup>80</sup> cũng nêu “tình trạng đề xuất điều chỉnh giảm KHV tiếp tục có xu hướng tăng nhất là vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài. Việc trả lại kế hoạch sẽ gây ra một số hệ lụy và tạo áp lực rất lớn cho việc bố trí vốn kế hoạch năm sau... Một số trường hợp phát sinh thêm phí cam kết làm tăng chi phí, kéo dài thời gian thực hiện, gây lãng phí nguồn lực, giảm hiệu quả sử dụng vốn vay”.

### 1.2.2. Dự toán chi thường xuyên

#### (1) Công tác lập dự toán

- BTC ban hành hướng dẫn xây dựng dự toán NSNN năm 2023, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2023-2025 chậm<sup>81</sup>; không ban hành thông báo số kiểm tra dự toán thu, chi ngân sách năm 2023 cho các địa phương và các tổ chức chính trị xã hội, nghề nghiệp trước khi lập dự toán NSNN theo quy định tại khoản 8 Điều 41 Luật NSNN.

- Lập dự toán chưa phù hợp quy định<sup>82</sup>, như: Chưa tính giảm tối thiểu 2-3% chi hỗ trợ trực tiếp từ NSNN<sup>83</sup>; chưa lập dự toán chi tạo nguồn cải cách tiền lương (CCTL) từ tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên NSNN và một phần thu sự nghiệp<sup>84</sup>; xác định dự toán chi quản lý hành chính chưa đầy đủ hoặc chưa thuyết minh việc tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán

<sup>75</sup> TP Đà Nẵng; tỉnh Quảng Ninh.

<sup>76</sup> Tỉnh Bắc Giang: 11 Văn bản về điều chỉnh, bổ sung, phân bổ chi tiết KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025.

<sup>77</sup> Tỉnh Kon Tum: Giai đoạn 2021-2023 nguồn thu sử dụng đất qua các năm của TP Kon Tum đều hụt thu lớn (dự toán năm 2021 giao 178,64 tỷ đồng, thực hiện 135,68 tỷ đồng; dự toán năm 2022 giao 387,20 tỷ đồng, thực hiện 137,96 tỷ đồng; dự toán năm 2023 giao 283,59 tỷ đồng, thực hiện 49,34 tỷ đồng).

<sup>78</sup> Bộ Công Thương 50% (81,048/162,248 tỷ đồng); TP Cần Thơ 47% (359,635/764,55 tỷ đồng); tỉnh Lào Cai 33,1% (91,052/275,05 tỷ đồng), Quảng Ninh 93,73% (687,05/733,037 tỷ đồng), Đắk Nông 52,76% (66,329/125,73 tỷ đồng)....

<sup>79</sup> Bộ Công Thương 81,2 tỷ đồng; tỉnh Tuyên Quang 7,3 tỷ đồng, Lâm Đồng 150 tỷ đồng, Trà Vinh 103,293 tỷ đồng, Kiên Giang 30 tỷ đồng.

<sup>80</sup> Báo cáo số 570/BC-CP ngày 19/10/2023 về đánh giá giữa kỳ tình hình thực hiện KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025.

<sup>81</sup> Quy định tại điểm a khoản 3 Điều 22 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ trước 01/6/2022 nhưng ngày 29/7/2022 BTC mới ban hành Thông tư số 47/2022/TT-BTC hướng dẫn.

<sup>82</sup> Thông tư số 47/2022/TT-BTC.

<sup>83</sup> Bộ Nội vụ (Ban Tôn giáo Chính phủ, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước); Bộ Xây dựng (Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội); Bộ VHTT&DL; Bộ GD&ĐT; Viện HLKHXHVN.

<sup>84</sup> Bộ Xây dựng (Trường ĐH Kiến trúc TP.HCM; Trường ĐH Kiến trúc Hà Nội); Bộ Y tế; Bộ TN&MT (Văn phòng Bộ).

năm 2022<sup>85</sup>; chưa đầy đủ các nguồn kinh phí<sup>86</sup>, đầy đủ nội dung<sup>87</sup>; lập dự toán kinh phí đề tài khi chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt<sup>88</sup>; chưa phù hợp<sup>89</sup>, vượt quy định<sup>90</sup>; chưa thực hiện đầy đủ quy định về đảm bảo triệt để tiết kiệm ngay từ khâu lập dự toán<sup>91</sup>; chưa lập dự toán chi tạo nguồn CCTL<sup>92</sup>; lập chưa đủ căn cứ<sup>93</sup>, chưa thuyết minh đầy đủ cơ sở lập<sup>94</sup>; lập chậm<sup>95</sup>; chưa sát thực tế phải

<sup>85</sup> Bộ VHTT&DL; Bộ GD&ĐT.

<sup>86</sup> (i) Bộ Nội vụ: Chưa lập dự toán đối với nguồn viện trợ không hoàn lại (Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước); không lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ (Viện Nghiên cứu Khoa học hành chính trực thuộc Học viện HCQG); (ii) Bộ TN&MT: Lập dự toán chi CTMTQG không bao gồm CTMTQG xây dựng NTM; (iii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Không lập dự toán chi sự nghiệp đảm bảo xã hội nhưng trong năm 2023 được giao 01 tỷ đồng và không lập dự toán chi CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, trong năm 2023 được giao 10,36 tỷ đồng; (iv) Viện HLKHCNVN: Một số đơn vị không lập dự toán thu, chi hoạt động sự nghiệp.

<sup>87</sup> (i) Bộ Nội vụ: Lập dự toán kinh phí tăng cường cơ sở vật chất chưa đầy đủ hồ sơ thuyết minh theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 (Học viện HCQG); (ii) Bộ Y tế: Chưa đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ chi thường xuyên năm 2022 theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 47/2022/TT-BTC như tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập; (iii) Tổng cục Hải quan: Cục Hải quan TP Hà Nội chưa thuyết minh xây dựng dự toán chi quản lý hành chính (nguồn kinh phí tự chủ) từ nguồn thu phí hải quan được để lại; (iv) Tổng LĐLĐVN: Xây dựng dự toán chưa xác định mức độ tự chủ của các đơn vị trực thuộc; (v) TTCP: Xây dựng dự toán thiếu nội dung đánh giá tình hình thực hiện chính sách tiền lương và tạo nguồn CCTL theo quy định; (vi) ĐHQGHN: Lập dự toán chưa đánh giá tình hình tinh giản biên chế, đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy, thực hiện đổi mới khu vực sự nghiệp công lập.

<sup>88</sup> (i) Bộ GD&ĐT: Lập dự toán kinh phí đối với đề tài, nhiệm vụ chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt; (ii) ĐHQGHN: Lập dự toán kinh phí năm 2023 bao gồm các nhiệm vụ mà tại thời điểm lập dự toán chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt danh mục (gồm: Các nhiệm vụ đặc thù thuộc kinh phí sự nghiệp giáo dục, đào tạo 277,11 tỷ đồng; 09 nhiệm vụ mở mới thuộc kinh phí sự nghiệp môi trường 21,15 tỷ đồng); (iii) Bộ VHTT&DL: Lập dự toán kinh phí KHCN một số nhiệm vụ chưa được thẩm định nội dung và kinh phí của cấp có thẩm quyền; (iv) BTC: Lập dự toán của BTC (cấp I) khi chưa có nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo điểm c Điều 42 Luật NSNN năm 2015 như: Nhiệm vụ công nghệ thông tin toàn ngành khi chưa được phê duyệt nhiệm vụ thực hiện số tiền 254,78 tỷ đồng, sự nghiệp KHCN, nhiệm vụ khác của Cục KHTC.

<sup>89</sup> (i) KBNN: Lập dự toán phụ cấp chức vụ cho lãnh đạo là phó trưởng phòng hệ số 0,4 không phù hợp quy định tại mục 5 (Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo) Nghị định số 204/2004/NĐ-CP (hệ số là 0,3); Cục CNTT lập dự toán Quỹ lương ngạch bậc, các khoản phụ cấp theo lương và các khoản đóng góp theo lương còn bao gồm các nội dung không có trong quy định; (ii) Bộ Nội vụ: Lập dự toán thực hiện nhiệm vụ “Chuyển đổi số của Bộ giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 để nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành của Bộ - giai đoạn 2” 164 tỷ đồng từ nguồn chi thường xuyên chưa phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 47/2022/TT-BTC; (iii) Bộ TN&MT: Lập dự toán tiền lương bao gồm kinh phí dự kiến tăng lương thường xuyên năm 2023 chưa phù hợp với quy định tại điểm đ khoản 4 Điều 14 Thông tư số 47/2022/TT-BTC (Cục Quy hoạch và Phát triển tài nguyên đất; Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam); (iv) Viện KSNDTC: Một số Viện KSND tỉnh khi lập dự toán chưa giảm trừ quỹ lương của số biên chế nghỉ hưu năm 2023 theo quy định tại Hướng dẫn số 29/HD-VKSTC ngày 30/5/2022 của VKSNDTC; (v) Tổng cục Thuế: Lập dự toán chi phụ cấp Đảng ủy viên và Hội cựu chiến binh từ Quỹ lương không phù hợp điểm c khoản 1 Điều 1 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg (Cục Thuế: Ninh Bình, Hải Phòng).

<sup>90</sup> (i) Tổng cục Thuế: Lập dự toán chi quản lý hành chính vượt định mức biên chế; (ii) Trung ương Hội LHPNVN: Lập dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KHCN của Văn phòng Trung ương Hội 0,25 tỷ đồng, vượt 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng NSNN (3 tỷ đồng) theo quy định tại khoản 8 Điều 7 Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN; (iii) Viện HLKHCNVN: Lập dự toán chi thường xuyên cao hơn mức độ được giao tự chủ.

<sup>91</sup> Bộ VHTT&DL lập dự toán hội nghị hội thảo, công tác nước ngoài năm 2023 là 32,24 tỷ đồng, tăng 8,9% so với thực hiện năm 2022, lập dự toán mua sắm xe ô tô công 78,49 tỷ đồng nhưng trong năm Bộ không bố trí dự toán mua sắm xe ô tô công.

<sup>92</sup> Bộ VHTT&DL; ĐHQGHN; Bộ LĐTB&XH.

<sup>93</sup> (i) Bộ Y tế: Lập dự toán chi quản lý hành chính đối với các đơn vị có nguồn thu phí, lệ phí được để lại chưa phân định số chi NSNN phải hỗ trợ và số chi do nguồn phí, lệ phí đảm bảo; dự toán chi sự nghiệp KHCN lập gửi BTC chênh lệch cao hơn 15 tỷ đồng so với kế hoạch và dự toán ngân sách KHCN năm 2023 gửi Bộ KH&CN; (ii) ĐHQGHN: Lập dự toán kinh phí sự nghiệp KHCN bao gồm các chương trình, nhiệm vụ đã hết giai đoạn thực hiện 59 tỷ đồng; (iii) Bộ Xây dựng: Chưa lưu đầy đủ cơ sở lập dự toán theo quy định tại Điều 12 Thông tư

điều chỉnh hoặc hủy dự toán<sup>96</sup>; lập Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm (2023-2025) chưa có thuyết minh cụ thể nhu cầu kinh phí cho từng năm, chưa xây dựng chi tiết<sup>97</sup>.

(2) Công tác giao, phân bổ dự toán

- Thủ tướng Chính phủ giao dự toán cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chậm<sup>98</sup>.

- BTC tham mưu Chính phủ trình và được Quốc hội quyết định dự toán NSTW năm 2023 “Chi hỗ trợ các địa phương thực hiện chế độ, chính sách mới và thực hiện các nhiệm vụ khác của NSTW”, trong đó chi thường xuyên (không bao gồm CTMTQG) số tiền 57.847,98 tỷ đồng chưa sát thực tế, kết thúc niên độ còn 37.895,5 tỷ đồng không phân bổ, chiếm 65,5% và phải hủy.

- Xác định chỉ tiêu “Tổng chi NSDP” khi xây dựng số bổ sung cân đối đầu thời kỳ ổn định (năm 2023) của NSTW cho NSDP bao gồm chi Quỹ dự trữ tài chính 55,39 tỷ đồng, chưa phù hợp quy định<sup>99</sup>, ngoài ra số kinh phí bổ sung cho các địa phương từ 1-1,5 tỷ đồng nhưng không rõ tiêu chí.

- Dự toán NSTW bổ sung cho địa phương để thực hiện các chính sách, chế độ mới về an sinh - xã hội do điều chỉnh chuẩn nghèo và các chính sách phát sinh mới sau thời điểm 01/9/2021 số tiền 8.430 tỷ đồng theo hình thức bổ sung

số 47/2022/TT-BTC (Viện KHCN Xây dựng; Trường ĐHKHT Hà Nội); (iv) Bộ KH&CN: Dự toán chi sự nghiệp KH&CN chưa căn cứ vào tình hình, tiến độ và khả năng triển khai thực hiện của một số đề tài, nhiệm vụ; (v) Bộ LĐTB&XH: Lập dự toán chi thường xuyên chưa đánh giá riêng tình hình thực hiện chính sách tiền lương và tạo nguồn CCTL năm 2022; chưa lập dự toán chi tạo nguồn CCTL; chưa thực hiện thông báo số kiểm tra dự toán chi NSNN năm 2023 cho các đơn vị trực thuộc theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của BTC.

<sup>94</sup> (i) Bộ Y tế: Một số bệnh viện lập dự toán chưa thuyết minh đầy đủ cơ sở tính toán chi tiết đối với một số nhiệm vụ chi từ kinh phí thường xuyên không tự chủ; (ii) Bộ TN&MT: Một số nhiệm vụ KHCN mở mới không kèm theo thuyết minh cơ sở pháp lý; (iii) Bộ VHTT&DL: Lập dự toán đoàn ra, đoàn vào, mua xe ô tô, mua sắm xây dựng cơ sở dữ liệu, ứng dụng phần mềm CNTT chưa thuyết minh đầy đủ cơ sở; lập dự toán CTMTQG chưa thuyết minh chi tiết nhiệm vụ chi; (iv) TCHQ: Cục HQ Hải Phòng chưa thuyết minh chi tiết cơ sở dự toán thu phí hải quan; (v) Bộ LĐTB&XH: Lập dự toán mua sắm 28,27 tỷ đồng chưa thuyết minh quyết định phê duyệt nhiệm vụ, thuyết minh kinh phí, rà soát định mức tài sản; lập dự toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản, công trình 44,02 tỷ đồng chưa có thuyết minh; (vi) Bộ KH&CN: Lập dự toán chi từ nguồn phí được khấu trừ để lại chưa thuyết minh chi tiết các nội dung chi; (vii) Viện HLKHCNVN: Một số đơn vị lập dự toán cho dự án tăng cường trang thiết bị nghiên cứu khoa học từ nguồn kinh phí NSNN cấp nhưng chưa thuyết minh đầy đủ của các nhiệm vụ sửa chữa cơ sở vật chất; (viii) Bộ Nội vụ: Lập dự toán chưa thuyết minh chi tiết cơ sở pháp lý.

<sup>95</sup> Bộ Xây dựng, TN&MT, TT&TT, Công Thương; VKSNDTC; Tổng cục Thuế; Đài TNVN; VPCP; VPQH.

<sup>96</sup> Một số nhiệm vụ của KBNN; Bộ Y tế; VKSNDTC; Tổng cục Thuế; Tổng cục Hải quan; Viện HLKHXHVN; Bộ LĐTB&XH.

<sup>97</sup> (i) KBNN: Chưa có thuyết minh cụ thể nhu cầu kinh phí thực hiện cơ chế, chính sách, nhiệm vụ được giao từng năm của giai đoạn và căn cứ tính toán theo quy định (KBNN Thái Bình, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Vĩnh Phúc, Phú Yên, Ninh Thuận); (ii) Bộ Xây dựng: Chưa xây dựng chi tiết kế hoạch tài chính ngân sách 03 năm 2023-2025 (Viện KHCN Xây dựng).

<sup>98</sup> Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 về dự toán NSNN năm 2023 (theo quy định tại Điều 44 Luật NSNN là trước ngày 20/11/2022).

<sup>99</sup> Điểm b khoản 1 Điều 8 Thông tư số 342/2016/TT-BTC “Tổng số chi ngân sách địa phương được xác định căn cứ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước theo nghị quyết của UBTVQH (gồm chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên) cho năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách” và Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH ngày 01/9/2021 của UBTVQH quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên NSNN năm 2022 không quy định chi Quỹ dự trữ tài chính.

cân đối là không phù hợp quy định tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều 3 Quyết định số 127/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, dẫn tới kinh phí thừa cuối năm các địa phương không phải nộp trả NSTW theo quy định.

- Bổ sung dự toán chi NSNN năm 2023 cho Bộ Quốc phòng<sup>100</sup> để thực hiện điều chỉnh mức lương cơ sở theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP chưa giảm trừ nguồn tiết kiệm chi thường xuyên tăng thêm 15 tỷ đồng theo quy định<sup>101</sup>.

(3) Qua kiểm toán tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương cho thấy:

- Một số bộ, cơ quan trung ương phân bổ và giao dự toán khi chưa xây dựng định mức<sup>102</sup>, ngoài định mức<sup>103</sup>, chưa được phê duyệt chủ trương, chi tiết nhiệm vụ<sup>104</sup>, chưa được nhà nước đặt hàng<sup>105</sup>, chưa có nhiệm vụ chi tiết<sup>106</sup>, không đúng quy định<sup>107</sup>; giao không chi tiết nội dung<sup>108</sup>, giao khi phương án tự chủ chưa được phê duyệt<sup>109</sup>; xác định mức hỗ trợ NSNN đầu năm thời kỳ ổn định chưa chính xác<sup>110</sup>; giao dự toán cho cả những nhiệm vụ BTC không thống

<sup>100</sup> Quyết định số 100/QĐ-TTg ngày 02/12/2023.

<sup>101</sup> Quyết định số 1573/QĐ-TTg ngày 07/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán năm 2023 cho Bộ Quốc phòng, trong đó xác định kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên là 15 tỷ đồng.

<sup>102</sup> KBNN Phú Thọ phân bổ kinh phí thực hiện nhiệm vụ cho các huyện, thị xã chưa trên cơ sở định mức mà căn cứ vào thực tế hoạt động của các năm trước.

<sup>103</sup> Bộ Nội vụ: Phân bổ dự toán tiền lương lao động hợp đồng ngoài định mức quản lý hành chính chưa phù hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg.

<sup>104</sup> (i) Bộ Nội vụ: Phân bổ dự toán khi chưa có quyết định phê duyệt chủ trương, giao nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; (ii) Bộ Y tế: Phân bổ kinh phí chỉ đạo tuyến, đề án 1816, dự án khám chữa bệnh từ xa khi chưa được phê duyệt chi tiết nhiệm vụ là chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư số 78/2022/TT-BTC; (iii) Bộ LĐTB&XH: Giao dự toán chưa đảm bảo quy định, chưa đầy đủ thuyết minh, cơ sở phân bổ dự toán, phương án phân bổ lần đầu chưa có quyết định giao nhiệm vụ của cơ quan có thẩm quyền.

<sup>105</sup> Bộ Y tế: Phân bổ dự toán kinh phí thực hiện chính sách miễn học phí cho người học chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Pháp y nhưng chưa được Nhà nước đặt hàng theo quy định tại khoản 14 Điều 15 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP 18,44 tỷ đồng.

<sup>106</sup> Bộ Y tế: Giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc làm chủ dự án ODA chưa chi tiết từng dự án theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 3 Thông tư số 78/2022/TT-BTC.

<sup>107</sup> (i) Bộ VH TT & DL: Phân bổ dự toán kinh phí không thường xuyên một số nội dung chi đã có trong định mức phân bổ dự toán chi quản lý nhà nước theo tiêu chí biên chế quy định tại Quyết định số 30/2021/QĐ-TTg; phân bổ dự toán đoàn vào, đoàn ra, nhiệm vụ không thường xuyên khác, kinh phí thực hiện giao nhiệm vụ dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn khi chưa có đầy đủ thuyết minh chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi; phân bổ kinh phí giao nhiệm vụ thực hiện dịch vụ sự nghiệp công cho một số đơn vị chưa được giao quyền tự chủ tài chính chưa đúng quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP; phân bổ dự toán CTMTQG ngày 30/12/2022 trước khi phê duyệt nhiệm vụ triển khai thực hiện các CTMTQG; phân bổ dự toán kinh phí hoạt động cho Quỹ hỗ trợ phát triển du lịch 51,28 tỷ đồng chưa tính đến khả năng thực hiện dẫn đến kinh phí quyết toán năm 2023 đạt thấp (16,04 tỷ đồng) và cuối năm hủy dự toán 35,24 tỷ đồng; (ii) Bộ Y tế: Phê duyệt và phân bổ kinh phí cho một số nhiệm vụ thuộc Tiểu dự án 2 Dự án 3 CTMTQG giảm nghèo bền vững không thuộc nội dung chi theo quy định tại Điều 15 Thông tư số 46/2022/TT-BTC 2,43 tỷ đồng.

<sup>108</sup> (i) TCHQ phân bổ dự toán chi kinh phí không thực hiện tự chủ từ nguồn phí hải quan được để lại cho các đơn vị không chi tiết nội dung chi theo quy định 104,7 tỷ đồng; (ii) BTC: Phân bổ kinh phí khi chưa có nhiệm vụ chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cụ thể: Phân bổ dự toán cho Cục KHTC tại Quyết định số 2859/QĐ-BTC ngày 29/12/2023 số tiền 9,08 tỷ đồng trong khi chưa có nhiệm vụ chi tiết được cấp có thẩm quyền phê duyệt dẫn đến trong năm hủy số dự toán số tiền 6,12 tỷ đồng, hủy số dự kinh phí sự nghiệp KHCN 5,34 tỷ đồng.

<sup>109</sup> Trung ương Hội LHPNVN.

<sup>110</sup> (i) Bộ KH&CN: Phân bổ dự toán chi thường xuyên cho Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo cao hơn 0,99 tỷ đồng so với mức tự chủ được quy định; (ii) Bộ GD&ĐT: Xác định mức hỗ trợ NSNN năm đầu thời kỳ ổn định chưa chính xác 8,08 tỷ đồng.

nhất<sup>111</sup>, giao chậm<sup>112</sup>, chưa sát thực tế<sup>113</sup>; giao khi chưa có thuyết minh cơ sở và tỷ lệ phân bổ, chưa có quyết định phê duyệt<sup>114</sup>, chưa có kế hoạch thực hiện, chưa chi tiết nhiệm vụ<sup>115</sup>; thậm chí chưa giao phải hủy dự toán<sup>116</sup>.

- Một số địa phương, đơn vị giao dự toán chậm<sup>117</sup>; 16/56 địa phương chưa phân bổ và giao dự toán hết ngay từ đầu năm 8.307,8 tỷ đồng<sup>118</sup>; giao dự toán cho các đơn vị trực thuộc giữ lại chưa đủ 10% tiết kiệm chi thường xuyên để tạo nguồn CCTL<sup>119</sup>; 18/56 địa phương<sup>120</sup> chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đủ việc tiết kiệm thêm bình quân 10% chi thường xuyên NSNN so với dự toán năm 2022 của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước để dành nguồn tăng chi đầu tư phát

<sup>111</sup> (i) Bộ KH&ĐT: BTC thẩm định phân bổ dự toán lần 01 tại Văn bản số 550/BTC-HCSN ngày 16/01/2023 và không thống nhất phân bổ 51,3 tỷ đồng (quỹ tiền lương biên chế), tuy nhiên Bộ KH&ĐT không điều chỉnh dự toán và đã phân bổ cho các đơn vị dự toán trực thuộc; (ii) Bộ Công Thương: Phân bổ khi chưa có quyết định phê duyệt nhiệm vụ, nội dung, nhiệm vụ chi, không được BTC chấp thuận, phải hủy 5,89 tỷ đồng.

<sup>112</sup> Bộ Nội vụ; Bộ Xây dựng; Tổng cục Thuế; ĐHQGHN; Trung ương Đoàn TNCSHCM; BTC; Bộ NN&PTNT; Bộ Ngoại giao; Bộ TT&TT; Bộ Công Thương; Bộ Y tế; VPCP.

<sup>113</sup> (i) Bộ GD&ĐT: Giao dự toán kinh phí nhưng chưa kịp thời kiểm tra, rà soát dẫn đến giao thừa so với nhu cầu, không lập dự toán nhưng vẫn được giao dự toán hoặc một số nhiệm vụ không triển khai thực hiện được dẫn đến cuối năm phải hủy dự toán; (ii) Bộ KH&CN: Giao dự toán chưa sát với tình hình thực hiện các đề tài, nhiệm vụ dẫn đến số kinh phí giảm trong năm 334,89 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 14,2% so dự toán giao; (iii) Bộ NN&PTNT: Giao dự toán chưa sát do đó số dư kinh phí không sử dụng cuối kỳ hủy 765,33 tỷ đồng tương đương 15% dự toán giao trong năm; (iv) Bộ L&TB&XH: Lập, phân bổ dự toán không sát khả năng thực hiện của các đơn vị, phân bổ dự toán chưa đầy đủ cơ sở, chưa đánh giá khả năng thực hiện của năm 2022 khi lập kế hoạch thực hiện CTMTQG dẫn đến phải kéo dài thời gian thực hiện chương trình, kinh phí đã phân bổ phải đề nghị hủy dự toán 190,77 tỷ đồng (CTMTQG giảm nghèo bền vững).

<sup>114</sup> (i) ĐHQGHN: Giao kinh phí hỗ trợ chi thường xuyên cho 03 Viện 12,2 tỷ đồng chưa thuyết minh cơ sở và tỷ lệ phân bổ; (ii) Trung ương Đoàn TNCSHCM: Giao dự toán kinh phí thực hiện Đề tài KHCN 2,76 tỷ đồng chưa có quyết định phê duyệt nhiệm vụ, đề tài KHCN và chưa tính giảm 2%-3% kinh phí thường xuyên so với năm 2022 số tiền 0,06 tỷ đồng của Viện Nghiên cứu Thanh niên, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

<sup>115</sup> (i) Trung ương Đoàn TNCSHCM: Giao dự toán 1,8 tỷ đồng thực hiện Đề án “đạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân giai đoạn 2017-2025” chưa có kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT; giao dự toán thực hiện Đề án “Hỗ trợ thông tin, tuyên truyền về dân tộc, tôn giáo” 2 tỷ đồng chưa có kế hoạch thực hiện đề án và thông báo của Bộ TT&TT; (ii) Bộ Xây dựng: Giao dự toán kinh phí sự nghiệp KHCN không giao chi tiết nhiệm vụ, đề tài chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 31 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP.

<sup>116</sup> (i) Bộ GD&ĐT: Chưa phân bổ, giao dự toán kinh phí cho các đơn vị theo số kinh phí BTC giao, phải hủy dự toán 69,43 tỷ đồng; (ii) Tổng cục Thuế: Dự toán còn giữ lại phân bổ, giao sau ngày 31/12 là 33,91 tỷ đồng chưa phù hợp điểm a khoản 2 Điều 50 Luật NSNN (Cục Thuế tỉnh Nghệ An); (iii) Bộ KH&CN: Không phân bổ hết số giao dự toán của BTC số tiền 56,93 tỷ đồng cho Cục Sở hữu trí tuệ; (iv) Bộ Công Thương: Chưa phân bổ hết dự toán được giao bổ sung số tiền 6,27 tỷ đồng là kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập năm 2023.

<sup>117</sup> TP Hà Nội (quận Hà Đông); các tỉnh: Bình Định (Sở VH&TT&DL; Sở TN&MT); Đắk Nông (Sở VH&TT&DL); Thừa Thiên Huế (các huyện, TP); Phú Yên (TP Tuy Hòa, huyện Sơn Hòa); Bình Thuận; Nam Định (Sở GTVT, Sở KHCN, Sở NN&PTNT); Vĩnh Phúc; Đắk Lắk.

<sup>118</sup> Tỉnh Bắc Ninh 2.396,67 tỷ đồng; Nghệ An 1.931,08 tỷ đồng; Bình Thuận 901,46 tỷ đồng; Hà Nam 839,31 tỷ đồng; Quảng Bình 763,27 tỷ đồng; Quảng Trị 548,16 tỷ đồng; Bình Định 275,41 tỷ đồng; Quảng Nam 212,93 tỷ đồng; Ninh Thuận 136,88 tỷ đồng; Long An 128,42 tỷ đồng; Gia Lai 104,73 tỷ đồng; Phú Yên 50,17 tỷ đồng; Quảng Ngãi 9,65 tỷ đồng; Nam Định 4,2 tỷ đồng; Kon Tum 2,96 tỷ đồng; TP Hồ Chí Minh (quận 5: 2,5 tỷ đồng; quận Tân Bình, TP Thủ Đức).

<sup>119</sup> TP Hồ Chí Minh; tỉnh Quảng Nam; Quảng Bình (Sở GD&ĐT, huyện Quảng Trạch); Bà Rịa - Vũng Tàu.

<sup>120</sup> TP Hồ Chí Minh, Đà Nẵng (6,01 tỷ đồng); tỉnh Thừa Thiên Huế (8,49 tỷ đồng); Bình Định (huyện Tuy Phước 0,59 tỷ đồng; huyện Phù Cát 0,59 tỷ đồng); Bắc Giang (huyện Tân Yên, Hiệp Hòa); Kon Tum; Quảng Trị (1,18 tỷ đồng); Quảng Ngãi (các đơn vị dự toán cấp tỉnh 3,73 tỷ đồng; 12/13 huyện); Bình Dương; Quảng Nam (các đơn vị dự toán cấp tỉnh 3,20 tỷ đồng); Ninh Thuận (1,94 tỷ đồng); Đắk Nông (một số huyện, đơn vị dự toán cấp tỉnh); Hà Nam (huyện Lý Nhân 0,71 tỷ đồng); Quảng Bình (huyện Tuyên Hóa 0,23 tỷ đồng, Quảng Trạch 0,06 tỷ đồng, Ba Đồn 0,37 tỷ đồng); Gia Lai; Bình Phước; Bình Thuận; Đắk Lắk; Long An (các huyện: Châu Thành, Đức Hòa, Tân Thạnh, Thủ Thừa).

triển và các nhiệm vụ cấp bách khác thuộc trách nhiệm chi của các cấp ngân sách theo phân cấp; giao dự toán chi sự nghiệp khoa học công nghệ (KH-CN)<sup>121</sup>, sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề<sup>122</sup> thấp hơn dự toán trung ương giao; giao dự toán nhưng không có nhiệm vụ chi cụ thể<sup>123</sup>, không có trong tiêu chí, định mức phân bổ hoặc vượt định mức chi thường xuyên của HĐND tỉnh<sup>124</sup>; giao dự toán cho đơn vị thụ hưởng không tuân thủ dự toán đã được HĐND quyết nghị<sup>125</sup>; giao dự toán hỗ trợ hoạt động cho các hội chưa gắn với nhiệm vụ cụ thể được cấp có thẩm quyền giao<sup>126</sup>; chưa bố trí đủ tối thiểu 10% số thu tiền sử dụng đất cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>127</sup>; chưa lập và giao dự toán chi từ nguồn tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa<sup>128</sup>; điều chỉnh dự toán sau ngày 15/11/2023<sup>129</sup>; xác định thiếu phần kinh phí phải cắt giảm đối với các đơn vị sự nghiệp thuộc đối tượng cắt giảm theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và quy định của địa phương số tiền 10,86 tỷ đồng<sup>130</sup>.

- Bố trí dự toán chưa xem xét đến việc cắt giảm chỉ tiêu biên chế, sắp xếp lại bộ máy theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, số 19-NQ/TW<sup>131</sup>; giao kinh phí ngoài chỉ tiêu biên chế được duyệt<sup>132</sup>; giao dự toán bao gồm cả phụ cấp công vụ đối với số biên chế chưa tuyển<sup>133</sup>; giao dự toán quỹ lương cho lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP tại đơn vị sự nghiệp công lập chưa đảm bảo quy định<sup>134</sup>; 02 huyện thuộc tỉnh Bình Thuận<sup>135</sup> thực hiện hoặc đồng ý cho các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo ký hợp đồng lao động (hàng năm) đối với các vị trí

<sup>121</sup> Tỉnh Quảng Ngãi.

<sup>122</sup> Tỉnh Quảng Ninh, Đắk Lắk.

<sup>123</sup> TP Hà Nội (huyện Mê Linh); tỉnh Quảng Nam (huyện Nam Trà My, Bắc Trà My); Thừa Thiên Huế; Quảng Ninh (các đơn vị thuộc Sở NN&PTNT); Nam Định; Bình Định; Hà Nam.

<sup>124</sup> TP Hà Nội (UBND TP 3,01 tỷ đồng; huyện Phúc Thọ 2,76 tỷ đồng; quận Hà Đông 0,74 tỷ đồng); Đà Nẵng (42,86 tỷ đồng); tỉnh Bình Thuận (huyện Tân Linh 0,71 tỷ đồng; huyện Hàm Thuận Bắc 1,13 tỷ đồng); Đắk Lắk (24,15 tỷ đồng); Gia Lai (3,78 tỷ đồng); Khánh Hòa; Bình Phước; Quảng Nam (thị xã Điện Bàn).

<sup>125</sup> Tỉnh Bình Thuận; Bình Phước; Quảng Nam.

<sup>126</sup> Tỉnh Bình Định (UBND tỉnh và huyện Phù Cát); Quảng Nam (huyện Núi Thành, Bắc Trà My).

<sup>127</sup> TP Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng; tỉnh Hà Nam; Ninh Thuận; Thừa Thiên Huế; Phú Yên; Long An; Lâm Đồng; Bình Dương; Bắc Kạn; Cao Bằng; Sơn La (12/12 huyện, TP); Quảng Ninh (tỉnh và huyện Vân Đồn); Thái Bình (huyện Hưng Hà, Quỳnh Phụ); Bình Định (thị xã Hoài Nhơn).

<sup>128</sup> TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ; các tỉnh: Gia Lai; Bình Thuận; Đắk Lắk.

<sup>129</sup> TP Hà Nội (quận Hà Đông); các tỉnh: Hà Nam (huyện Lý Nhân); Quảng Nam (huyện Đại Lộc); Ninh Thuận (Văn phòng UBND tỉnh); Đắk Nông (huyện Đắk Glong, Cư Jút và Sở NN&PTNT); Bình Định; Kon Tum (huyện Ngọc Hồi); Nam Định (Sở GTVT; Sở KH&CN; Sở NN&PTNT).

<sup>130</sup> Tỉnh Vĩnh Phúc.

<sup>131</sup> Tỉnh Quảng Ninh; Đắk Lắk; Bắc Giang (huyện Tân Yên, Hiệp Hòa).

<sup>132</sup> TP Hà Nội (huyện Thanh Oai giao thừa 02 biên chế số tiền 0,12 tỷ đồng; huyện Ứng Hòa giao dự toán chi khác cho số lao động theo định mức thực tế có mặt cao hơn số lao động theo định mức được cấp có thẩm quyền giao, phê duyệt là 02 người số tiền 0,11 tỷ đồng); tỉnh Bình Định (Ban quản lý khu kinh tế tỉnh Bình Định giao kinh phí vượt 01 chỉ tiêu biên chế số tiền 0,08 tỷ đồng; Sở LĐTB&XH được cấp kinh phí vượt 95 hợp đồng lao động so với Đề án vị trí việc làm được UBND tỉnh phê duyệt 6,46 tỷ đồng); Quảng Nam (tỉnh giao cho Sở GD&ĐT vượt 1,59 tỷ đồng, Sở GD&ĐT phân bổ tiền lương cho các trường vượt định mức giáo viên/lớp 3,26 tỷ đồng; huyện Đông Giang 0,31 tỷ đồng).

<sup>133</sup> Tỉnh Phú Yên (1,86 tỷ đồng); Đắk Lắk (2,08 tỷ đồng).

<sup>134</sup> TP Hà Nội (quận Ba Đình).

<sup>135</sup> Các huyện: Hàm Thuận Bắc, Hàm Thuận Nam.

làm việc là giáo viên để tạm thời thay thế cho số giáo viên còn thiếu trong chỉ tiêu được giao năm học 2022-2023 và năm học 2023-2024 (năm tài chính 2023) là chưa phù hợp quy định.

## 2. Về chấp hành ngân sách

### 2.1. Thu ngân sách nhà nước

(1) Qua rà soát dữ liệu tờ khai hải quan phát sinh năm 2023 do TCHQ kết xuất từ hệ thống VNACCS còn tồn tại: (i) Có một số mặt hàng<sup>136</sup> theo khai báo thuộc diện không được giảm thuế GTGT (2%) theo quy định<sup>137</sup> nhưng vẫn kê khai thuế suất thuế GTGT mức 8%, KTNN tạm tính thuế GTGT chưa đúng năm 2023 tương ứng 8,63 tỷ đồng<sup>138</sup>; (ii) Đối với loại hình All tại Cục Hải quan thành phố Hà Nội (nay là Chi cục Hải quan khu vực I) và Cục Hải quan thành phố Hải Phòng (nay là Chi cục Hải quan khu vực III), qua rà soát cho thấy 5.272 dòng hàng có nhiều tên khai báo giống nhau nhưng được phân loại mã số HS khác nhau, dẫn đến thuế suất khác nhau<sup>139</sup>, không đảm bảo nguyên tắc phân loại tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 14/2015/TT-BTC<sup>140</sup>. Ngoài ra, qua kiểm toán tại địa phương còn cho thấy, Cục Hải quan Quảng Bình cùng một mặt hàng nhưng được áp vào các mã khác nhau hoặc có mặt hàng có dấu hiệu về sự mâu thuẫn giá khai báo nhưng chưa được phân tích, đánh giá để tiến hành kiểm tra sau thông quan theo quy định.

(2) Qua rà soát số liệu hoàn thuế từ hệ thống TMS do Tổng cục Thuế kết xuất cho thấy: (i) Còn 1.367 trường hợp/28.007 hồ sơ tiếp nhận năm 2023 có số ngày giải quyết hoàn thuế ghi nhận trên hệ thống kéo dài hơn 10 ngày so với số ngày quy định, chiếm tỷ lệ 4,9%<sup>141</sup>; (ii) Hoàn thuế GTGT cho người nộp thuế

<sup>136</sup> KTNN tạm xác định trên cơ sở dữ liệu tờ khai năm 2023 do TCHQ cung cấp cho một số mặt hàng gồm: Plastic nguyên sinh (503 dòng hàng); nhóm sản phẩm kim loại (3.733 dòng hàng); mỹ phẩm, chế phẩm làm đẹp (2061 dòng hàng); mực in (337 dòng hàng); nhóm sản phẩm sợi tổng hợp, nhân tạo (199 dòng hàng); phân bón, ni tơ (118 dòng hàng). TCHQ chỉ đạo kiểm tra, rà soát các tờ khai của các mặt hàng trên để xác định chính xác số thuế GTGT phải nộp cho phù hợp.

<sup>137</sup> Theo quy định tại Nghị quyết số 101/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội.

<sup>138</sup> Gồm: Plastic nguyên sinh tạm tính tăng thêm 2,45 tỷ đồng; nhóm sản phẩm kim loại 3,98 tỷ đồng; mỹ phẩm, chế phẩm làm đẹp 0,15 tỷ đồng; mực in 0,46 tỷ đồng; nhóm sản phẩm sợi tổng hợp, nhân tạo 1,21 tỷ đồng; phân bón, ni tơ 0,38 tỷ đồng.

<sup>139</sup> KTNN đã so sánh giữa mã hàng khai báo khác nhau với biểu thuế suất, nhập khẩu Việt Nam năm 2023 nhận thấy có sự chênh lệch thuế suất đối với một số mặt hàng. Ví dụ: Mặt hàng "20224GT-Giấc kết nối nhanh Thủy lực, làm bằng thép. Nhà SX: Genie. Mới 100%" mã hàng 73269099 đều do Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ DEVICE4U nhưng có 02 thuế suất (Số TK105545800401: 10%; số TK 105938629160: TS 25%); Mặt hàng "Bạc lót trục bằng nhựa/2390190930 - Phụ tùng xe nâng, hiệu TVH, mới 100%" mã hàng 0102625233 do Công ty TNHH U-mac Việt Nam nhưng có 02 thuế suất (Số TK 105430038600: 20%; số TK 105317027320: 12%); Mặt hàng "Đá khối làm đá ốp lát có nguồn gốc từ đá hoa trắng đã cắt thành SP dạng khối, màu trắng xám, nhiều vân vệt đen Loại 3, sx tại VN, mới 100%, thể tích<0,4 m<sup>3</sup>, kt D(0.13-2.44)m x R(0.06-1.07)m x C(0.03-0.4)m#&VN" -mã hàng: 2515200090 do Công ty trách nhiệm hữu hạn đá cẩm thạch R.K Việt Nam nhập khẩu kê khai thuế TK 305984757911: thuế suất 25%; TK 305984757910: 30%)...

<sup>140</sup> Một mặt hàng chỉ có một mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

<sup>141</sup> Nguyên nhân theo giải trình của Tổng cục Thuế: (i) Kéo dài do thời gian thông báo giải trình bổ sung (các hồ sơ thuộc trường hợp hoàn trước); do vướng mắc về chính sách, trong quá trình giải quyết hồ sơ hoàn thuế liên quan đến xác định điều kiện khấu trừ, trường hợp và đối tượng hoàn thuế GTGT, cách thức xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn,... cần báo cáo xin ý kiến các cơ quan liên quan trước khi giải quyết; một số nguyên nhân

(NNT) nhưng trên hệ thống nợ của cơ quan hải quan vẫn ghi nhận số nợ thuế là chưa phù hợp quy định tại tiết b, khoản 2 Điều 34 Thông tư số 80/2021/TT-BTC<sup>142</sup>.

Ngoài ra, còn trường hợp cơ quan hải quan thực hiện hoàn thuế cho NNT nhưng NNT vẫn còn nợ thuế đến 31/12/2023 do ngành thuế quản lý. Nguyên nhân, do chưa có quy định việc cơ quan hải quan khi hoàn thuế cho NNT phải bù trừ với nợ thuế của cơ quan thuế.

(3) Tình trạng hạch toán và kê khai thiếu doanh thu, xác định sai chi phí, từ đó tính thiếu các loại thuế, phí, lệ phí, các khoản thu khác... vẫn diễn ra tại các đơn vị được kiểm toán. KTNN xác định số phải nộp tăng thêm 2.857 tỷ đồng.

(4) Công tác quản lý thu, chống thất thu thuế: Quản lý thu đối với hộ kinh doanh chưa đầy đủ, chính xác<sup>143</sup>, chưa phối hợp với cơ quan có liên quan để thu hồi giấy phép đăng ký kinh doanh đối với các hộ nghỉ kinh doanh quá 06 tháng theo quy định<sup>144</sup>. Một số cuộc thanh tra, kiểm tra xử lý kết quả thanh, kiểm tra không phù hợp quy định<sup>145</sup>; chậm lập biên bản kiểm tra, thanh tra<sup>146</sup> hoặc lập chưa đúng mẫu<sup>147</sup>; chưa kiểm tra, thanh tra thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử<sup>148</sup>; xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực thuế chưa đầy đủ<sup>149</sup>; lập kế hoạch kiểm tra hồ sơ khai thuế năm 2022 chưa đủ số lượng theo quy định<sup>150</sup> hoặc chưa ưu tiên kiểm tra các đối tượng theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế<sup>151</sup>; chưa kiểm tra đầy đủ các loại hồ sơ khai thuế đối với NNT lựa

---

từ phía NNT như: NNT chưa kê khai đầy đủ các thông tin trên bảng kê kèm theo hồ sơ đề nghị hoàn, cơ quan thuế rà soát ban hành Thông báo không chấp nhận hồ sơ hoặc Thông báo giải trình bổ sung thông tin tài liệu; NNT khi gửi Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu NSNN nhưng chưa chuẩn bị sẵn sàng hồ sơ, tài liệu hạch toán kê toán chứng minh đáp ứng đủ điều kiện khấu trừ, hoàn thuế... (ii) Công tác xác minh nguồn gốc hàng hóa; xác minh hóa đơn; xác minh đầu ra tại nước ngoài, chuyển cơ quan công an để đề nghị điều tra, xác minh... làm cơ sở xác định số thuế đủ điều kiện được hoàn; các lỗi hệ thống trong quá trình xử lý hồ sơ hoàn thuế điện tử, ảnh hưởng đến thời gian giải quyết hồ sơ hoàn thuế...

<sup>142</sup> Theo giải trình của Tổng cục Thuế (nhưng không có xác nhận của cơ quan hải quan kèm theo): (i) Đa số hồ sơ hoàn do hệ thống Hải quan hiển thị các khoản thuế chưa đến hạn nộp (Nợ trong hạn), các khoản được miễn thuế, được áp dụng chế độ ưu tiên và các khoản nợ phí, lệ phí không thuộc diện phải bù trừ theo quy định của Điều 34 Thông tư số 80/2021/TT-BTC; (ii) Các hồ sơ còn lại là do tại thời điểm giải quyết hoàn thuế NNT không phát sinh nợ trên hệ thống Hải quan nhưng tại thời điểm cơ quan Hải quan cung cấp cho KTNN mới phát sinh nợ thuế; tại thời điểm giải quyết hoàn thuế cơ quan thuế không tra cứu được thông tin nợ thuế để bù trừ do hệ thống của Hải quan bị lỗi.

<sup>143</sup> Tỉnh Bình Định (CCT thị xã Nhơn An, huyện Phù Cát, TP Quy Nhơn, huyện Tuy Phước: Chưa có biện pháp để thu thuế xây dựng nhà ở tư nhân đã được cấp phép, chưa phối hợp với cơ quan đăng ký kinh doanh dịch vụ vận tải để nắm bắt số lượng hộ để quản lý thu thuế); Bắc Giang (CCT khu vực Bắc Giang - Yên Dũng, CCT khu vực Việt Yên - Hiệp Hòa: Còn có sự chênh lệch giữa số lượng hộ đã đăng ký kinh doanh mới và số lượng hộ đăng ký cấp mã số thuế mới năm 2023); Đắk Nông (CCT địa bàn huyện Tuy Đức chưa quản lý thu đối với 48 công trình có vốn NSNN trên 50% do UBND xã làm chủ đầu tư, cộng đồng dân cư nhận thầu thực hiện; CCT địa bàn huyện Cư Jút chưa quản lý kê khai thuế hoạt động XDCB nhà ở tư nhân đối với 40 trường hợp được cấp phép); Quảng Bình (CCT huyện Lệ Thủy, CCT khu vực Tuyên Hóa - Minh Hóa: Chưa rà soát quản lý thu đối với các hộ kinh doanh, hoạt động xây dựng nhà ở tư nhân); Thái Bình (huyện Hưng Hà 28/256 hộ được cấp phép mới đăng ký kinh doanh nhưng chưa được cấp mã số thuế, lập bộ quản lý thuế).

<sup>144</sup> Tỉnh Bình Định (CCT khu vực Tuy Phước - Vân Canh); Quảng Nam (CCT Núi Thành, Nam Trà My).

<sup>145</sup> TP Hồ Chí Minh, tỉnh Kon Tum, Đồng Tháp.

<sup>146</sup> Tỉnh Kon Tum, Long An.

<sup>147</sup> TP Hà Nội; tỉnh Bắc Giang, Nam Định, Long An, Thừa Thiên Huế.

<sup>148</sup> Tỉnh Bắc Kạn.

<sup>149</sup> Tỉnh Kon Tum, Đắk Nông, Đồng Tháp, Vĩnh Long.

<sup>150</sup> Tỉnh Ninh Thuận, Bình Định, Quảng Ninh.

<sup>151</sup> Tỉnh Quảng Nam, Bình Định.

chọn kiểm tra tại cơ quan Thuế<sup>152</sup>; kế hoạch kiểm tra thuế theo rủi ro chưa loại trừ triệt để đối với NNT có rủi ro thấp<sup>153</sup>; chưa hoàn thành kế hoạch<sup>154</sup>; chưa thanh, kiểm tra sau hoàn thuế theo nguyên tắc rủi ro và trong thời hạn 05 năm theo quy định<sup>155</sup>; chậm giải quyết hoàn thuế GTGT cho NNT<sup>156</sup>.

(5) Việc quản lý tiền thuê đất: Đơn vị sử dụng đất nhưng chưa có quyết định thuê đất hoặc hợp đồng thuê đất<sup>157</sup>; hồ sơ thuê đất của một số đơn vị chưa có quyết định giá đất của UBND tỉnh<sup>158</sup>, hồ sơ thu tiền thuê đất chưa đầy đủ<sup>159</sup>; chưa thực hiện các thủ tục cho thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính hoặc kê khai nộp tiền thuê đất đối với các cơ sở nhà đất sử dụng cho mục đích sản xuất kinh doanh<sup>160</sup>; chưa lập thủ tục trình UBND tỉnh gia hạn hoặc thu hồi đất theo quy định<sup>161</sup> đối với những trường hợp cho thuê đất để thực hiện dự án song đã hết thời hạn thuê đất; chưa thu hồi được đất cho thuê đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhiều năm<sup>162</sup>; chưa điều chỉnh hoặc chậm điều chỉnh đơn giá thuê đất khi hết thời kỳ ổn định đơn giá thuê đất<sup>163</sup>; đơn giá thuê đất tại bảng giá đất chưa đầy đủ<sup>164</sup>; một số đơn vị có thu nộp tiền thuê đất nhưng không thực hiện nghĩa vụ liên quan đến thuế sử dụng đất phi nông nghiệp<sup>165</sup>; xác định tiền thuê đất trả tiền một lần chưa phù hợp quy định<sup>166</sup>; miễn tiền thuê đất không đúng đối tượng<sup>167</sup>.

(6) Khai thác khoáng sản nhưng chưa thu đầy đủ và xác định chính xác phí bảo vệ môi trường (BVMT)<sup>168</sup>; quyết toán phí BVMT đối với “các loại cát khác” không có trong giấy phép khai thác khoáng sản<sup>169</sup>; chậm ban hành quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản hoặc thực hiện các biện pháp cưỡng chế đối với NNT còn nợ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản quá thời hạn quy

<sup>152</sup> TP Hồ Chí Minh, tỉnh Kon Tum.

<sup>153</sup> Tỉnh Cao Bằng (các CCT).

<sup>154</sup> TP Hồ Chí Minh; tỉnh Bình Định, Long An.

<sup>155</sup> Tỉnh Bình Định (1.581 hồ sơ), Long An (415 hồ sơ).

<sup>156</sup> TP Hồ Chí Minh (1.344 hồ sơ); tỉnh Bình Định (70 hồ sơ).

<sup>157</sup> Một số đơn vị tại TP Hồ Chí Minh, Hà Nội; tỉnh Quảng Ninh, Đồng Tháp.

<sup>158</sup> Tỉnh Cao Bằng.

<sup>159</sup> Hồ sơ của Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu Thể dục thể thao tỉnh Bạc Liêu: Đơn vị chưa gửi thông tin về thửa đất cho Sở TN&MT, Cục Thuế sử dụng thông tin do đơn vị cung cấp mà không yêu cầu thông tin địa chính từ Sở TN&MT để xác định nghĩa vụ tài chính; hồ sơ chưa đầy đủ thông tin về nguồn gốc sử dụng đất, diện tích thực tế của mặt bằng cho thuê chưa được cơ quan có chức năng đo đạc xác nhận nên chưa đủ căn cứ tính tiền thuê đất.

<sup>160</sup> TP Hồ Chí Minh; tỉnh Nam Định, Quảng Bình.

<sup>161</sup> TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ (18 trường hợp); tỉnh Quảng Nam (10 trường hợp).

<sup>162</sup> TP Hồ Chí Minh.

<sup>163</sup> TP Hồ Chí Minh; tỉnh Phú Yên, Bình Phước.

<sup>164</sup> TP Hồ Chí Minh.

<sup>165</sup> Tỉnh Cao Bằng (huyện Nguyên Bình: Chi cục Thuế huyện Nguyên Bình không kịp thời đôn đốc, hướng dẫn 05 đơn vị thực hiện các thủ tục để xác định, thu nộp tiền thuế sử dụng đất PNN vào NSNN: Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật môi trường Cao Bằng, Công ty cổ phần Khoáng sản Minh Tâm, Công ty TNHH MTV 688, Công ty TNHH MTV Cấp nước Cao Bằng, Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội Cao Bằng).

<sup>166</sup> Tỉnh Long An.

<sup>167</sup> Tỉnh Phú Yên.

<sup>168</sup> Tỉnh Quảng Nam, Nam Định, Thừa Thiên Huế.

<sup>169</sup> Tỉnh Cao Bằng: Huyện Thạch An (Công ty TNHH An Minh Cao Bằng).

định<sup>170</sup>; kê khai sản lượng để tính thuế tài nguyên vượt công suất tại giấy phép khai thác được cấp<sup>171</sup>; chưa nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp<sup>172</sup>. Ngoài ra, kết quả kiểm toán chuyên đề<sup>173</sup> cho thấy còn tồn tại, như: Chưa làm thủ tục thuê đất hoặc thuê đất chưa đầy đủ đối với diện tích đất được cấp để khai thác khoáng sản<sup>174</sup>; chưa điều chỉnh đơn giá thuê đất khi hết thời kỳ ổn định 05 năm<sup>175</sup>; chưa xác định hoặc xác định chưa đầy đủ tiền cấp quyền khai thác khoáng sản<sup>176</sup>; kê khai phí BVMT và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chưa đầy đủ<sup>177</sup> và chưa quyết toán thuế tài nguyên và phí BVMT hàng năm<sup>178</sup>.

(7) Một số địa phương chưa hướng dẫn và đôn đốc các đơn vị kê khai, nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa<sup>179</sup> và chưa xác định tiền chậm nộp theo quy định<sup>180</sup>.

#### (8) Về quản lý nợ thuế

- Nợ thuế do cơ quan thuế quản lý: Tổng số nợ đến 31/12/2023 là 184.998,2 tỷ đồng<sup>181</sup>, tăng 16,4% (26.083,6 tỷ đồng) so với năm 2022<sup>182</sup> (184.998,2/158.914,6 tỷ đồng). Qua kiểm toán cho thấy: Tỷ trọng nợ thuế đến 31/12/2023 so với thu nội địa (trừ dầu thô) bằng 12,5% (184.998,2/1.483.781 tỷ đồng) và tăng dần qua các năm<sup>183</sup>; có 15/56 Cục Thuế được kiểm toán tổng hợp nợ thuế chưa đầy đủ 1.534,7 tỷ đồng<sup>184</sup>; 18/63 địa phương còn chênh lệch giữa báo cáo nợ thuế đến ngày 31/12/2023 được in từ ứng dụng TMS với báo cáo nợ thuế (bản giấy) do Cục thuế gửi Tổng Cục Thuế số tiền 404,5 tỷ đồng. Nhiều

<sup>170</sup> Tỉnh Quảng Nam, Ninh Thuận, Đắk Nông, Bình Phước.

<sup>171</sup> Tỉnh Long An, Bình Phước.

<sup>172</sup> Tỉnh Bạc Liêu.

<sup>173</sup> Quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản giai đoạn 2021-2023 tại tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

<sup>174</sup> Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có 19 giấy phép khai thác đang hoạt động khai thác khoáng sản với tổng diện tích được cấp 538,6ha; tổng diện tích đã được giao đất và ký hợp đồng thuê đất để thực hiện khai thác khoáng sản là 394,7ha, chiếm 73,5% tổng diện tích theo giấy phép được cấp; có 03 giấy phép được cấp thời hạn quá 36 tháng nhưng chưa làm thủ tục thuê đất, chưa thực hiện khai thác theo giấy phép được cấp); Đồng Nai (15 mỏ).

<sup>175</sup> Tỉnh Đồng Nai.

<sup>176</sup> Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của Công ty CP Thành Chí đối với khối lượng lớp đất tầng phủ do Công ty TNHH Đông Phong đã khai thác từ năm 2014 đến năm 2020 với sản lượng đã kê khai thuế là 310.557,68m<sup>3</sup>; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải thu Trường bán quốc gia khu vực 3 đối với tận thu từ năm 2017 đến năm 2023 mà Trường bán ký hợp đồng với Công ty TNHH Mai Anh); Đồng Nai (Tổng công ty Hàng không Việt Nam - ACV).

<sup>177</sup> Tỉnh Đồng Nai.

<sup>178</sup> Tỉnh Đồng Nai (Công ty CP 66 Gia Khang; Công ty CP xây lắp và dịch vụ Thương mại Sài Gòn; Tổng Công ty cổ phần xuất nhập khẩu và xây dựng Việt Nam; Công ty cổ phần đầu tư xây dựng Thời Việt).

<sup>179</sup> Tỉnh Bình Định, Hà Nam.

<sup>180</sup> Tỉnh Hà Nam.

<sup>181</sup> Gồm: Nợ có khả năng thu 132.856,7 tỷ đồng, nợ khó thu 27.058,5 tỷ đồng, nợ đang xử lý 25.083 tỷ đồng.

<sup>182</sup> Nguyên nhân nợ thuế tăng cao theo báo cáo của Tổng cục Thuế: (i) Tăng nợ các khoản thu về đất 61% so với năm 2022 do phát sinh nợ của các dự án mới được giao đất giai đoạn cuối năm 2023, một số dự án cơ quan có thẩm quyền chưa xác định tiền bồi thường GPMB được khấu trừ vào tiền sử dụng đất phải nộp, một số doanh nghiệp đang có khiếu nại nên chưa nộp tiền sử dụng đất vào NSNN; (ii) Thị trường bất động sản và xây dựng chưa thực sự khởi sắc nên các doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, xây dựng, vật liệu xây dựng và trang trí nội thất, ... tập trung nguồn lực duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, chưa kịp thời nộp hết các khoản nợ thuế vào NSNN....

<sup>183</sup> Năm 2021 với tỷ trọng 9,2% (116.961,7/1.268.644 tỷ đồng); năm 2022 là 12,5% (158.914,7/1.266.618,3 tỷ đồng).

<sup>184</sup> Khánh Hòa 928,7 tỷ đồng; Lâm Đồng 285,2 tỷ đồng; Bình Thuận 170,2 tỷ đồng; Bình Định 71,4 tỷ đồng....

cục thuế thực hiện không đạt các chỉ tiêu thu nợ do Tổng cục Thuế giao<sup>185</sup>; cơ quan thuế chậm cưỡng chế nợ thuế<sup>186</sup>; một số chi cục thuế hoặc cục thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế nợ thuế chưa kịp thời hoặc đầy đủ<sup>187</sup>; áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh để thu hồi nợ thuế chưa đầy đủ và thống nhất giữa các cơ quan thuế<sup>188</sup>; phân loại nợ thuế chưa phù hợp<sup>189</sup>; điều chỉnh giảm nợ tiền sử dụng đất chưa đảm bảo quy định<sup>190</sup>; xác định không đúng đối tượng được khoan nợ tiền thuế và xóa nợ tiền phạt tiền chậm nộp<sup>191</sup>; khoan nợ thuế không đảm bảo quy định<sup>192</sup>; chưa hạch toán kịp thời nợ thuế đến 31/12/2023 đối với số

<sup>185</sup> (i) Đối với chỉ tiêu tổng số tiền thuế nợ đến thời điểm 31/12/2023 không vượt quá 8% so với tổng số thực thu vào NSNN năm 2023: 39/63 Cục thuế không đạt chỉ tiêu; (ii) Đối với chỉ tiêu tổng số tiền thuế nợ có khả năng thu đến thời điểm 31/12/2023 không vượt quá 5% so với tổng số thực thu vào NSNN năm 2023: Kết quả thực hiện tổng số nợ có khả năng thu đến thời điểm 31/12/2023 là 129.788,8 tỷ đồng bằng 10% tổng số thực thu vào NSNN năm 2023 (129.788,8/1.264.559 tỷ đồng) vượt quá 5% tổng số thực thu vào NSNN năm 2023, trong đó, 47/63 Cục thuế không đạt chỉ tiêu; (iii) Đối với chỉ tiêu số thu các khoản thuế có khả năng thu tại thời điểm 31/12/2022 thực hiện năm 2023 đạt tỉ lệ thu tối thiểu 80%: Kết quả thực hiện năm 2023 thu được số nợ thuế là 49.487,9 tỷ đồng bằng 62,2% số nợ có khả năng thu (loại trừ tiền thuế nợ của NNT đã bị cơ quan thuế áp dụng biện pháp cưỡng chế hóa đơn liên tiếp từ 3 lần trở lên) (49.487,9/99.428,1 tỷ đồng) không đạt tỉ lệ thu tối thiểu 80%, trong đó 50/63 địa phương không đạt chỉ tiêu; (iv) Đối với chỉ tiêu tổng số nợ đọng thuế về thuế, phí đến 31/12/2023 (không bao gồm nợ ngoài ngành thuế quản lý) không vượt quá 5% so với tổng số thực thu vào NSNN năm 2023: Kết quả thực hiện tổng số nợ thuế phí đến 31/12/2023 là 67.754 tỷ đồng bằng 5,4% tổng số thực thu vào NSNN năm 2023 (67.754/1.264.559 tỷ đồng) vượt quá 5% tổng số thực thu vào NSNN năm 2023, trong đó, 22/63 Cục thuế không đạt chỉ tiêu.

<sup>186</sup> Tỉnh Quảng Nam.

<sup>187</sup> TP Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội; tỉnh Quảng Nam, Ninh Thuận, Đắk Nông, Bạc Liêu, Cao Bằng, Tiền Giang, Tuyên Quang, Bình Định, Bắc Giang, Kon Tum, Quảng Ngãi, Bình Dương, Tây Ninh, Lâm Đồng, Phú Yên, Quảng Ninh, Bình Phước, Thanh Hóa, Thái Bình (Cục Thuế; CCT khu vực TP Thái Bình - Vũ Thư); Quảng Bình (CCT khu vực Tuyên Hóa - Minh Hóa (huyện Tuyên Hóa)), Thừa Thiên Huế (CCT khu vực Hương Điền), Đồng Nai (Cục Thuế).

<sup>188</sup> Năm 2023 có 46/63 Cục thuế địa phương áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh đối với NNT còn nợ thuế; có địa phương áp dụng đối với nhiều NNT còn nợ thuế, có địa phương chỉ áp dụng đối với 01 trường hợp, có địa phương không áp dụng biện pháp này. Nguyên nhân, do chưa có quy định về tiêu chí áp dụng biện pháp này. Năm 2025 Chính phủ mới ban hành Nghị định số 49/2025/NĐ-CP về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh.

<sup>189</sup> (i) Qua rà soát dữ liệu báo cáo NNT còn nợ thuế đến 31/12/2023 của 64 Cục Thuế do Tổng cục Thuế kết xuất từ ứng dụng TMS (đối với các trường hợp NNT là tổ chức có số nợ thuế từ 50 triệu trở lên) cung cấp cho thấy còn tình trạng cùng 01 NNT nhưng vừa được phân loại nợ khó thu, vừa phân loại nợ có khả năng thu (920 trường hợp NNT vừa có nợ có khả năng thu vừa có nợ khó thu; nếu loại trừ trường hợp nợ khó thu do cưỡng chế từ 03 lần hóa đơn trở lên thì còn có 164 trường hợp NNT vừa có nợ có khả năng thu vừa có nợ khó thu); còn 85 trường hợp NNT vẫn đang thuộc trạng thái “NNT đang hoạt động” tại danh bạ NNT do Vụ kê khai kế toán thuế do Tổng cục Thuế cung cấp nhưng được phân loại nợ khó thu thuộc trường hợp “không còn hoạt động tại địa chỉ kinh doanh” hoặc “chờ giải thể” hoặc “đang làm thủ tục phá sản” hoặc “liên quan đến trách nhiệm hình sự” với số tiền nợ thuế 1.308,1 tỷ đồng; còn trường hợp NNT có nợ có khả năng thu nhưng vẫn được khoan nợ thuế; (ii) Một số cơ quan thuế: Tỉnh Quảng Nam (CCT Điện Bàn, Đại Lộc); Ninh Thuận (Cục Thuế 571,68 tỷ đồng; CCT TP Phan Rang - Tháp Chàm 58,64 tỷ đồng; huyện Thuận Nam 191,18 tỷ đồng: Chuyển các khoản nợ có khả năng thu, nợ khó thu sang nhóm tiền thuế đang chờ điều chỉnh); Đắk Nông (Cục Thuế: 01 trường hợp); Quảng Bình (CCT khu vực Quảng Trạch - Ba Đồn (huyện Quảng Trạch)): Phân loại nợ tiền sử dụng đất chưa chính xác); Bình Định (CCT khu vực Tuy Phước – Văn Canh: 01 trường hợp); Bình Phước (CCT thị xã Chơn Thành: 01 trường hợp), Phú Yên (Cục Thuế, CCT TP Tuy Hòa, CCT thị xã Sông Cầu).

<sup>190</sup> TP Đà Nẵng (Cục Thuế; CCT khu vực Thanh Khê - Liên Chiểu).

<sup>191</sup> TP Hồ Chí Minh (CCT Tân Bình 18 tỷ đồng, CCT Bình Tân 21,2 tỷ đồng: Khoan nợ thuế đối với cá nhân, cá nhân kinh doanh, hộ gia đình, hộ kinh doanh theo trường hợp giải thể chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14); tỉnh Cao Bằng (CCT Bảo Lạc khoan nợ 0,22 tỷ đồng; tỉnh xóa nợ tiền phạt 0,17 tỷ đồng); Long An (Cục Thuế: 01 trường hợp không thuộc đối tượng được xóa nợ; 01 trường hợp hồ sơ xóa nợ chưa đủ điều kiện theo quy định tại Điều 4 Nghị quyết số 94/2019/QH14).

<sup>192</sup> Tỉnh Quảng Ngãi (khoan nợ thuế cho 1.075 NNT không còn hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh 0,6 tỷ đồng nhưng cơ quan thuế xác minh NNT không còn hoạt động tại thời điểm xác minh, trong khi theo Nghị quyết số 94/2019/QH14 quy định NNT không còn hoạt động trước 01/7/2020).

tiền chậm nộp của các khoản nợ chưa nộp vào NSNN thuộc trường hợp phải tính tiền chậm nộp 10.054 tỷ đồng (thực hiện hạch toán vào năm 2024).

- Nợ thuế do cơ quan Hải quan quản lý: Tổng số nợ đến 31/12/2023 là 7.026,03 tỷ đồng, giảm 1,5% (103,46 tỷ đồng) so với năm 2022 (7.026,03/7.129,49 tỷ đồng), cụ thể: (i) Nợ quá hạn thuế chuyên thu 5.580,48 tỷ đồng, giảm 1,8% (103,96 tỷ đồng)<sup>193</sup>; (ii) Nợ quá hạn thuế tạm thu 1.445,55 tỷ đồng, tăng 0,03% (0,5 tỷ đồng)<sup>194</sup>. Qua kiểm toán tổng hợp tại TCHQ và một số Cục hải quan cho thấy: Có 54 NNT là các chi nhánh đã chấm dứt hoạt động nhưng Công ty mẹ đang hoạt động có nợ thuế được phân vào nhóm nợ khó thu chưa phù hợp quy định<sup>195</sup>; năm 2023 chỉ có 07/27 Cục hải quan đạt chỉ tiêu thu hồi nợ thuế giao<sup>196</sup>, 18/27 đơn vị không đạt, 02/27 Cục hải quan<sup>197</sup> không thực hiện được chỉ tiêu giao; một số cơ quan hải quan chưa áp dụng đầy đủ, kịp thời các biện pháp cưỡng chế nợ thuế<sup>198</sup>.

Ngoài ra, qua rà soát số liệu trên tài khoản tạm giữ tại Sở Giao dịch Kho bạc Nhà nước (KBNN) cho thấy, còn một số khoản tạm giữ của Cục Quản lý công sản, Cục Tài chính doanh nghiệp - BTC phát sinh nhiều năm trước nhưng chưa báo cáo các cấp có thẩm quyền để xử lý theo quy định<sup>199</sup>.

## **2.2. Chi ngân sách nhà nước**

### **2.2.1. Chi đầu tư phát triển**

(1) Việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn:

- Còn 11.495,76 tỷ đồng nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân từ năm 2022 sang năm 2023 nhưng không thực hiện được phải hủy dự toán<sup>200</sup> là chưa tuân thủ chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ<sup>201</sup>.

- Đối với nguồn vốn năm 2023 được phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2024: Tại một số địa phương được kiểm toán kéo dài KHV

<sup>193</sup> Nợ của NNT đang trong quá trình giải thể giảm 41,1%; Nợ của NNT kinh doanh nội địa hóa linh kiện xe hai bánh gắn máy năm 2001, 2002 giảm 58,7%.

<sup>194</sup> Trong đó: Nợ có khả năng thu là 74,31 tỷ đồng, tăng 5,9% (số tuyệt đối 4 tỷ đồng) so với cùng kỳ.

<sup>195</sup> Tại khoản 5 Điều 67 Luật Quản lý thuế.

<sup>196</sup> Cục Hải quan Bình Dương, Khánh Hòa, Quảng Nam, Long An, Bình Định, Cần Thơ, Bình Phước.

<sup>197</sup> Cục Hải quan Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

<sup>198</sup> Cục Hải quan Long An, Quảng Ngãi, Bình Định.

<sup>199</sup> (i) Tài khoản 3941.0.9038563 của Cục Tài chính doanh nghiệp - Tạm thu Công ty Giày Hiệp Hưng số tiền 64.292.283.201 đồng phát sinh từ năm 2018 trở về trước, tài khoản không hoạt động từ năm 2021, KBNN đã có công văn đôn đốc đơn vị, nhưng đến thời điểm kiểm toán (tháng 12/2024) vẫn còn dư chưa xử lý; (ii) Tài khoản 3941.0.9100858 - Cục quản lý công sản (quản lý tiền cho thuê, bán, thanh lý tài sản công) số dư đến 31/12/2023 là 243.715.481.180 đồng trong đó có khoản 157.204.447.067 đồng phát sinh từ năm 2022 trở về trước. KBNN đã có công văn đôn đốc đơn vị nhưng đến thời điểm kiểm toán (tháng 12/2024) vẫn còn dư chưa xử lý.

<sup>200</sup> Tổng nguồn vốn kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023 là 55.582,67 tỷ đồng, giải ngân trong năm 44.086,91 tỷ đồng, đạt 79,3%.

<sup>201</sup> Công văn số 361/TTg-KTTH ngày 03/5/2023 yêu cầu “Các bộ, cơ quan trung ương và địa phương chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ, các cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán...; bố trí NSTW và triển khai các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, giải ngân 100% số vốn được kéo dài..”.

chưa đúng quy định<sup>202</sup>, phân loại cơ cấu nguồn vốn kéo dài chưa phù hợp<sup>203</sup>. Ngoài ra, có 10 dự án được Bộ KH&ĐT thông báo kéo dài nguồn NSTW song chưa đủ cơ sở xác định thuộc đối tượng kéo dài theo quy định<sup>204</sup> số tiền 205,12 tỷ đồng.

- Việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân vốn NSTW còn bất cập do thiếu quy định cụ thể về mốc thời gian các đơn vị báo cáo và Bộ KH&ĐT rà soát, tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ đối với các dự án kéo dài thời gian giải ngân<sup>205</sup>. Qua rà soát năm 2022, 2023 cho thấy, đến tháng 5 hàng năm, Bộ KH&ĐT mới ban hành thông báo kéo dài, dẫn đến thời gian giải ngân chỉ còn khoảng hơn 06 tháng, ảnh hưởng đến tỷ lệ giải ngân nguồn vốn kéo dài<sup>206</sup>.

## (2) Tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản

Công tác tổng hợp, theo dõi nợ đọng XDCB chưa chính xác, chưa phản ánh đúng thực trạng nợ (Báo cáo nợ đọng XDCB đến 31/12/2022 là 4.500 tỷ đồng<sup>207</sup>, trong khi năm 2023 đã bố trí 6.100 tỷ đồng<sup>208</sup> để trả nợ đọng XDCB song số nợ đọng đến 31/12/2023 vẫn còn 8.657 tỷ đồng<sup>209</sup>). Bộ KH&ĐT đã kiến nghị Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo các đơn vị làm rõ số liệu nợ đọng theo đúng quy định tại Luật Đầu tư công năm 2014 và 2019, trách nhiệm và biện pháp xử lý trong trường hợp làm phát sinh nợ đọng XDCB trái quy định<sup>210</sup>; đồng thời Quốc hội cũng đã yêu cầu Chính phủ rà soát, xác định chính xác số nợ đọng XDCB

<sup>202</sup> Tỉnh Vĩnh Phúc (NSĐP 68,80 tỷ đồng, 07 dự án), Nam Định (25 dự án số tiền 29,90 tỷ đồng), Bình Phước 03 dự án, Bình Thuận 188,17 tỷ đồng, Thái Nguyên (01 dự án số tiền 2,92 tỷ đồng), Lạng Sơn (12 dự án số tiền 49,89 tỷ đồng), Thái Bình 19,90 tỷ đồng.

<sup>203</sup> Tỉnh Vĩnh Phúc (tổng hợp các dự án bổ sung có mục tiêu cho huyện vào ngân sách cấp tỉnh 29,65 tỷ đồng).

<sup>204</sup> Hồ sơ, tài liệu tại Bộ KH&ĐT chưa đủ cơ sở để xác định "Dự án bị ảnh hưởng tiến độ do thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, nguyên nhân khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép" để được kéo dài theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ.

<sup>205</sup> Khoản 3 Điều 7 Thông tư số 19/2024/TT-BKHĐT ngày 16/10/2024 của Bộ KH&ĐT đã quy định về các bước thực hiện đối với việc kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn NSTW trên Hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về đầu tư công nhưng hiện chưa có quy định cụ thể các mốc thời gian.

<sup>206</sup> (i) Đối với nguồn vốn kéo dài thực hiện và giải ngân từ năm 2022 sang năm 2023: Thông báo kéo dài của Bộ KH&ĐT số 3394/BKHĐT-TH ban hành ngày 05/5/2023, tính đến thời hạn giải ngân ngày 31/12/2023 thì thời gian thực tế để giải ngân số vốn được kéo dài trong năm 2024 là hơn 6 tháng; (ii) Đối với nguồn vốn kéo dài thực hiện và giải ngân từ năm 2023 sang năm 2024: Thông báo kéo dài của Bộ KH&ĐT số 3922/BKHĐT-TH ban hành ngày 22/5/2024, tính đến thời hạn giải ngân ngày 31/12/2024 thì thời gian thực tế để giải ngân số vốn được kéo dài trong năm 2024 là hơn 6 tháng.

<sup>207</sup> Báo cáo số 5831/BKHĐT-GSTĐT ngày 24/7/2023 về tổng hợp báo cáo giám sát, tổng thể đầu tư năm 2022.

<sup>208</sup> Báo cáo số 9169/BKHĐT-GSTĐT ngày 06/11/2024 về tổng hợp báo cáo giám sát, tổng thể đầu tư năm 2023.

<sup>209</sup> Không xác định được số liệu nợ đọng phát sinh trước và sau ngày 01/01/2015 theo quy định.

<sup>210</sup> Tại Báo cáo số 9169/BKHĐT-GSTĐT ngày 06/11/2024, Bộ KH&ĐT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, UBND các tỉnh, Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty đối với các đơn vị còn nợ đọng xây dựng cơ bản hoặc có bố trí trả nợ đọng XDCB trong kỳ, rà soát, làm rõ số nợ đọng XDCB của đơn vị mình có đúng quy định tại khoản 2 Điều 106 Luật Đầu tư công năm 2014 hoặc khoản 4 Điều 101 Luật Đầu tư công năm 2019 hay không. Trường hợp số nợ đọng phát sinh từ ngày 01/01/2015 trở đi là không phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công, đề nghị làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân liên quan làm phát sinh nợ đọng XDCB trái quy định để xem xét, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

vốn NSNN<sup>211</sup> để báo cáo Quốc hội song đến thời điểm kiểm toán (tháng 3/2025) Chính phủ chưa báo cáo. Tuy nhiên, cơ sở xác định nợ đọng XDCB tại Luật Đầu tư công năm 2014 và 2019 chưa rõ ràng (xác định theo KHĐTCTH hay kế hoạch đầu tư công hàng năm). Đến Luật Đầu tư công năm 2024 ban hành mới quy định cụ thể nợ đọng XDCB<sup>212</sup>.

Qua kết quả kiểm toán cho thấy: Tính đến 31/12/2023, một số bộ, cơ quan trung ương<sup>213</sup>, địa phương<sup>214</sup> còn nợ đọng XDCB lớn, số nợ trước 01/01/2015 là 2.452,2 tỷ đồng<sup>215</sup>, năm 2023 còn để phát sinh nợ<sup>216</sup>. Việc tổng hợp, theo dõi nợ đọng XDCB chưa đầy đủ<sup>217</sup>; còn chênh lệch giữa số báo cáo của Bộ KH&ĐT với số liệu theo BCKT của KTNN (thực hiện năm 2024 đối với niên độ 2023)<sup>218</sup>.

(3) Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư tại nhiều bộ, cơ quan trung ương, địa phương còn thấp so với KHV được Thủ tướng Chính phủ giao, có 38 bộ, cơ quan trung ương và 25 địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới mức trung bình của cả nước. Trong đó, một số bộ, cơ quan trung ương có tỷ lệ giải ngân vốn trong nước dưới 30%<sup>219</sup>; tỷ lệ giải ngân vốn nước ngoài chỉ đạt 53,9% kế hoạch. Ngoài ra, Báo cáo giải ngân 13 tháng của BTC còn sai sót thông tin của một số

<sup>211</sup> Điểm i khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 132/2024/QH15 của Quốc hội “Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ, rà soát, xác định chính xác số nợ đọng xây dựng cơ bản vốn ngân sách nhà nước. Báo cáo Quốc hội việc xử lý số nợ XDCB vốn NSNN tại thời điểm 31/12/2022, số nợ phát sinh và dồn tích tại thời điểm 31/12/2023 và ngày 31/12/2024”.

<sup>212</sup> Là giá trị khối lượng thực hiện đã được nghiệm thu của chương trình, nhiệm vụ, dự án nhưng chưa được cấp có thẩm quyền giao KHĐTCTH, không bao gồm các dự án đầu tư công khẩn cấp.

<sup>213</sup> TTCP 6,11 tỷ đồng, Bộ Xây dựng 15,07 tỷ đồng, Bộ GTVT 986,3 tỷ đồng (nợ đọng XDCB phát sinh trước ngày 01/01/2015 là 72,6 tỷ đồng, phát sinh từ ngày 01/01/2015 đến 31/12/2023 là 913,6 tỷ đồng), Bộ NN&PTNT 27,12 tỷ đồng, Bộ Ngoại giao 7,4 tỷ đồng, Bộ Công Thương 3,63 tỷ đồng, Bộ Tư pháp 1,98 tỷ đồng.

<sup>214</sup> TP Hồ Chí Minh 61,29 tỷ đồng, Hải Phòng 575,906 tỷ đồng; tỉnh Hà Nam (NSTW 1,88 tỷ đồng, NSĐP 1.279,84 tỷ đồng), Thừa Thiên Huế 7,37 tỷ đồng, Quảng Bình 320,84 tỷ đồng, Quảng Trị 27,82 tỷ đồng, Nghệ An 77,89 tỷ đồng, Quảng Nam 804,07 tỷ đồng, Quảng Ngãi 51,47 tỷ đồng, Bắc Giang 679,17 tỷ đồng, Quảng Ninh 149,78 tỷ đồng, Thái Bình 32,02 tỷ đồng, Ninh Bình 659,98 tỷ đồng, Gia Lai 16,90 tỷ đồng, Tuyên Quang 462,85 tỷ đồng.

<sup>215</sup> TTCP 4,9 tỷ đồng; Bộ Xây dựng 15,07 tỷ đồng; Bộ GTVT 72,6 tỷ đồng; TP. Hải Phòng 536,27 tỷ đồng; tỉnh Hà Nam (NSTW 1,88 tỷ đồng, NSĐP 1.016,67 tỷ đồng), Quảng Bình 106,12 tỷ đồng, Quảng Trị 4,63 tỷ đồng, Quảng Nam 32,52 tỷ đồng, Ninh Bình 658,97 tỷ đồng, Đắk Nông 2,57 tỷ đồng.

<sup>216</sup> TTCP 1,21 tỷ đồng; TP Hồ Chí Minh 4,89 tỷ đồng; tỉnh Thừa Thiên Huế 4,51 tỷ đồng, Quảng Bình 158,42 tỷ đồng, Quảng Nam 291,63 tỷ đồng, Quảng Ngãi 18,22 tỷ đồng.

<sup>217</sup> Tỉnh Hải Dương: Không kiểm tra, rà soát, tổng hợp báo cáo nợ đọng XDCB của cấp huyện, xã (số liệu tổng hợp từ báo cáo tình hình nợ đọng XDCB đến hết năm 2023 của 07/12 đơn vị cấp huyện 1.379,50 tỷ đồng); số liệu nợ đọng XDCB đến 31/12/2023 tại các báo cáo giám sát đầu tư (Báo cáo số 537/BCGSĐT-SKHĐT ngày 01/3/2024 báo cáo không có nợ đọng song tại Báo cáo số 3527/SKHĐT-THQH ngày 10/10/2024 lại báo cáo có nợ đọng); Trà Vinh (05 dự án nợ khối lượng 3,18 tỷ đồng nhưng không dự kiến bố trí vốn trong KHĐTCTH 2021-2025).

<sup>218</sup> Bộ GTVT (Báo cáo của Bộ KH&ĐT là 4.747 tỷ đồng, BCKT là 986,32 tỷ đồng), Bộ Xây dựng (Báo cáo của Bộ KH&ĐT là 0 đồng, BCKT là 15,07 tỷ đồng); TP Hải Phòng (Báo cáo của Bộ KH&ĐT là 405 tỷ đồng, BCKT là 575,91 tỷ đồng); tỉnh Quảng Ninh (Báo cáo của Bộ KH&ĐT là 69 tỷ đồng, BCKT là 149,78 tỷ đồng), Ninh Bình (Báo cáo của Bộ KH&ĐT là 1.614 tỷ đồng, BCKT là 659,98 tỷ đồng), Thái Bình (Báo cáo của Bộ KH&ĐT là 0 đồng, BCKT là 2.992 tỷ đồng), Quảng Nam (Báo cáo của Bộ KH&ĐT là 2 tỷ đồng, BCKT là 804,07 tỷ đồng), TP Hồ Chí Minh (Báo cáo của Bộ KH&ĐT là 0 đồng, BCKT là 61,29 tỷ đồng)...

<sup>219</sup> Bộ Ngoại giao 7,2%; Bộ KH&CN 8%; BTC 7,4%; Bộ GD&ĐT 19,9%; Bộ LĐTB&XH 6,3%; Bộ VHTT&DL 29,9%; NHNN Việt Nam 5,1%; TTCP 6,7%; ĐHQGHN 19,3%; Liên minh HTX Việt Nam 0%; UBNDT 0,7%; Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam 20,6%; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam 11,8%; Ban Quản lý khu Công nghệ cao Láng Hòa Lạc 3,9%.

đơn vị, ảnh hưởng đến việc xác định tỷ lệ giải ngân<sup>220</sup>.

(4) Công tác giám sát đánh giá đầu tư: Việc đánh giá kế hoạch đầu tư công đã được Bộ KH&ĐT thực hiện theo quy định, tuy nhiên báo cáo đánh giá còn thiếu một số nội dung theo quy định<sup>221</sup>. Ngoài ra, Bộ KH&ĐT còn lập báo cáo giám sát, đánh giá tổng thể đầu tư chậm<sup>222</sup>, nội dung báo cáo chưa có đánh giá tác động theo khoản 1 Điều 49 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP, chưa đầy đủ thông tin, một số thông tin chưa thống nhất và sai lệch so với thực tế<sup>223</sup>; sai lệch so với báo cáo giải ngân 13 tháng của BTC tại nhiều đơn vị<sup>224</sup>.

(5) Bộ KH&ĐT chưa tổng hợp tình hình phân bổ chi tiết KHV năm 2023 từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư để báo cáo Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 59 Luật Đầu tư công. Qua kiểm toán có 09 bộ, cơ quan trung ương và 06 địa phương đã báo cáo dự kiến kế hoạch đầu tư công năm 2023 từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư với KHV dự kiến bố trí là 3.478,27 tỷ đồng cho 308 nhiệm vụ, dự án<sup>225</sup> song qua rà soát cho thấy: Dự kiến KHV cho dự án không có trong KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025<sup>226</sup>; KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025 vượt TMĐT dự án<sup>227</sup>; dự kiến KHV vượt KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025<sup>228</sup>; ngoài ra thông tin một số dự án không đầy đủ<sup>229</sup>.

(6) Công tác quyết toán dự án hoàn thành: Còn 13.716 dự án chậm lập, thẩm tra phê duyệt quyết toán (trong đó 5.760 dự án chậm phê duyệt quyết toán; 2.009 dự án chậm thẩm tra; 5.947 dự án chậm lập hồ sơ quyết toán).

(7) Kết quả kiểm toán hoạt động xây dựng và quản lý vốn đầu tư:

<sup>220</sup> Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ giao KHV năm 2023 là 4.999,1 tỷ đồng nhưng theo Báo cáo giải ngân của BTC là 9.998,2 tỷ đồng, dẫn đến tính sai tỷ lệ giải ngân từ 59,7% còn 29,9%; Ngân hàng Phát triển Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ giao KHV năm 2023 là 4.313 tỷ đồng nhưng theo báo cáo giải ngân của BTC là 8.626 tỷ đồng, dẫn đến sai tỷ lệ giải ngân từ 100% còn 50%.

<sup>221</sup> như: Tác động của kế hoạch đầu tư công trong việc thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác và kết quả phát triển kinh tế - xã hội; tính khả thi của kế hoạch đầu tư công.

<sup>222</sup> Điểm d khoản 11 Điều 100 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP quy định "Bộ KH&ĐT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tổng hợp công tác giám sát, đánh giá đầu tư năm trước ngày 31 tháng 3 năm sau" nhưng ngày 06/11/2024 Bộ KH&ĐT mới báo cáo.

<sup>223</sup> (i) Số liệu KHV đầu tư công tại báo cáo là 1.927.883 tỷ đồng vượt 1.216.324 tỷ đồng so với số được Thủ tướng Chính phủ giao (711.559 tỷ đồng); (ii) Số liệu giữa các Phụ lục tại Báo cáo giám sát chưa thống nhất (Số KHV đầu tư công cả năm tại Phụ biểu 01 là 1.927.883 tỷ đồng trong khi tổng số KHV đầu tư công cả năm tại Biểu 02.1 là 796.327 tỷ đồng).

<sup>224</sup> Số liệu còn chưa chính xác tại một số đơn vị như: Tỉnh Quảng Ninh: Theo Báo cáo số 9169/BC-BKHĐT, số KHV là 22.647 tỷ đồng, giải ngân 12.667 tỷ đồng trong khi theo Báo cáo số 3338/BTC-ĐT ngày 29/3/2024 của BTC thì số KHV là 15.757 tỷ đồng, giải ngân 13.121 tỷ đồng; tỉnh Vĩnh Phúc: Theo Báo cáo của BKHĐT, số KHV là 49.611 tỷ đồng, giải ngân 12.453 tỷ đồng trong khi theo Báo cáo của BTC thì số KHV là 12.951 tỷ đồng, giải ngân 11.506 tỷ đồng; tỉnh Bình Phước: Theo Báo cáo của BKHĐT, số KHV là 31.749 tỷ đồng, giải ngân 3.650 tỷ đồng trong khi theo Báo cáo của BTC thì số KHV là 8.221 tỷ đồng, giải ngân 5.573 tỷ đồng...

<sup>225</sup> Theo Báo cáo số 419/BC-CP ngày 16/10/2022 của Chính phủ: 154,87 tỷ đồng cho 32 nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư; 230,68 tỷ đồng cho 16 dự án hoàn thành, đã bàn giao đưa vào sử dụng trước năm kế hoạch; 1.816,81 tỷ đồng cho 146 dự án chuyển tiếp và 1.284,90 tỷ đồng cho 114 dự án khởi công mới.

<sup>226</sup> BTC; Bộ KH&CN; ĐHQGTPHCM; NHNN.

<sup>227</sup> Bộ KH&ĐT; BTC.

<sup>228</sup> BTC, ĐHQGTPHCM.

<sup>229</sup> Còn dự án không có thông tin TMĐT dự án, thời gian khởi công - hoàn thành, Quyết định đầu tư...

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư (CTĐT): Lập, phê duyệt quy hoạch chi tiết dự án tỷ lệ 1/500 khi không thuộc đối tượng phải thực hiện<sup>230</sup>; giao nhiệm vụ trình duyệt CTĐT<sup>231</sup>, giao nhiệm vụ lập báo cáo đề xuất CTĐT<sup>232</sup> chưa đúng quy định; thẩm định, phê duyệt CTĐT chậm<sup>233</sup>, chưa đầy đủ nội dung<sup>234</sup>, chưa đúng quy định<sup>235</sup>, chưa phù hợp quy hoạch<sup>236</sup>, chưa đúng thẩm quyền<sup>237</sup>, chưa xác định rõ nguồn vốn và khả năng cân đối vốn<sup>238</sup>, chưa đánh giá hoặc đánh giá sơ bộ tác động môi trường thiếu nội dung<sup>239</sup>; chưa dự kiến KHV thực hiện dự án<sup>240</sup>; lập CTĐT chưa phù hợp phải điều chỉnh<sup>241</sup>; phê duyệt quy mô đầu tư vượt mức quy định<sup>242</sup>; áp dụng suất vốn đầu tư công trình không phù hợp<sup>243</sup>; thẩm định báo cáo đề xuất CTĐT không xem xét, đánh giá đầy đủ về sự phù hợp với quy hoạch<sup>244</sup>, điều chỉnh CTĐT trong đó có nội dung chưa được quy định, hoặc khác với các quy định trong các văn bản luật<sup>245</sup>; sơ bộ TMĐT còn một số khoản mục chi phí lập chưa đầy đủ cơ sở<sup>246</sup>.

- Công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh dự án: Lập, thẩm định, phê duyệt dự án còn hạn chế phải điều chỉnh<sup>247</sup>; chưa phù hợp quy hoạch được duyệt<sup>248</sup>, không đúng trình tự<sup>249</sup>; điều chỉnh dự án không đúng thẩm quyền<sup>250</sup>

<sup>230</sup> Bộ Y tế (Dự án Xây dựng nhà Ký túc xá 5 tầng Trường Đại học Y Dược Thái Bình; Dự án Cải tạo, mở rộng Trường Cao đẳng Dược Trung ương Hải Dương (giai đoạn 2).

<sup>231</sup> Tỉnh Bình Thuận 01 dự án (Việc giao nhiệm vụ của UBND Tỉnh cho Sở KH&ĐT trình là chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công).

<sup>232</sup> Tỉnh Cao Bằng 13 dự án (giao cho đơn vị không phải là cơ quan chuyên môn theo quy định lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư).

<sup>233</sup> Hà Nội 06 dự án; Bắc Giang 05 dự án; Thanh Hóa 01 dự án.

<sup>234</sup> Quảng Bình 02 dự án; Thừa Thiên Huế 03 dự án; Thanh Hóa 42 dự án; Ninh Bình 06 dự án; Kon Tum 01 dự án; Hà Nội 03 dự án; Nam Định 03 dự án.

<sup>235</sup> Long An 01 dự án; Bến Tre 02 dự án.

<sup>236</sup> Tỉnh Đồng Tháp 02 dự án; Bộ TN&MT (Dự án đầu tư đồng bộ trạm khí tượng hải văn Ba Lạt; trạm thủy văn thượng cát và trạm thủy văn môi trường Hà Nội); Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu.

<sup>237</sup> Bình Định 01 dự án; Bình Thuận 01 dự án.

<sup>238</sup> Bình Định 18 dự án; Nam Định 15 dự án; Ninh Bình 17 dự án; Quảng Nam 30 dự án.

<sup>239</sup> Bình Định 02 dự án.

<sup>240</sup> Quảng Ninh 09 dự án; Nam Định 01 dự án; Thái Bình 01 dự án; Thanh Hóa 41 dự án.

<sup>241</sup> Hà Nội 01 dự án; Hà Nam 06 dự án; Quảng Nam 14 dự án; Quảng Ninh 09 dự án; Thanh Hóa 01 dự án; Bình Phước 01 dự án; Bắc Giang 01 dự án.

<sup>242</sup> Bộ Y tế: Dự án Cải tạo Bệnh viện K phê duyệt quy mô 300 giường điều trị ngoại trú, vượt mức quy định tại Điều 9 Luật Thủ đô số 25/2012/QH13 (không vượt quá 200 giường) tại bước lập, thẩm định, phê duyệt CTĐT.

<sup>243</sup> Bộ Y tế (Dự án Cải tạo Bệnh viện K).

<sup>244</sup> Bộ TN&MT (Dự án đầu tư đồng bộ trạm khí tượng hải văn Ba Lạt; trạm thủy văn thượng cát và trạm thủy văn môi trường Hà Nội).

<sup>245</sup> Dự án Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối tuyến Quản Lộ Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng.

<sup>246</sup> Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu; Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; Dự án Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Trung ương Cần Thơ; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nội tiết Trung ương TP Hồ Chí Minh; Bộ Y tế (Dự án Cải tạo Bệnh viện K, Dự án bệnh viện Hữu nghị Việt Đức).

<sup>247</sup> Quảng Nam 02 dự án; Bình Định 03 dự án; Quảng Ninh 07 dự án; Thái Bình 01 dự án; Bình Thuận 01 dự án.

<sup>248</sup> Dự án đầu tư khai thác phân dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm – công ty than Hà Lâm (điều chỉnh); Đoạn Chí Thạnh - Vân Phong thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

<sup>249</sup> Dự án Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Trung ương Cần Thơ; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nội tiết Trung ương TP Hồ Chí Minh; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án Nâng cấp trang thiết bị sản xuất chương trình cho Truyền hình Quốc hội Việt

hoặc chưa điều chỉnh theo quy định<sup>251</sup>; thuyết minh dự án chưa đầy đủ<sup>252</sup>; không có giải pháp thiết kế sử dụng thiết bị tiết kiệm năng lượng<sup>253</sup>; phê duyệt dự án chưa đầy đủ nội dung<sup>254</sup>, chưa dự kiến bố trí KHV theo tiến độ<sup>255</sup>, chưa xác định rõ nguồn vốn<sup>256</sup>; phê duyệt dự án trước khi phê duyệt CTĐT<sup>257</sup>, chưa phù hợp CTĐT<sup>258</sup>; xác định một số danh mục đầu tư chưa phù hợp mục tiêu dự án<sup>259</sup>; xác

Nam; Dự án Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; Dự án Công trình kiểm soát nguồn nước kênh Nguyễn Tấn Thành và bờ hữu sông Vàm Cỏ Tây (Dự án thành phần số 1: Công trình kiểm soát nguồn nước kênh Nguyễn Tấn Thành); Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp, nguy hiểm trên địa bàn TP - Công trình Goldenland 5, xây dựng khu chung cư HH1, HH2 Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền; Bình Thuận 01 dự án; Quảng Ninh 01 dự án; Bộ Y tế (Dự án Cải tạo Bệnh viện K).

<sup>250</sup> Bình Định 01 dự án.

<sup>251</sup> Dự án Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu: Ban quản lý ĐT&XD Thủy lợi 10 chưa trình phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư đối với hạng mục cầu công tác do thay đổi quy mô (điều chỉnh thiết kế từ cầu thép sang kết cấu cầu bê tông dự ứng lực), điều chỉnh quy hoạch (quy hoạch tuyến đường từ Cống Áu Rạch mọt đến đường Huyện 20), hạng mục tuyến đường quản lý vận hành tăng quy mô sử dụng đất, điều chỉnh vị trí.

<sup>252</sup> Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm – công ty than Hà Lâm (điều chỉnh); Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nội tiết Trung ương TP Hồ Chí Minh; Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính TP, hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm; Bộ Xây dựng (Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình: Dự án ĐTXD nhà học đa năng - Trường ĐHKT TP Hồ Chí Minh tại cơ sở Cần Thơ); KBNN (Chi phí khai thác sử dụng công trình: KBNN Thanh Hóa, KBNN Bạc Liêu; Thời gian thực hiện dự án; an toàn trong xây dựng, phòng, chống cháy, nổ: KBNN Bạc Liêu; Các giải pháp về vật liệu chính được sử dụng, phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình: KBNN Thanh Hóa, KBNN Bạc Liêu, KBNN Tam Bình và KBNN Vũng Liêm, KBNN Trà Vinh); Tổng cục Thuế (Phương án kết nối hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài công trình: Dự án CCT TP Kon Tum; Dự án CCT quận 7; Dự án CCT quận Gò Vấp; Dự án CCT quận Long Biên; Dự án CCT huyện Củ Chi; Dự án CCT huyện Ý Yên; Dự án CCT huyện Vĩnh Bảo).

<sup>253</sup> Bộ Xây dựng (Dự án ĐTXD nhà học đa năng - Trường ĐHKT TP Hồ Chí Minh tại cơ sở Cần Thơ).

<sup>254</sup> Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm – công ty than Hà Lâm (điều chỉnh); Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nội tiết Trung ương TP Hồ Chí Minh; Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính TP, hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm; Dự án Đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng Bệnh viện Phổi Quảng Ninh; Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh (giai đoạn 2021-2025); Bộ Xây dựng 02 dự án; Tổng cục Thuế 25 dự án; TCHQ 15 dự án; KBNN 05 dự án; Quảng Nam 17 dự án; Quảng Ninh 18 dự án; Bắc Giang 09 dự án; Nam Định 03 dự án; Thái Bình 31 dự án; Thanh Hóa 03 dự án; Long An 08 dự án.

<sup>255</sup> Bộ Xây dựng 03 dự án; TP Hà Nội 16 dự án; Quảng Bình 09 dự án; Thừa Thiên Huế 28 dự án; Quảng Ninh 26 dự án; Bắc Giang 21 dự án; Nam Định 12 dự án; Thanh Hóa 21 dự án; Ninh Bình 02 dự án; Kon Tum 01 dự án; Bến Tre 03 dự án; Tiền Giang 01 dự án; Bắc Kạn 07 dự án; Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu; Dự án Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Trung ương Cần Thơ; Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính TP, hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cấm; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội (Dự án thành phần 2.1, 2.2); Dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - Đường bộ ven biển và Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định; Dự án xây dựng trường đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (cơ sở 2) và Dự án xây dựng Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ.

<sup>256</sup> Bộ Y tế (Dự án Viện Pháp y Quốc gia: lập, phê duyệt dự án ban đầu không đảm bảo về nguồn vốn, phải điều chỉnh lại cho phù hợp quy mô, TMĐT mới dẫn đến chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án ban đầu không sử dụng được cho dự án hiện tại); tỉnh Cao Bằng 03 dự án.

<sup>257</sup> TP Hồ Chí Minh 01 dự án.

<sup>258</sup> Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu; Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án Nâng cấp trang thiết bị sản xuất chương trình cho Truyền hình Quốc hội Việt Nam; KBNN (02 dự án); Bộ VH&TT&DL (02 dự án); TCHQ (03 dự án); TP Hồ Chí Minh (03 dự án); Thừa Thiên Huế (02 dự án); Bắc Giang (01 dự án); Phú Yên (03 dự án); Đắk Nông (02 dự án); Bình Thuận (01 dự án).

<sup>259</sup> Bộ Y tế (Dự án của Bệnh viện Việt Đức mục tiêu là xây dựng khám bệnh và điều trị trong ngày, không điều trị nội trú quá 24 giờ song lại phê duyệt phòng mổ dịch vụ (2 phòng); phòng hồi tỉnh (5 giường); buồng bệnh nội trú vip (50 giường); khu điều trị nội trú (100 giường)).

định TMĐT còn sai sót<sup>260</sup>, một số chi phí chưa đủ cơ sở<sup>261</sup>; điều chỉnh thiết kế, dự án, TMĐT trước khi được cấp quyền phê duyệt<sup>262</sup>; một số nội dung đã được cấp thẩm quyền yêu cầu không thực hiện đầu tư nhưng vẫn lập trong TMĐT điều chỉnh<sup>263</sup>; thiết kế chưa đầy đủ cơ sở<sup>264</sup>, vượt quy định<sup>265</sup> hoặc chưa đảm bảo tiêu chuẩn<sup>266</sup>; khảo sát mỏ vật liệu chưa đáp ứng yêu cầu<sup>267</sup>; điều chỉnh bổ sung thiết kế chưa có trong quy hoạch<sup>268</sup>; phê duyệt hình thức quản lý dự án<sup>269</sup>, giao chủ đầu tư<sup>270</sup> chưa phù hợp; chưa lập và trình phê duyệt lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định<sup>271</sup>; chưa có tiêu chuẩn thiết kế<sup>272</sup>; chưa đảm bảo tính đồng bộ<sup>273</sup>.

<sup>260</sup> Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm - công ty than Hà Lâm (điều chỉnh); Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh; Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (4 dự án thành phần); Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu; Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1); Dự án Bệnh viện Chấn thương Chính hình Trung ương Cần Thơ; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội (Dự án thành phần 2.1 địa phận TP Hà Nội, Dự án thành phần 1.2 địa phận tỉnh Hưng Yên); Dự án thành phần đoạn Bãi Vọt - Hàm Nghi, đoạn Hàm Nghi - Vũng Áng và đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Phú Yên (05 dự án); Nam Định (01 dự án); Thanh Hóa (01 dự án).

<sup>261</sup> Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nội tiết Trung ương TP Hồ Chí Minh; Dự án Bệnh viện Chấn thương Chính hình Trung ương Cần Thơ; Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Các dự án thành phần đoạn Chí Thạnh - Vân Phong và đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa phận TP Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Hưng Yên); Dự án thành phần đoạn Bãi Vọt - Hàm Nghi, đoạn Hàm Nghi - Vũng Áng và đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Nam Định (04 dự án); Thanh Hóa (02 dự án); Bình Định (01 dự án).

<sup>262</sup> Dự án ĐTXD Nhà máy xử lý nước thải tập trung Cầu Ngà tại xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, TP Hà Nội.

<sup>263</sup> Tiểu Dự án TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái thuộc Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực theo Quyết định số 1889/QĐ-TTg ngày 28/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ tại các tỉnh Yên Bái, Hải Dương, Thanh Hóa, Hà Tĩnh: (i) Chi phí Khảo sát, lập FS bổ sung, thiết kế bản vẽ thi công công trình đường nối đường Âu Cơ đến cầu Giời Tiên: 3 tỷ đồng; (ii) Đường nối Cầu Bách Lãm - Văn Phú: 191,28 tỷ đồng (Chi phí xây lắp và GPMB).

<sup>264</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (4 dự án thành phần); Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn Cần Thơ - Hậu Giang, Hậu Giang - Cà Mau); Dự án thành phần đoạn Bãi Vọt - Hàm Nghi, đoạn Hàm Nghi - Vũng Áng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

<sup>265</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh An Giang).

<sup>266</sup> Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh (dự án thành phần 2.3); Dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quần - Đường bộ ven biển.

<sup>267</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (dự án thành phần 1, 3, 4); Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu.

<sup>268</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh An Giang): Đơn vị chủ trì thẩm định Dự án (Sở GTVT An Giang) đề xuất bổ sung nút giao tại Km38 mà chưa có trong quy hoạch giao thông tỉnh An Giang (Dự án phê duyệt không có nút giao tại Km38).

<sup>269</sup> Dự án Xây dựng Trung tâm Hội nghị 30-4.

<sup>270</sup> Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội đoạn qua địa phận tỉnh Bắc Ninh, Hưng Yên.

<sup>271</sup> Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2.

<sup>272</sup> Bộ Y tế (Dự án Cải tạo Bệnh viện K: chưa có tiêu chuẩn ban hành về ghé điều trị ngoại trú).

<sup>273</sup> Bộ Nội vụ (Dự án Kho lưu trữ và tổ chức sử dụng tài liệu khu vực phía Nam - Trung tâm Lưu trữ quốc gia II chưa đầu tư các hạng mục trang thiết bị chuyên dụng, chuyên ngành, văn phòng phục vụ công tác lưu trữ nhà nước).

- Công tác khảo sát, lập, thẩm định và phê duyệt thiết kế, dự toán: Khảo sát - thiết kế ban đầu chưa hợp lý, chưa sát thực tế phải điều chỉnh bổ sung; thiết kế - dự toán còn tính sai khối lượng, áp dụng sai định mức, đơn giá xảy ra tại hầu hết các dự án được kiểm toán. Ngoài ra, có dự án chưa có văn bản thẩm định trước khi phê duyệt<sup>274</sup>; chồng lấn với dự án khác<sup>275</sup>; chủ đầu tư không thực hiện công tác giám sát khảo sát<sup>276</sup>; phê duyệt thiết kế không đúng thẩm quyền<sup>277</sup>, không đúng quy định<sup>278</sup>; chỉ dẫn kỹ thuật chưa quy định, hướng dẫn cụ thể<sup>279</sup>; khảo sát, thiết kế bản vẽ thi công chưa tuân thủ tiêu chuẩn<sup>280</sup>, tham khảo, áp dụng tiêu chuẩn không phù hợp<sup>281</sup>; chưa được xây dựng, phê duyệt tiêu chuẩn, quy chuẩn riêng cho loại công trình để áp dụng<sup>282</sup>; chưa thuyết minh rõ lý do điều chỉnh so với thiết kế bước trước<sup>283</sup>; khảo sát mỏ vật liệu chưa đảm bảo quy định<sup>284</sup>; dự toán không cập nhật lại theo quy định<sup>285</sup>; phê duyệt dự toán, thiết kế

<sup>274</sup> Dự án đầu tư khai thác phân dưới mức -50 m than Hà Lâm - công ty than Hà Lâm (điều chỉnh); Dự án Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

<sup>275</sup> Dự án thành phần 3 – Các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không thuộc Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1: Theo thiết kế được duyệt có sự chồng lấn nền đường tại vị trí khớp nối tuyến giao thông kết nối số 2 với cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu (theo mặt cắt ngang, cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu nằm giữa 2 nhánh của tuyến giao thông kết nối số 2).

<sup>276</sup> Quảng Ninh (01 dự án); Quảng Bình (Các dự án tại thị xã Ba Đồn); Thừa Thiên Huế (03 dự án); TP Hồ Chí Minh (Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN).

<sup>277</sup> Quảng Nam (01 dự án); Dự án cải tạo chung cư cũ xuống cấp, nguy hiểm trên địa bàn TP - Công trình Goldenland 5, xây dựng khu chung cư HH1, HH2 Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền.

<sup>278</sup> Tỉnh Bến Tre, Cao Bằng.

<sup>279</sup> Dự án Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối tuyến Quản Lộ Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng.

<sup>280</sup> Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh; Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá; Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (4 dự án thành phần); Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên; Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1); Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; Dự án Đường tỉnh 864 (Đường dọc sông Tiền) giai đoạn 1; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; các dự án thành phần đoạn Chí Thạnh - Vân Phong và đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội (Dự án thành phần 2.1 địa phận TP Hà Nội, dự án thành phần 2.2 địa phận tỉnh Hưng Yên, dự án thành phần 2.3 địa phận tỉnh Bắc Ninh); Dự án thành phần đoạn Bãi Vọt – Hàm Nghi, đoạn Hàm Nghi – Vũng Áng và đoạn Vạn Ninh – Cam Lộ thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Bộ Y tế (01 dự án); Bộ TN&MT (01 dự án); Đắk Nông (01 dự án); Bình Phước (02 dự án).

<sup>281</sup> Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn, đoạn Chí Thạnh - Vân Phong và đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

<sup>282</sup> Dự án Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển khu vực Đồng bằng sông Cửu Long: Hạng mục kè biển chưa được xây dựng, phê duyệt tiêu chuẩn, quy chuẩn riêng cho loại công trình này mà đang áp dụng một số tiêu chuẩn thiết kế có liên quan cho từng bộ phận kết cấu công trình, trong đó có một số nội dung còn khác nhau giữa các tiêu chuẩn áp dụng.

<sup>283</sup> Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 2.1 địa phận TP Hà Nội).

<sup>284</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (Dự án thành phần 1 (Thực hiện khảo sát bổ sung tại bước TKKT không có đủ căn cứ; việc kết luận chất lượng vật liệu không dựa trên căn cứ pháp lý; kết quả thí nghiệm còn mâu thuẫn trong các bước thiết kế); dự án thành phần 3 (Hồ sơ khảo sát mỏ vật liệu chưa cập nhật, bổ sung các thông tin về trữ lượng còn lại của mỏ, quy mô khai thác, khả năng cung cấp cho Dự án (đối với các mỏ đang khai thác) là chưa phù hợp với quy định của Đề cương nhiệm vụ được phê duyệt và quy định tại mục 8.3.7 TCCS 31:2020/TCĐBVN); dự án thành phần 4 (Tư vấn thiết kế đang sử dụng kết quả khảo sát các mỏ vật liệu chính như cát, đất đắp bao tại bước thiết kế cơ sở, do vậy một số kết quả tính toán về kết cấu có tính khả thi chưa cao, chưa sát với thực tế điều kiện nguyên vật liệu có thể sử dụng cho dự án)); Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn Cần Thơ – Hậu Giang,

điều chỉnh chưa đảm bảo quy định<sup>286</sup>; lập dự toán thiếu cơ sở<sup>287</sup>; áp dụng định mức mới/định mức điều chỉnh chưa đảm bảo trình tự, thủ tục<sup>288</sup>; triển khai, nghiệm thu khi chưa được thẩm tra, phê duyệt điều chỉnh thiết kế và dự toán<sup>289</sup>.

- Công tác lựa chọn nhà thầu: Chưa thực hiện<sup>290</sup> hoặc chậm<sup>291</sup> phê duyệt kế hoạch đấu thầu; một số công việc thuộc giai đoạn chuẩn bị đấu tư hoặc Chủ đầu tư “tự thực hiện” không được lập và phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu (LCNT)<sup>292</sup>; xác định hình thức hợp đồng<sup>293</sup>, phân chia gói thầu<sup>294</sup>, áp dụng hình thức chỉ định thầu<sup>295</sup>, hình thức LCNT chưa phù hợp quy định<sup>296</sup>; chưa nêu rõ thời gian cấp vốn để thanh toán cho nhà thầu<sup>297</sup>; tiến độ LCNT chậm so với kế

Hậu Giang - Cà Mau: Tư vấn thiết kế thực hiện khảo sát nguồn cung cấp vật liệu đá theo các tiêu chí về chất lượng, sản lượng, khối lượng đáp ứng được các yêu cầu của dự án và chỉ định lấy từ mỏ đá Antraco của Công ty TNHH liên doanh Antraco, tuy nhiên, giấy phép khai thác của Công ty TNHH liên doanh Antraco hết hạn vào tháng 6/2024, trong khi tiến độ thực hiện của dự án đến hết năm 2025 là không đảm bảo về khả năng cung cấp vật liệu đá theo tiến độ của dự án); Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2 (Công tác khảo sát đường ô tô chưa khảo sát thêm mỏ vật liệu xây dựng là thực hiện chưa đúng theo quy định tại Điều 17.1 Chương 17 Tiêu chuẩn 22TCN 263:2000).

<sup>285</sup> Dự án Xây dựng Trung tâm Hội nghị 30-4; Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 2.2 địa phận tỉnh Hưng Yên).

<sup>286</sup> Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn Cần Thơ - Hậu Giang, Hậu Giang - Cà Mau); Bình Phước (01 dự án); Bình Định (01 dự án).

<sup>287</sup> Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn Cần Thơ – Hậu Giang, Hậu Giang - Cà Mau); Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án Xây dựng tuyến đường bộ mới Nam Định - Lạc Quan - Đường bộ ven biển; Nam Định (06 dự án).

<sup>288</sup> Dự án ĐTXD công trình luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu (giai đoạn 2); Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1); Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An; Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (4 dự án thành phần); các dự án thành phần đoạn Chí Thạnh - Vân Phong và đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 2.1 địa phận TP Hà Nội, dự án thành phần 2.2 địa phận tỉnh Hưng Yên, dự án thành phần 2.3 địa phận tỉnh Bắc Ninh); Dự án Xử lý sạt lở cấp bách bờ sông, bờ biển khu vực Đồng bằng sông Cửu Long; Dự án Nâng cấp cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng; Công trình kiểm soát nguồn nước kênh Nguyễn Tấn Thành và bờ hữu sông Vàm Cỏ Tây; Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu.

<sup>289</sup> Bộ Y tế (Dự án Bệnh viện HN Việt Đức, Dự án Cải tạo Bệnh viện K, Dự án Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện K cơ sở I, II).

<sup>290</sup> Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm – công ty than Hà Lâm (điều chỉnh): Các gói thầu đào lò nhanh; Bộ TN&MT (Dự án Xây dựng Trung tâm điều hành Khí tượng Thủy văn khu vực Tây nguyên phục vụ dự báo cảnh báo thiên tai).

<sup>291</sup> Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 1.1 địa phận TP Hà Nội); Dự án Nâng cấp trang thiết bị sản xuất chương trình cho Truyền hình Quốc hội Việt Nam; Hà Nội (05 dự án); Hà Nam (02 dự án).

<sup>292</sup> Hà Nội (07 dự án); Nam Định (04 dự án); Thái Bình (02 dự án).

<sup>293</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh An Giang); Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1); Tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội (đoạn qua địa phận TP Hà Nội); Hà Nam (01 dự án); Bình Phước (01 dự án).

<sup>294</sup> Tỉnh Cao Bằng (01 dự án).

<sup>295</sup> Tỉnh Bắc Kạn (01 dự án).

<sup>296</sup> Tỉnh Bắc Kạn (02 dự án).

<sup>297</sup> Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính TP, hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cẩm.

hoạch được duyệt<sup>298</sup>, tổ chức LCNT khi chưa có KHV<sup>299</sup>; phê duyệt giá gói thầu chưa đảm bảo quy định<sup>300</sup>; hồ sơ mời thầu chưa cập nhật giá gói thầu<sup>301</sup>, nội dung chưa phù hợp<sup>302</sup>, chưa đầy đủ<sup>303</sup>; đăng tải thông tin chưa đảm bảo quy định<sup>304</sup>; hồ sơ yêu cầu và hồ sơ đề xuất LCNT chỉ định thầu các gói thầu xây lắp còn hạn chế<sup>305</sup>; chỉ định thầu chưa đảm bảo điều kiện<sup>306</sup>, chưa đúng hình thức LCNT được duyệt<sup>307</sup>; chấm thầu chưa phát hiện thiếu sót của hồ sơ dự thầu so với hồ sơ mời thầu<sup>308</sup>; hồ sơ mời thầu quy định chưa rõ ràng<sup>309</sup>; chưa phù hợp

<sup>298</sup> Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm - công ty than Hà Lâm (điều chỉnh); Dự án xây dựng Cung thiếu nhi Hà Nội; Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Dự án đô thị Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá; Dự án Xây dựng Trung tâm Hội nghị 30-4; Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu; Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1); Dự án cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang (giai đoạn 1), đoạn qua tỉnh Hà Giang; Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (dự án thành phần 1, 2); Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 2.2 địa phận tỉnh Hưng Yên); Dự án Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ và Dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2); Tổng cục Thuế (05 dự án); TCHQ (01 dự án); Thừa Thiên Huế (01 dự án); Bắc Giang (01 dự án).

<sup>299</sup> Bình Định (01 dự án); TP Hồ Chí Minh (Ban QLDA ĐTXD các công trình DD&CN); Đắk Nông (02 dự án).

<sup>300</sup> Bình Định (10 dự án); Bình Thuận.

<sup>301</sup> Bình Định (06 dự án).

<sup>302</sup> Hà Nội (huyện Phú Xuyên, Quốc Oai; Ban QLDA ĐTXDCT HTKT&NN TP Hà Nội; Ban QLDA ĐTXD công trình Giao thông Hà Nội); Bình Định (03 dự án); Bắc Giang (01 dự án); Thanh Hóa (09 dự án); Bình Thuận (01 dự án); Long An (Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa).

<sup>303</sup> Quảng Nam (16 dự án); Bình Định (11 dự án); TP Hồ Chí Minh (Các Ban QLDA ĐTXD khu vực quận 5; huyện Nhà Bè; quận Tân Bình; quận Bình Tân; quận Gò Vấp; TP Thủ Đức; huyện Hóc Môn; huyện Củ Chi; Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp; Bệnh viện Nhi đồng 2); Quảng Ninh (09 dự án); Bắc Giang (01 dự án); Phú Yên; Nam Định; Thanh Hóa (01 dự án); Ninh Bình (01 dự án); Đắk Nông (16 dự án).

<sup>304</sup> Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm - công ty than Hà Lâm (điều chỉnh); Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; Dự án ĐTXD công trình Trung tâm Chính trị - Hành chính TP, hệ thống giao thông và hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ tại Khu đô thị Bắc sông Cẩm; Dự án Xây dựng Bệnh viện Nội tiết Trung ương TP Hồ Chí Minh; Bắc Giang (03 dự án); Phú Yên (01 dự án); Nam Định; Kon Tum (17 dự án); Long An ((Ban QLDA ĐTXD huyện Đức Hòa; Ban QLDA ĐTXD huyện Mộc Hóa); Ban QLDA nâng cấp đô thị TP Tân An); Quảng Ninh (02 dự án); Bắc Giang (06 dự án); Thanh Hóa (02 dự án); Ninh Bình (02 dự án); TCHQ (01 dự án).

<sup>305</sup> (i) Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn qua TP Cần Thơ): Hồ sơ yêu cầu: Chưa yêu cầu đầy đủ về số lượng, chủng loại thiết bị thi công chủ yếu... Hồ sơ đề xuất chỉ định thầu: Một số vật liệu như cát các loại, đất đắp, vôi địa, nhựa đường ... chưa thuyết minh đầy đủ khả năng cung cấp để đảm bảo thực hiện gói thầu; (ii) Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 2.1 địa phận TP Hà Nội): Hồ sơ yêu cầu (HSYC) chỉ định thầu có vận dụng mẫu HSYC ban hành theo Thông tư 01/2015/TT-BKHĐT ngày 27/10/2015 đã hết hiệu lực từ ngày 01/8/2022.

<sup>306</sup> Dự án xây dựng Cung thiếu nhi Hà Nội: Không duyệt nhiệm vụ thi tuyển phương án kiến trúc nhưng UBND quận Cầu Giấy vẫn chỉ định thầu tư vấn tổ chức thi tuyển phương án kiến trúc trước khi trình UBND TP về việc thi tuyển; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 2.1 địa phận TP Hà Nội): Thực hiện chỉ định thầu Gói thầu số 05/TP2-TV khi chưa được giao đủ vốn đảm bảo thực hiện gói thầu; Dự án Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ: Chủ đầu tư thực hiện chỉ định thầu gói thầu Tư vấn lập dự án, thiết kế xây dựng công trình trước khi tuyển chọn được phương án kiến trúc xây dựng công trình.

<sup>307</sup> TCHQ (Dự án Trụ sở Chi cục Hải quan cửa khẩu Khánh Bình); Bộ VHTT&DL: 01 dự án.

<sup>308</sup> Dự án xây dựng Cung thiếu nhi Hà Nội; Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không thuộc Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1.

<sup>309</sup> Dự án Xây dựng Bệnh viện Nhi Trung ương cơ sở 2; Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An; Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh Sóc Trăng); Dự án Xây dựng Trung tâm Hội nghị 30-4; Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 2.1 địa phận TP Hà Nội); Dự án Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ và Dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở

chỉ dẫn kỹ thuật<sup>310</sup>, chưa phù hợp quy định<sup>311</sup>, mời thầu thiết bị nêu rõ hãng sản xuất và tương đương không đúng quy định<sup>312</sup>.

- Công tác ký kết hợp đồng xây dựng: Thiếu chặt chẽ, chưa đầy đủ nội dung hoặc nội dung không phù hợp quy định của hồ sơ yêu cầu<sup>313</sup>; bổ sung một số điều khoản không phù hợp<sup>314</sup>; ký khi chưa đảm bảo điều kiện<sup>315</sup>; không phù hợp với hình thức hợp đồng trọn gói<sup>316</sup>; chưa kịp thời điều chỉnh hợp đồng<sup>317</sup> hoặc điều chỉnh không đúng quy định<sup>318</sup>; chưa kê khai khối lượng sử dụng nhà thầu phụ<sup>319</sup>; chậm gia hạn bảo đảm<sup>320</sup>, bảo đảm thực hiện hợp đồng không liên tục<sup>321</sup>; sử dụng thầu phụ khi chưa được chủ đầu tư chấp thuận<sup>322</sup>; hợp đồng tư vấn chưa quy định trách nhiệm đền bù đối với việc tính toán sai khối lượng, số lượng công việc xây lắp<sup>323</sup>.

2); Bộ Xây dựng (03 dự án); Bộ TN&MT (02 dự án); Bộ VHTT&DL (01 dự án); Tổng cục Thuế (11 dự án); TCHQ (06 dự án).

<sup>310</sup> Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ (giai đoạn 1); Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình; Tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Thừa Thiên Huế và cầu qua cửa Thuận An; Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh An Giang); Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025 (đoạn Cần Thơ - Hậu Giang, Hậu Giang - Cà Mau).

<sup>311</sup> Dự án thành phần đoạn Hàm Nghi - Vũng Áng và đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Bộ VHTT&DL (Dự án Nâng cấp, sửa chữa, thay thế cơ sở vật chất, thiết bị và các hạng mục công trình tại Cung thể thao dưới nước - Khu liên hợp thể thao quốc gia).

<sup>312</sup> Bộ Y tế (01 dự án); Bộ VHTT&DL (01 dự án); Dự án đầu tư xây dựng, cải tạo, mở rộng Trường Cao đẳng Việt - Hàn Quảng Ninh (giai đoạn 2021-2025).

<sup>313</sup> Dự án thành phần đoạn Quảng Ngãi - Hoài Nhơn thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án thành phần đoạn Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4-Vùng thủ đô Hà Nội (dự án thành phần 2.1 địa phận TP Hà Nội); Dự án Nâng cấp cải tạo kênh Hồng Ngự - Vĩnh Hưng; Phú Yên (01 dự án).

<sup>314</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 (đoạn qua tỉnh An Giang); Dự án thành phần đoạn Bãi Vọt - Hàm Nghi, đoạn Hàm Nghi - Vũng Áng thuộc dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025; Dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không thuộc Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1.

<sup>315</sup> Dự án Rạp xiếc và biểu diễn đa năng Phú Thọ: Chủ đầu tư ký hợp đồng với công ty AFMEA CIRCUS GROUP trước khi được Bộ Xây dựng cấp Giấy phép thầu; Dự án Công trình kiểm soát nguồn nước bờ Nam sông Hậu: Ban QLĐT&XD Thủy lợi 10 ký hợp đồng gói thầu XL01- Công Âu Rạch Mọp với giá trị 528,5 tỷ đồng, thời gian hoàn thành là tháng 3/2025, trong khi kế hoạch vốn trung hạn 2021-2025 là 470 tỷ đồng.

<sup>316</sup> Quảng Ninh (03 dự án: Hợp đồng các gói thầu xây lắp của dự án có điều khoản thanh toán “Chủ đầu tư thanh toán cho nhà thầu trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu với đơn giá trong hợp đồng và theo tiến độ cấp vốn của cơ quan có thẩm quyền” chưa phù hợp quy định đối với hình thức hợp đồng trọn gói); Phú Yên (04 dự án: điều khoản hợp đồng về điều chỉnh giá quy định theo hợp đồng đơn giá điều chỉnh tại Điều 9 “Trường hợp khối lượng công việc thực tế thực hiện tăng lớn hơn 20% khối lượng công việc tương ứng ghi trong hợp đồng, đơn giá mới chỉ được áp dụng cho phần khối lượng thực tế vượt quá 120% khối lượng ghi trong hợp đồng.....” chưa phù hợp với quy định); Kon Tum (01 dự án: Hợp đồng quy định điều chỉnh giá hợp đồng theo công bố giá của Sở Xây dựng tỉnh Kon Tum chưa đúng quy định).

<sup>317</sup> Hà Nội (Ban QLDA ĐTXD quận Tây Hồ; Huyện Mê Linh, Ban QLDA ĐTXDCT HKT&NN TP Hà Nội); Thanh Hóa (03 dự án); Ninh Bình.

<sup>318</sup> Đắk Nông (01 dự án); TP Hồ Chí Minh (01 dự án); Long An (01 dự án).

<sup>319</sup> Ninh Bình (01 dự án).

<sup>320</sup> Bộ VHTT&DL (02 dự án); Hà Nội (01 dự án); Bình Thuận (01 dự án); Bắc Giang (03 dự án).

<sup>321</sup> Bình Thuận (03 dự án); TP Hồ Chí Minh (01 dự án).

<sup>322</sup> Bộ Nội vụ (Dự án Cải tạo, sửa chữa kho lưu trữ Trung tâm Lưu trữ quốc gia IV - Gói thầu số 11).

<sup>323</sup> Dự án Nâng cấp trang thiết bị sản xuất chương trình cho Truyền hình Quốc hội Việt Nam; Thanh Hóa (02 dự án); Ninh Bình (09 dự án); Thái Bình (13 dự án), Bến Tre, Cao Bằng, Bắc Kạn.

- Công tác quản lý chất lượng: Ghi chép nhật ký công trình, hồ sơ hoàn công chưa đầy đủ xảy ra tại hầu hết dự án được kiểm toán; chủ đầu tư chưa lập báo cáo gửi cấp thẩm quyền trước khi tổ chức nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng<sup>324</sup>; thay đổi biện pháp thi công chưa đảm bảo thủ tục<sup>325</sup>; chưa tuân thủ quy định về sử dụng vật liệu xây không nung<sup>326</sup>; chưa thực hiện đầy đủ việc mua bảo hiểm đối với các thiết bị của nhà thầu, bảo hiểm đối với bên thứ ba<sup>327</sup>; dự án thi công dở dang, tạm dừng<sup>328</sup>; chưa kiểm tra năng lực thực tế của nhà thầu so với hợp đồng đã ký kết<sup>329</sup>; chưa thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư<sup>330</sup>; chưa cập nhật thông tin trên “Hệ thống thông tin về giám sát”<sup>331</sup>.

- Công tác quản lý tiến độ: Nhiều dự án chậm tiến độ so với thời gian phê duyệt ban đầu, trong đó có dự án chậm trên 05 năm<sup>332</sup>. Nguyên nhân chủ yếu do vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng (GPMB), dịch bệnh Covid-19, thay đổi chuyên gia chủ đầu tư, thay đổi điều chỉnh thiết kế, khan hiếm nguồn vật liệu, một số dự án kỹ thuật thi công đặc thù nên chưa lường hết mức độ phức tạp trong thi công. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng nhưng chưa báo cáo người có thẩm quyền<sup>333</sup>; chưa báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng<sup>334</sup>. Ngoài ra, còn trường hợp dự án đã đình hoãn, chưa tái khởi động<sup>335</sup>.

- Công tác nghiệm thu, giải ngân, thanh toán, quyết toán: Nghiệm thu, thanh toán tại nhiều dự án còn tính trùng, thừa khối lượng so với bản vẽ hoàn

<sup>324</sup> Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm – công ty than Hà Lâm (điều chỉnh): Không lập báo cáo gửi Bộ Công Thương.

<sup>325</sup> Dự án Bệnh viện Chấn thương Chỉnh hình Trung ương Cần Thơ.

<sup>326</sup> Bộ VHNT&DL (Dự án Mở rộng trường ĐHTDĐT Bắc Ninh - Trung tâm HL VĐV trẻ Giai đoạn II).

<sup>327</sup> Bộ Y tế (Dự án Trường ĐHYD Hải Phòng, Dự án Cải tạo Bệnh viện K); Bộ VHNT&DL (01 dự án); Quảng Ninh 04 dự án.

<sup>328</sup> Bình Phước 01 dự án.

<sup>329</sup> Quảng Bình (các dự án tại thị xã Ba Đồn); Thừa Thiên Huế; Quảng Ninh (04 dự án).

<sup>330</sup> (i) Chưa đầy đủ nội dung theo quy định: Bộ VHNT&DL (02 dự án); tỉnh Hà Nam, Bắc Giang, Quảng Nam, Nam Định (01 đơn vị), Thái Bình, Quảng Ninh (01 TP), Phú Yên (01 huyện), Thái Bình (01 đơn vị), Đồng Tháp (02 huyện); (ii) Chậm lập, gửi báo cáo: Bắc Giang (02 huyện), Kon Tum (03 huyện), Bắc Kạn, Vĩnh Long; (iii) Không lập, gửi Báo cáo: Quảng Nam (03/40 đơn vị chủ đầu tư), Phú Yên (02 đơn vị), Thái Bình (02 Đoàn kiểm tra, giám sát của Sở KH&ĐT); (iv) Chưa theo dõi, kiểm tra: Tỉnh Kon Tum (UBND tỉnh, 03 huyện); Đắk Nông (03 huyện), Đồng Tháp (04 huyện).

<sup>331</sup> Tỉnh Quảng Nam (346/2465 dự án chưa thực hiện báo cáo giám sát, đánh giá đầu tư trên Hệ thống thông tin giám sát); Ninh Thuận (09 chủ đầu tư); Phú Yên (02 đơn vị).

<sup>332</sup> (i) Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm - công ty than Hà Lâm (điều chỉnh): Theo Quyết định số 2095/QĐ-HĐQT ngày 05/09/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt dự án đầu tư, dự án dự kiến hoàn thành năm 2012. Dự án hoàn thành chậm 05 năm so với tiến độ phê duyệt ban đầu, trong quá trình thực hiện phải điều chỉnh thời hạn hoàn thành 02 lần; (ii) Dự án Xây dựng Trung tâm Hội nghị 30-4: Tiến độ thực hiện dự án chậm khoảng 05 năm 06 tháng so với Quyết định phê duyệt dự án ban đầu; (iii) Dự án Xây dựng Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch (Cơ sở 2): Dự án được duyệt với thời gian thực hiện 04 năm (2016-2020), nhưng không hoàn thành theo kế hoạch được duyệt, phải điều chỉnh gia hạn 02 lần kéo dài thêm 05 năm (2016-2025); (iv) Ban Quản lý Khu Đại học Nam Cao tỉnh Hà Nam: Dự án chậm tiến độ hơn 10 năm so với quyết định phê duyệt ban đầu.

<sup>333</sup> Tỉnh Tiền Giang, tỉnh Trà Vinh.

<sup>334</sup> Tỉnh Đồng Tháp.

<sup>335</sup> Bộ Y tế (Dự án ĐTXD mới cơ sở 2 của Bệnh viện Bạch Mai và Dự án xây dựng mới cơ sở 2 của Bệnh viện Việt Đức) đình hoãn từ năm 2020 đến thời điểm kiểm toán (tháng 5/2024) chưa tái khởi động.

công, thanh toán sai đơn giá, thanh toán khi chưa đầy đủ điều kiện; chậm lập<sup>336</sup>, thẩm tra<sup>337</sup>, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành<sup>338</sup>, chậm nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng<sup>339</sup>; chưa thực hiện điều chỉnh giá<sup>340</sup>, chưa thu hồi tạm ứng theo quy định<sup>341</sup>; không giải ngân<sup>342</sup> hoặc tỷ lệ giải ngân vốn thấp<sup>343</sup>, chưa đạt KHV được giao<sup>344</sup>; sử dụng vốn không đúng nguồn<sup>345</sup>, không đúng phạm vi

<sup>336</sup> Bộ Y tế 03 dự án; Bộ VHNT&DL 07 dự án; Bộ Xây dựng 02 dự án; Tổng cục Thuế 03 dự án; TCHQ 06 dự án; Dự án đầu tư khai thác phần dưới mức -50 mỏ than Hà Lâm - công ty than Hà Lâm điều chỉnh; Hà Nội 82 dự án, 10 Chủ đầu tư; Hà Nam 20 dự án, 05 Chủ đầu tư; Quảng Bình 14 dự án; Thừa Thiên Huế 05 dự án; Quảng Nam 259 dự án; Bình Định 157 dự án; TP Hồ Chí Minh 76 dự án, 06 Chủ đầu tư; Bắc Giang 02 dự án; Phú Yên 29 dự án; Ninh Thuận 11 dự án; Nam Định 36 dự án; Thái Bình 352 dự án; Ninh Bình 25 dự án; Đắk Nông 02 dự án; Đồng Nai 273 dự án; Bình Thuận 13 dự án; Long An 174 dự án; Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Cao Bằng, Bắc Kạn, Vĩnh Long, An Giang.

<sup>337</sup> Bộ Y tế 06 dự án; Bộ VHNT&DL 02 dự án.

<sup>338</sup> Bộ Xây dựng 12 dự án; Bộ Y tế 02 dự án; Bộ VHNT&DL 08 dự án; Bộ GD&ĐT 05 dự án; Tổng cục Thuế 05 dự án; Hà Nội 10 Chủ đầu tư; Hà Nam 10 dự án; Quảng Bình 06 dự án; Thừa Thiên Huế 04 dự án; Quảng Nam 01 dự án; TP Hồ Chí Minh 191 dự án; Quảng Ninh 01 dự án; Phú Yên 03 dự án; Thái Bình 25 dự án; Đắk Nông 01 dự án; Long An 11 dự án.

<sup>339</sup> Bộ GD&ĐT: Dự án Nhà học 5 tầng chậm nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác, sử dụng của gói thầu xây lắp chính 11 tháng; Hà Nội: Phú Xuyên, Quốc Oai.

<sup>340</sup> Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - Tiểu dự án đô thị Kỳ Anh; Dự án thành phần 3 – Các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không thuộc Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1; Dự án thành phần đoạn Chí Thạnh – Vân Phong và đoạn Vân Phong – Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

<sup>341</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 dự án thành phần 1 số tiền 1.464 tỷ đồng, dự án thành phần 4 số tiền 31,97 tỷ đồng; Dự án Đường tỉnh 864 Đường dọc sông Tiền giai đoạn 1 số tiền 13,07 tỷ đồng; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 – Vùng thủ đô Hà Nội dự án thành phần 1.1 địa phận TP Hà Nội: huyện Hoài Đức 4,62 tỷ đồng, huyện Mê Linh 3,21 tỷ đồng, huyện Thường Tín 80,57 tỷ đồng, huyện Đan Phượng 7,23 tỷ đồng; Tổng cục Thuế 05 dự án số tiền 6,3 tỷ đồng; KBNN 19,9 tỷ đồng, trong đó riêng Dự án xây dựng trụ sở KBNN Long An là 11,92 tỷ đồng; Bộ GD&ĐT 02 dự án số tiền 61,1 tỷ đồng; Bộ Xây dựng 0,57 tỷ đồng tại 02 nhiệm vụ quy hoạch từ nhiều năm trước Quy hoạch xây dựng vùng duyên hải nam trung bộ có số dư tạm ứng 0,27 tỷ đồng; Đo đạc bản đồ nghĩa trang Mai Dịch có số dư tạm ứng 0,3 tỷ đồng; Bộ GTVT: Rà soát báo cáo số tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đến tháng 6/2024 là 690,3 tỷ đồng; ngoài số tạm ứng trên, qua rà soát một số Biên bản xét duyệt quyết toán niên độ năm 2023 của Bộ GTVT đối với chủ đầu tư còn một số dự án có số tạm ứng quá hạn chưa thu hồi đến tháng 01/2024 là 81,8 tỷ đồng; BTC: Một số dự án có số dư tạm ứng từ trước năm 2020 chưa thu hồi 7,07 tỷ đồng; Bộ NN&PTNT 45,8 tỷ đồng; Bộ Công Thương 4,7 tỷ đồng; Bộ Tư pháp 24,8 tỷ đồng; Bộ Y tế 2.025,9 tỷ đồng; ĐHQGHN 213,06 tỷ đồng; Tổng L&Đ&VN 3,8 tỷ đồng; Dự án Bảo tàng Công nhân và Công đoàn Việt Nam; Trung ương Hội LHPNVN 0,24 tỷ đồng; Dự án HVPN và Dự án BTPN; Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh 9,02 tỷ đồng; Đài TNVN 2,4 tỷ đồng; Dự án Xây dựng trụ sở Cơ quan thường trú Đồng bằng Sông Cửu Long; TP Hồ Chí Minh: Các ban QLDA ĐTXD khu vực: huyện Nhà Bè; TP Thủ Đức; huyện Hóc Môn; các ban QLDA ĐTXD các công trình: Dân dụng và Công nghiệp; Giao thông; Nam Định 05 dự án, số tiền 3,13 tỷ đồng; Long An 24 dự án, số tiền 738,12 tỷ đồng; Quảng Bình 27 dự án, số tiền 90,89 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế 40 dự án, số tiền 32,84 tỷ đồng; Quảng Nam: 19 dự án tại KBNN tỉnh; một số dự án tại: Huyện Thăng Bình, Thị xã Điện Bàn, TP Tam Kỳ, Huyện Núi Thành; tổng số tiền 35,42 tỷ đồng; Bình Định 03 dự án, số tiền 10,25 tỷ đồng; Bắc Giang một số dự án tại thị xã Việt Yên, số tiền 14,60 tỷ đồng; Thái Bình 07 dự án tại TP Thái Bình và một số dự án cấp tỉnh; tổng số tiền 17 tỷ đồng; Bình Phước 188,99 tỷ đồng; Đồng Tháp số tiền 167,66 tỷ đồng, Bến Tre số tiền 98,91 tỷ đồng; Trà Vinh số tiền 203,25 tỷ đồng; Vĩnh Long số tiền 26,95 tỷ đồng, An Giang số tiền 421,68 tỷ đồng, Tiền Giang số tiền 83,40 tỷ đồng.

<sup>342</sup> TP Hồ Chí Minh (Ban QLDA ĐTXD công trình: huyện Nhà Bè 13 dự án, TP Thủ Đức 46 dự án, quận Tân Bình 02 dự án).

<sup>343</sup> Tỉnh Quảng Ninh (03 dự án); Phú Yên (02 dự án); TP Hồ Chí Minh (Ban QLDA ĐTXD công trình: huyện Nhà Bè 16 dự án, huyện Hóc Môn 01 dự án, huyện Củ Chi 54 dự án; Ban QLDA ĐTXD các công trình giao thông TP Hồ Chí Minh 63%, Bệnh viện Nhi đồng 2 63,5%).

<sup>344</sup> Dự án Vệ sinh môi trường TP Hồ Chí Minh - Giai đoạn 2; Dự án Phát triển tổng hợp các đô thị động lực - TP Hải Dương, tỉnh Hải Dương; Dự án TP Yên Bái, tỉnh Yên Bái; Dự án Xây dựng Trung tâm Hội nghị 30-4; Dự án Xây dựng Bệnh viện Phụ sản Trung ương cơ sở 2; Dự án cải tạo cầu yếu và cầu kết nối trên các quốc lộ giai

dự án<sup>346</sup>; thanh toán công việc phát sinh ngoài hợp đồng khi chưa thống nhất được khối lượng trước khi ký phụ lục hợp đồng<sup>347</sup>; chưa xác định khối lượng vật tư thu hồi khi quyết toán<sup>348</sup>; giải ngân chi phí GPMB vượt TMĐT được duyệt<sup>349</sup>; nghiệm thu, thanh toán khối lượng không có đầy đủ hồ sơ<sup>350</sup>; chưa tắt toán tài khoản<sup>351</sup>, chưa xử lý dứt điểm công nợ<sup>352</sup> đối với dự án đã phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành.

- Việc thực hiện các chính sách, quy định khác có liên quan: Chưa có hồ sơ phương án bảo vệ và sử dụng tầng đất mặt của đất chuyên trồng lúa nước<sup>353</sup>; chưa tính toán, xác định giá trị khoản tiền phải nộp để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa đối với diện tích đất trồng lúa nước đã được GPMB để thực hiện dự án<sup>354</sup>; kê khai và nộp phí bảo vệ môi trường<sup>355</sup>, thuế tài nguyên và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản<sup>356</sup> chưa đầy đủ, kịp thời; chưa báo cáo cấp có thẩm quyền đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản theo quy định<sup>357</sup>; chưa quy định việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn xây dựng và quy hoạch địa điểm đổ chất thải từ hoạt động xây dựng<sup>358</sup>.

---

đoạn 1; Dự án thành phần 2: Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu thuộc Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3, tỉnh Quảng Bình.

<sup>345</sup> Tỉnh Bắc Giang 01 dự án: Khu số 3 thuộc khu đô thị phía Nam, TP Bắc Giang; Dự án thành phần đầu tư xây dựng đoạn Diễn Châu - Bãi Vọt thuộc Dự án xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020: Sử dụng nguồn vốn VGF để thanh toán cho chi phí thiết bị của dự án là chưa đảm bảo quy định. Đến thời điểm 30/9/2024, số vốn VGF đã thanh toán cho phần chi phí thiết bị của dự án là 110,74 tỷ đồng.

<sup>346</sup> Dự án ĐTXD Bến cảng Liên Chiểu: (i) Sử dụng vốn NSDP để thực hiện một số nội dung, nhiệm vụ tư vấn ngoài phạm vi dự án giá trị 1,65 tỷ đồng; (ii) Sử dụng vốn bố trí cho dự án để thực hiện một số gói thầu tư vấn liên quan đến công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi, lập quy hoạch chi tiết có một phần công việc ngoài phạm vi dự án nhưng tại thời điểm kiểm toán chưa đủ căn cứ, cơ sở để xác định chi phí hợp lý được quyết toán vào dự án có tổng giá trị thanh toán là 12,59 tỷ đồng.

<sup>347</sup> Dự án thành phần 3 - Các công trình thiết yếu trong Cảng hàng không thuộc Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1.

<sup>348</sup> Bình Định 02 dự án.

<sup>349</sup> Bình Thuận: Dự án Trường Chính trị Tỉnh.

<sup>350</sup> Bình Thuận dự án Cải tạo nâng cấp đường từ huyện Hàm Thuận Bắc đi xã La Dạ: Hồ sơ mời thầu, dự thầu, hợp đồng thi công xây lắp, hồ sơ thanh toán các đợt 3, 4, 7 và quyết toán A-B đều thể hiện việc có thực hiện các khối lượng xây lắp hạng mục Hạ tầng trạm trộn bê tông nhựa với tổng số tiền 1,71 tỷ đồng, tuy nhiên, qua kiểm toán các hồ sơ quản lý chất lượng, bản vẽ hoàn công đều không thể hiện việc thi công hoàn thành hạng mục Hạ tầng trạm trộn bê tông nhựa, cụ thể: Chủ đầu tư và nhà thầu không cung cấp được văn bản chấp thuận địa điểm đặt trạm của chính quyền địa phương; không cung cấp được tài liệu về tác động môi trường của hạng mục hạ tầng trạm trộn bê tông nhựa; Chủ đầu tư và nhà thầu không cung cấp được bản vẽ hoàn công, biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục Hạ tầng trạm trộn bê tông nhựa theo quy định.

<sup>351</sup> TP Hồ Chí Minh 132 dự án; Long An 08 dự án; Tiền Giang, Vĩnh Long.

<sup>352</sup> Tỉnh Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, An Giang, Hà Giang.

<sup>353</sup> Dự án ĐTXD đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 dự án thành phần 1, 2, 3; Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội đoạn qua địa phận TP Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, tỉnh Hưng Yên; Dự án thành phần đoạn Bãi Vọt - Hàm Nghi, đoạn Hàm Nghi - Vũng Áng và đoạn Vạn Ninh - Cam Lộ thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

<sup>354</sup> Dự án đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1 Dự án thành phần 1, 2, 3.

<sup>355</sup> Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1.

<sup>356</sup> Dự án thành phần đoạn Chí Thạnh - Vân Phong và Vân Phong - Nha Trang thuộc Dự án xây dựng công trình đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025.

<sup>357</sup> Dự án ĐTXD Cảng hàng không quốc tế Long Thành giai đoạn 1.

<sup>358</sup> Dự án ĐTXD tuyến đường Vành đai 4 - Vùng thủ đô Hà Nội địa phận tỉnh Bắc Ninh.

(8) Ngoài ra, đối với các dự án ODA còn chưa thực hiện ghi thu, ghi chi theo quy định<sup>359</sup>; một số dự án thuộc Tổng công ty chưa có doanh thu, chậm đưa vào kinh doanh, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn<sup>360</sup>.

### 2.2.2. Chi thường xuyên

(1) Một số bộ, cơ quan trung ương chi không đúng chế độ, như: Chi trả phụ cấp không đúng quy định<sup>361</sup>; miễn giảm học phí cho học viên một số chuyên ngành nhưng chưa được nhà nước đặt hàng<sup>362</sup>; chi một số nội dung mang tính thường xuyên theo chức năng nhiệm vụ đã có trong nội dung định mức chi<sup>363</sup>; chi khen thưởng không có mức chi cụ thể<sup>364</sup>, không đúng đối tượng<sup>365</sup>; quyết toán vượt kinh phí miễn giảm học phí, vượt định mức, không có trong dự toán, không phù hợp thực tế<sup>366</sup>...

(2) Một số địa phương ngân sách hụt thu nhưng chưa kịp thời xây dựng phương án xử lý<sup>367</sup>, chưa trình Thường trực HĐND để xử lý hụt thu theo quy định<sup>368</sup> hoặc điều hành ngân sách chưa phù hợp quy định<sup>369</sup>; 07/56 địa phương

<sup>359</sup> Tỉnh Tiền Giang.

<sup>360</sup> HUD: Dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 6 thuộc khu dân cư - Công viên giải trí Hiệp Bình Phước; Dự án ĐTXD hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị sinh thái Chánh Mỹ giai đoạn 1; Dự án Khu dân cư thôn Mầu.

<sup>361</sup> KBNN: Chi trả phụ cấp chức vụ cho lãnh đạo là phó trưởng phòng không đúng quy định tại Nghị định số 204/2004/NĐ-CP là 0,09 tỷ đồng; Bộ VHNT&DL: Chi phụ cấp ưu đãi, phụ cấp trách nhiệm cho nhà giáo tại 13 trường đại học và học viện về nghệ thuật, âm nhạc vận dụng mức chi như Trường chuyên biệt không đúng quy định.

<sup>362</sup> Bộ Y tế: Miễn học phí cho các học viên chuyên ngành Lao, Phong, Tâm thần, Pháp y nhưng chưa được Nhà nước đặt hàng là 16,69 tỷ đồng.

<sup>363</sup> Bộ Nội vụ: Sử dụng nguồn kinh phí không tự chủ để chi cho các nội dung thuộc nhiệm vụ chi của nguồn kinh phí tự chủ đối với kinh phí quản lý hành chính 0,70 tỷ đồng, kinh phí sự nghiệp giáo dục đào tạo 1,03 tỷ đồng; Bộ VHNT&DL: Chi một số nội dung nghiệp vụ mang tính thường xuyên theo chức năng nhiệm vụ đã có trong nội dung định mức chi quản lý hành chính 10,94 tỷ đồng.

<sup>364</sup> Tổng cục Thuế: Chi 0,56 tỷ đồng khen thưởng tập thể, cá nhân không có mức chi cụ thể theo từng đợt phát động thi đua theo quy định.

<sup>365</sup> Bộ VHNT&DL (Văn phòng Bộ): Chi tiền thưởng đột xuất từ Quỹ thi đua, khen thưởng của Bộ cho các đối tượng ngoài biên chế, quỹ lương của Bộ, số tiền 1,35 tỷ đồng chưa phù hợp quy định.

<sup>366</sup> (i) Bộ Xây dựng: Một số đơn vị xác định mức NSNN cấp kinh phí miễn, giảm học phí vượt quy định 1,01 tỷ đồng; (ii) Bộ TN&MT: Chi tiền công tác phí đi khảo sát vượt định mức 0,01 tỷ đồng; quyết toán tiền thêm giờ phân bổ vào kinh phí thực hiện đề tài không có cơ sở 0,02 tỷ đồng; một số đề tài xây dựng dự toán tiền công lao động của kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ với hệ số 0,16 không đúng quy định 0,03 tỷ đồng; (iii) Bộ VHNT&DL: Đề án nâng cao năng lực ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc gia giai đoạn 2017-2025: Chi tiền ăn, ngủ cho giảng viên thuê ngoài không có nội dung chi trong hợp đồng thuê; chi vận chuyển không có trong dự toán được duyệt; chi đào tạo lưu học sinh Lào vượt mức quy định; quyết toán kinh phí thực hiện miễn, giảm học phí cho sinh viên vượt quy định; chi tiền ăn cho một số vận động viên đi tập huấn nước ngoài, không trực tiếp tập huấn tại các Trung tâm chưa đảm bảo quy định; (iv) Bộ GD&ĐT: Quyết toán vượt 0,34 tỷ đồng kinh phí miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và trợ cấp xã hội cho sinh viên thôi học, bảo lưu, tạm dừng học theo quy định; chi kinh phí hỗ trợ tiền đóng học phí sinh viên sư phạm vượt định mức so với quy định là 0,07 tỷ đồng; chi một số nội dung thuộc Đề án dạy và học ngoại ngữ thừa so với số người học thực tế, chưa phù hợp với thời gian đào tạo 0,02 tỷ đồng; (v) Tổng cục Hải quan: Quyết toán chi làm thêm giờ, tiền phép năm chưa phù hợp với quy định số tiền là 0,01 tỷ đồng.

<sup>367</sup> Tỉnh Đắk Nông (huyện Cư Jút, Tuy Đức, Đắk Glong); Bình Thuận.

<sup>368</sup> Tỉnh Bình Định (thị xã An Nhơn); Quảng Trị; Bình Dương; Bắc Kạn (huyện Ba Bè).

<sup>369</sup> Tỉnh Bình Định (ngân sách tỉnh hụt thu tiền sử dụng đất, địa phương chưa bám sát vào tiến độ thu tiền sử dụng đất để giải ngân và chưa chủ động rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu này theo quy định dẫn đến phải điều chỉnh giảm KHV đối với số thanh toán về đền bù, giải phóng mặt bằng 538,08 tỷ đồng chuyển sang tạm ứng ngoài kế hoạch không đúng quy định); Đắk Nông (huyện Đắk Song 26,56 tỷ đồng; Tuy Đức 18,19 tỷ đồng; huyện Cư Jút 27,15 tỷ đồng; Đắk Glong 25,65 tỷ đồng) hụt thu nhưng sử dụng nguồn CCTL, nguồn kinh phí bổ sung có mục tiêu, nhiệm vụ từ ngân sách cấp trên để bù hụt thu

hỗ trợ không đúng nhiệm vụ chi theo phân cấp<sup>370</sup>; 06/56 địa phương sử dụng sai nguồn 135,68 tỷ đồng<sup>371</sup>. Tại một số địa phương, số thu từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa hòa chung vào thu NSDP để thực hiện các nhiệm vụ chi không đúng quy định<sup>372</sup>; sử dụng hoặc phương án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi để chi thường xuyên chưa đúng thứ tự ưu tiên, chưa có nội dung chi cụ thể<sup>373</sup>; cấp phát bằng lệnh chi tiền cho các đơn vị nhưng chưa được cơ quan tài chính các cấp kiểm soát chi<sup>374</sup>; chưa ghi thu, ghi chi<sup>375</sup>; một số đơn vị được giao tự chủ kinh phí còn sử dụng nguồn CCTL của đơn vị để chi lương theo dự toán<sup>376</sup>.

(3) Việc thực hiện Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ còn tồn tại: Một số địa phương chậm giao quyền tự chủ cho các đơn vị sự nghiệp công lập<sup>377</sup>; chưa tổng hợp danh mục các đơn vị sự nghiệp công lập đề xuất chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2022-2025 để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt<sup>378</sup>; xác định phần kinh phí còn thiếu giữa các khoản thu so với tổng các khoản chi làm cơ sở ngân sách hỗ trợ kinh phí thường xuyên năm 2023 chưa phù hợp<sup>379</sup>. Ngoài ra, kết quả kiểm toán chuyên đề về thực hiện cơ chế tự chủ cho thấy, quy chế chi tiêu nội bộ chưa đảm bảo theo quy định<sup>380</sup>; đặt

---

ngân sách huyện); Quảng Bình (huyện Bố Trạch sử dụng nguồn CCTL, nguồn tinh bổ sung có mục tiêu, nguồn sự nghiệp giáo dục để bù hụt thu cân đối ngân sách; TP Đồng Hới sử dụng nguồn kinh phí tinh bổ sung có mục tiêu, kinh phí chương trình mục tiêu quốc gia để bù hụt thu); Thái Bình (ngân sách cấp tỉnh hụt thu đã thực hiện cắt giảm một số khoản chi và sử dụng nguồn thu tiền đất 170,75 tỷ đồng và nguồn thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa 129,61 tỷ đồng để bù hụt thu chưa phù hợp với mục đích sử dụng nguồn thu tiền đất); Bình Phước (chưa thực hiện rà soát, cắt giảm hoặc giãn tiến độ thực hiện các công trình, dự án được bố trí từ nguồn thu sử dụng đất trong trường hợp hụt thu nguồn sử dụng đất); Long An (13/15 huyện hụt thu ngân sách so dự toán tỉnh giao 607,55 tỷ đồng, các huyện chưa sử dụng hết khả năng cân đối của huyện để bù đắp hụt thu, trong đó có 6/13 huyện hụt thu còn sử dụng 158,10 tỷ đồng từ nguồn CCTL để bù đắp hụt thu chưa đúng quy định).

<sup>370</sup> Tỉnh Quảng Nam 1,84 tỷ đồng (thị xã Điện Bàn 0,26 tỷ đồng, các huyện: Thăng Bình 0,96 tỷ đồng, Núi Thành 0,36 tỷ đồng, Đại Lộc 0,17 tỷ đồng, Bắc Trà My 0,09 tỷ đồng); Quảng Bình 2,51 tỷ đồng (ngân sách cấp tỉnh 0,6 tỷ đồng; ngân sách cấp huyện 1,91 tỷ đồng); Thừa Thiên Huế 1,70 tỷ đồng (thị xã Hương Thủy 0,3 tỷ đồng; huyện Phong Điền 1,01 tỷ đồng; huyện Quảng Điền 0,11 tỷ đồng; TP Huế 0,27 tỷ đồng); Bình Thuận; Quảng Ninh 2,46 tỷ đồng; Quảng Trị 1,31 tỷ đồng; Bạc Liêu 0,8 tỷ đồng.

<sup>371</sup> Tỉnh Bình Định 8,41 tỷ đồng; Quảng Nam 2,33 tỷ đồng; Đắk Nông 19,73 tỷ đồng; Quảng Bình 25,74 tỷ đồng; Vĩnh Long 10,53 tỷ đồng; Cà Mau 68,94 tỷ đồng.

<sup>372</sup> Tỉnh Bình Định (huyện Phù Cát); Gia Lai; Bình Thuận; Đắk Lắk; Tiền Giang 3,98 tỷ đồng.

<sup>373</sup> TP Hà Nội (Quận Ba Đình 32,6 tỷ đồng, Quận Tây Hồ 40,37 tỷ đồng còn sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi cho các nhiệm vụ chi thường xuyên mà chưa ưu tiên bố trí các nhiệm vụ chi theo quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật NSNN); Hà Nam (huyện Kim Bảng; Xã Đồng Hóa 0,15 tỷ đồng; Xã Nhật Tựu 0,21 tỷ đồng; xã Thi Sơn 0,10 tỷ đồng); Quảng Nam (sử dụng nguồn tăng thu năm 2022 để chi thường xuyên chưa đảm bảo thứ tự ưu tiên các huyện: Núi Thành 16 tỷ đồng; Đại Lộc 0,55 tỷ đồng; Nam Trà My 5,14 tỷ đồng; Đông Giang 8,51 tỷ đồng); Bình Dương (phương án sử dụng nguồn tăng thu, tiết kiệm chi ngân sách năm 2023 chuyển nguồn sang năm 2024 của một số huyện, TP còn một số khoản không có nội dung chi cụ thể); Đắk Lắk (phương án tăng thu, tiết kiệm chi và chuyển nguồn tăng chi đầu tư một số dự án quan trọng chưa thuyết minh chi tiết danh mục dự án).

<sup>374</sup> Tỉnh Quảng Bình; Thừa Thiên Huế; Bình Thuận.

<sup>375</sup> TP Hồ Chí Minh (chưa ghi thu, ghi chi đối với các khoản viện trợ, vốn ODA, tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp); Long An (chưa ghi thu, ghi chi tiền bồi thường đất, hỗ trợ đất được trừ vào tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp).

<sup>376</sup> Tỉnh Bạc Liêu.

<sup>377</sup> TP Hồ Chí Minh.

<sup>378</sup> TP Hồ Chí Minh; Long An.

<sup>379</sup> Tỉnh Bình Định; Phú Yên; Đắk Lắk; Kon Tum.

<sup>380</sup> (i) Bộ Xây dựng: Một số đơn vị chưa sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ phù hợp theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và Thông tư số 56/2022/TT-BTC; Quy chế tài chính, Quy chế chi tiêu nội bộ chưa quy định đầy đủ nội dung (Trường ĐHKHT Hà Nội, Trường ĐHXD Miền Trung, Viện QHĐTNTQG, Viện KHCN Xây dựng);

hàng, giao nhiệm vụ cho một số đơn vị khi chưa phê duyệt phương án tự chủ; triển khai thực hiện phương án tự chủ chưa kịp thời, chưa hoàn thành việc ban hành đơn giá, định mức - kỹ thuật đối với các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN do bộ quản lý<sup>381</sup>.

(4) Về nguồn thực hiện chính sách CCTL: (i) Tại các bộ, cơ quan trung ương: Một số đơn vị sự nghiệp công lập chưa trích lập, trích lập nguồn CCTL chưa đảm bảo tỷ lệ<sup>382</sup>; chưa quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn CCTL<sup>383</sup>; không thuộc đối tượng trích lập nhưng vẫn trích<sup>384</sup>; (ii) Tại các

xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ chưa đúng mẫu tại Thông tư số 56/2022/TT-BTC (Trường ĐHXD Miền Trung); (ii) Bệnh viện Bạch Mai: Năm 2023, quy định về “giao quyền theo dõi thu - chi cho các khoa phòng, các trung tâm, đơn vị trực thuộc” chưa phù hợp với Nghị định số 60/2021/NĐ-CP.

<sup>381</sup> Bộ Xây dựng: Năm 2023, Bộ thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ cho một số đơn vị khi chưa phê duyệt phương án tự chủ năm 2023 và chưa đồng thời đáp ứng đầy đủ các điều kiện khác theo quy định tại khoản 3 Điều 8, khoản 2 Điều 9, khoản 3 Điều 10 và khoản 1 Điều 12 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP, cụ thể: (1) Đặt hàng dịch vụ đào tạo cho 02 đơn vị SNCL trong lĩnh vực đào tạo khi chưa phê duyệt phương án tự chủ năm 2023, chưa có văn bản của cấp có thẩm quyền hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ sự nghiệp công trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; (2) Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho 02 đơn vị sự nghiệp khoa học khi chưa phê duyệt phương án tự chủ năm 2023, chưa được cấp có thẩm quyền ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn về đánh giá chất lượng dịch vụ sự nghiệp công; (3) Giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công cho 03 đơn vị sự nghiệp kinh tế khi chưa phê duyệt phương án tự chủ năm 2023; Bộ chưa có văn bản gửi BTC đề nghị thẩm định phương án tự chủ, chưa phê duyệt phương án tự chủ tài chính năm 2023 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP cho các đơn vị SNCL trực thuộc; chưa hoàn thành việc ban hành đơn giá, định mức - kỹ thuật đối với các danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng NSNN do Bộ quản lý để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công.

<sup>382</sup> (i) Bộ Nội vụ: Nhà xuất bản Tôn giáo không thực hiện trích lập nguồn thực hiện CCTL theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của BTC; (ii) Bộ Xây dựng: Một số đơn vị chưa thực hiện trích lập hoặc đã trích lập nhưng chưa đảm bảo tỷ lệ để tạo nguồn CCTL theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC 31,83 tỷ đồng (Viện Kinh tế Xây dựng 2,45 tỷ đồng, Trường Đại học Xây dựng miền Trung 3,52 tỷ đồng, Trường Đại học Xây dựng miền Tây 0,45 tỷ đồng, Trường ĐHKHT TPHCM 18,37 tỷ đồng, Viện QHĐTNTQG 6,84 tỷ đồng, Viện Kiến trúc quốc gia 0,18 tỷ đồng); (iii) Bộ Y tế: Một số đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí thường xuyên chưa trích lập hoặc trích chưa đầy đủ nguồn CCTL từ nguồn thu của đơn vị. Tổng số kinh phí phải trích lập của các đơn vị năm 2023 là 41,46 tỷ đồng; một số đơn vị thuộc khối quản lý hành chính phát sinh nguồn phí được để lại (có chênh lệch thu chi trong năm 2023), chưa thực hiện trích nguồn CCTL từ số thu phí được để lại theo quy định tại mục a khoản 3 Điều 3 Thông tư số 50/2023/TT-BTC hoặc chưa báo cáo đầy đủ số dư nguồn CCTL tại đơn vị, dẫn đến NSNN cấp thừa nhu cầu CCTL 1,37 tỷ đồng; KTNN xác định lại nguồn để thực hiện CCTL chuyển từ năm 2023 sang năm 2024 của Bộ Y tế 216,8 tỷ đồng chênh lệch với số báo cáo của Bộ Y tế tại một số đơn vị 8,53 tỷ đồng; (iv) Bộ VHHT&DL: Tổng số kinh phí chưa trích lập tạo nguồn CCTL của các đơn vị năm 2023 là 43,57 tỷ đồng; căn cứ nhu cầu, nguồn kinh phí thực hiện CCTL tại các đơn vị cho thấy một số đơn vị được NSNN cấp thừa kinh phí so với nhu cầu CCTL 7,51 tỷ đồng; (v) Tổng cục Thuế: Trường Nghiệp vụ Thuế chưa trích lập nguồn CCTL từ nguồn thu khác được để lại theo quy định tại điểm d khoản 3 khoản 4 Điều 4 Thông tư số 122/2021/TT-BTC; (vi) ĐHQGHN: Một số đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí thường xuyên chưa trích lập hoặc trích lập nguồn CCTL chưa đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 50/2023/TT-BTC, số trích thiếu là 37,68 tỷ đồng; (vii) Trung ương Đoàn TNCS HCM: Một số đơn vị trích thiếu nguồn CCTL từ chênh lệch thu, chi hoạt động SXKD, dịch vụ 0,08 tỷ đồng; (viii) Bộ LĐTB&XH: Một số đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên chưa trích đủ tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ năm 2023 sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí để tạo nguồn CCTL 0,05 tỷ đồng; (ix) Bộ KH&CN: 02 đơn vị tự xác định thiếu nguồn CCTL theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC 0,09 tỷ đồng; (x) Bộ TN&MT: Trích lập tạo nguồn CCTL chưa đầy đủ theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 78/2022/TT-BTC 23,89 tỷ đồng; (xi) Bộ GD&ĐT: Một số đơn vị tự đảm bảo một phần kinh phí thường xuyên chưa tạo nguồn CCTL hoặc tạo nguồn CCTL chưa đầy đủ theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 3 Thông tư số 50/2023/TT-BTC 59,08 tỷ đồng; NSNN cấp thừa nguồn CCTL 0,56 tỷ đồng.

<sup>383</sup> Bộ TN&MT: Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo chi thường xuyên không quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập để tạo nguồn thực hiện CCTL theo quy định; Bộ GD&ĐT: Một số đơn vị chưa quyết định tỷ lệ nguồn thu phải trích lập và chưa thực hiện trích lập để tạo nguồn thực hiện CCTL theo Nghị định số 24/2023/NĐ-CP.

địa phương: Một số địa phương chưa rà soát hết nguồn lực khi xác định nhu cầu, dẫn đến trong năm NSTW bổ sung song cuối năm vẫn còn dư nguồn CCTL<sup>385</sup>. Chưa trích lập đủ hoặc xác định nguồn CCTL chưa phù hợp 3.528,72 tỷ đồng (trong đó: KTNN kiến nghị giảm dự toán năm sau hoặc nộp trả NSNN tại 17/56 địa phương 959 tỷ đồng<sup>386</sup>, 18/56 địa phương trích bổ sung 1.361,635 tỷ đồng<sup>387</sup>, 13/56 địa phương kiến nghị theo dõi nguồn 1.208,06 tỷ đồng<sup>388</sup>); 11/56 địa phương theo dõi, quản lý nguồn CCTL chưa phù hợp 3.715,52 tỷ đồng<sup>389</sup>; 18/56 địa phương sử dụng nguồn CCTL chi đầu tư, chi thường xuyên hoặc các nhiệm vụ khác không đúng quy định 1.389,679 tỷ đồng<sup>390</sup>. Có 06 địa phương được KTNN xác định lại nguồn CCTL đến 31/12/2023 cao hơn số BTC thông báo thẩm định<sup>391</sup>; (iii) Theo quy định<sup>392</sup>, việc tạo lập nguồn CCTL từ: 70% tăng thu NSDP so với dự toán; 50% tăng thu NSDP dự toán năm hiện hành so với dự toán năm trước liền kề; 40% thu sự nghiệp, 35% thu viện phí; 10% tiết kiệm tăng thêm chi thường xuyên... Việc phải sử dụng 70% từ nguồn tăng thu NSDP so với dự toán để tạo nguồn CCTL song dự toán thu lại có xu hướng lập không sát khả năng thực tế, dẫn tới số tăng thu cao, nhưng chủ yếu lại sử dụng cho CCTL, trong khi nhiều nhiệm vụ chi cần thiết, cấp bách khác, như: chi đầu tư phát triển, KHCN, đổi mới sáng tạo..., lại thiếu nguồn để chi. Ngoài ra, những năm gần đây BTC lại tổng hợp cả số thu kết dư ngân sách năm trước vào số tăng thu so với dự toán<sup>393</sup> là không phù hợp quy định tại điểm đ khoản 7 Điều 9, khoản 2 Điều 59 Luật NSNN, làm nguồn CCTL tăng cao và thực tế có một số địa

<sup>384</sup> KBNN trích lập kinh phí CCTL là 886,8 tỷ đồng (KBNN không có nhu cầu sử dụng nguồn này để CCTL do BTC đã giao dự toán đủ quỹ lương năm 2024 cho KBNN từ nguồn NSNN còn dư năm 2023 chuyển sang tại Quyết định số 2979/QĐ-BTC ngày 29/12/2023, số tiền 289,03 tỷ đồng).

<sup>385</sup> Sơn La 49,59 tỷ đồng và Điện Biên 29,95 tỷ đồng (KTNN đã kiến nghị BTC giảm trừ dự toán năm sau của tỉnh Sơn La, Điện Biên đối với nguồn kinh phí thực hiện CCTL còn dư).

<sup>386</sup> TP Hồ Chí Minh 595,62 tỷ đồng; Hà Nội 2,76 tỷ đồng; tỉnh Bình Định 1,06 tỷ đồng; Kon Tum 4,04 tỷ đồng; Hà Nam 0,69 tỷ đồng; Quảng Nam 4,03 tỷ đồng; Đắk Nông 12,19 tỷ đồng; Quảng Bình 228,6 tỷ đồng; Gia Lai 13,06 tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu 28,48 tỷ đồng; Phú Yên 1,14 tỷ đồng; Bình Thuận 16,56 tỷ đồng; Bắc Ninh 0,26 tỷ đồng; Bình Phước 9,64 tỷ đồng; Long An 36,42 tỷ đồng; Nghệ An 2,34 tỷ đồng; Đắk Lắk 2,04 tỷ đồng.

<sup>387</sup> TP Hà Nội 18,63 tỷ đồng; Bắc Giang 5,02 tỷ đồng; Kon Tum 17,89 tỷ đồng; Quảng Trị 21,50 tỷ đồng; Quảng Ngãi 14,41 tỷ đồng; Hà Nam 0,48 tỷ đồng; Ninh Thuận 2,6 tỷ đồng; Đắk Nông 179,69 tỷ đồng; Quảng Bình 3,29 tỷ đồng; Gia Lai 15,7 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế 9,4 tỷ đồng; Phú Yên 8,9 tỷ đồng; Quảng Ninh 6,77 tỷ đồng; Nam Định 9,14 tỷ đồng; Bắc Ninh 204,27 tỷ đồng; Vĩnh Phúc 0,49 tỷ đồng; Long An 635,58 tỷ đồng; Đắk Lắk 207,74 tỷ đồng.

<sup>388</sup> TP Đà Nẵng 1,16 tỷ đồng; tỉnh Hà Nam 65,89 tỷ đồng; Quảng Nam 4,33 tỷ đồng; Khánh Hòa 135,91 tỷ đồng; Cao Bằng 13,84 tỷ đồng; Bắc Kạn 0,72 tỷ đồng; An Giang 166,67 tỷ đồng; Vĩnh Long 402,23 tỷ đồng; Đồng Tháp 155,14 tỷ đồng; Trà Vinh 7,73 tỷ đồng; Tiền Giang 78,23 tỷ đồng; Lạng Sơn 172 tỷ đồng; Sóc Trăng 4,2 tỷ đồng.

<sup>389</sup> Tỉnh Bình Định 39,67 tỷ đồng; Quảng Ngãi 198,31 tỷ đồng; Bình Dương 35,21 tỷ đồng; Quảng Bình 18,57 tỷ đồng; Bình Phước 3.261,35 tỷ đồng...

<sup>390</sup> TP Hà Nội 0,62 tỷ đồng; tỉnh Bình Định 0,23 tỷ đồng; Kon Tum 8,11 tỷ đồng; Hà Nam 0,44 tỷ đồng; Quảng Nam 70,70 tỷ đồng; Đắk Nông 77,96 tỷ đồng; Quảng Bình 23,47 tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu 462,17 tỷ đồng; Thái Bình 195,33 tỷ đồng; Bình Phước 149,47 tỷ đồng; Long An 163,06 tỷ đồng...

<sup>391</sup> Tỉnh Hải Dương, Quảng Nam, Đắk Lắk, Nghệ An, Bến Tre, An Giang: Theo báo cáo của BTC do một số địa phương chủ động trích lập nguồn CCTL cao hơn hướng dẫn tại Thông tư số 50/2023/TT-BTC từ các nguồn tăng thu, tiết kiệm chi để thực hiện một số chính sách tiền lương, phụ cấp đặc thù của địa phương và không báo cáo BTC số liệu này.

<sup>392</sup> Điều 4 Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 quy định về tổ chức thực hiện dự toán NSNN 2025.

<sup>393</sup> Theo hướng dẫn tại Văn bản số 14957/BTC-NSNN ngày 04/12/2020.

phương loại trừ thu kết dư khi xác định nguồn tạo lập CCTL<sup>394</sup>.

Qua tổng hợp nguồn kinh phí CCTL cho thấy số dư lũy kế nguồn này tăng nhanh qua các năm (năm 2021 là 262.974 tỷ đồng, năm 2022 là 432.350 tỷ đồng, năm 2023 là 536.394 tỷ đồng) và tại Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2025 đã mở rộng phạm vi sử dụng nguồn CCTL<sup>395</sup>. Về sử dụng theo các Nghị quyết của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2024<sup>396</sup>, 2025<sup>397</sup> cho thấy, tổng kinh phí CCTL đã sử dụng là 185.659 tỷ đồng<sup>398</sup>. Như vậy, đến năm 2025 nguồn CCTL năm 2023 chuyển sang 2024 vẫn còn dư 350.735 tỷ đồng (536.394 tỷ đồng - 185.659 tỷ đồng), trong khi số dư nguồn tích lũy CCTL nêu trên chưa bao gồm khoản phải trích tạo nguồn CCTL các năm 2024, 2025.

### 2.2.3. Chi hỗ trợ từ NSTW cho các địa phương

Tổng số chi bổ sung cho các địa phương thực hiện năm 2023 là 467.753 tỷ đồng, bằng 101,1% dự toán (462.766 tỷ đồng). Kết quả kiểm toán tại một số địa phương cho thấy, đến hết năm 2023, số kinh phí NSTW bổ sung có mục tiêu tại 39/56 địa phương chưa hoàn trả NSTW theo quy định 5.820 tỷ đồng<sup>399</sup>, chiếm tỷ lệ 4,17% dự toán kinh phí bổ sung có mục tiêu tại 39 địa phương<sup>400</sup>; một số địa phương bố trí vốn nguồn NSTW cho nhiệm vụ xây dựng xã nông thôn mới nâng cao<sup>401</sup>, xã an toàn khu vực III<sup>402</sup> chưa phù hợp quy định; số kinh phí NSTW bổ sung cân đối cho 38 địa phương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội còn dư 5.908,7 tỷ đồng<sup>403</sup>; tỷ lệ giải ngân kinh phí sự nghiệp nguồn NSTW năm 2023 các CTMTQG đạt thấp<sup>404</sup>, trong đó, một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 30% hoặc không giải ngân<sup>405</sup>.

<sup>394</sup> Tỉnh Bạc Liêu, Trà Vinh và Bà Rịa - Vũng Tàu.

<sup>395</sup> Nguồn CCTL của địa phương “cho phép địa phương sử dụng nguồn CCTL còn dư để đầu tư cho các dự án kết nối...”; Nguồn CCTL của TW “cho phép từ ngày 01/7/2024 được mở rộng phạm vi để điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo trợ xã hội, trợ cấp hằng tháng, trợ cấp ưu đãi người có công và tinh giản biên chế”.

<sup>396</sup> Nghị quyết số 104/2023/QH15 ngày 10/11/2023; Nghị quyết số 174/2024/QH15 ngày 30/11/2024.

<sup>397</sup> Nghị quyết số 159/2024/QH15 ngày 13/11/2024 về dự toán năm 2025.

<sup>398</sup> Năm 2024: Địa phương sử dụng nguồn CCTL của NSĐP đến hết năm 2023 còn dư chuyển sang là 19.040 tỷ đồng để thực hiện mức lương cơ sở 1,8 triệu đồng/tháng; bổ sung 55.000 tỷ đồng nguồn tích lũy CCTL của NSTW vào dự toán thu NSNN năm 2024...; năm 2025 sử dụng nguồn kinh phí CCTL đến hết năm 2024 còn dư chuyển sang để thực hiện mức lương cơ sở 2,34 triệu đồng/tháng với số tiền 111.619 tỷ đồng (trong đó: 60.000 tỷ đồng nguồn tích lũy cho CCTL của NSTW và 50.619 tỷ đồng nguồn CCTL của NSĐP).

<sup>399</sup> TP Hồ Chí Minh 1.649 tỷ đồng; tỉnh Thanh Hóa 1.009,40 tỷ đồng; Ninh Thuận 126,86 tỷ đồng (trong đó: địa phương nộp trả NSTW 49,16 tỷ đồng sau khi KTNN kết thúc kiểm toán); Quảng Bình 125,84 tỷ đồng; Gia Lai 93,47 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế 147,45 tỷ đồng; Phú Yên 247,76 tỷ đồng; Bình Thuận 213,96 tỷ đồng; Nam Định 531,22 tỷ đồng; Vĩnh Phúc 143,94 tỷ đồng; Hà Tĩnh 164,41 tỷ đồng; Khánh Hòa 265,83 tỷ đồng; Tuyên Quang 230,34 tỷ đồng; Sóc Trăng 49,70 tỷ đồng....

<sup>400</sup> Chiếm 2,59% dự toán kinh phí bổ sung có mục tiêu tại 63 tỉnh, thành phố (224.523,08 tỷ đồng).

<sup>401</sup> Tỉnh Bình Định (năm 2022, 2023: 26 xã, số tiền 38 tỷ đồng); Quảng Nam (năm 2022, 2023: 10 xã, số tiền 11 tỷ đồng).

<sup>402</sup> Tỉnh Quảng Nam (giai đoạn 2021-2023: 05 xã, số tiền 9 tỷ đồng).

<sup>403</sup> Tại Tờ trình số 845/TTr-CP ngày 10/12/2024 của Chính phủ.

<sup>404</sup> CTMTQG giảm nghèo bền vững đạt 53,8%; CTMTQG dân tộc thiểu số và miền núi đạt 39,6%.

<sup>405</sup> (i) CTMTQG NTM: Bộ GTVT 0%, Bộ Y tế 23,52%, Bộ KH&CN 0%, Bộ LĐTB&XH 0%, Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam 16,05%, Bộ TN&MT 17,83%, Bộ NN&PTNT 22,26% ...; (ii) CTMTQG GNBV: Hội bảo trợ khuyết tật và trẻ mồ côi 12,1%; Bộ KH&ĐT (9,3%); Bộ LĐTB&XH (8,9%); Hội Nông dân Việt Nam (19,2%);

#### 2.2.4. Thu, chi viện trợ

(1) BTC không tổng hợp, theo dõi tình hình tiếp nhận và sử dụng viện trợ hàng năm đối với các báo cáo do cơ quan chủ quản nộp về BTC và vốn viện trợ đã tiếp nhận vào tài khoản mở tại ngân hàng thương mại nhưng chưa chi và chưa được hạch toán thu, chi NSNN theo quy định<sup>406</sup>.

(2) Một số khoản kinh phí viện trợ đã được các bộ, cơ quan trung ương, địa phương tiếp nhận và sử dụng trong năm 2022, 2023 nhưng chưa kịp thời đề nghị cấp có thẩm quyền bố trí dự toán bổ sung và quyết toán hàng năm<sup>407</sup> theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 23/2022/TT-BTC; một số đơn vị chuyển nguồn từ năm trước sang năm 2023 nhưng năm 2023 không đề nghị quyết toán, tiếp tục chuyển nguồn<sup>408</sup>, các khoản này đã ghi thu, ghi chi tạm ứng nhưng chưa làm thủ tục hoàn tạm ứng theo quy định; một số trường hợp đã nhận được tiền viện trợ thuộc dự toán giao năm 2023, tuy nhiên chưa thực hiện ghi thu, ghi chi qua KBNN<sup>409</sup>.

Ngoài ra, kết quả kiểm toán tại một số bộ, cơ quan trung ương còn một số dự án ghi thu, ghi chi chưa đúng quy định<sup>410</sup>; chưa làm thủ tục đóng dự án đối với những dự án đã kết thúc<sup>411</sup>; cá biệt có dự án đã ghi thu, ghi chi nhưng chưa được giao dự toán<sup>412</sup>.

#### 2.2.5. Việc sử dụng nguồn dự phòng ngân sách nhà nước

---

Bộ Y tế 25,3%; tỉnh Sơn La 22,8%; Bến Tre 11,6%; Vĩnh Long 13,7%; Lâm Đồng 19,2%; Phú Yên 18,4%; Thái Bình 19,9%; Nam Định 26,2%; Long An 25,4%; Bình Thuận 27,6%...; (iii) CTMTQG DTTS&MN: Văn phòng trung ương Đảng 0%; Bộ LĐTB&XH 0%; NHNN Việt Nam 0%; Bộ GTVT 0%; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh 3,8%; Bộ Nội Vụ 10,5%; UBND 11,4%; Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam 14,6%; Hội Nông dân Việt Nam 14,8%; tỉnh Trà Vinh 18,4%; Hà Tĩnh 14,9%; Thừa Thiên Huế 26%; Phú Yên 16,4%; Sơn La 23,6%; Đắk Lắk 22%; Đắk Nông 21,1%; Gia Lai 26,4%; Lai Châu 24,9%;...

<sup>406</sup> Khoản 4 Điều 29 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP.

<sup>407</sup> NHNN Việt Nam năm 2023 là 7,04 tỷ đồng; Bộ Nội vụ năm 2022 là 0,42 tỷ đồng; Bộ Công an 12,9 tỷ đồng; Bộ KH&CN năm 2022 là 13,7 tỷ đồng, tiếp tục chuyển sang năm 2023 là 12,3 tỷ đồng; Hội Cựu chiến binh Việt Nam 5,3 tỷ đồng; Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 4,7 tỷ đồng; Hội Cựu chiến binh Việt Nam 5,2 tỷ đồng; Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam 993 triệu đồng; Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam 194,9 tỷ đồng; Trung ương Hội chữ thập đỏ Việt Nam 7,12 tỷ đồng; Bộ Y tế 4.280,4 tỷ đồng.

<sup>408</sup> Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam 0,99 tỷ đồng; Bộ TT&TT 2,53 tỷ đồng; Bộ VH&TT&DL năm 2022 chuyển sang 2023 là 49,11 tỷ đồng, năm 2023 chuyển sang 2024 là 45,40 tỷ đồng; Bộ KH&CN 34,95 tỷ đồng; ĐHQGHN 6,85 tỷ đồng; Viện Hàn lâm KHXH Việt Nam 2,91 tỷ đồng; Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật Việt Nam 87,76 tỷ đồng; Bộ Công Thương 10,09 tỷ đồng; Bộ Y tế 723,28 tỷ đồng.

<sup>409</sup> BTC (Cục QLNN&TCĐN) kiến nghị giám trừ số tiền thực nhận năm 2023 và không cho chuyển nguồn dự toán với lý do là chưa được hạch toán vào NSNN và thanh toán với KBNN chưa phù hợp với điểm d khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP (Bộ Nội vụ, Bộ Tư pháp, Bộ KH&ĐT).

<sup>410</sup> (i) Bộ Y tế: Đề nghị quyết toán kinh phí viện trợ bằng hàng căn cứ theo tờ khai xác nhận viện trợ, chưa có lệnh ghi thu, ghi chi của BTC theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Thông tư số 225/2010/TT-BTC; (ii) Bộ VH&TT&DL: Ghi thu, ghi chi tạm ứng 45,40 tỷ đồng (hạch toán NSNN đối với các khoản viện trợ bằng tiền) trong khi chủ dự án không phải chủ tài khoản viện trợ, không trực tiếp quản lý điều hành là chưa đúng quy định tại khoản 3 Điều 8 và điểm a khoản 3 Điều 10 Thông tư số 225/2010/TT-BTC ngày 31/12/2010; (iii) Bộ GD&ĐT chưa thực hiện thủ tục xác nhận viện trợ, ghi thu, ghi chi viện trợ tại BTC theo điều khoản chuyển tiếp quy định tại Điều 24 Thông tư số 23/2022/TT-BTC 3,04 tỷ đồng.

<sup>411</sup> Bộ Y tế; Bệnh viện Bạch Mai.

<sup>412</sup> Bộ TN&MT: Dự án Điều tra, nghiên cứu ứng dụng các mô hình hải dương học để hiệu chỉnh số liệu radar biển (Radar HF) và dự báo sóng, dòng chảy ở Biển Đông và vùng biển phía Tây Vịnh Bắc Bộ đã ghi thu, ghi chi nhưng chưa được giao dự toán, số tiền 0,77 tỷ đồng.

(1) Đối với nguồn dự phòng NSTW: (i) Bộ KH&ĐT tham mưu bố trí vốn cho các dự án đã được phê duyệt từ những năm trước<sup>413</sup> nhưng chưa có hồ sơ, tài liệu chứng minh điều kiện được sử dụng vốn dự phòng NSTW theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật NSNN<sup>414</sup> số tiền 420 tỷ đồng; (ii) BTC tham mưu bố trí nguồn dự phòng NSTW năm 2023 hỗ trợ địa phương chưa phù hợp quy định<sup>415</sup>; (iii) Ban Chỉ đạo quốc gia về phòng chống thiên tai căn cứ đề xuất của địa phương trình Thủ tướng Chính phủ phân bổ vốn để khắc phục hậu quả thiên tai, sạt lở song chưa làm rõ cơ sở xác định mức hỗ trợ, có địa phương được hỗ trợ 100% nhu cầu, có địa phương chỉ được đáp ứng khoảng 10%<sup>416</sup>; (iv) Một số dự án sử dụng vốn dự phòng NSTW năm 2023 nhưng có thời gian hoàn thành sau năm 2024<sup>417</sup> là chưa phù hợp quy định<sup>418</sup>; một số dự án triển khai chậm<sup>419</sup>, qua tổng hợp số liệu giải ngân đến ngày 31/12/2024 còn chưa giải ngân hết 1.135,9 tỷ đồng<sup>420</sup>, trong đó một số địa phương đã nộp trả NSTW theo quy định 120,41 tỷ đồng<sup>421</sup>; (v) Ngoài ra, theo quy định<sup>422</sup>, không sử dụng vốn dự phòng NSTW trái mục đích (trong đó có việc chỉnh trang đô thị), tuy nhiên qua rà soát, còn dự

<sup>413</sup> Quyết định số 1162/QĐ-TTg: Tại Cà Mau, dự án đầu tư xây dựng kè chống xói lở cửa biển Hóc Năng, huyện Ngọc Hiển (Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 1095/QĐ-UBND ngày 17/6/2020 của UBND tỉnh Cà Mau) được giao vốn dự phòng NSTW năm 2023 là 170 tỷ đồng; Dự án đầu tư xây dựng kè chống xói lở bờ biển đoạn từ Kênh Năm đến Kênh Chùm Gọng, huyện Ngọc Hiển (Quyết định phê duyệt dự án đầu tư số 1089/QĐ-UBND ngày 17/6/2020) được giao vốn dự phòng NSTW năm 2023 là 250 tỷ đồng.

<sup>414</sup> Chi phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai, thảm họa, dịch bệnh, cứu đói; nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng, an ninh và các nhiệm vụ cần thiết khác thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách cấp mình mà chưa được dự toán.

<sup>415</sup> Hỗ trợ tỉnh Vĩnh Long 18,59 tỷ đồng: Theo hồ sơ đề nghị của địa phương cho thấy việc xây dựng khu lưu niệm, tổ chức kỷ niệm 100 năm ngày sinh Thủ tướng Chính phủ Võ Văn Kiệt (23/11/1922-23/11/2022) và 110 năm ngày sinh Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Hùng (11/6/1912-11/6/2022) đã được địa phương tổ chức thực hiện, hoàn thành trong 02 năm 2021-2022 (trước niên độ 2023).

<sup>416</sup> Quyết định số 1739/QĐ-TTg: Yên Bái đề xuất hỗ trợ 230 tỷ đồng, được giao 230 tỷ đồng; Nam Định đề xuất hỗ trợ 120 tỷ đồng, được giao 100 tỷ đồng; Quảng Bình đề xuất hỗ trợ 120 tỷ đồng, được giao 100 tỷ đồng...); Lâm Đồng đề xuất hỗ trợ 1.875 tỷ đồng, được giao 280 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế đề xuất hỗ trợ 1.927 tỷ đồng, được giao 200 tỷ đồng; Quảng Nam đề xuất hỗ trợ 1.230 tỷ đồng, được giao 200 tỷ đồng; Đắk Lắk đề xuất hỗ trợ 938,4 tỷ đồng, được giao 150 tỷ đồng...).

<sup>417</sup> Quyết định số 1162/QĐ-TTg: Tỉnh Tiền Giang (Dự án Xử lý các đoạn sạt lở cấp bách trên sông Cái Bè (kênh 28), huyện Cái Bè được giao 200 tỷ đồng); Hậu Giang (Xử lý sạt lở bờ Kênh Năng Mau, xã Tân Long, huyện Phụng Hiệp được giao 150 tỷ đồng; Xử lý sạt lở bờ sông Lái Hiếu, TP Ngã Bảy được giao 50 tỷ đồng); Kiên Giang (Dự án đầu tư xử lý sạt lở bờ biển huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang được giao 250 tỷ đồng; Dự án phòng chống xâm thực, xói lở bờ biển đoạn Thứ Hai - Xèo Bần thuộc An Biên - An Minh, tỉnh Kiên Giang được giao 250 tỷ đồng); tỉnh Bạc Liêu (Dự án đầu tư xây dựng Kè Nhà Mát đoạn từ Cầu Nhà Mát đến Cống Nhà Mát, TP Bạc Liêu được giao 300 tỷ đồng); Vĩnh Long (Dự án Sửa chữa kè sông Cỏ Chiên thuộc phường 1, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long được giao 500 tỷ đồng); TP Cần Thơ (Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ càm Ba Rích đến rạch Tâm Vu), phường Thới Hòa, Thới An, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu) - Giai đoạn 2: đoạn từ kênh Thủy lợi 1 đến đối diện Rạch Ranh được giao 250 tỷ đồng).

<sup>418</sup> Điểm d khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 08/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Chủ tịch UBND các tỉnh, TP "chậm nhất đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 hoàn thành dự án theo đúng quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN và pháp luật có liên quan.

<sup>419</sup> Quyết định số 1162/QĐ-TTg: Một số địa phương (Vĩnh Long; Cần Thơ; Sóc Trăng; An Giang; Bạc Liêu).

<sup>420</sup> Theo Báo cáo số 281/KBNN-KSC ngày 10/3/2025 của KBNN cung cấp tình hình giải ngân tại các Quyết định số 1162/QĐ-TTg ngày 08/10/2023, số 1333/QĐ-TTg ngày 10/11/2023, số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023.

<sup>421</sup> Quyết định số 1739/QĐ-TTg: UBND tỉnh Khánh Hòa 100 tỷ đồng; UBND tỉnh Thái Nguyên 20,41 tỷ đồng.

<sup>422</sup> Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 2 Quyết định số 1162/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Văn bản số 9489/BKHĐT-KTNN ngày 23/11/2023 của Bộ KH&ĐT.

án<sup>423</sup> có nội dung về đầu tư chỉnh trang đô thị song quyết định phê duyệt dự án không quy định cụ thể nội dung đầu tư của từng nguồn vốn (NSTW, NSDP, vốn khác...), khó khăn trong việc xác định có sử dụng NSTW cho nhiệm vụ trên.

Qua kết quả kiểm toán tại một số địa phương cho thấy, còn một số dự án thực hiện chậm<sup>424</sup>, chậm giao KHV<sup>425</sup>, chưa nộp trả nguồn dự phòng NSTW đã hết thời hạn giải ngân<sup>426</sup>, kéo dài thời hạn giải ngân chưa đúng quy định<sup>427</sup>.

(2) Đối với nguồn dự phòng NSDP: Có 11/56 địa phương bố trí dự phòng ngân sách tại cấp tỉnh hoặc cấp huyện chưa đảm bảo tỷ lệ quy định<sup>428</sup>; 07/56 địa phương sử dụng nguồn dự phòng chi cho một số nhiệm vụ<sup>429</sup> chưa phù hợp Điều 10 Luật NSNN 18,904 tỷ đồng.

### 2.2.6. Chi chuyển nguồn

(1) Tổng số chi chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 là 1.239.242 tỷ đồng (NSTW 411.992 tỷ đồng, NSDP 827.250 tỷ đồng), bằng 39% tổng chi NSNN (3.176.154 tỷ đồng) và bằng 64% số thực chi (1.936.912 tỷ đồng). Tuy tỷ lệ số chi số chuyển nguồn giảm nhưng vẫn tăng về số tuyệt đối so với năm 2022<sup>430</sup>, trong đó loại trừ nguồn thực hiện chính sách tiền lương, phụ cấp, trợ cấp và các khoản tính theo tiền lương cơ sở, bảo trợ xã hội 536.394 tỷ đồng, nguồn tăng thu, tiết kiệm chi 228.240 tỷ đồng, số chuyển nguồn năm 2023 sang 2024 còn lại là 474.608 tỷ đồng, tăng 47.656 tỷ đồng so năm 2022 (426.952 tỷ đồng).

(2) Kết quả kiểm toán tại một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương cho thấy: Một số bộ, cơ quan trung ương chuyển nguồn khi hết nhiệm vụ chi<sup>431</sup>,

<sup>423</sup> (i) Tỉnh Long An: Dự án Kè chống sạt lở thị xã Kiến Tường; Dự án Xử lý sạt lở bờ sông Cần Giuộc khu vực xã Phước Lại, huyện Cần Giuộc; (ii) TP Cần Thơ: Kè chống sạt lở sông Ô Môn (đoạn từ càm Ba Rích đến rạch Tầm Vu), phường Thới Hòa, Thới An, quận Ô Môn (phía bờ trái sông Ô Môn, hướng từ cầu Ô Môn trở ra sông Hậu) - Giai đoạn 2: đoạn từ kênh Thủy lợi 1 đến đối diện Rạch Ranh; (iii) Tỉnh An Giang: Dự án chống sạt lở đường Bờ Bắc Kênh Mới; (iv) Bạc Liêu: Dự án đầu tư xây dựng Kè Nhà Mát đoạn từ Cầu Nhà Mát đến Cổng Nhà Mát, TP Bạc Liêu; (v) Hậu Giang: Xử lý sạt lở bờ sông Lái Hiếu, TP Ngã Bảy.

<sup>424</sup> Thanh Hóa 08 dự án (nguyên nhân chậm giải ngân chủ yếu vướng thủ tục đầu tư và GPMB).

<sup>425</sup> Tỉnh Kon Tum chậm 09 tháng, Đắc Lắc.

<sup>426</sup> Thừa Thiên Huế 7,56 tỷ đồng.

<sup>427</sup> Thừa Thiên Huế 1,82 tỷ đồng (02 dự án).

<sup>428</sup> Tỉnh Bình Định (huyện Lạng Giang); Kon Tum (huyện Sa Thầy); Hà Nam (huyện Lý Nhân); Quảng Nam (huyện: Tam Kỳ, Hội An, Điện Bàn, Duy Xuyên, Hiệp Đức); Ninh Thuận (TP Phan Rang - Tháp Chàm; huyện Ninh Hải); Thừa Thiên Huế (huyện Phong Điền, TP Huế); Phú Yên (TP Tuy Hòa, thị xã Sông Cầu, huyện Đồng Xuân); Quảng Ninh; Thái Bình; Nghệ An; Bắc Kạn (Huyện Na Rì; Bạch Thông).

<sup>429</sup> TP Hà Nội (huyện Phú Xuyên 0,17 tỷ đồng); tỉnh Bình Định (huyện Tuy Phước 0,59 tỷ đồng; thị xã Hoài Nhơn); Kon Tum (TP Kon Tum 1,14 tỷ đồng); Hà Nam (huyện Bình Lục 0,13 tỷ đồng; Lý Nhân 1,30 tỷ đồng); Quảng Bình (huyện Lệ Thủy 2,18 tỷ đồng); Gia Lai 3,72 tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu 9,64 tỷ đồng; Quảng Nam (các huyện, TP 5,44 tỷ đồng).

<sup>430</sup> Tổng số chi chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 là 1.146.676 tỷ đồng (NSTW 379.276 tỷ đồng; NSDP 767.400 tỷ đồng) bằng 39,6% tổng chi NSNN và bằng 65,5% số thực chi (số liệu theo BCKT quyết toán NSNN năm 2022).

<sup>431</sup> (i) Bộ TN&MT: Một số đơn vị đề nghị chuyển nguồn một số khoản còn dư hết nhiệm vụ chi 8,52 tỷ đồng; (ii) VKSNDTC: Một số đơn vị chưa kịp thời thu hồi và nộp NSNN kinh phí còn dư hết nhiệm vụ chi số tiền 0,18 tỷ đồng; tuy nhiên đến thời điểm 18/12/2024 một số đơn vị đã nộp trả NSNN số tiền 0,14 tỷ đồng; (iii) Viện

chuyển nguồn không đúng quy định<sup>432</sup>, chuyển nguồn lớn<sup>433</sup>; 39/56 địa phương<sup>434</sup> chuyển nguồn sang năm 2024 cao hơn năm trước; 19/56 địa phương chuyển nguồn sai quy định 3.484,09 tỷ đồng<sup>435</sup>; 08/56 địa phương chuyển nguồn thiếu 343,61 tỷ đồng<sup>436</sup>; một số địa phương chuyển nguồn qua nhiều năm hoặc sai mục lục ngân sách<sup>437</sup>.

### 2.3. Tạm ứng và ứng trước dự toán

Kết quả kiểm toán cho thấy: (i) Bộ KH&ĐT tổng hợp, theo dõi số liệu thu hồi ứng KHV NSTW chưa chính xác, phải điều chỉnh<sup>438</sup>; (ii) 13/56 địa phương ứng trước dự toán NSTW nhưng chưa được bố trí dự toán để thu hồi 1.127,92 tỷ đồng<sup>439</sup>; 06/56 địa phương chưa bố trí dự toán để thu hồi các khoản ứng trước dự

HLKHCNVN: 02 Đề tài được giao từ các năm trước chuyển sang năm 2024 nhưng không thực hiện là 0,55 tỷ đồng; 02 đề tài hoàn thành hết nhiệm vụ chỉ còn dư kinh phí 0,01 tỷ đồng là chưa đúng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; (iv) VPCP: Chuyển nguồn nguồn phí được khấu trừ để lại 02 năm liên tiếp không còn nhiệm vụ chi; chuyển nguồn kinh phí đoàn ra không còn nhiệm vụ chi; chuyển nguồn tạm ứng nhiều năm chưa xử lý dứt điểm; (v) Tổng cục Thuế: Số dư kinh phí tự chủ hết nhiệm vụ chi nhưng chưa hủy dự toán 64,94 tỷ đồng; (vi) KBNN: Kinh phí không thường xuyên nguồn thu nghiệp vụ hết nhiệm vụ chi nhưng chưa nộp trả NSNN là 0,52 tỷ đồng.

<sup>432</sup> (i) Bộ Xây dựng: Thanh tra Bộ Xây dựng được giao “kinh phí được trích từ các khoản thu hồi phát hiện qua công tác thanh tra” năm 2021, 2022, 2023 cao hơn số được trích trên số thực nộp vào NSNN 1,91 tỷ đồng, còn dư dự toán tại KBNN, chưa được thực hiện thủ tục đề nghị hủy dự toán theo quy định; (ii) Bộ Y tế: Tổng hợp số liệu tại BCQT kinh phí hoạt động đối với số dư kinh phí năm trước chuyển sang năm 2023: Thể hiện kinh phí viện trợ bằng hàng phòng chống dịch Covid-19 của Viện vệ sinh dịch tễ Trung ương 4.080,15 tỷ đồng không thuộc các nội dung được chuyển nguồn kinh phí theo quy định tại Điều 43 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP; (iii) Bộ GD&ĐT: Một số đề tài tính đến 31/12/2023 đã hết thời gian thực hiện hoặc dừng thực hiện, tuy nhiên chưa hủy dự toán đối với kinh phí dự toán 0,39 tỷ đồng, chưa nộp vào NSNN kinh phí dự tạm ứng 0,34 tỷ đồng; (iv) Bộ KH&CN: Một số đề tài/nhiệm vụ năm 2023 không tiếp tục thực hiện do cơ quan chủ trì đã có văn bản xin dừng thực hiện, nhưng 02 Văn phòng các chương trình tiếp tục đề nghị chuyển nguồn và được Bộ KH&CN tổng hợp cho chuyển nguồn năm 2023 sang năm 2024 số tiền 32,72 tỷ đồng.

<sup>433</sup> BTC: Một số nội dung chuyển nguồn lớn so với dự toán giao đầu năm như kinh phí uỷ nhiệm thu thuế năm 2023 của Tổng cục Thuế 201,75 tỷ đồng.

<sup>434</sup> TP Hồ Chí Minh 122%, Hà Nội 313%; tỉnh Kon Tum 124%, Quảng Ngãi 135%, Bình Dương 109%, Hà Nam 100,1%, Quảng Nam 100,2%; Ninh Thuận 106%, Đắk Nông 106%, Gia Lai 121%, Phú Yên 102%, Quảng Ninh 124%, Nam Định 117%, Bắc Ninh 117%, Hà Tĩnh 108%, Đồng Nai 112%, Hải Phòng 116%, Khánh Hòa 134%, Thanh Hóa 107%, Nghệ An 101,8%, Đà Nẵng 114,2%, Tây Ninh 117,2%, Hải Dương 116,5%, Lâm Đồng 107,2%, Đắk Lắk 105,5%, Cao Bằng 107%, Bến Tre 110%, Vĩnh Long 133%, Trà Vinh 114%, Hà Giang 116%, Tuyên Quang 152%, Lạng Sơn 118%, Thái Nguyên 104%, Bạc Liêu 103%, Kiên Giang 116%, Sóc Trăng 113%, Cà Mau 144%, Điện Biên 108%, Sơn La 105%.

<sup>435</sup> TP Hồ Chí Minh 33,17 tỷ đồng; tỉnh Bình Dương 0,73 tỷ đồng; Hà Nam 513,82 tỷ đồng; Nam Định 550,66 tỷ đồng; Quảng Ninh 0,38 tỷ đồng; Vĩnh Phúc 73,82 tỷ đồng; Hà Tĩnh 97,01 tỷ đồng; Khánh Hòa 265,83 tỷ đồng; Thanh Hóa 615 tỷ đồng; Bình Phước 83,64 tỷ đồng; Tây Ninh 6,15 tỷ đồng; Cao Bằng 0,21 tỷ đồng; An Giang 7,25 tỷ đồng; Đồng Tháp 989,85 tỷ đồng; Trà Vinh 85,73 tỷ đồng, Tiền Giang 2,1 tỷ đồng; Điện Biên 121,11 tỷ đồng; Sơn La 16,96 tỷ đồng; Sóc Trăng 20,67 tỷ đồng.

<sup>436</sup> Tỉnh Đắk Nông 20,15 tỷ đồng; Gia Lai 6,99 tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu 92,49 tỷ đồng; Bình Thuận 36,04 tỷ đồng; Đồng Nai 151,20 tỷ đồng; Cần Thơ 12,19 tỷ đồng; Cà Mau 1,32 tỷ đồng; Bến Tre 23,23 tỷ đồng.

<sup>437</sup> Tỉnh Phú Yên tiết kiệm chi năm 2023 còn một số kinh phí được chuyển nguồn qua nhiều năm 263,15 tỷ đồng; Đồng Nai chuyển nguồn sai mục lục ngân sách 319,48 tỷ đồng.

<sup>438</sup> Căn cứ đề xuất của UBND tỉnh Ninh Thuận, Bộ KH&ĐT đã tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch năm 2023 để thu hồi vốn ứng trước NSTW 25,67 tỷ đồng, tuy nhiên số KHV này không chính xác, phải điều chỉnh giảm 11,94 tỷ đồng.

<sup>439</sup> Tỉnh Ninh Thuận 109,57 tỷ đồng; Quảng Bình 65,68 tỷ đồng; Bình Thuận 8,36 tỷ đồng; Quảng Ninh 1,05 tỷ đồng; Nam Định 216,05 tỷ đồng; Thanh Hóa 76,33 tỷ đồng; Thái Bình 13,66 tỷ đồng; Bình Phước 46,68 tỷ đồng; Nghệ An 75,63 tỷ đồng; Đà Nẵng 1.938 tỷ đồng; Tây Ninh 1,1 tỷ đồng; Lâm Đồng 511,37 tỷ đồng; Đắk Lắk 0,5 tỷ đồng.

toán từ NSDP<sup>440</sup>; (iii) Báo cáo đánh giá tình hình tạm ứng và thu hồi tạm ứng vốn cho niên độ 2023 do KBNN lập không ghi cụ thể các nguyên nhân khác dẫn đến tạm ứng quá hạn chưa thu hồi (theo báo cáo, số nợ tạm ứng quá hạn, khó có khả năng thu hồi 1.279,69 tỷ đồng). Ngoài ra, phụ lục báo cáo theo Mẫu số 08/SĐTU chưa nêu các lý do, khó khăn, vướng mắc trong quá trình thu hồi số dư tạm ứng quá hạn và đề xuất biện pháp xử lý, trong đó một số dự án có số tạm ứng quá hạn chưa thu hồi từ nhiều năm trước lớn<sup>441</sup>; (iv) 13/56 địa phương còn tạm ứng từ NSTW đến 31/12/2023 chưa thu hồi 77,3 tỷ đồng<sup>442</sup>; 24/56 địa phương còn tình trạng cho tạm ứng kéo dài quá thời hạn đến 31/12/2023 chưa thu hồi 25.272,72 tỷ đồng<sup>443</sup>.

#### 2.4. Về quản lý, sử dụng tài sản

(1) Quản lý, sử dụng xe ô tô: Một số đơn vị thừa so với quy định<sup>444</sup>; chưa được phê duyệt phương án xử lý<sup>445</sup> hoặc chưa rà soát, sắp xếp số lượng xe ô tô<sup>446</sup>; chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác

<sup>440</sup> Tỉnh Thừa Thiên Huế 329,40 tỷ đồng; Gia Lai 21,06 tỷ đồng; Bình Thuận 56,41 tỷ đồng; Quảng Ninh 266,57 tỷ đồng; Hà Tĩnh 908,67 tỷ đồng; Nghệ An 503,60 tỷ đồng; Lâm Đồng 43,06 tỷ đồng.

<sup>441</sup> (i) BTC: Dự án Chi cục Thuế Quận 6, TP Hồ Chí Minh 9,09 tỷ đồng; Dự án Kho dự trữ Mông Hóa - Kỳ Sơn Hòa Bình 6,95 tỷ đồng; (ii) Bộ GTVT: Dự án Lim Phả Lại 120,23 tỷ đồng; Dự án phát triển cơ sở hạ tầng giao thông đồng bằng sông Cửu Long 38,16 tỷ đồng; Dự án đường Hành lang ven biển phía Nam trên địa phận Việt Nam 24,5 tỷ đồng; Dự án bồi thường GPMB và tái định cư phục vụ đường cao tốc Bến Lức - Long Thành 201 tỷ đồng; (iii) Bộ GD&ĐT: Dự án xây dựng trường đại học Luật TP Hồ Chí Minh 85,02 tỷ đồng; (iv) Tổng Công ty Công nghiệp tàu thủy: Công ty đóng tàu và công nghiệp hàng hải Sài Gòn giai đoạn 2 là 50 tỷ đồng; Dự án xây dựng cơ sở sửa chữa nhà máy sửa chữa Tàu biển và giàn khoan 10,46 tỷ đồng; Dự án xây dựng Công ty đóng tàu và công nghiệp hàng hải Sài Gòn giai đoạn 1 là 19,26 tỷ đồng; (v) Ban Quản lý khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc: Phần giải phóng mặt bằng 158,54 tỷ đồng; Xây dựng khu tái định cư đường 420 khu công nghệ cao Láng Hòa Lạc 20,09 tỷ đồng,...

<sup>442</sup> Tỉnh Bình Định 1,1 tỷ đồng; Quảng Ngãi 1,05 tỷ đồng; Hà Nam 7,13 tỷ đồng; Quảng Nam 2,02 tỷ đồng; Ninh Thuận 20,69 tỷ đồng; Đắk Nông 1,1 tỷ đồng; Quảng Bình 3,20 tỷ đồng; Gia Lai 1,09 tỷ đồng; Phú Yên 18,40 tỷ đồng; Thanh Hóa 2,62 tỷ đồng; Lâm Đồng 11,72 tỷ đồng; Đắk Lắk 2,83 tỷ đồng; Ninh Bình 4,35 tỷ đồng.

<sup>443</sup> TP Hà Nội 13.304,96 tỷ đồng, Hồ Chí Minh 5.944,3 tỷ đồng, Đà Nẵng 93,72 tỷ đồng; tỉnh Bình Định 1.132,69 tỷ đồng; Quảng Ngãi 139,68 tỷ đồng; Bình Dương 730,96 tỷ đồng; Hà Nam 7,13 tỷ đồng; Quảng Nam 24,49 tỷ đồng; Ninh Thuận 142,98 tỷ đồng; Quảng Bình 87,69 tỷ đồng; Gia Lai 162,39 tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu 193,64 tỷ đồng; Phú Yên 259,84 tỷ đồng; Bình Thuận 197,71 tỷ đồng; Quảng Ninh 13,28 tỷ đồng; Vĩnh Phúc 46,93 tỷ đồng; Đồng Nai 86,95 tỷ đồng; Khánh Hòa 4,93 tỷ đồng; Thanh Hóa 824,11 tỷ đồng; Thái Bình 1.128,45 tỷ đồng; Bình Phước 205,58 tỷ đồng; Long An 316,66 tỷ đồng; Lâm Đồng 51,47 tỷ đồng; Đắk Lắk 172,18 tỷ đồng.

<sup>444</sup> (i) Bộ Nội vụ: Ban ĐKKTTW thừa 02 xe, Ban Tôn giáo Chính phủ thừa 03 xe; (ii) Bộ Xây dựng: Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị đang thừa 01 xe ô tô phục vụ công tác chung và thiếu 01 xe chuyên dùng; Trường ĐHKHT Hà Nội thừa 01 xe ô tô dùng chung, Trường ĐHKHT TPHCM thừa 01 xe ô tô dùng chung, Viện QH&TN&QG thừa 01 xe ô tô dùng chung, Văn phòng Bộ thừa 02 xe ô tô dùng chung; (iii) Bộ TN&MT: Văn phòng Cục Đo đạc, Bản đồ và Thông tin địa lý Việt Nam thừa 01 xe ô tô dùng chung; Trường Đại học TN&MT Hà Nội thừa 01 xe ô tô dùng chung; Văn phòng Cục Biển và Hải đảo thừa 02 xe dùng chung; (iv) Bộ GD&ĐT: Một số đơn vị thừa xe ô tô phục vụ công tác chung so với tiêu chuẩn, định mức như: Trường ĐH Ngoại thương thừa 02 xe, Trung tâm Seameo Retrac thừa 01 xe, Trường ĐH Sư phạm Thể dục Thể thao thừa 01 xe, Trường ĐH Nha Trang thừa 05 xe, Trường ĐH Nông Lâm TPHCM thừa 01 xe, Trường ĐH Giao thông vận tải thừa 01 xe, ĐH Bách khoa Hà Nội thừa 02 xe, ...; (v) Tỉnh Bình Định; (vi) Thừa Thiên Huế.

<sup>445</sup> Tỉnh Quảng Bình.

<sup>446</sup> (i) Bộ TN&MT: Còn đơn vị chưa thực hiện rà soát, sắp xếp lại số lượng xe ô tô phục vụ công tác chung gửi Bộ TN&MT theo quy định tại Quyết định số 2092/QĐ-BTNMT (Công ty TNHH MTV TN&MT Miền Nam; Công ty TNHH MTV TN&MT Việt Nam); (ii) Tỉnh Quảng Bình (Đến thời điểm kiểm toán, Sở Y tế chưa xây

chung<sup>447</sup>, xe ô tô chuyên dùng<sup>448</sup>; chưa thay đổi giấy chứng nhận đăng ký sau khi thực hiện điều chuyển<sup>449</sup>.

(2) Quản lý, sử dụng tài sản là nhà, đất:

- Tại các bộ, cơ quan trung ương: (i) Về hồ sơ thủ tục: Chưa làm thủ tục hoặc chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>450</sup>; chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất<sup>451</sup>; chưa thực hiện chuyển đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>452</sup>; chưa kê khai hoặc chưa có phương án<sup>453</sup>, chưa thống nhất phương án sắp xếp, xử lý nhà đất<sup>454</sup>; chưa được phê duyệt phương án sắp xếp<sup>455</sup>;

dụng và trình phê duyệt phương án xử lý đối với 42 xe ô tô gồm 39 xe tại thời điểm năm 2021 và 03 xe được bổ sung chống dịch theo định mức quy định tại Quyết định số 4645/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình); (iii) Kon Tum (chưa điều chuyển 04 xe ô tô bán tải dôi dư theo phương án xử lý tổng thể; trong năm 2023 chậm hoàn thành việc xử lý 29 xe ô tô).

<sup>447</sup> Bộ Nội vụ: Học viện HCQG chưa ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô phục vụ công tác chung tại các đơn vị trực thuộc Học viện.

<sup>448</sup> Tỉnh Quảng Bình, Nam Định.

<sup>449</sup> (i) Bộ TN&MT: 89 xe ô tô; (ii) Tổng cục Hải quan: Cục HQ Bà Rịa - Vũng Tàu 10 xe ô tô; Cục HQ Quảng Ninh 19/19 xe ô tô và 24/24 xe máy.

<sup>450</sup> (i) KBNN: Tại KBNN Hà Nội có 15 cơ sở nhà, đất; KBNN Thanh Hóa có 01 cơ sở nhà đất (KBNN Nghi Sơn); KBNN TP HCM: 13/22 cơ sở tổng diện tích đất 18.599,1m<sup>2</sup>; (ii) Bộ Nội vụ: 03 cơ sở thuộc Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương; 04 cơ sở thuộc Văn phòng Bộ; (iii) Bộ TN&MT: Có 504 cơ sở đất; Bệnh viện Bạch Mai: Cơ sở 2 tại xã Liên Tuyền, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; (iv) Viện KSNDTC: 07 vị trí đất (Viện KSND tỉnh Bình Dương 02 vị trí; Viện KSND tỉnh Vĩnh Phúc 02 vị trí; Viện KSND tỉnh Trà Vinh 01 vị trí; Viện KSND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh 01 vị trí; Viện KSND tỉnh Ninh Thuận 01 vị trí); (v) Tổng cục Thuế 77 cơ sở (Cục Thuế TP.HCM còn 24 cơ sở; Cục Thuế tỉnh Nghệ An còn 33 cơ sở; Cục Thuế TP Hà Nội còn 14 cơ sở; Cục Thuế tỉnh Phú Thọ 04 cơ sở; Cục Thuế Khánh Hoà 02 cơ sở); (vi) Bộ VH&TT&DL: Hạch toán quyền sử dụng đất 15,91 tỷ đồng trong khi chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; (vii) Tổng cục Hải quan: Cục HQ Bà Rịa - Vũng Tàu có 01 cơ sở; Cục HQ TP Hà Nội 04 cơ sở.

<sup>451</sup> (i) Bộ Nội vụ: Chưa điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất khi UBND cấp tỉnh, TP ban hành và công bố bảng giá đất theo quy định để hạch toán trên sổ kế toán (Ban ĐKTTW, Học viện HCQG); chưa xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và phản ánh trên sổ kế toán theo quy định (Ban ĐKTTW, Văn phòng Bộ); (ii) Bộ Xây dựng: Chưa điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất khi UBND cấp tỉnh, TP ban hành và công bố bảng giá đất theo quy định (Học viện Cán bộ quản lý xây dựng và đô thị, Viện Kiến trúc Quốc gia, Viện Vật liệu Xây dựng, Trường ĐHKHT TP.HCM, Viện KHCN xây dựng); chưa xác định giá trị quyền sử dụng đất để tính vào giá trị tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và phản ánh trên sổ kế toán theo quy định (Viện Vật liệu Xây dựng).

<sup>452</sup> (i) Bệnh viện Bạch Mai: Cơ sở 3 tại đường Trần Văn Chuông, phường Lê Hồng Phong - TP Phù Lý - tỉnh Hà Nam; (ii) Tổng cục Hải quan: Cục HQ Bà Rịa - Vũng Tàu có 01 cơ sở; Cục HQ TP Hà Nội 04 cơ sở.

<sup>453</sup> (i) Bộ Y tế: 01 cơ sở nhà, đất của Trường Đại học Y Hà Nội tại phường Yên Sở, Hoàng Mai, Hà Nội chưa kê khai, chưa thực hiện sắp xếp theo Nghị định 167/2017/NĐ-CP, do thời gian dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, cơ sở nhà, đất này được tiếp nhận tài trợ để xây dựng Bệnh viện điều trị người bệnh Covid-19; (ii) Bộ TN&MT: Có 814 cơ sở nhà đất chưa có phương án sắp xếp lại, xử lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP; (iii) Viện KSNDTC: Viện KSND TP Hà Nội chưa lập báo cáo kê khai đối với tất cả các cơ sở nhà, đất đang quản lý, sử dụng.

<sup>454</sup> Bộ VH&TT&DL: Đơn vị trực thuộc Bộ TT&TT đang sử dụng một phần diện tích của Cục Văn hóa cơ sở trực thuộc Bộ VH&TT&DL; một số khuôn viên đất tại các đơn vị chưa thống nhất phương án sắp xếp xử lý giữa Bộ VH&TT&DL, tỉnh/TP và BTC.

<sup>455</sup> (i) Bộ Y tế có 15 cơ sở nhà, đất, Bộ Y tế chưa nhận được ý kiến phản hồi của địa phương về phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất; 10 cơ sở nhà, đất của Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên đã được Bộ Y tế phối hợp với các ban ngành của tỉnh kiểm tra lại và thống nhất phương án sắp xếp lại, xử lý (Biên bản họp ngày 11/5/2023), tuy nhiên chưa có ý kiến của UBND tỉnh Đắk Lắk về phương án; 01 cơ sở nhà, đất của Báo Sức khỏe và Đời sống tại 127 phố Núi Trúc chưa được kiểm tra hiện trạng quản lý, sử dụng nhà, đất (Báo đã có báo cáo kê khai hiện trạng); (ii) KBNN: 47 cơ sở nhà đất chưa được phê duyệt phương án sắp xếp, trong đó: Có 22 cơ sở đang trình giữ lại; 22 cơ sở chưa trình phê duyệt phương án sắp xếp (nguyên nhân là do các cơ sở này đa phần là trụ sở mới hoàn thành đưa vào sử dụng, đơn vị đang hoàn thiện hồ sơ trình phương án giữ lại); 02 cơ sở đang trình tạm giữ lại, 01 cơ sở đất mượn; (iii) Bộ Nội vụ: 11 cơ sở nhà đất chưa được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất theo quy định; (iv) Bộ Xây dựng: Một số đơn vị chưa được phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất

chưa hoàn thiện về thủ tục bàn giao, sắp xếp<sup>456</sup>; chưa đăng ký biến động tài sản<sup>457</sup>, chưa điều chỉnh giá trị quyền sử dụng đất<sup>458</sup>, sử dụng tài sản không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng hoặc không bàn giao hồ sơ pháp lý<sup>459</sup>; còn chênh lệch số liệu về diện tích trên sổ kế toán và số liệu thực tế<sup>460</sup>. (ii) Về quản lý sử dụng: Cho thuê tài sản nhưng chưa lập đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, chưa thực hiện ký hợp đồng cho thuê, chưa thực hiện tổ chức đấu giá khi cho thuê<sup>461</sup>;

---

theo quy định; (v) Bộ VH TT&DL: Còn 48/141 cơ sở chưa được BTC phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất; (vi) Tổng cục Thuế: 146 chưa được phê duyệt phương án; 282 trụ sở Chi cục Thuế chưa có phương án sắp xếp theo Đề án 520/QĐ-BTC; (vii) Tổng cục Hải quan: Cục HQ Hải Phòng còn 04 cơ sở, Cục HQ Bà Rịa - Vũng Tàu còn 01 cơ sở, Cục HQ Quảng Ninh còn 02 cơ sở, Cục HQ TP Hà Nội còn 08 cơ sở, Cục HQ TP Hồ Chí Minh còn 03 cơ sở đang quản lý sử dụng chưa được phê duyệt phương án sắp xếp, xử lý; (viii) Bộ GD&ĐT: 72 cơ sở nhà đất chưa hoàn thành và phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất.

<sup>456</sup> (i) KBNN: 06 cơ sở dôi dư không sử dụng (bỏ trống) đang đề nghị cấp có thẩm quyền lên phương án xử lý (KBNN Long Biên, Phòng Giao dịch KBNN Hoàn Kiếm, KBNN Thanh Oai, Sóc Sơn, Đống Đa, Hà Đông, trong đó: Trụ sở làm việc cũ KBNN Long Biên đã được BTC xin ý kiến của UBND TP Hà Nội tại văn bản 4651/BTC-QLCS ngày 16/4/2020, đến nay UBND TP Hà Nội chưa có văn bản trả lời; Trụ sở làm việc cũ KBNN Thanh Oai KBNN Hà Nội không có nhu cầu sử dụng, đã báo cáo KBNN, tuy nhiên KBNN chưa có văn bản trả lời); BTC và UBND tỉnh Lạng Sơn đang có văn bản trao đổi về phương án sắp xếp cơ sở nhà đất là trụ sở làm việc cũ của KBNN Lạng Sơn tại địa chỉ số 37, đường Nguyễn Thái Học, phường Chi Lăng, TP Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn; KBNN Quảng Ngãi chưa hoàn thiện các thủ tục để bàn giao trụ sở KBNN Nghĩa Hành không có nhu cầu sử dụng về địa phương theo hướng tại Quyết định số 419/QĐ-BTC ngày 06/3/2024; (ii) Bộ VH TT&DL: Một số tài sản theo dõi trên sổ tài sản không thuộc phạm vi và quyền quản lý, sử dụng đất được giao, do tồn đọng trong công tác bàn giao, sắp xếp, xử lý nhà đất; không cung cấp được giấy tờ liên quan đến tài sản và quyền sử dụng đất; (iii) Tổng cục Thuế: chưa hoàn thành thủ tục chuyển giao cơ sở nhà đất không còn nhu cầu sử dụng về địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định số 167/2017/NĐ-CP (Cục Thuế tỉnh Nghệ An); một số cơ sở nhà đất không còn nhu cầu sử dụng nhưng chưa được giải quyết dứt điểm theo phương án được duyệt (Cục Thuế tỉnh Khánh Hòa); Đội thuế xã Minh Nông thuộc Chi cục Thuế TP Việt Trì - Cục Thuế tỉnh Phú Thọ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chuyên cho địa phương quản lý nhưng đến thời điểm tháng 9/2024 chưa bàn giao được cho địa phương; (iv) Bộ GD&ĐT: Chưa nhận được quyết định điều chuyển tài sản của cấp có thẩm quyền (ĐH Thái Nguyên: Trường ĐH CNTT&TT; ĐH Đà Nẵng: Trường ĐH CNTT&TT Việt - Hàn).

<sup>457</sup> Bộ TN&MT: Có 121 cơ sở đất mặc dù đã đổi cơ quan quản lý cơ sở đất sau khi Bộ TN&MT thay đổi cơ cấu tổ chức nhưng chưa được các đơn vị thực hiện đăng ký biến động theo quy định của Điều 95 Luật Đất đai 2013 và Điều 21 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP.

<sup>458</sup> Bộ VH TT&DL.

<sup>459</sup> (i) Tổng cục Thuế: Nhà làm việc 282 Khâm Thiên của Chi cục Thuế quận Đống Đa, địa chỉ: Số 282 Khâm Thiên, phường Thổ Quan, quận Đống Đa, Hà Nội; Trạm thuế xã Sơn Đồng của Chi cục Thuế huyện Hoài Đức, địa chỉ: xã Sơn Đồng, huyện Hoài Đức, Hà Nội không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nằm trong quy hoạch, Cục thuế TP Hà Nội chưa báo cáo cấp có thẩm quyền để có phương án xử lý theo quy định; (ii) Bộ GD&ĐT: Không được giao hồ sơ pháp lý về tài sản nhà đất (Giao quản lý, sử dụng khu nhà B101 Nguyễn Hiền, Bách Khoa, Hai Bà Trưng, Hà Nội 1.962m<sup>2</sup>, từ năm 1984 do Bộ ĐH và Trung học chuyên nghiệp, nhưng đến nay chưa được giao hồ sơ pháp lý liên quan đến khu đất này (Trường ĐH Mở Hà Nội).

<sup>460</sup> (i) Tổng cục Thuế: số liệu về diện tích đất trên sổ kế toán của Tổng cục Thuế có chênh lệch so với số liệu thực tế 120,8m<sup>2</sup> với Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất được cơ quan có thẩm quyền cấp (cơ sở đất 123 Lò Đức, Hai Bà Trưng, Hà Nội); (ii) Bộ GD&ĐT: Diện tích xây dựng Nhà cấp II là 3.075m<sup>2</sup> chênh lệch so với quy hoạch tại Quyết định số 3640/QĐ-UBND ngày 03/7/2017 là 229m<sup>2</sup> (Trường ĐH Ngoại ngữ - ĐH Đà Nẵng); Số liệu báo cáo về diện tích đất sử dụng chênh lệch thiếu 59.237m<sup>2</sup>, diện tích sàn xây dựng chênh lệch thiếu 860m<sup>2</sup> và sử dụng cơ sở vật chất, nhà, đất nhưng chưa có quyết định giao của cấp có thẩm quyền (ĐH Đà Nẵng); (iii) Bộ Xây dựng: có sự chênh lệch giữa diện tích ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và Quyết định số 235/QĐ-BXD ngày 02/4/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt phương án quản lý, sử dụng (Học viện cán bộ quản lý xây dựng và đô thị).

<sup>461</sup> (i) Bộ Y tế: Một số đơn vị (Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên, Viện kiểm nghiệm thuốc Trung ương; Bệnh viện Chợ Rẫy; Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh, Bệnh viện K; Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế ngày 16/11/2023 mới được Bộ Y tế phê duyệt đề án) cho thuê tài sản chưa lập đề án theo quy định; Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế chưa kịp thời chấm dứt ngay các hợp đồng cho thuê mặt bằng theo ý kiến của Bộ Y tế; Bệnh viện Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh, Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh không thực hiện ký hợp đồng sử dụng một phần diện tích để kinh doanh dịch vụ theo quy định (chỉ ký thỏa thuận); (ii) Bộ Nội vụ: Học viện HCQG chưa lập Đề án sử dụng tài sản công là cơ sở nhà, đất vào mục đích kinh doanh, cho thuê, liên kết sau sắp

còn tình trạng bị lấn chiếm<sup>462</sup>; cho thuê một số tài sản nhưng không thể hiện trên sổ tài sản<sup>463</sup>; chưa thực hiện nộp tiền thuê đất theo quy định<sup>464</sup>; chưa cập nhật thông tin về việc sử dụng tài sản công vào mục đích kinh doanh, cho thuê vào cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công (Bộ VHTT&DL).

- Một số địa phương, đơn vị chưa xây dựng phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất hoặc chưa được phê duyệt phương án sắp xếp<sup>465</sup>; một số đơn vị chưa được giao đất, cho thuê đất<sup>466</sup>; chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất<sup>467</sup>; chưa thực hiện xác định giá trị quyền sử dụng đất<sup>468</sup>; còn tình trạng đất bị

nhập trình Bộ Nội vụ phê duyệt; (iii) Bộ Xây dựng: Một số đơn vị sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê, liên doanh, liên kết khi chưa lập đề án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (Trường ĐHXD miền Tây, Trường ĐHKI TP.HCM) hoặc đã lập đề án nhưng chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt (Viện Vật liệu Xây dựng); (iv) Bộ TN&MT: Cho thuê một số tài sản gắn liền trên đất; cho thuê đất chưa xây dựng phương án trình cơ quan chủ sở hữu theo quy định và chưa phù hợp với mục đích sử dụng đất quy định tại hợp đồng và giấy phép sử dụng đất; cho thuê cơ sở hạ tầng nhưng chưa có đề án trình cấp thẩm quyền phê duyệt hay cho thuê một phần diện tích nhà, đất khi chưa có đề án được duyệt; cho thuê trực tiếp, không thực hiện đấu giá chưa đúng quy định; (v) Bộ VHTT&DL: 06 đơn vị chưa lập Đề án trình Bộ phê duyệt theo quy định; một số đơn vị thu theo thỏa thuận hợp đồng giữa bên thuê và cho thuê, chưa tổ chức đấu giá theo quy định; có đơn vị thực hiện cho thuê tài sản trên đất ghi nhận doanh thu nhưng không thực hiện ký Hợp đồng.

<sup>462</sup> (i) Bộ Nội vụ: một số cơ sở nhà, đất để nhiều năm không sử dụng, bị chiếm dụng cho thuê sử dụng sai mục đích, vướng mắc kéo dài chưa xử lý, trong đó có một số cơ sở tồn tại từ năm 2002, 2009, 2018; (ii) Bộ TN&MT: công tác quản lý còn chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng để cá nhân bên ngoài đơn vị sử dụng trái phép hoặc lấn chiếm đất và tranh chấp, khiếu kiện kéo dài từ nhiều năm về trước, nhưng đến nay chưa được xử lý dứt điểm theo quy định (07 cơ sở nhà, đất đang bị lấn chiếm); (iii) Bộ Y tế: Một số đơn vị chưa di dời được các hộ gia đình ra khỏi khuôn viên trụ sở làm việc: Trường Đại học Y Hà Nội (01 hộ dân tại cơ sở nhà, đất 42C Lý Thường Kiệt); Đại học Y Dược TP Hồ Chí Minh (cơ sở 540 Ngô Gia Tự: 18 hộ; cơ sở 221B Hoàng Văn Thụ: 05 hộ; cơ sở 41 Đinh Tiên Hoàng: 04 hộ); (iv) Bộ GD&ĐT: Một số đơn vị (Trường ĐH Nông Lâm TP.HCM, ĐH Bách khoa HN Trường ĐH Sư phạm kỹ thuật TPHCM; Trường Cán bộ quản lý giáo dục TPHCM, Trường ĐH Đà Lạt, Trường ĐH Tây Bắc, Trường ĐH Giao thông vận tải, Trung tâm Seameo Celll...) do công tác quản lý còn chưa chặt chẽ dẫn đến tình trạng để cá nhân bên ngoài đơn vị sử dụng trái phép hoặc lấn chiếm đất và tranh chấp, khiếu kiện kéo dài từ nhiều năm về trước, nhưng đến nay chưa được xử lý dứt điểm theo quy định.

<sup>463</sup> Bộ VHTT&DL.

<sup>464</sup> (i) Bộ Nội vụ: Học viện HCQG, Cục Văn thư và Lưu trữ nhà nước; Bộ Xây dựng: Viện Vật liệu xây dựng, Viện KHCN, Ban Quản lý dự án ĐTXD chuyên ngành Bộ Xây dựng, Trường Cao đẳng Công nghệ quốc tế Lilama2, Trường Trung cấp Kỹ thuật nghiệp vụ Sông Hồng; (ii) Bộ TN&MT: Trung tâm Điều tra, Quy hoạch và Định giá đất thuộc Cục quy hoạch và phát triển tài nguyên đất, các trung tâm thuộc Cục đo đạc bản đồ; Các đơn vị sự nghiệp thuộc Cục Địa chất Việt Nam; các đơn vị sự nghiệp thuộc Cục Chuyển đổi số và Thông tin dữ liệu tài nguyên môi trường.

<sup>465</sup> TP Hồ Chí Minh (TP không theo dõi được số lượng tài sản công đang giao cho các doanh nghiệp, tổ chức trung ương và địa phương đang quản lý và sử dụng nên không thể xây dựng phương án sắp xếp); tỉnh Long An (716 cơ sở nhà, đất chưa có phương án xử lý, sắp xếp lại nhà đất); Kon Tum (Sở TN&MT chưa xây dựng phương án sắp xếp, xử lý tài sản đối với Trung tâm Công nghệ thông tin TN&MT sau khi sáp nhập vào Văn phòng đăng ký đất đai); Tỉnh Đắk Nông (03 đơn vị chưa được phê duyệt phương án sắp xếp: Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh; Tỉnh đoàn Đắk Nông; trụ sở Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Đắk Song); Quảng Nam (123 cơ sở nhà, đất của 13 đơn vị sự nghiệp công lập cấp tỉnh chưa được phê duyệt phương án sắp xếp nhà đất); Nam Định (546 cơ sở nhà, đất chưa được phê duyệt phương án sắp xếp nhà đất).

<sup>466</sup> Tỉnh Kon Tum (16 thửa đất do các đơn vị thuộc Sở NN&PTNT, Sở VHTT&DL, huyện Kon Rẫy quản lý, sử dụng); TP Hà Nội (Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao đang quản lý sử dụng 01 khu Sân bóng tại Thị trấn Phú Xuyên có diện tích 24.876m<sup>2</sup>, gồm có 01 khu bể bơi nhưng chưa có quyết định của cấp có thẩm quyền giao Khu Sân bóng, gồm cả khu bể bơi); Long An (Sở TN&MT, Sở TT&TT).

<sup>467</sup> TP Cần Thơ: 03 cơ sở; tỉnh Kon Tum (30 cơ sở nhà đất thuộc Sở NN&PTNT); Hà Nam (Sở GD&ĐT: 08 đơn vị với diện tích 150.237m<sup>2</sup>; Sở Xây dựng); Bình Phước (Sở TN&MT: 05 thửa đất là trụ sở làm việc của Văn phòng Đăng ký đất đai).

<sup>468</sup> Tỉnh Quảng Bình (Trường THPT Ngô Quyền thuộc Sở GD&ĐT); Long An (huyện Thủ Thừa).

lấn chiếm<sup>469</sup>; bàn giao nhà đất cho các đơn vị không phù hợp với Phương án xử lý, sắp xếp nhà đất đã được UBND tỉnh quyết định<sup>470</sup> hoặc chưa thu hồi, điều chuyển cơ sở nhà, đất theo phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất được duyệt<sup>471</sup>; chưa kê khai để cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công<sup>472</sup>; cơ sở nhà đất chưa được Sở Tài chính lập phương án xử lý, khai thác tài sản thu hồi trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt<sup>473</sup>.

Một số đơn vị sự nghiệp cho thuê tài sản, liên doanh liên kết nhưng chưa xây dựng đề án<sup>474</sup> hoặc chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt<sup>475</sup>.

(3) Quản lý tài sản khác: Chưa lập các biểu mẫu và công khai trên Cổng thông tin điện tử theo quy định<sup>476</sup>; chưa ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công<sup>477</sup> hoặc ban hành nhưng chưa đầy đủ<sup>478</sup>; xây dựng, ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công chậm<sup>479</sup>; chưa rà soát, sắp xếp lại máy móc, thiết bị và tài sản công khác<sup>480</sup>; chưa lập báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công<sup>481</sup>; lập, gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản công chậm<sup>482</sup>; quản lý tài sản chưa phù hợp quy định<sup>483</sup>.

## 2.5. Về quản lý, sử dụng các quỹ ngoài ngân sách

Một số địa phương chưa trích lập hoặc trích lập Quỹ dự trữ tài chính chưa đảm bảo tỷ lệ 50% kết dư ngân sách cấp tỉnh<sup>484</sup>, trích lập Quỹ dự trữ tài chính

<sup>469</sup> TP Hồ Chí Minh (TP Thủ Đức).

<sup>470</sup> TP Hồ Chí Minh (UBND quận 10 yêu cầu Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 10 bàn giao 07 cơ sở nhà đất cho các đơn vị khác với Phương án xử lý, sắp xếp nhà đất).

<sup>471</sup> TP Cần Thơ (Quận Thốt Nốt, quận Ninh Kiều).

<sup>472</sup> Tỉnh Bình Định; Quảng Nam.

<sup>473</sup> TP Cần Thơ.

<sup>474</sup> TP Hà Nội (Một số trường học trên địa bàn các quận Ba Đình, Cầu Giấy, Tây Hồ); tỉnh Quảng Nam (Sở GD&ĐT); Phú Yên (Điểm di tích Vũng Rô, Gành Đá Đĩa).

<sup>475</sup> TP Hồ Chí Minh (quận 3, quận 10, quận Gò Vấp, quận Tân Bình, huyện Hóc Môn, Lục lượng Thanh niên xung phong; Sở VH&TT&DL); tỉnh Long An (Sở VH&TT&DL).

<sup>476</sup> (i) Bộ Nội vụ; (ii) Bộ TN&MT: Cục chuyên đổi số và thông tin dữ liệu TNMT (06 đơn vị trực thuộc); Liên đoàn địa chất Đông Bắc thuộc Cục Địa chất Việt Nam; (iii) Bộ VH&TT&DL.

<sup>477</sup> Bộ Nội vụ; Bộ TN&MT.

<sup>478</sup> Bộ TN&MT: Một số đơn vị trực thuộc có Quy chế quản lý tài sản căn cứ theo Nghị định số 04/2019/NĐ-CP tuy nhiên chưa có quy định về điều kiện đề án cho thuê, liên doanh, liên kết được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; chưa sửa đổi quy chế quản lý tài sản về tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô theo quy định.

<sup>479</sup> Bệnh viện Bạch Mai: Chậm 05 năm 07 tháng.

<sup>480</sup> Bộ VH&TT&DL.

<sup>481</sup> Bộ VH&TT&DL: Nhà hát Ca múa nhạc Việt Nam, Văn phòng Bộ VH&TT&DL.

<sup>482</sup> Bộ Xây dựng; Bộ Nội vụ.

<sup>483</sup> (i) Bộ TN&MT: Việc quản lý sử dụng tài sản bàn giao sau chia tách chưa đúng danh mục, do một số tài sản giao cho đơn vị quản lý, sử dụng nhưng thực tế lại đang được đơn vị quản lý, sử dụng; Tại Trường Đại học TN&MT TP Hồ Chí Minh, Hội đồng kiểm kê tài sản chỉ thực hiện đánh giá tình trạng của từng loại tài sản, chưa lập Biên bản kiểm kê (Mẫu C53-HD) theo quy định; (ii) Bộ VH&TT&DL: Biên bản kiểm kê tài sản năm 2023 cho thấy một số trang thiết bị hỏng chưa được xử lý, cấp cho cá nhân nhưng khi nghỉ hưu chưa hoàn trả; (iii) Bệnh viện Bạch Mai: Còn 432 máy thử hiện lưu kho (không sử dụng), trong số máy lưu kho có 40 máy thử chức năng cao (nguyên giá 23,557 tỷ đồng) do Bộ Y tế mua từ nguồn NSNN cấp qua Bệnh viện Phổi Trung ương để phục vụ phòng, chống dịch, hiện Bệnh viện chưa hạch toán tăng tài sản để quản lý và theo dõi; các thiết bị y tế được tài trợ chưa làm thủ tục trình và được cấp có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định; việc quản lý, theo dõi và kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ tại các khoa, phòng chưa tốt dẫn đến cuối năm một số khoa/phòng chưa thông nhất số lượng công cụ, dụng cụ thiết bị y tế hiện còn tồn tại khoa/phòng so với số lượng trên sổ tài sản dẫn đến chưa ký đủ các biên bản kiểm kê tài sản, công cụ dụng cụ.

<sup>484</sup> Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (số trích thiếu 1.370,53 tỷ đồng); Vĩnh Phúc (số trích thiếu 267,49 tỷ đồng); Đồng Nai (số trích thiếu 135,25 tỷ đồng); Đắk Nông (số trích thiếu 4,51 tỷ đồng).

chưa đúng quy định<sup>485</sup>; bổ sung vốn điều lệ cho một số quỹ chưa có trong KHĐTCTH<sup>486</sup>; bổ sung vốn hoạt động cho Quỹ Phát triển đất chưa phù hợp<sup>487</sup>; chưa quy định về vốn điều lệ, chưa ban hành mức vốn nhà nước cấp đối với Quỹ Phát triển đất<sup>488</sup>; quản lý, sử dụng một số quỹ còn tồn tại<sup>489</sup>.

## 2.6. Quản lý, sử dụng quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách do trung ương quản lý

Kết quả kiểm toán chuyên đề việc quản lý, sử dụng quỹ tài chính ngoài ngân sách do trung ương quản lý giai đoạn 2020-2023<sup>490</sup> cho thấy: (i) Việc thực hiện mục tiêu của quỹ và chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan quản lý quỹ còn bất cập, như: Thực hiện chưa hiệu quả, nhiều nhiệm vụ phải hủy hoặc tỷ lệ thực hiện thấp (Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước); đề xuất, xây dựng, phê duyệt kế hoạch hoạt động hằng năm chậm và xây dựng kế hoạch thực hiện cho từng nhiệm vụ chưa sát thực tế (Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá); chưa ban hành hướng dẫn cho các dự án bảo vệ môi trường vay vốn với lãi suất ưu đãi (Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam)...; (ii) Việc quản lý, sử dụng quỹ: Một số nhiệm vụ thực hiện đạt thấp so với kế hoạch<sup>491</sup>; một số nhiệm vụ không thực hiện<sup>492</sup> hoặc thực hiện thừa so với nhu cầu<sup>493</sup>; sử dụng Quỹ đầu tư phát triển để giải ngân vốn cho vay ưu đãi và chưa có cơ chế tài chính về sử dụng nguồn tiền đóng góp của các nhà sản xuất, nhập khẩu để hỗ trợ xử lý chất thải<sup>494</sup>; cơ quan điều hành Quỹ chưa có các biện pháp xử lý kịp thời, đảm bảo các doanh nghiệp chấp hành nghĩa vụ nộp Quỹ<sup>495</sup>; xác định hiệu quả tài chính một số Dự án vay ưu đãi

<sup>485</sup> TP Cần Thơ (trích lập quỹ dự trữ tài chính tính trên kết dư NSNN đã loại trừ kinh phí bố trí thực hiện các nhiệm vụ chi phát sinh chưa phù hợp quy định 380,36 tỷ đồng).

<sup>486</sup> Tỉnh Bắc Giang (Giao 100 tỷ đồng KHV bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang từ nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách tỉnh chưa có trong KHĐTCTH giai đoạn 2021-2025); Sơn La (cấp vốn điều lệ cho Quỹ Hỗ trợ nông dân theo hình thức giao dự toán chi thường xuyên cấp tỉnh 1,5 tỷ đồng, huyện Mường La 0,3 tỷ đồng, huyện Mai Sơn 0,3 tỷ đồng, huyện Sốp Cộp 0,3 tỷ đồng).

<sup>487</sup> Tỉnh Bắc Giang (Phân bổ 50 tỷ đồng nguồn thu tiền sử dụng đất bổ sung nguồn vốn hoạt động cho Quỹ Phát triển đất chưa phù hợp quy định tại mục 1 Công văn số 8114/BTC-QLCS ngày 15/8/2022 của BTC).

<sup>488</sup> Tỉnh Tây Ninh, Hà Nam.

<sup>489</sup> Tỉnh Bình Định (Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ không thực hiện chức năng tài trợ, cho vay các nhiệm vụ KHCN, chưa xây dựng kế hoạch hoạt động); Đắk Nông (Quỹ Vì người nghèo huyện Đắk Song chưa nộp số dư quỹ về tài khoản tiền gửi tại KBNN); Tây Ninh (Đơn vị đã sử dụng khoản lãi tiền gửi KBNN phát sinh từ tiền vốn NSNN cấp để trích lập Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp, trong năm 2023 là 23,50 tỷ đồng không đúng quy định); Bà Rịa - Vũng Tàu (Quỹ Phát triển nhà ở xã hội tại KBNN từ năm 2012 đến nay không phát sinh việc sử dụng, số dư đến hết năm 2023 là 180,48 tỷ đồng).

<sup>490</sup> Quỹ phòng, chống tác hại của thuốc lá do Bộ Y tế quản lý; Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước và Quỹ Đền ơn đáp nghĩa Trung ương do Bộ LĐTB&XH quản lý; Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam do Bộ TN&MT quản lý; Quỹ Phòng, chống tội phạm Trung ương do Bộ Công an quản lý.

<sup>491</sup> Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước; Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá.

<sup>492</sup> Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá: Thẩm quyền thẩm định và phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu chưa được phân định rõ ràng nên giai đoạn 2022-2023 Quỹ không thể tổ chức đấu thầu để thực hiện được các nhiệm vụ truyền thông.

<sup>493</sup> Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước: In sách, tài liệu phục vụ người lao động đi làm việc ở nước ngoài thừa so với nhu cầu.

<sup>494</sup> Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

<sup>495</sup> Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước: 34 doanh nghiệp không làm thủ tục quyết toán, 28 doanh nghiệp nộp chậm 1,73 tỷ đồng, 03 doanh nghiệp nộp thiếu 0,1 tỷ đồng.

chưa chính xác<sup>496</sup>. Đặc biệt, các văn bản hướng dẫn của BTC về việc gửi ngân hàng có kỳ hạn đối với số dư nhàn rỗi tạm thời của Quỹ chưa nhất quán<sup>497</sup> trong giai đoạn 2019-2022 (trong khi tồn dư quỹ lớn và tăng dần hàng năm<sup>498</sup>) làm giảm nguồn thu cho Quỹ; (iii) Cơ chế chính sách còn nhiều bất cập, như: Chưa được xác định cụ thể loại hình đơn vị, mô hình tổ chức<sup>499</sup>; cơ chế hoạt động tài chính chưa đảm bảo cơ sở cho Quỹ hoạt động theo mô hình đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư<sup>500</sup>; Thông tư số 61/2019/TT-BTC quy định việc ủng hộ, đóng góp bằng tiền mặt nên việc tiếp nhận các tài trợ không phải bằng tiền chưa triển khai thực hiện được<sup>501</sup>.

### 3. Nợ công

Tính đến 31/12/2023, tổng số nợ công 3.722.699,95 tỷ đồng, tăng 4,65% so với năm 2022 (3.557.668,28 tỷ đồng), bằng 36,07% GDP, trong đó: Nợ Chính phủ 3.428.046,28 tỷ đồng, tăng 5,53% so với năm 2022 (3.248.468,5 tỷ đồng), bằng 33,22% GDP; Nợ được Chính phủ bảo lãnh 283.530,03 tỷ đồng, giảm 4,84% so với năm 2022 (297.962,32 tỷ đồng), bằng 2,75% GDP; Nợ chính quyền địa phương 63.142,52 tỷ đồng<sup>502</sup>, tăng 14,45% so với năm 2022 (55.172,75 tỷ đồng), bằng 0,61% GDP. Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ so với thu NSNN là 17,22%<sup>503</sup>. Các chỉ tiêu nợ công năm 2023 trong giới hạn cho phép của Quốc hội<sup>504</sup>. Nợ công bình quân 37,11 triệu đồng/người<sup>505</sup> tăng so với các năm (năm 2022: 35,77 triệu đồng, năm 2021: 36,71 triệu đồng).

Kết quả kiểm toán cho thấy: (i) Có 03/11 dự án đã ký hiệp định nhưng

<sup>496</sup> Quỹ Bảo vệ môi trường Việt Nam.

<sup>497</sup> Năm 2017 KTNN đã có kiến nghị Quỹ “Hàng năm xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi có hiệu quả...”. Ngày 18/4/2019 Quỹ có Công văn số 48/CV-QPCTHTL gửi BTC và ngày 28/5/2019 BTC có Công văn số 6046/BTC-HCSN, trong đó nêu “...để sử dụng nguồn vốn nhàn rỗi của Quỹ có hiệu quả theo kiến nghị của KTNN, đề nghị Quỹ báo cáo Hội đồng Quản lý Quỹ xem xét, đề xuất, báo cáo Bộ trưởng Bộ Y tế trình Thủ tướng Chính phủ xem xét sửa đổi Quyết định số 47/2013/QĐ-TTg để có cơ sở thực hiện”. Tuy nhiên, Ngày 26/8/2022 BTC lại có Công văn số 8544/BTC-HCSN gửi Bộ Y tế và Quỹ với nội dung “Đề nghị Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt phương án sử dụng nguồn của Quỹ, trong đó có kế hoạch gửi ngân hàng có kỳ hạn số dư nhàn rỗi tạm thời của Quỹ đảm bảo hiệu quả, an toàn, góp phần tăng trưởng Quỹ trong thời gian sớm nhất”.

<sup>498</sup> Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá: Năm 2020 là 1.120,2 tỷ đồng; năm 2021 là 1.400,47 tỷ đồng; năm 2022 là 1.762,58 tỷ đồng; năm 2023 là 2.174,21 tỷ đồng.

<sup>499</sup> Quỹ Phòng chống tác hại thuốc lá: Luật NSNN năm 2015 quy định về các Quỹ Tài chính nhà nước ngoài ngân sách. Tuy nhiên, Quỹ Phòng chống tác hại của thuốc lá là tổ chức tài chính nhà nước được thành lập năm 2013 theo Quyết định số 47/2013/QĐ-TTg.

<sup>500</sup> Quỹ Hỗ trợ việc làm ngoài nước: Trước ngày 21/02/2022, Quỹ thực hiện cơ chế tài chính theo Thông tư liên tịch số 11/2008/TTLT-BLĐTBXH-BTC, trong đó quy định “*Quỹ được trích 10% trên tổng số thu hàng năm để chi cho bộ máy quản lý và điều hành*”. Tuy nhiên từ ngày 21/02/2022, Quỹ thực hiện cơ chế tài chính theo Quyết định số 40/2021/QĐ-TTg, trong đó không quy định số thu được để lại sử dụng chi hoạt động quản lý.

<sup>501</sup> Quỹ Phòng chống tội phạm trung ương.

<sup>502</sup> Đã bao gồm số liệu điều chỉnh theo kết quả kiểm toán giảm dư nợ của chính quyền địa phương (vốn vay lại từ nguồn vay nước ngoài của Chính phủ) 2.180,3 tỷ đồng do BTC tổng hợp, thống kê chưa chính xác.

<sup>503</sup> Thu NSNN là 1.770.776 tỷ đồng.

<sup>504</sup> Theo Nghị quyết số 23/2021/QH15 ngày 28/7/2021: Tràn nợ công không quá 60% GDP; nợ Chính phủ không quá 50% GDP, nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không bao gồm nghĩa vụ trả nợ đối với các khoản cho vay lại) không quá 25% tổng thu NSNN.

<sup>505</sup> Dân số trung bình năm 2023 là 100,3 triệu người theo Niên giám thống kê năm 2023.

chưa giải ngân và phải trả phí cam kết tương đương 135,7 tỷ đồng, trong đó Dự án xây dựng tuyến tàu điện ngầm số 02 Thành phố Hồ Chí Minh tuyến Bến Thành - Tham Lương sử dụng vốn vay KfW ký 2011, ngày 24/10/2024 UBND Thành phố Hồ Chí Minh đã có văn bản gửi BTC, theo đó UBND không tiếp tục sử dụng vốn vay; (ii) 06 dự án huỷ vốn vay trong năm 2023, trong đó 03 dự án huỷ vốn lớn<sup>506</sup>; (iii) Có địa phương chưa lập và gửi báo cáo về nợ chính quyền địa phương theo quy định, báo cáo BTC về vay, nợ của chính quyền địa phương chậm<sup>507</sup>; số liệu theo dõi nợ vay giữa các đơn vị còn chênh lệch<sup>508</sup>; (iv) BTC thực hiện ký kết Hiệp định vay trước khi thẩm định cho vay lại và trước khi được phê duyệt việc cho vay lại không phù hợp quy định (01 dự án<sup>509</sup>), dẫn đến chậm ký hợp đồng cho vay lại với địa phương, ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân<sup>510</sup>; làm thủ tục huỷ vốn đối với Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam (Hiệp định vay 6055-VN, nguồn IDA) để tái bố trí cho dự án, khoản vay mới chưa chính xác<sup>511</sup> dẫn đến còn 4.190.020 SDR không được đàm phán để tái bố trí theo chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ.

Ngoài ra, qua rà soát số dư tiền gửi không kỳ hạn của Quỹ Tích lũy trả nợ tại KBNN trong năm 2023 cho thấy, bình quân số dư là 6.996,3 tỷ đồng<sup>512</sup>. Việc để tiền không kỳ hạn tại KBNN mà không gửi có kỳ hạn tại các NHTM<sup>513</sup> là chưa phát huy hiệu quả của Quỹ<sup>514</sup>.

#### 4. Về quyết toán ngân sách nhà nước

##### (1) Qua kiểm toán Báo cáo quyết toán (BCQT) NSNN năm 2023 cho thấy

<sup>506</sup> (1) Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam (Hiệp định vay 6056-VN), tỷ lệ huỷ vốn 53,99% (53.987.000/100.000.000 (USD)), (Hiệp định vay 6055-VN), tỷ lệ huỷ vốn 12,32% (12.713.106/103.200.000 (SDR)); (2) Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai (Hiệp định vay 5887-VN), tỷ lệ huỷ 28,45%, (30.437.104/107.000.000 (SDR)); (3) Dự án Đầu tư lưới điện truyền tải, phân kỳ 3 (Hiệp định vay...), tỷ lệ huỷ 38,23% (24.850.000/65.000.000 KFW).

<sup>507</sup> Tỉnh Bắc Giang.

<sup>508</sup> TP Hồ Chí Minh (nợ KBNN theo dõi kết số 10/7/2024 là 35.529,19 tỷ đồng chênh lệch so với số liệu Sở Tài chính theo dõi là 8.799,71 tỷ đồng).

<sup>509</sup> Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với Biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - Dự án thành phần tỉnh Bình Định” (Mã dự án 19964100).

<sup>510</sup> Theo Công văn số 5254/BTC-QLN ngày 22/4/2025 của Bộ Tài chính: do yêu cầu thời hạn cam kết khoản vay của ADB không thể gia hạn thêm để ADB có thể giữ được khoản viện trợ và chi phí vay cam kết (với mức phí niên hạn là 0% trong năm tài khóa 2021 (sau thời điểm 30/6/2021, phí niên hạn tăng lên là 0,1%/năm, nếu kéo dài đàm phán, ký kết thì phí niên hạn có thể tăng, dẫn đến tăng chi phí vay của Chính phủ).

<sup>511</sup> Hiệp định vay 6055-VN còn 12.713.106 SDR song ngày 16/5/2023, BTC có thư gửi Ngân hàng thế giới chỉ đề xuất huỷ và tái bố trí 8.523.086 SDR.

<sup>512</sup> Thời gian liên tục Quỹ có số dư tiền gửi không kỳ hạn trên 2.000 tỷ đồng là hơn 11 tháng, 4.000 tỷ đồng là 10 tháng, 6.000 tỷ đồng là 8 tháng, 8.000 tỷ đồng là 3 tháng...

<sup>513</sup> Trong khi BTC có thể dự báo được luồng tiền của Quỹ, hoặc Quỹ có thể chia nguồn tiền nhàn rỗi thành nhiều khoản tiền gửi với các kỳ hạn linh hoạt để đảm bảo hiệu quả của Quỹ đồng thời vẫn đảm bảo an toàn và thanh khoản.

<sup>514</sup> Việc chưa phát huy hiệu quả của Quỹ đã được KTNN kiến nghị tại các BCKT nợ công năm 2019 và 2020 (theo Công văn số 5254/BTC-QLN ngày 22/4/2025: Cục QLN đã dự thảo quy chế thí điểm đầu thầu lãi suất tiền gửi có kỳ hạn tại các NHTM và có công văn số 1687/QLN-KTN ngày 13/08/2024 gửi các đơn vị trong Bộ tham gia ý kiến, trong đó có yêu cầu xây dựng kế hoạch năm, kế hoạch và phương án gửi tiền hàng tháng, thí điểm đầu thầu lãi suất tiền gửi có kỳ hạn...). Trên cơ sở số dư tiền gửi không kỳ hạn bình quân, lãi suất bình quân các khoản tiền gửi có kỳ hạn của các NHTM năm 2023, KTNN tạm xác định chênh lệch lãi tiền gửi nếu gửi có kỳ hạn tại các NHTM so với lãi suất không kỳ hạn tối đa tại KBNN 0,5%/năm là 267 tỷ đồng (kỳ hạn 3 tháng), 324 tỷ đồng (kỳ hạn 6 tháng) và 363 tỷ đồng (kỳ hạn 12 tháng).

công tác quyết toán NSNN còn một số tồn tại như sau:

- Việc lập, gửi BCQT NSNN năm 2023 của BTC<sup>515</sup> chậm so với quy định. Mẫu biểu<sup>516</sup> phản ánh thiếu chỉ tiêu chi đầu tư phát triển cho lĩnh vực KH&CN, GD&ĐT, chưa phù hợp quy định<sup>517</sup>; 13 cơ quan trung ương<sup>518</sup> và 10 địa phương gửi BCQT chậm<sup>519</sup>; một số đơn vị gửi BCQT lần đầu chưa đầy đủ phải bổ sung hồ sơ<sup>520</sup>; một số Nghị quyết của HĐND về việc phê chuẩn quyết toán ngân sách năm 2023 chưa đầy đủ<sup>521</sup>, đúng mẫu biểu<sup>522</sup>, chậm so với quy định<sup>523</sup>; 01 cơ quan trung ương, 05 địa phương chưa điều chỉnh đầy đủ số liệu theo kiến nghị của KTNN<sup>524</sup> là chưa phù hợp Nghị quyết số 91/2023/QH15 ngày 19/6/2023 về phê chuẩn quyết toán NSNN năm 2021<sup>525</sup>. Song việc chưa điều chỉnh quyết toán của 01 cơ quan trung ương<sup>526</sup> và 05 địa phương<sup>527</sup> xét trên khía cạnh trọng yếu Báo cáo quyết toán NSNN năm 2023 do Chính phủ báo cáo Quốc hội đã phản ánh trung thực, hợp lý số liệu quyết toán NSNN.

- Một số thông báo thẩm định quyết toán do BTC ban hành chưa đúng mẫu biểu ban hành tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 137/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của BTC quy định xét duyệt, thẩm định, thông báo và tổng hợp quyết toán năm<sup>528</sup>, chưa đảm bảo tính logic<sup>529</sup>.

<sup>515</sup> Khoản 4 Điều 70 Luật NSNN “BTC tổng hợp, lập báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước trình Chính phủ và gửi KTNN chậm nhất là 14 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách”, tuy nhiên đến ngày 09/4/2025 BTC mới gửi BCQT NSNN năm 2023.

<sup>516</sup> Mẫu biểu số 64.

<sup>517</sup> Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 (dự toán giao về chi đầu tư phát triển năm 2023 không thể hiện chi tiết lĩnh vực KH&CN, GD&ĐT).

<sup>518</sup> Bộ Công Thương; Bộ Ngoại giao; BTC; Bộ Xây dựng; Bộ LĐTB&XH; Bộ Y tế; ĐHQGHN; Trung ương Hội Đông y Việt Nam; Liên hiệp các Hội UNESCO Việt Nam; BHXH Việt Nam; Văn phòng Quốc hội; Bộ KH&ĐT, Bộ KH&CN.

<sup>519</sup> Nghệ An; Tây Ninh; Cà Mau; Sóc Trăng; Lâm Đồng; Phú Yên; Đắk Nông; Bình Phước; Bình Thuận, Hà Nội.

<sup>520</sup> Thời gian BTC nhận tài liệu bổ sung để thẩm định quyết toán: (1) Bộ GTVT ngày 06/12/2024; (2) Bộ Nội vụ ngày 13/12/2024; (3) Bộ NN&PTNT gửi báo cáo bổ sung sau ngày 01/10/2024 (Thông báo số 1119/TB-BTC ngày 05/12/2024); (4) Đài tiếng nói Việt Nam ngày 25/10/2024; (5) Thông tấn xã Việt Nam ngày 11/10/2024; (6) Tổng LĐLĐ Việt Nam ngày 10/12/2024; (7) Hội Cựu Chiến binh Việt Nam ngày 22/10/2024; (8) Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam ngày 31/10/2024; (9) Đài Truyền hình Việt Nam bổ sung sau ngày 01/10/2024 (Thông báo số 1066/TB-BTC ngày 26/11/2024); (10) Hội Luật gia Việt Nam ngày 06/11/2024.

<sup>521</sup> Ninh Bình, Quảng Trị, Đà Nẵng, Thái Nguyên...: Nghị quyết trình bày giữ nguyên chỉ tiêu “BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP/KẾT DƯ NSDP” (dòng C) mà không chi tiết cụ thể từng mục “Bội chi” hoặc “Bội thu” hoặc “Kết dư” do đó không phản ánh đúng bản chất của chỉ tiêu.

<sup>522</sup> Bắc Giang, Hải Dương, Nghệ An, Bình Phước: Chưa đúng Mẫu biểu số 48 quy định tại Nghị định số 31/2017/NĐ-CP.

<sup>523</sup> Tỉnh Bình Thuận (ngày 10/01/2025 mới phê chuẩn).

<sup>524</sup> Văn phòng Trung ương Đảng và Nghệ An, Quảng Trị, TP Hồ Chí Minh, Thanh Hóa, Đồng Nai.

<sup>525</sup> Thực hiện nghiêm các quy định của Luật NSNN trong lập, xét duyệt, thẩm định, gửi báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước. Không trình và xét duyệt quyết toán NSNN hằng năm đối với: (i) Các khoản thu, chi ngân sách nhà nước không đúng quy định; (ii) Các khoản thu, chi đã được Kiểm toán nhà nước kết luận, kiến nghị xử lý trong niên độ kiểm toán quyết toán ngân sách nhà nước trước thời điểm thông báo xét duyệt, thẩm định quyết toán NSNN hằng năm và các năm trước nhưng chưa xử lý, thu hồi về NSNN.

<sup>526</sup> Văn phòng Trung ương Đảng: Giảm kinh phí chuyển sang năm sau 3,37 tỷ đồng.

<sup>527</sup> Giảm kết dư NSDP để nộp trả NSTW số tiền 60,24 tỷ đồng, chiếm 0,0019% so với tổng chi NSNN; giảm chuyển nguồn, giảm chi làm tăng kết dư liên quan đến NSDP số tiền 95,09 tỷ đồng, chiếm 0,086% kết dư NSDP.

<sup>528</sup> Như: (i) Không ghi thời gian lập biên bản thẩm định; (ii) Không nhận xét về thời hạn nộp BCQT; (iii) Không nhận xét về các mẫu biểu BCQT.

<sup>529</sup> Tại Thông báo thẩm định quyết toán vốn viện trợ nước ngoài năm 2023 của ĐHQGTPHCM: Số dư kinh phí

(2) Ngoài ra, kết quả kiểm toán BCQT ngân sách năm 2023 đối với các bộ, cơ quan trung ương, địa phương cho thấy:

- Tại các bộ, cơ quan trung ương:

+ Công tác tổng hợp, lập, thẩm định, xét duyệt BCQT kinh phí hoạt động: Lập BCQT chậm<sup>530</sup>; tổng hợp một số chỉ tiêu chưa chính xác<sup>531</sup>, thiếu một số chỉ tiêu<sup>532</sup>; chưa lập thuyết minh BCQT<sup>533</sup> hoặc lập nhưng chưa đầy đủ nội dung theo mẫu biểu<sup>534</sup>; chưa hoặc chậm gửi BCQT về KTNN theo quy định<sup>535</sup>; không tổ chức xét duyệt, thẩm định đầy đủ đối với các đơn vị trực thuộc<sup>536</sup>; Biên bản thẩm định, thông báo xét duyệt quyết toán chưa đầy đủ nội dung<sup>537</sup>, chưa đúng mẫu biểu<sup>538</sup>; chậm đối chiếu với KBNN<sup>539</sup>; chưa làm thủ tục điều chỉnh số liệu quyết toán với KBNN sau khi được Bộ xét duyệt quyết toán<sup>540</sup>.

+ Công tác lập, thẩm định, xét duyệt BCQT vốn đầu tư công: (i) Một số chủ đầu tư lập chưa đúng, đầy đủ, logic theo mẫu biểu<sup>541</sup>; thiếu thuyết minh<sup>542</sup>, thuyết minh chưa đầy đủ<sup>543</sup>; không đối chiếu<sup>544</sup> theo quy định; (ii) Một số bộ, cơ quan trung ương chưa tổ chức xét duyệt, thẩm định<sup>545</sup> và không gửi<sup>546</sup> thông báo xét duyệt cho các đơn vị trực thuộc; lập BCQT niên độ năm 2023 trước khi xét duyệt báo cáo của các chủ đầu tư<sup>547</sup>.

- Tại các địa phương: 27/56 địa phương theo dõi chuyển nguồn chưa phù hợp, có địa phương chuyển nguồn thừa<sup>548</sup>, có địa phương chuyển thiếu<sup>549</sup>; hạch

năm trước chuyển sang 5,1 tỷ đồng, dự toán giao trong năm 32,8 tỷ đồng, tổng kinh phí đã nhận trong năm là 0 đồng, kinh phí được sử dụng trong năm là 10 tỷ đồng, kinh phí đề nghị quyết toán 9,8 tỷ đồng (chưa phù hợp do kinh phí được sử dụng và quyết toán trong năm chỉ có 5,1 tỷ đồng).

<sup>530</sup> Bộ Xây dựng; Bộ Công Thương; Bộ KH&CN, Bộ LĐT&XH, Bộ Y tế, ĐHQGHN, Viện HLKHCNVN, BTC, Bộ Ngoại giao.

<sup>531</sup> Bộ Y tế, ĐHQGHN, Trung ương Đoàn TNCSHCM, Trung ương Hội LHPNVN, Bộ KH&CN, Bộ VH&TT&DL, Viện HLKHCNVN, Tổng LĐLĐVN, Đài TNVN, Bộ Xây dựng, Bộ GTVT, VPCP, VPQH, TTCP, TANDTC.

<sup>532</sup> TTCP, TANDTC.

<sup>533</sup> Một số đơn vị thuộc Đài TNVN; Bộ Ngoại giao.

<sup>534</sup> Bộ TN&MT; Bộ Công Thương; VPQH; Bộ Ngoại giao; Bộ Tư pháp; Bộ GTVT.

<sup>535</sup> Bộ Y tế; LĐT&XH; Bộ KH&CN; Bộ VH&TT&DL; Tổng LĐLĐVN; Bộ Xây dựng; TTXVN, Bộ Ngoại giao.

<sup>536</sup> (i) Bộ Y tế: 32/56 BCQT vốn viện trợ không được Bộ thẩm định, xét duyệt theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 137/2017/TT-BTC; (ii) Bộ VH&TT&DL: Chưa thẩm định, xét duyệt và chưa ban hành Thông báo thẩm định, xét duyệt quyết toán đối với Quỹ Hỗ trợ và Phát triển du lịch, do Báo cáo quyết toán, báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ gửi Bộ VH&TT&DL chưa được kiểm toán độc lập kiểm toán và chưa được kiểm soát viên thẩm định theo quy định tại Điều 21 Quyết định số 49/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>537</sup> Bộ Y tế, Bộ KH&CN, Bộ Xây dựng, Bộ Tư pháp, Bộ KH&ĐT, Bộ GTVT; Viện KSNDTC; TANDTC; VPCP.

<sup>538</sup> ĐHQGHN; Viện HLKHXHVN; Trung ương Đoàn TNCSHCM; Tổng LĐLĐVN; TTXVN; Bộ GTVT.

<sup>539</sup> Trung ương Hội LHPNVN; Viện HLKHCNVN; TTXVN; Bộ Xây dựng; Bộ Nội vụ; Bộ TN&MT; Bộ Tư pháp; Viện KSNDTC; TANDTC; Bộ GTVT; VPQH; Bộ Nội vụ; một số đơn vị thuộc Bộ LĐT&XH.

<sup>540</sup> Bộ KH&CN; Bộ TN&MT; Bộ TT&TT; Bộ GTVT; Bộ LĐT&XH.

<sup>541</sup> Một số chủ đầu tư tại Bộ LĐT&XH, Tổng LĐLĐVN; Bộ TN&MT, Bộ Ngoại giao, VPQH.

<sup>542</sup> ĐHQGHN; TTXVN; Tổng LĐLĐVN.

<sup>543</sup> Bộ VH&TT&DL; Viện HLKHCNVN; Bộ Công Thương, Bộ NN&PTNT, Bộ Nội vụ, Bộ Xây dựng.

<sup>544</sup> Bộ KH&CN (02 chủ đầu tư), Bộ TT&TT, Bộ Công Thương, Bộ GD&ĐT, Trung ương Đoàn TNCSHCM.

<sup>545</sup> ĐHQGHN, Trung ương Đoàn TNCSHCM.

<sup>546</sup> Bộ LĐT&XH; Đài TNVN.

<sup>547</sup> Viện HLKHCNVN.

<sup>548</sup> TP Hồ Chí Minh 33,17 tỷ đồng; tỉnh Bình Dương 0,73 tỷ đồng; Hà Nam 513,82 tỷ đồng; Nam Định 550,66 tỷ đồng; Quảng Ninh 0,38 tỷ đồng; Vĩnh Phúc 73,82 tỷ đồng; Hà Tĩnh 97,01 tỷ đồng; Khánh Hòa 265,83 tỷ đồng; Thanh Hóa 615 tỷ đồng; Bình Phước 83,64 tỷ đồng; Tây Ninh 6,15 tỷ đồng; Cao Bằng 0,21 tỷ đồng; An Giang

toán chưa đúng mục lục ngân sách<sup>550</sup>, chưa đủ điều kiện quyết toán thu NSNN<sup>551</sup> hoặc điều tiết giữa các cấp ngân sách chưa phù hợp quy định<sup>552</sup>; một số đơn vị hoặc cấp ngân sách lập và nộp BCQT chậm<sup>553</sup>, thiếu mẫu biểu<sup>554</sup>; gửi BCQT cho cơ quan tài chính cấp trên khi chưa hoàn thành việc thẩm định và thông báo kết quả thẩm định<sup>555</sup>; thẩm định quyết toán của cơ quan tài chính các cấp chậm<sup>556</sup>, chưa đảm bảo đầy đủ nội dung<sup>557</sup>; chưa ban hành quy định cụ thể thời gian thẩm định hoặc gửi BCQT các cấp của địa phương<sup>558</sup>; chưa điều chỉnh BCQT theo số liệu thẩm định quyết toán của cơ quan tài chính cấp trên<sup>559</sup>.

## II. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN CÁC CHUYÊN ĐỀ

### 1. Chuyên đề việc điều tiết, quản lý, sử dụng nguồn thu từ tiền sử dụng đất để đầu tư phát triển kinh tế xã hội năm 2023 theo nghị quyết của HĐND tỉnh Ninh Bình và Thanh Hóa

Dự toán thu chưa sát, dẫn đến thực hiện không đạt dự toán<sup>560</sup>; chưa dành tối thiểu 10% tổng số thu từ tiền sử dụng đất, tiền thuê đất để đầu tư cho công tác đo đạc, đăng ký đất đai... theo quy định<sup>561</sup>; điều tiết tiền sử dụng đất chưa phù hợp nghị quyết HĐND tỉnh<sup>562</sup>; quy định nộp tiền sử dụng đất vào NSNN sau khi thanh toán chi phí GPMB, chi phí hạ tầng và chi phí khác liên quan không phù hợp Luật NSNN<sup>563</sup>; sử dụng tiền sử dụng đất chưa đúng quy định<sup>564</sup>; phân

7,25 tỷ đồng; Đồng Tháp 989,85 tỷ đồng; Trà Vinh 85,73 tỷ đồng; Tiền Giang 2,1 tỷ đồng; Điện Biên 121,11 tỷ đồng; Sơn La 16,96 tỷ đồng; Sóc Trăng 20,67 tỷ đồng.

<sup>549</sup> Tỉnh Đắk Nông 20,15 tỷ đồng; Gia Lai 6,99 tỷ đồng; Bà Rịa - Vũng Tàu 92,49 tỷ đồng; Bình Thuận 36,04 tỷ đồng; Đồng Nai 151,20 tỷ đồng; Cần Thơ 12,19 tỷ đồng; Cà Mau 1,32 tỷ đồng; Bến Tre 23,23 tỷ đồng.

<sup>550</sup> Tỉnh Quảng Ngãi; Thái Bình.

<sup>551</sup> TP Đà Nẵng; Bình Định; Hà Nam.

<sup>552</sup> Tỉnh Bình Thuận; Gia Lai; Bình Định (hạch toán, điều tiết số thu tiền sử dụng đất không đúng cấp được hưởng theo Nghị quyết số 22/2021/NQ-HĐND và số 31/2022/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh, làm giảm thu NS tỉnh 4,40 tỷ đồng; tăng thu NS cấp huyện đồng thời giảm thu NS cấp xã 0,42 tỷ đồng).

<sup>553</sup> Tỉnh Kon Tum; Quảng Ngãi; Đắk Nông; Quảng Bình; Quảng Nam; Bình Phước; Nghệ An; Phú Yên; Bình Thuận; Quảng Nam; Ninh Bình; Lâm Đồng; Bến Tre; An Giang, Vĩnh Long; Lạng Sơn (huyện Đình Lập).

<sup>554</sup> Tỉnh Quảng Bình.

<sup>555</sup> Tỉnh Thái Bình (huyện Hưng Hà chưa thực hiện xét duyệt, thẩm định báo cáo quyết toán đối với các đơn vị thụ hưởng ngân sách huyện và ngân sách xã, thị trấn); Tiền Giang (Sở Tài chính chưa hoàn thành việc Thông báo quyết toán ngân sách năm của 11/11 huyện và 17/60 đơn vị dự toán, đơn vị sử dụng ngân sách cấp tỉnh trước khi lập BCQT NSDP năm 2023 tỉnh Tiền Giang lập ngày 24/9/2024).

<sup>556</sup> TP Hà Nội, Hồ Chí Minh; tỉnh Bình Định; Quảng Nam; Đắk Nông; Gia Lai; Bà Rịa - Vũng Tàu; Phú Yên; Bình Thuận; Quảng Ninh; Thái Bình; Long An; Bắc Giang; Kon Tum; Bình Dương; Vĩnh Long, Trà Vinh.

<sup>557</sup> Tỉnh Bến Tre.

<sup>558</sup> Tỉnh Quảng Trị; Thái Bình.

<sup>559</sup> Tỉnh Vĩnh Phúc (TP Vĩnh Yên, Phúc Yên).

<sup>560</sup> Tỉnh Ninh Bình; Thanh Hóa.

<sup>561</sup> Tỉnh Ninh Bình (146 tỷ đồng); Thanh Hóa (663 tỷ đồng).

<sup>562</sup> (i) Tỉnh Ninh Bình: Phân chia cho cấp huyện 60% tiền sử dụng đất sau khi trừ chi phí GPMB không đúng Nghị quyết là 60% bao gồm chi phí GPMB (tiền sử dụng đất của Dự án Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Khu dân cư Cầu Chèm); (ii) Thanh Hóa (một số huyện): Chi phí phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất được khấu trừ vào tiền sử dụng đất trước khi phân chia cho các cấp ngân sách.

<sup>563</sup> Nghị quyết số 176/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.

<sup>564</sup> (i) Tỉnh Ninh Bình: Sử dụng tiền sử dụng đất để bù hụt thu ngân sách 59 tỷ đồng và chi cho hoạt động tổ chức đấu giá 0,5 tỷ đồng; (ii) Thanh Hóa: Sử dụng tiền sử dụng đất để chi thường xuyên 1 tỷ đồng; sử dụng tiền sử dụng đất của ngân sách cấp huyện chi cho dự án thuộc nhiệm vụ chi ngân sách cấp tỉnh 0,9 tỷ đồng (TP. Thanh Hóa).

bỏ vốn tiền sử dụng đất cho một số dự án chưa phù hợp quy định<sup>565</sup>. Ngoài ra, còn một số sai sót trong chấp hành quy định về quản lý dự án đầu tư.

## **2. Chuyên đề quản lý và cho thuê đất công ích giai đoạn 2022-2023 tại thành phố Hà Nội, tỉnh Thanh Hóa và Ninh Bình**

Một số địa phương chậm gửi báo cáo thống kê đất đai<sup>566</sup> và chưa báo cáo kết quả định kỳ<sup>567</sup> về Bộ TN&MT theo quy định; công tác thống kê diện tích đất công ích do cấp xã quản lý chưa tuân thủ quy định dẫn đến còn sai sót kéo dài nhiều năm và quá trình kiểm tra, rà soát hàng năm chưa phát hiện để xử lý kịp thời<sup>568</sup>; chưa thực hiện rà soát nguồn gốc, diện tích đất để phê duyệt Quỹ đất công ích cho cấp xã quản lý<sup>569</sup>; chưa xây dựng hệ thống thông tin về đất công ích<sup>570</sup>; chưa báo cáo tình hình quản lý, sử dụng<sup>571</sup>, chưa lập hồ sơ quản lý từng diện tích đất công ích<sup>572</sup>; còn nợ tiền thuê đất công ích<sup>573</sup>; không phê duyệt phương án và tổ chức đấu giá cho thuê đất công ích<sup>574</sup>; cho thuê đất công ích vượt thời hạn quy định<sup>575</sup>, cho thuê lại đất công ích không phù hợp quy định<sup>576</sup>; chưa thu hồi đất trường hợp hết hạn thời gian thuê<sup>577</sup>; chưa kiểm tra, rà soát đánh giá tình hình quản lý, sử dụng quỹ đất công ích theo chỉ đạo của tỉnh<sup>578</sup>; chưa kiểm tra việc chấp hành quy định về đất đai và xử lý vi phạm theo quy định<sup>579</sup>. Ngoài ra, qua kiểm toán ngân sách một số địa phương còn cho thuê đất công ích không đấu giá<sup>580</sup>, không đúng thẩm quyền<sup>581</sup>.

## **3. Chuyên đề việc quản lý và sử dụng kinh phí hoạt động năm 2023 và việc trích lập, sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp giai đoạn 2019-2023 tại các Bệnh viện công lập thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh và chuyên đề công tác quản lý và sử dụng nguồn kinh phí hoạt động giai đoạn 2021-2023 của các cơ sở y tế công lập tỉnh Khánh Hòa, Lâm Đồng**

<sup>565</sup> Tỉnh Ninh Bình; Thanh Hóa.

<sup>566</sup> Tỉnh Thanh Hóa; Ninh Bình.

<sup>567</sup> Tỉnh Thanh Hóa.

<sup>568</sup> TP Hà Nội (huyện Phú Xuyên: UBND huyện và các xã).

<sup>569</sup> Tỉnh Thanh Hóa (TP Thanh Hóa, thị xã Nghi Sơn, huyện Yên Định).

<sup>570</sup> Tỉnh Thanh Hóa (huyện Yên Định và Thường Xuân).

<sup>571</sup> Tỉnh Thanh Hóa (các huyện được kiểm toán).

<sup>572</sup> TP Hà Nội (huyện Chương Mỹ: Xã Phương Tiến và Tân Tiến); Thanh Hóa (huyện Thường Xuân: Các xã).

<sup>573</sup> TP Hà Nội (một số xã).

<sup>574</sup> TP Hà Nội (huyện Ứng Hòa, Chương Mỹ, Phú Xuyên); Thanh Hóa (TP Thanh Hóa, thị xã Nghi Sơn; huyện Ngọc Lặc, Quảng Xương, Nga Sơn, Yên Định, Thọ Xuân, Thường Xuân); Ninh Bình (TP Ninh Bình, Tam Điệp; huyện Yên Khánh, Kim Sơn, Yên Mô, Gia Viễn).

<sup>575</sup> Tỉnh Thanh Hóa.

<sup>576</sup> Tỉnh Thanh Hóa (một số trường hợp tại xã Quảng Phúc, huyện Quảng Xương).

<sup>577</sup> TP Hà Nội (huyện Phúc Thọ: Xã Võng Xuyên, Thanh Đa).

<sup>578</sup> Tỉnh Thanh Hóa (huyện Quảng Xương, Thọ Xuân, Thường Xuân, Yên Định, Nga Sơn); Ninh Bình (TP Tam Điệp; huyện Yên Khánh, Kim Sơn, Yên Mô).

<sup>579</sup> TP Hà Nội (huyện Thanh Oai: Thị trấn Kim Bài, xã Xuân Dương); Ninh Bình (huyện Gia Viễn: Xã Gia Xuân; huyện Kim Sơn: Xã Yên Lộc và Hồi Ninh; huyện Yên Khánh: Xã Khánh Thành; TP Tam Điệp: Xã Yên Sơn).

<sup>580</sup> TP Hà Nội (xã Đông Quang thuộc huyện Quốc Oai; xã Tam Thuận thuộc huyện Phúc Thọ).

<sup>581</sup> TP Hà Nội (xã Hữu Cấn, xã Đông Quang thuộc huyện Quốc Oai).

Một số bệnh viện chưa kê khai và nộp thuế TNDN, GTGT theo quy định<sup>582</sup>, chưa ban hành quyết định chuyển hoặc chưa hoàn tất thủ tục chuyển đổi từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang thuê đất đối với các đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ tài chính theo quy định của Luật Đất đai năm 2013<sup>583</sup>. UBND Thành phố Hồ Chí Minh chưa quy định tỷ lệ trích lập nguồn thu được để lại để tạo nguồn CCTL chi thu nhập tăng thêm theo cơ chế đặc thù đối với các đơn vị trực thuộc Sở Y tế có số thu lớn; thực hiện Đề án<sup>584</sup> khi chưa được cấp thẩm quyền phê duyệt; trích lập bổ sung Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp chưa đầy đủ, chưa đúng tỷ lệ<sup>585</sup>, sử dụng Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp vượt số trích trong năm dẫn đến âm Quỹ<sup>586</sup>.

#### **4. Chuyên đề quy hoạch cảng hàng không, hoạt động đầu tư nâng cấp, mở rộng một số dự án cảng hàng không hiện hữu trọng điểm theo quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 tại Tổng Công ty cảng hàng không Việt Nam – CTCP (ACV)**

(1) Công tác lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh quy hoạch và tổ chức thực hiện: Xác định công suất cảng hàng không (CHK)<sup>587</sup>, nhà ga hàng hóa<sup>588</sup> chưa phù hợp với tính toán dự báo của đơn vị tư vấn song chưa thuyết minh làm rõ; nội dung quy hoạch sử dụng đất chưa thuyết minh làm rõ, tính toán diện tích đất cần sử dụng tương ứng từng cấp sân bay và quy mô công suất theo quy hoạch của các CHK; lập quy hoạch chi tiết, quy hoạch điều chỉnh<sup>589</sup> trước khi điều chỉnh quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không giai đoạn 2020 và định hướng

<sup>582</sup> TP Hồ Chí Minh (16 cơ sở y tế); tỉnh Khánh Hòa (05 cơ sở y tế); Lâm Đồng (05 cơ sở y tế).

<sup>583</sup> TP Hồ Chí Minh (16 bệnh viện); tỉnh Khánh Hòa (02 bệnh viện).

<sup>584</sup> TP Hồ Chí Minh: Đề án triển khai tự chủ bệnh viện theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP và một số cơ chế chính sách giúp các bệnh viện phát triển bền vững.

<sup>585</sup> TP Hồ Chí Minh: Bệnh viện Da Liễu trích thiếu 4 tỷ đồng; Bệnh viện Nguyễn Tri Phương trích thiếu 14,78 tỷ đồng; Bệnh viện Bình Dân trích thiếu 10,49 tỷ đồng; Bệnh viện Đa khoa khu vực Củ Chi trích thiếu 1,09 tỷ đồng; Bệnh viện Ung Bướu trích thiếu 37,62 tỷ đồng; Bệnh viện Răng Hàm Mặt trích thiếu 24,06 tỷ đồng; Bệnh viện Từ Dũ: trích chưa đúng tỷ lệ 4,56 tỷ đồng; Bệnh viện Tai Mũi Họng trích thiếu 12,17 tỷ đồng; Bệnh viện nhân dân Gia Định trích thiếu 0,38 tỷ đồng; Bệnh viện Nhi Đồng 1 trích thiếu 3,55 tỷ đồng; Bệnh viện quận Bình Thạnh trích lập thiếu 14,56 tỷ đồng; Bệnh viện truyền máu và huyết học trích thiếu 14,15 tỷ đồng; Bệnh viện Lê Văn Thịnh trích thiếu 18,85 tỷ đồng.

<sup>586</sup> TP Hồ Chí Minh: Năm 2019: Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn 7,0 tỷ đồng; Năm 2020: Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn 8,45 tỷ đồng, Bệnh viện Quận 8 là 4,95 tỷ đồng; Năm 2021: Bệnh viện Nguyễn Tri Phương 8,30 tỷ đồng, Bệnh viện ĐKKV Củ Chi 0,66 tỷ đồng, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn 9,16 tỷ đồng, Bệnh viện Quận 8 là 4,76 tỷ đồng, Bệnh viện TP Thủ Đức 110,62 tỷ đồng; Năm 2022: Bệnh viện Nguyễn Tri Phương 11,12 tỷ đồng, Bệnh viện ĐKKV Củ Chi 6,47 tỷ đồng, Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn 9,82 tỷ đồng, Bệnh viện Quận 8 là 1,59 tỷ đồng, Bệnh viện TP Thủ Đức 144,33 tỷ đồng; Năm 2023: Bệnh viện ĐKKV Hóc Môn 9,94 tỷ đồng, Bệnh viện ĐKKV Củ Chi 10,87 tỷ đồng, Bệnh viện TP Thủ Đức 138,80 tỷ đồng.

<sup>587</sup> (i) Đến năm 2020 theo quy hoạch tổng số hành khách là 144,0 triệu HK lớn hơn 22,0 triệu hành khách/năm so với số liệu tính toán dự báo; (ii) Đến năm 2030 theo quy hoạch tổng số hành khách là 308 triệu HK lớn hơn 16,4 triệu hành khách/năm so với số liệu tính toán dự báo là 291,6 triệu HK.

<sup>588</sup> Tổng công suất thiết kế hàng hóa 2.546.000 tấn HH/năm lớn hơn 791.995 tấn HH/năm so với số liệu tính toán dự báo đến năm 2020 là 1.754.005 tấn HH/năm.

<sup>589</sup> Quy hoạch chi tiết CHK Thọ Xuân; Quy hoạch điều chỉnh CHK Vinh.

2030; giao nhiệm vụ quy hoạch CHK chưa phù hợp<sup>590</sup>; không lập nhiệm vụ quy hoạch để điều chỉnh các quy hoạch chi tiết<sup>591</sup>; không điều chỉnh nội dung quy hoạch bị ảnh hưởng đến quy hoạch chi tiết đã phê duyệt<sup>592</sup>; điều chỉnh quy hoạch chưa phù hợp<sup>593</sup>; không tổ chức công bố quy hoạch theo quy định<sup>594</sup>.

(2) Thực hiện quy hoạch đến năm 2020: Đầu tư xây dựng phát triển kết cấu hạ tầng hàng không, hệ thống ga hàng hóa tại các CHK chậm, chưa đạt mục tiêu quy hoạch; chưa phát triển Trung tâm Logistic chuyên dụng hàng không<sup>595</sup>; chưa có kế hoạch, chính sách đầu tư mới tại các trung tâm Logistic<sup>596</sup>; chưa được công nhận CHK quốc tế<sup>597</sup>; chưa được triển khai theo quy hoạch đã duyệt<sup>598</sup>.

(3) Công tác kiểm tra, giám sát còn bất cập, chưa tuân thủ đầy đủ quy định<sup>599</sup>; chưa hoàn thành phân định ranh giới đất hàng không dân dụng và quân sự<sup>600</sup>; công tác xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chậm<sup>601</sup>.

### **5. Chuyên đề việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công giai đoạn 2021-2023<sup>602</sup>**

(1) Việc quản lý, sử dụng quyết toán kinh phí: (i) Phân bổ, giao dự toán vượt định mức<sup>603</sup>, chưa đúng nguồn<sup>604</sup>, chưa đủ điều kiện<sup>605</sup>; (ii) Chi trả chế độ

<sup>590</sup> Bộ GTVT giao nhiệm vụ quy hoạch CHK Thọ Xuân do Sở GTVT tỉnh Thanh Hóa, CHK Sa Pa do Sở GTVT tỉnh Lào Cai thực hiện mà không phải do Cục Hàng không Việt Nam lập là chưa phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 5 Thông tư số 17/2016/TT-BGTVT.

<sup>591</sup> Quy hoạch chi tiết CHKQT Vân Đồn, CKHQT Tân Sơn Nhất, CHK Phan Thiết đã được phê duyệt điều chỉnh song CHK Việt Nam không lập nhiệm vụ quy hoạch để điều chỉnh các quy hoạch chi tiết nói trên.

<sup>592</sup> CHK Điện Biên không điều chỉnh các nội dung quy hoạch bị ảnh hưởng đến quy hoạch chi tiết đã phê duyệt tại Quyết định số 2501/QĐ-BGTVT ngày 28/8/2017 do điều chỉnh cục bộ quy hoạch một số nội dung.

<sup>593</sup> Quy hoạch tại Quyết định số 347/QĐ-BGTVT ngày 29/01/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch CHK Vinh thành CHKQT là “giai đoạn đến 2030 và định hướng sau 2030” chưa phù hợp với giai đoạn Quy hoạch tổng thể “giai đoạn đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030”.

<sup>594</sup> CHK Cát Bi, Phú Bài, Đà Nẵng, Nội Bài, Tân Sơn Nhất, Vân Đồn, Đồng Hới, Thọ Xuân, Tuy Hòa.

<sup>595</sup> Các CHKQT Nội Bài, Đà Nẵng, Tân Sơn Nhất.

<sup>596</sup> Các CHK Vân Đồn, Chu Lai, Long Thành.

<sup>597</sup> CHK Vinh, CHK Thọ Xuân.

<sup>598</sup> CHK Phan Thiết, CHKQT Long Thành giai đoạn 1.

<sup>599</sup> Chưa thực hiện kiểm tra, giám sát định kỳ; chưa phê duyệt các kế hoạch chi tiết theo định kỳ 5 năm, hàng năm; chưa ban hành hướng dẫn kiểm tra quá trình thực hiện quy hoạch; chưa định kỳ tổ chức sơ kết đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch.

<sup>600</sup> (i) Hiện nay, mới thực hiện xong công tác đo đạc ranh giới đất HKDD, quân sự tại 11 CHK. Cục Hàng không Việt Nam đang phối hợp với Quân chủng Phòng không – Không quân để thống nhất phương án phân định ranh giới đất HKDD và quân sự báo cáo Bộ GTVT, Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định; (ii) Đối với 10 CHK còn lại: Cục HKVN đang trong quá trình phối hợp với Quân chủng Phòng không – Không quân để xác định sơ bộ phương án phân định ranh giới đất HKDD và quân sự làm cơ sở cho các Cảng vụ hàng không và các đơn vị quân sự triển khai các bước tiếp theo.

<sup>601</sup> Hiện nay, còn 06 CHK chưa được cấp GCNQSDĐ một cách đầy đủ Nội Bài, Cát Bi, Chu Lai, Phù Cát, Pleiku và Cần Thơ và 09 CHK chưa được cấp GCNQSDĐ cho khu bay Thọ Xuân, Vinh, Đà Nẵng, Pleiku, Phù Cát, Tuy Hòa, Chu Lai, Côn Đảo và Cần Thơ.

<sup>602</sup> Tại Bộ LĐTĐ&XH và các tỉnh, TP: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Phú Thọ, Nam Định, Thái Bình, Gia Lai, Bến Tre.

<sup>603</sup> (i) Giao kinh phí hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp NCC vượt mức quy định tại điểm a khoản 10 Điều 13 Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24/7/2021, số tiền 10,496 tỷ đồng, gồm: tỉnh Điện Biên 1,35 tỷ đồng, Thanh Hóa 0,3 tỷ đồng, Hà Nội 7,5 tỷ đồng, Quảng Ngãi 1,346 tỷ đồng; (ii) Bộ LĐTĐ&XH giao dự toán chi phí quản lý vượt mức quy định tại Quyết định số 206/QĐ-LĐTĐ&XH ngày 11/3/2022 số tiền 3,53 tỷ đồng.

chưa kịp thời<sup>606</sup>, chưa đúng quy định<sup>607</sup>; (iii) Hỗ trợ kinh phí thực hiện cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất vượt quy định<sup>608</sup>; (iv) Chuyển nguồn kinh phí còn dư hết nhiệm vụ chi<sup>609</sup>; một số nhiệm vụ hủy dự toán lớn<sup>610</sup>.

(2) Công tác tham mưu, xây dựng, ban hành văn bản còn nhiều bất cập, như: (i) Bộ LĐT&XH, UBND tỉnh, Sở LĐT&XH chưa kịp thời tham mưu ban hành hoặc ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện chính sách theo chức năng, nhiệm vụ được giao; (ii) Chính phủ ban hành một số nghị định chậm<sup>611</sup> nên các địa phương chưa ban hành văn bản hướng dẫn kịp thời về trình tự thủ tục, hồ sơ, mẫu biểu, thời điểm hưởng chế độ ưu đãi người có công (NCC); (iii) Bộ LĐT&XH chậm trả lời công văn xin ý kiến tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách ưu đãi NCC.

(3) Cơ chế, chính sách ưu đãi NCC còn bất cập: Chưa quy định đầy đủ đối tượng thụ hưởng hoặc chưa thống nhất giữa Pháp lệnh và các Nghị định hướng dẫn nên các địa phương vướng mắc khi giải quyết chế độ ưu đãi đối với NCC<sup>612</sup>.

## **6. Chuyên đề việc thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 giai đoạn 2021-2023<sup>613</sup>**

(1) Công tác tham mưu, ban hành văn bản còn bất cập: Một số bộ, cơ quan trung ương, địa phương chậm xây dựng, trình ban hành Đề án sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập (SNCL)<sup>614</sup>; chưa ban hành tiêu chí cụ thể phân loại, điều kiện thành lập, sáp nhập, hợp nhất, giải thể các đơn vị SNCL<sup>615</sup>; chưa trình ban hành<sup>616</sup>, ban hành chưa đầy đủ<sup>617</sup> danh mục dịch vụ sự nghiệp

<sup>604</sup> Bộ LĐT&XH phân bổ và giao dự toán kinh phí quản lý cho Cục NCC 66,51 tỷ đồng thuộc nguồn kinh phí ủy quyền thực hiện Pháp lệnh ưu đãi NCC.

<sup>605</sup> Năm 2022: Tỉnh Hà Nam, Nghệ An, Lâm Đồng phân bổ kinh phí hỗ trợ cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng đón tiếp NCC.

<sup>606</sup> TP Hà Nội, Hồ Chí Minh; tỉnh Phú Thọ, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Bến Tre, Nam Định.

<sup>607</sup> TP Hà Nội, Hồ Chí Minh; tỉnh Phú Thọ, Gia Lai, Nam Định, Thái Bình, Quảng Ngãi, Hà Tĩnh, Bến Tre (chưa kịp thời báo giám và thu hồi kinh phí trợ cấp thẻ BHYT của đối tượng đã mất /chi trùng /chi không đúng đối tượng).

<sup>608</sup> TP Hà Nội 6,98 tỷ đồng; tỉnh Lạng Sơn 0,05 tỷ đồng, Khánh Hòa 0,89 tỷ đồng, Điện Biên 1,35 tỷ đồng, Thanh Hóa 0,23 tỷ đồng, Quảng Ngãi 1,15 tỷ đồng.

<sup>609</sup> Năm 2023 chuyển năm 2024: TP Hà Nội 33,69 tỷ đồng, Hồ Chí Minh 0,05 tỷ đồng; tỉnh Hà Tĩnh 0,60 tỷ đồng, Quảng Ngãi 0,48 tỷ đồng, Phú Thọ 0,94 tỷ đồng, Nam Định 0,24 tỷ đồng, Gia Lai 1,28 tỷ đồng.

<sup>610</sup> Đề án xác định danh tính hải cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin hủy dự toán 69,57 tỷ đồng, bằng 77,3% dự toán giao; Dự án Xây dựng Hệ thống CSDL NCC hủy dự toán 26,82 tỷ đồng, bằng 82,3% dự toán giao.

<sup>611</sup> Nghị định số 131/2021/NĐ-CP, số 75/2021/NĐ-CP.

<sup>612</sup> Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 chưa quy định đầy đủ đối tượng thụ hưởng chế độ ưu đãi theo thực tiễn phát sinh; Nghị định số 131/2021/NĐ-CP quy định thêm hoặc chưa đầy đủ đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14; chưa quy định, hướng dẫn cụ thể hồ sơ giải quyết đối với một số trường hợp; Nghị định số 75/2021/NĐ-CP, Nghị định số 55/2023/NĐ-CP quy định một số chế độ chưa phù hợp tình hình thực tiễn; chưa xây dựng nguyên tắc phân bổ kinh phí (thường xuyên) hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì công trình nghĩa trang liệt sĩ.

<sup>613</sup> Tại Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế, Bộ LĐT&XH, Bộ VH&TT&DL; tại 03 tỉnh, TP trực thuộc Trung ương: Cần Thơ, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai.

<sup>614</sup> Bộ VH&TT&DL, Bộ LĐT&XH, Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT.

<sup>615</sup> Bộ Y tế, Bộ LĐT&XH.

<sup>616</sup> Bộ LĐT&XH, Bộ Y tế.

<sup>617</sup> TP Cần Thơ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

công sử dụng NSNN; chưa ban hành<sup>618</sup>, ban hành chậm và chưa đầy đủ<sup>619</sup> định mức kinh tế - kỹ thuật, giá dịch vụ sự nghiệp công<sup>620</sup>; chưa xây dựng cơ chế tài chính để huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho dịch vụ sự nghiệp công<sup>621</sup>.

(2) Việc sắp xếp, tổ chức lại đơn vị SNCL chậm, chưa đạt mục tiêu, cụ thể: Giảm chưa đạt 10% theo Nghị quyết số 19-NQ/TW<sup>622</sup>; chưa sắp xếp đầu mỗi đơn vị SNCL theo Đề án, kế hoạch<sup>623</sup>; chưa/chậm phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho đơn vị SNCL<sup>624</sup>; xác định<sup>625</sup>, giao<sup>626</sup> mức độ tự chủ chưa đảm bảo quy định; dự toán thu, chi trong phương án tự chủ chưa phù hợp, không đảm bảo cơ sở về nguồn thu<sup>627</sup>; phê duyệt phương án tự chủ chậm<sup>628</sup>, phê duyệt khi chưa được cơ quan có thẩm quyền quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức<sup>629</sup>; chưa xác định lại mức kinh phí NSNN bảo đảm chi thường xuyên cho các đơn vị nhóm 3<sup>630</sup>.

(3) Tinh giản biên chế chưa đạt mục tiêu Nghị quyết số 19-NQ/TW<sup>631</sup> và Đề án tinh giản biên chế<sup>632</sup>; số lượng cấp phó vượt quy định<sup>633</sup>; ban hành đơn giá dịch vụ sự nghiệp công chưa phù hợp<sup>634</sup>; quy định khung giá khám chữa bệnh theo yêu cầu chưa đúng quy định, còn bất cập<sup>635</sup>; cơ cấu giá dịch vụ khám chữa bệnh<sup>636</sup>, giá ngày giường bệnh<sup>637</sup> theo yêu cầu chưa phù hợp..

<sup>618</sup> Bộ GD&ĐT.

<sup>619</sup> Bộ Y tế, LĐT&XH, Bộ VHTT&DL, TP Cần Thơ, tỉnh Đồng Nai.

<sup>620</sup> Một số đơn vị thuộc Bộ VHTT&DL, Bộ GD&ĐT, tỉnh Đồng Nai.

<sup>621</sup> Bộ VHTT&DL, Bộ Y tế.

<sup>622</sup> So với năm 2015, năm 2021 Bộ VHTT&DL giảm 9,67%, Bộ Y tế giảm 8,2%, Bộ LĐT&XH giữ nguyên, Bộ GD&ĐT tăng 01 đơn vị; tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu giảm 7%.

<sup>623</sup> (i) Bộ LĐT&XH chưa xây dựng Đề án, kế hoạch chuyển các bệnh viện thuộc Bộ về địa phương quản lý; không đạt mục tiêu chuyển đổi 03 Trung tâm Kiểm định kỹ thuật an toàn Khu vực I, II, III thành công ty cổ phần; (ii) Bộ GD&ĐT chậm chuyển Trung tâm Hỗ trợ đào tạo và Cung ứng nhân lực về trực thuộc Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam; chưa sắp xếp lại các trung tâm hoạt động không hiệu quả trực thuộc các trường ĐH Thái Nguyên, GTVT, Bách Khoa Hà Nội, Đà Nẵng, Nông Lâm TP.HCM, Kinh tế TP.HCM; (iii) Bộ Y tế chưa ban hành Đề án chuyển các bệnh viện thuộc Bộ về địa phương quản lý; (iv) Bộ VHTT&DL chưa hoàn thành đề án sắp xếp lại, nâng cao năng lực các đơn vị nghệ thuật biểu diễn của Trung ương; đề án sắp xếp, tổ chức lại các ĐVSNNCL thuộc và trực thuộc; (v) TP Cần Thơ: Chưa chuyển 03 điểm trường lẻ về điểm trường chính; Sở NN&PTNT chưa thực hiện chuyển một số đơn vị về quận, huyện để thành lập Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; (vi) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu chưa hoàn thành việc sáp nhập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ và Trường Trung cấp nghề Giao thông vận tải thành Trường cao đẳng công lập đào tạo đa ngành nghề.

<sup>624</sup> Bộ Y tế, Bộ GD&ĐT, Bộ LĐT&XH.

<sup>625</sup> TP Cần Thơ.

<sup>626</sup> Tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu.

<sup>627</sup> Bộ VHTT&DL, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

<sup>628</sup> Tỉnh Đồng Nai.

<sup>629</sup> TP Cần Thơ.

<sup>630</sup> Tỉnh Đồng Nai.

<sup>631</sup> Bộ LĐT&XH: Đến năm 2021 giảm 100 người, bằng 4,6%;

<sup>632</sup> Bộ VHTT&DL: Số lượng tinh giản là 119 người bằng 92% so với Đề án.

<sup>633</sup> Bộ Y tế, Bộ LĐT&XH, Bộ VHTT&DL, Bộ GD&ĐT, TP Cần Thơ.

<sup>634</sup> TP Cần Thơ.

<sup>635</sup> Bộ Y tế ban hành Thông tư số 13/2023/TT-BYT trên cơ sở quy định của các văn bản cũ, quy định mức giá tối thiểu bằng giá quy định tại Thông tư 14/2019/TT-BYT không phù hợp với lộ trình tính giá.

<sup>636</sup> Một số bệnh viện thuộc Bộ Y tế: Cơ cấu giá dịch vụ KCB theo yêu cầu gồm chi phí thuế TNDN 2%; một số yếu tố chi phí xây dựng cao, không hợp lý, không đồng nhất giữa các dịch vụ, chưa có cơ sở; giá dịch vụ KCB theo yêu cầu cao hơn so với mức trần quy định.

(4) Không lập/chưa lập xong đề án liên doanh liên kết (LDLK)<sup>638</sup> hoặc đề án chưa được phê duyệt<sup>639</sup>; hoạt động LDLK có một số nội dung không đảm bảo quy định<sup>640</sup>; không cung cấp được danh mục các đơn vị tham gia vào một số dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý<sup>641</sup>; kê khai, nộp thiếu thuế GTGT<sup>642</sup>; chưa kê khai/kê khai sai thuế suất thuế TNDN<sup>643</sup>; một số bệnh viện còn có số giường bệnh theo yêu cầu vượt tỷ lệ 20%<sup>644</sup>.

(5) Chưa/không thực hiện sắp xếp để giảm đầu mối, giảm trùng lặp về chức năng nhiệm vụ<sup>645</sup>; chưa thành lập/chậm kiện toàn Hội đồng trường, Hội đồng quản lý<sup>646</sup>; chưa được kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục, chưa được kiểm định đầy đủ các chương trình đào tạo<sup>647</sup>; quy chế chi tiêu nội bộ chưa bao quát nguồn thu, các nội dung chi, chưa đầy đủ, cụ thể các định mức chi, chậm sửa đổi, cập nhật<sup>648</sup>.

(6) Việc hoàn thiện cơ chế tài chính: Chủ yếu vẫn thực hiện theo cơ chế giao dự toán để hỗ trợ trực tiếp cho đơn vị SNCL, chưa áp dụng phương thức đặt hàng, đấu thầu hoặc áp dụng với tỷ lệ thấp.

## 7. Chương trình mục tiêu quốc gia

(1) Giao dự toán chưa phù hợp khả năng thực hiện, dẫn đến tỷ lệ giải ngân thấp, thậm chí có đơn vị không giải ngân hết kinh phí sự nghiệp kéo dài từ năm 2022 sang 2023<sup>649</sup>, cụ thể: Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) về xây dựng nông thôn mới (NTM): 02 bộ<sup>650</sup>; Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững (GNBV): 03 bộ, cơ quan trung ương và 04 địa phương<sup>651</sup>; Chương trình

<sup>637</sup> Một số bệnh viện thuộc Bộ Y tế: Không xây dựng cơ cấu giá, không có thuyết minh cơ sở ban hành mức giá đối với từng loại giường; một số yếu tố chi phí trong cơ cấu giá cao hơn thực tế; giá giường bệnh dịch vụ ghép tạng tại Bệnh viện Đại học Y dược TP Hồ Chí Minh vượt mức quy định.

<sup>638</sup> Một số đơn vị thuộc Bộ Y tế, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

<sup>639</sup> Một số đơn vị thuộc Bộ Y tế, Bộ VHTT&DL, Bộ GD&ĐT, tỉnh Đồng Nai.

<sup>640</sup> Tại một số bệnh viện thuộc Bộ Y tế: Không có đủ hồ sơ để làm cơ sở phân chia lợi nhuận; giảm vốn góp LDLK nhưng không điều chỉnh tỷ lệ phân chia; chi phí thực tế của dịch vụ KCB thấp hơn hoặc không phát sinh so với phương án giá được phê duyệt trong đề án LDLK; chưa trích khấu hao TSCĐ tham gia LDLK; chi phí LDLK cao, chưa có cơ sở; một số máy tại một số thời điểm hiệu quả hoạt động không cao; khai thác sử dụng máy LDLK nhiều hơn máy của Bệnh viện do NSNN đầu tư; trang thiết bị LDLK hỏng chưa được sửa chữa kịp thời.

<sup>641</sup> Bộ LĐTB&XH.

<sup>642</sup> Tỉnh Đồng Nai.

<sup>643</sup> Tỉnh Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu: Kê khai thiếu, chưa nộp; tỉnh Đồng Nai kê khai sai thuế suất.

<sup>644</sup> Một số bệnh viện thuộc Bộ Y tế.

<sup>645</sup> Một số đơn vị trực thuộc Bộ Y tế, Bộ LĐTB&XH, Bộ GD&ĐT.

<sup>646</sup> Một số đơn vị trực thuộc Bộ VHTT&DL, Bộ LĐTB&XH.

<sup>647</sup> Một số đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT, Bộ VHTT&DL, Bộ LĐTB&XH.

<sup>648</sup> Một số đơn vị trực thuộc Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

<sup>649</sup> Nguyên nhân theo BTC giải trình là do năm 2022 giao dự toán CTMTQG chậm (tháng 8/2022) cùng thời điểm với việc lập dự toán CTMTQG năm 2023 nên không xác định được số ước thực hiện năm 2022.

<sup>650</sup> Bộ LĐTB&XH: Dự toán dư năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 4,3 tỷ đồng; dự toán giao 14,5 tỷ đồng nhưng năm 2023 quyết toán 0 đồng; Bộ TN&MT: Dự toán dư năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 6 tỷ đồng; dự toán giao 11,5 tỷ đồng nhưng năm 2023 quyết toán 3,12 tỷ đồng.

<sup>651</sup> Bộ KH&ĐT: Dự toán dư năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 5,29 tỷ đồng, dự toán giao 12,7 tỷ đồng, quyết toán 1,66 tỷ đồng; Bộ LĐTB&XH: Dư năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 121,36 tỷ đồng, dự toán giao 253,90 tỷ đồng, quyết toán 35,51 tỷ đồng; Ủy ban TW mặt trận Tổ quốc Việt Nam: Dư năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 6,14 tỷ đồng, dự toán giao 6,30 tỷ đồng, quyết toán 6,01 tỷ đồng; tỉnh Thái Bình: Dư năm 2022 chuyển sang năm

MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (DTTS&MN): 03 bộ, cơ quan trung ương và một số địa phương<sup>652</sup>.

(2) Theo số liệu của KBNN, một số bộ, cơ quan trung ương và địa phương không phân bổ hoặc phân bổ không hết số vốn sự nghiệp được Thủ tướng Chính phủ giao<sup>653</sup> là chưa đúng quy định<sup>654</sup>, cụ thể: (i) NTM: Bộ Khoa học và Công nghệ không phân bổ 1,4 tỷ đồng; 16 bộ, cơ quan trung ương, địa phương phân bổ thấp hơn 202,83 tỷ đồng<sup>655</sup>; (ii) GNBV: 05 bộ, cơ quan trung ương và 16 địa phương phân bổ thấp hơn 321 tỷ đồng<sup>656</sup>; (iii) DTTS&MN: 06 bộ, cơ quan trung ương và 21 địa phương phân bổ thấp hơn 1.990,76 tỷ đồng<sup>657</sup>.

Ngoài ra, qua kiểm toán cho thấy: (i) Chậm thành lập Ban chỉ đạo<sup>658</sup>; không thành lập<sup>659</sup> hoặc chậm thành lập Văn phòng điều phối<sup>660</sup>; một số quy hoạch xã xây dựng nông thôn mới chậm<sup>661</sup>; không xây dựng<sup>662</sup> hoặc chậm xây dựng kế hoạch thực hiện<sup>663</sup>; chưa xây dựng hoặc chưa tổ chức thực hiện kế hoạch kiểm tra, giám sát<sup>664</sup>; chưa ban hành các quy định về việc triển khai thực hiện theo cơ

2023 là 25,67 tỷ đồng, dự toán giao 67,28 tỷ đồng, quyết toán 18,46 tỷ đồng; Bến Tre: Dự năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 22,18 tỷ đồng, dự toán giao 79,42 tỷ đồng, quyết toán 15,45 tỷ đồng; Phú Yên: Dự năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 20,20 tỷ đồng, dự toán giao 51,16 tỷ đồng, quyết toán 13,28 tỷ đồng; Lâm Đồng: Dự năm 2022 chuyển sang năm 2023 là 17,66 tỷ đồng, dự toán giao 50,87 tỷ đồng, quyết toán 14,31 tỷ đồng.

<sup>652</sup> Bộ LĐTB&XH chuyển nguồn 2022 sang 2023 là 17,22 tỷ đồng, giao dự toán 2023 là 52,80 tỷ đồng nhưng năm 2023 quyết toán chỉ là 0,003 tỷ đồng; UBND chuyển nguồn 2022 sang 2023 là 232,23 tỷ đồng, giao dự toán 2023 là 558,41 tỷ đồng nhưng năm 2023 quyết toán chỉ là 90,19 tỷ đồng; Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh chuyển nguồn 2022 sang 2023 là 9,64 tỷ đồng, giao dự toán 2023 là 25,95 tỷ đồng nhưng năm 2023 quyết toán chỉ là 1,36 tỷ đồng; tỉnh Phú Yên chuyển nguồn 2022 sang 2023 là 38,83 tỷ đồng, giao dự toán 2023 là 123,68 tỷ đồng nhưng năm 2023 quyết toán chỉ là 26,67 tỷ đồng; Hà Tĩnh chuyển nguồn 2022 sang 2023 là 1,4 tỷ đồng, giao dự toán 2023 là 6,6 tỷ đồng nhưng năm 2023 quyết toán chỉ là 1,19 tỷ đồng....

<sup>653</sup> Quyết định số 1506/QĐ-TTg ngày 02/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>654</sup> Điểm a khoản 1 Điều 50 Luật NSNN.

<sup>655</sup> Bộ NN&PTNT 118,21 tỷ đồng; Bộ Xây dựng 0,07 tỷ đồng; Bộ VHTT&DL 1,5 tỷ đồng; Bộ LĐTB&XH 13 tỷ đồng; Bộ TN&MT 3,01 tỷ đồng; các tỉnh Nam Định 2,68 tỷ đồng; Long An 0,58 tỷ đồng; Trà Vinh 0,01 tỷ đồng; Nghệ An 13,42 tỷ đồng; Quảng Trị 2,52 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế 16,05 tỷ đồng; Phú Yên 0,36 tỷ đồng; Bắc Kạn 1,51 tỷ đồng; Yên Bái 10,2 tỷ đồng; Hòa Bình 0,66 tỷ đồng; Gia Lai 19,05 tỷ đồng.

<sup>656</sup> (1) Bộ ngành: Bộ NN&PTNT 11,61 tỷ đồng; Bộ VHTT&DL 9 tỷ đồng; Bộ LĐTB&XH 23,7 tỷ đồng; Bộ TN&MT 0,5 tỷ đồng; Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam 4,01 tỷ đồng; (2) Địa phương: Bến Tre 20,2 tỷ đồng; Trà Vinh 0,67 tỷ đồng; Thanh Hoá 134,4 tỷ đồng; Nghệ An 15,9 tỷ đồng; Quảng Trị 16 tỷ đồng; Bình Thuận 2,9 tỷ đồng; Bình Phước 11,6 tỷ đồng; Quảng Ngãi 3,9 tỷ đồng; Bắc Kạn 9,1 tỷ đồng; Cao Bằng 5,5 tỷ đồng; Tuyên Quang 3,6 tỷ đồng; Yên Bái 28,6 tỷ đồng; Lào Cai 14,2 tỷ đồng; Lâm Đồng 2,5 tỷ đồng; Lai Châu 3,3 tỷ đồng.

<sup>657</sup> UBND 180,84 tỷ đồng; Bộ LĐTB&XH 52,48 tỷ đồng; Bộ Y tế 13 tỷ đồng; Bộ Công an 8,52 tỷ đồng; Bộ VHTT&DL 5 tỷ đồng; NHNN Việt Nam 0,59 tỷ đồng; các tỉnh Nghệ An 521,88 tỷ đồng; Yên Bái 211,04 tỷ đồng; Lai Châu 216,17 tỷ đồng; Thanh Hóa 205,79 tỷ đồng; Gia Lai 105,80 tỷ đồng; Hòa Bình 68,26 tỷ đồng; Lào Cai 78,13 tỷ đồng; Lạng Sơn 50,15 tỷ đồng; Bắc Kạn 37,27 tỷ đồng; Cao Bằng 21,56 tỷ đồng; Bình Phước 28,82 tỷ đồng; Thừa Thiên Huế 68,56 tỷ đồng; Khánh Hòa 33,68 tỷ đồng; Kiên Giang 4,27 tỷ đồng; Hà Tĩnh 5,12 tỷ đồng; Quảng Trị 19,74 tỷ đồng; Bình Thuận 1,28 tỷ đồng; Ninh Thuận 1,97 tỷ đồng; Tuyên Quang 9,73 tỷ đồng; Lâm Đồng 5,94 tỷ đồng; Trà Vinh 35,17 tỷ đồng.

<sup>658</sup> NTM tỉnh Bình Định cấp tỉnh và huyện Tuy Phước.

<sup>659</sup> NTM tỉnh Bình Định (Quy Nhơn; An Lão).

<sup>660</sup> NTM tỉnh Bình Định (Phù Mỹ; Tuy Phước).

<sup>661</sup> NTM tỉnh Bình Định, tỉnh Quảng Nam.

<sup>662</sup> NTM tỉnh Bình Định (Phù Cát) và tỉnh Quảng Nam (Đông Giang).

<sup>663</sup> NTM 2021-2025 tỉnh Bình Định (UBND tỉnh; Quy Nhơn; Hoài Nhơn; An Nhơn; Tuy Phước) và tỉnh Quảng Nam (Tam Kỳ; Đại Lộc; Nam Trà My; Bắc Trà My).

<sup>664</sup> NTM tại cấp tỉnh và một số huyện của tỉnh Bình Định, Quảng Nam.

chế đặc thù<sup>665</sup>; chưa quy định về mức hỗ trợ theo Nghị định số 75/2015/NĐ-CP<sup>666</sup>; (ii) Kế hoạch thực hiện chương trình cho cả giai đoạn và hàng năm chưa xác định cụ thể cơ cấu vốn lồng ghép và vốn huy động<sup>667</sup>; bố trí vốn NSĐP đối ứng chưa đảm bảo tỷ lệ<sup>668</sup>; không phân chia cụ thể tỷ lệ đối ứng giữa cấp ngân sách tỉnh và ngân sách huyện<sup>669</sup>; chưa bố trí đủ 50% thu tiền sử dụng đất hằng năm cho chương trình<sup>670</sup>; giao dự toán chưa đúng thẩm quyền<sup>671</sup>, chưa đúng quy định<sup>672</sup>, sai nguồn<sup>673</sup> hoặc không có đối tượng<sup>674</sup>; chưa giao KHV trung hạn nguồn NSTW bổ sung cho các đơn vị<sup>675</sup>; chưa đạt mục tiêu<sup>676</sup>. Ngoài ra, còn một số địa phương chưa nộp trả ngân sách cấp trên kinh phí hết nhiệm vụ chi<sup>677</sup>; tỷ lệ giải ngân vốn giai đoạn 2022-2023 còn chưa cao<sup>678</sup>.

## 8. Chuyên đề công tác quản lý giá điện giai đoạn 2022-2023

(1) Tại Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN): Năm 2022, chưa tính toán giá phát điện của Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1<sup>679</sup> khi xây dựng khung giá phát điện của nhà máy nhiệt điện than; chưa đề xuất lựa chọn Nhà máy điện chuẩn và tính toán khung giá phát điện của nhà máy nhiệt điện than năm 2023 theo quy định<sup>680</sup>; hợp nhất giá điện của Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng chưa có cơ sở pháp lý<sup>681</sup>; xây dựng khung giá bán buôn điện năm 2022, 2023 trình Cục Điều tiết điện lực (Cục ĐTĐL) với một số nguyên tắc<sup>682</sup> chưa phù hợp; lãi tiền gửi sử dụng để tính toán giá truyền

<sup>665</sup> NTM tỉnh Hậu Giang: Chưa ban hành chính sách đặc thù hỗ trợ triển khai Chương trình OCOP phù hợp với nội dung, định mức hỗ trợ của Trung ương và điều kiện thực tế của địa phương; NTM tỉnh Yên Bái.

<sup>666</sup> DTTS&MN tỉnh Lai Châu.

<sup>667</sup> NTM tỉnh Lai Châu.

<sup>668</sup> NTM tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Bình Định, Quảng Nam; DTTS&MN tỉnh Lai Châu, Hà Giang.

<sup>669</sup> DTTS&MN tỉnh Hà Giang.

<sup>670</sup> NTM tỉnh Lai Châu (tại một số huyện).

<sup>671</sup> DTTS&MN tỉnh Hà Giang.

<sup>672</sup> DTTS&MN tỉnh Hà Giang: UBND tỉnh ban hành 04 Quyết định giao vốn đầu tư để thu hồi vốn ứng trước KHV đầu tư công năm 2021 và năm 2022 số tiền 44,48 tỷ đồng chưa phù hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều 37 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ và khoản 2 Điều 16 Luật Đầu tư công; NTM tỉnh Lai Châu: KHV đầu tư NSTW bố trí cho một số dự án vượt quá 70%, một số huyện phân bổ nguồn vốn đầu tư chưa đúng nhu cầu kế hoạch vốn, phân bổ vốn đầu tư NSTW cho dự án không thuộc đối tượng đầu tư.

<sup>673</sup> Tỉnh Bình Định năm 2021: 79 dự án số tiền 39 tỷ đồng, năm 2022, 2023: 26 xã số tiền 38 tỷ đồng; Quảng Nam năm 2022, 2023: Chỉ cho 10 xã NTM nâng cao số tiền 11 tỷ đồng; giai đoạn 2021-2023: Chỉ cho 05 an toàn khu số tiền 9 tỷ đồng.

<sup>674</sup> DTTS&MN tỉnh Bạc Liêu: 1,73 tỷ đồng.

<sup>675</sup> Tỉnh Quảng Nam năm 2023.

<sup>676</sup> Tỉnh Bình Định, Quảng Nam: Một số tiêu chí chưa đạt so với kế hoạch Chương trình đến 31/12/2023.

<sup>677</sup> Tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Bạc Liêu, Yên Bái.

<sup>678</sup> Tỉnh Lai Châu: NTM giải ngân vốn đầu tư nguồn NSTW đạt 83%, sự nghiệp NSTW đạt 68%; DTTS&MN tỷ lệ giải ngân đạt 65%; NTM tỉnh Yên Bái đạt 75%; DTTS&MN tỉnh Yên Bái, giải ngân đạt 65,2%

<sup>679</sup> Theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 57/2014/TT-BCT ngày 19/12/2014 của Bộ Công Thương.

<sup>680</sup> Theo quy định tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 31/2022/TT-BCT ngày 08/11/2022 của Bộ Công Thương.

<sup>681</sup> Theo quy định tại Thông tư số 56/2014/TT-BCT và ý kiến của Bộ Công Thương tại Văn bản số 1582/BCT-ĐTĐL ngày 01/3/2018 phải xác định riêng giá điện của từng nhà máy.

<sup>682</sup> Tiết giảm định mức chi phí vật liệu, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác tại khung giá trần (10%) thêm 2,5% so với khung giá sàn (7,5%); tiết giảm định mức chi phí sửa chữa lớn tại khung giá trần (30%) thêm 22,5% so với khung giá sàn (7,5%); tiết giảm định mức chi phí phát triển khách hàng (10%) tại khung giá trần thêm 2,5% so với khung giá sàn (7,5%); tiết giảm định mức chi phí công tơ tại khung giá trần (30%) thêm 22,5% so với khung giá sàn (7,5%); tỷ suất lợi nhuận tại khung giá trần là 0%, tại khung giá sàn là 3%... Trong

tải điện năm 2022, 2023 được EVN dự kiến cho năm tính toán (năm N) mà không phải là lãi tiền gửi của năm N-2 là không phù hợp<sup>683</sup>; còn vướng mắc về cơ sở hạch toán chi phí vận hành liên quan đến Sân phân phối 500KV Sông Hậu và Sân phân phối 500/220KV Long Phú<sup>684</sup>; công suất hoạt động của một số nhà máy điện<sup>685</sup> dưới 50%; tổn thất điện năng tại một số đơn vị<sup>686</sup> cao hơn kế hoạch được giao; chưa ban hành đầy đủ định mức kinh tế kỹ thuật<sup>687</sup>; xây dựng định mức chi phí SXKD điện chưa sát thực tế thực hiện<sup>688</sup>; công tác giao, phê duyệt kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ chưa phù hợp<sup>689</sup>, thực hiện sửa chữa lớn đạt tỷ lệ thấp<sup>690</sup>, phải điều chỉnh tiến độ thực hiện là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến giá phát điện khi đàm phán hợp đồng điện những năm tiếp theo.

(2) Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia chưa xác định và báo cáo Cục ĐTĐL thông qua công suất, điện năng dự phòng của dịch vụ vận hành phải phát, dịch vụ điều chỉnh điện áp<sup>691</sup>; Cục ĐTĐL chưa tính toán<sup>692</sup> giá điện chất thải rắn giai đoạn 2022-2023; Bộ Công Thương chưa ban hành một số văn

khi các nguyên tắc này không được quy định tại Quyết định số 2806/QĐ-BCT ngày 23/4/2019 của Bộ Công Thương về việc nguyên tắc xác định khung giá bán buôn điện của EVN bán cho các Tổng công ty Điện lực năm 2019 và các năm tiếp theo.

<sup>683</sup> Theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 02/2017/TT-BCT ngày 10/02/2017 của Bộ Công Thương.

<sup>684</sup> Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đầu tư và sở hữu 02 sân phân phối trên được Bộ Công Thương bàn giao cho Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) tiếp nhận, vận hành. Đối với Sân phân phối 500KV Sông Hậu: Năm 2020, theo hướng dẫn của Bộ Công Thương, EVNNPT “tạm hạch toán chi phí thuê vào chi phí truyền tải của EVNNPT”. Tuy nhiên, năm 2021 sau khi nghiên cứu các quy định hiện hành, Cục ĐTĐL, EVN thống nhất kết luận “không tính chi phí vận hành Sân phân phối 500KV Sông Hậu vào chi phí truyền tải điện năm 2020 của EVNNPT để đợi quyết định của cơ quan có thẩm quyền” và EVNNPT đã hạch toán tăng doanh thu vận hành thuê từ năm 2020 đến năm 2023 và ghi nhận khoản Phải thu khách hàng đối với Ban QLDA Điện lực Sông Hậu 1. Năm 2023, EVNNPT gửi xác nhận công nợ chi phí quản lý vận hành sân phân phối Sông Hậu cho Ban QLDA Điện lực Sông Hậu 1 nhưng không được xác nhận và được đề nghị thực hiện như hướng dẫn trước đó của Bộ Công Thương. Theo đó, năm 2023 EVNNPT lại hạch toán chi phí quản lý vận hành sân phân phối Sông Hậu vào chi phí SXKD của đơn vị. Đối với Sân phân phối 500/220KV Long Phú: EVNNPT tiếp nhận vận hành từ PVN năm 2023 và hạch toán chi phí vận hành vào chi phí SXKD năm 2023 của EVNNPT.

<sup>685</sup> Công suất hoạt động năm 2022, năm 2023 của: (i) Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 mở rộng – Công ty mẹ EVN lần lượt là 22,5% và 40,07%; (ii) Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng - Công ty mẹ EVN là 6,5% và 30%; (iii) Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 - EVNGENCO1 là 15,82% và 29,24%; (iv) Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại - EVNGENCO2 là 42,5% và 47,1%.

<sup>686</sup> Tỷ lệ điện tự dùng hàng năm (bao gồm cả tổn thất điện năng) tại Nhà máy nhiệt điện Phả Lại 1 - EVNGENCO2 năm 2022, năm 2023 lần lượt vượt 17% và 39% kế hoạch; tổn thất điện năng thực tế của EVNNPT năm 2022, năm 2023 lần lượt vượt 0,39% và 0,25% kế hoạch.

<sup>687</sup> (i) Công ty mẹ - EVN: Định mức hao hụt than năm 2022 tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng và Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4; định mức tiêu hao, hao hụt dầu DO để khởi động nhà máy tại Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4; định mức tiêu hao DO sử dụng cho các thiết bị cơ giới, vận tải tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 3 mở rộng và Công ty Nhiệt điện Thái Bình; (ii) EVNGENCO1 chưa xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của một số loại vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế, công cụ dụng cụ tiêu hao, các loại lọc, dầu mỡ công nghiệp.

<sup>688</sup> EVNCPC và EVNNPC: chi phí vật liệu, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, chi phí công to...

<sup>689</sup> (i) Công ty mẹ - Tập đoàn EVN, EVNHCMC giao kế hoạch chi phí sửa chữa lớn TSCĐ theo nguyên tắc tính tỷ lệ % trên nguyên giá TSCĐ mà không xuất phát từ việc phân tích thực trạng TSCĐ và nhu cầu sửa chữa lớn TSCĐ của đơn vị; (ii) EVNCPC phê duyệt danh mục kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ bao gồm công trình sửa chữa chuyển tiếp từ năm trước nhưng chưa có báo cáo giải trình theo quy định của EVNCPC.

<sup>690</sup> Công ty CP Nhiệt điện Phả Lại - EVNGENCO2 giá trị sửa chữa lớn năm 2022, năm 2023 lần lượt đạt 21,1% và 58,75% so với kế hoạch giao; Công ty CP Thủy điện A Vương là 69,33% và 42,72%; Công ty CP thủy điện Sông Ba Hạ - EVNGENCO2 là 55,63% và 61,08%...

<sup>691</sup> Theo quy định tại khoản 4 Điều 93 Thông tư số 25/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công Thương.

<sup>692</sup> Theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Thông tư số 32/2015/TT-BCT ngày 08/10/2015 của Bộ Công Thương.

bản<sup>693</sup> và phê duyệt khung giá bán buôn điện<sup>694</sup> năm 2023 theo quy định.

(3) Giai đoạn 2022-2023, các văn bản pháp lý về phương pháp xác định giá phát điện chưa có quy định để kiểm soát chặt chẽ TMĐT sử dụng làm thông số đầu vào trong quá trình tính toán giá phát điện của các nhà máy điện không sử dụng vốn nhà nước đầu tư; chưa có chế tài xử lý đối với trường hợp chậm lập hồ sơ đề nghị đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện; chưa quy định tiêu chí, điều kiện xác định, thẩm quyền quyết định việc thực hiện huy động, vận hành và thanh toán tiền điện cho nhà máy điện trong trường hợp phải huy động do yêu cầu đảm bảo an ninh cung cấp điện; còn bất cập về cơ chế quản lý chi phí mua điện từ các nhà máy thủy điện nhỏ<sup>695</sup>; việc tham gia thị trường điện cạnh tranh của các đơn vị phát điện, mua điện, vận hành hệ thống điện và thị trường điện còn nội dung chưa đạt yêu cầu<sup>696</sup> đề ra tại Quyết định số 8266/QĐ-BCT ngày 10/8/2015 của Bộ Công Thương.

### **III. KIỂM TOÁN MÔI TRƯỜNG VÀ KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Kiểm toán hoạt động quản lý điều hành vận tải hành khách công cộng có sự trợ giá của nhà nước giai đoạn 2022-2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc**

(1) Lập và triển khai kế hoạch phát triển mạng lưới vận tải hành khách công cộng còn trùng tuyến giữa các tuyến hướng tâm và xuyên tâm<sup>697</sup>; chưa phù hợp quy hoạch, đề án được duyệt<sup>698</sup>; chưa kết nối với một số khu công nghiệp, cụm công nghiệp và chưa phù hợp nhu cầu sử dụng của công nhân<sup>699</sup>.

(2) Bộ định mức kinh tế kỹ thuật và bộ đơn giá của các địa phương còn một số hạn chế liên quan đến quy định về chi phí, lợi nhuận định mức, một số căn cứ pháp lý xây dựng định mức đã hết hiệu lực, bị bãi bỏ hoặc được thay thế

<sup>693</sup> (i) Văn bản hướng dẫn phương pháp thỏa thuận giá phát điện theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP đối với trường hợp phải huy động các nhà máy điện do yêu cầu đảm bảo an ninh cung cấp điện; (ii) Văn bản quy định phương pháp, trình tự lập, thẩm định khung giá phát điện đối với nhà máy điện theo hình thức hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyên giao (BOT) theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP; (iii) Văn bản hướng dẫn phương pháp thỏa thuận giá phát điện theo hợp đồng mua bán điện có thời hạn đối với nhà máy điện BOT theo khoản 1 Điều 26 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP; (iv) Văn bản quy định phương pháp, trình tự lập phí điều độ vận hành hệ thống điện, phí điều hành giao dịch thị trường điện lực theo khoản 1 Điều 24 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP.

<sup>694</sup> Theo quy định điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 137/2013/NĐ-CP.

<sup>695</sup> Quy định về thời gian xác định mùa mưa, mùa khô, khung giờ cao điểm để tính toán, xác định giá công suất tránh được áp dụng giá thanh toán cho các nhà máy thủy điện nhỏ tại Miền Trung, Miền Nam chưa phù hợp với số liệu thực tế thống kê; không quy định rõ khái niệm nhà máy thủy điện nhỏ để đảm bảo tính thống nhất so với các văn bản pháp lý, quy định có hiệu lực tại thời điểm ban hành; một số thông số đầu vào tính toán biểu giá chưa được nêu rõ nguồn xác định số liệu.

<sup>696</sup> Các nhà máy điện được đầu tư theo hình thức Xây dựng - Kinh doanh - Chuyên giao, Nhà máy thủy điện chiến lược đa mục tiêu chưa tham gia thị trường điện cạnh tranh theo yêu cầu; Công ty Mua bán điện vẫn đóng vai trò chính trong việc mua điện từ các nhà máy điện trực tiếp tham gia thị trường bán buôn điện cạnh tranh.

<sup>697</sup> Tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc; TP Hồ Chí Minh.

<sup>698</sup> Tỉnh Bắc Ninh: Chưa triển khai 07 tuyến giai đoạn 2010-2020 và 03 tuyến giai đoạn 2016-2025; 01 tuyến mở mới, 02 tuyến thay đổi lộ trình không nằm trong quy hoạch; Vĩnh Phúc: Điều chỉnh lộ trình tuyến buýt không khớp với phương án trong đề án được duyệt.

<sup>699</sup> Tỉnh Vĩnh Phúc.

nhưng chưa được điều chỉnh<sup>700</sup>; chưa ban hành đầy đủ các định mức và đơn giá vận tải hành khách công cộng<sup>701</sup> hoặc đã ban hành nhưng chưa phù hợp<sup>702</sup>.

(3) Xây dựng dự toán kinh phí trợ giá xe buýt chưa đảm bảo quy định; thực hiện chưa sát dự toán giao, phải điều chỉnh nhiều lần, điều chỉnh dự toán không đúng quy định<sup>703</sup>; kinh phí trợ giá có xu hướng tăng qua các năm, song lượng người sử dụng có xu hướng giảm dần cho thấy kinh phí trợ giá chưa được sử dụng hiệu quả, chưa đảm bảo mục tiêu<sup>704</sup>. Ngoài ra, đối với tuyến BRT01, mặc dù được thiết kế chạy trên làn đường riêng rộng 3,5m với TMĐT lớn, đơn giá đặt hàng ban hành cho BRT gấp 1,85 lần so với đơn giá của buýt thường có sức chứa tương đương và 1,58 lần xe buýt điện nhưng hiệu quả khai thác chưa thể hiện được ưu điểm so với các tuyến xe buýt khác về vận tốc, số lượng hành khách tham gia trong khi làm giảm bề rộng mặt đường cho các loại phương tiện khác tham gia giao thông.

Ngoài ra, qua kiểm toán chọn mẫu một số dự án cho thấy việc quản lý, thực hiện hợp đồng còn chưa đáp ứng yêu cầu<sup>705</sup>; ký kết hợp đồng cung cấp dịch vụ chưa cụ thể về phương pháp điều chỉnh giá, phương án trợ giá, không quy định doanh thu tối thiểu, việc hỗ trợ lãi vay<sup>706</sup>.

## **2. Kiểm toán hoạt động Quản lý, bảo tồn và phát triển các di tích, di sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam**

(1) UBND tỉnh Quảng Nam chưa ban hành mức thu và cơ chế quản lý sử dụng nguồn thu phí tham quan tại làng gốm Thanh Hà và làng rau Trà Quế theo quy định; ban hành Quy chế quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di tích lịch sử - văn hóa và danh lam thắng cảnh có một số quy định còn bất cập và chưa phù hợp<sup>707</sup>; đề nghị xếp hạng 02 di tích cấp quốc gia đặc biệt<sup>708</sup> chưa đúng quy định Luật Di sản văn hóa và Nghị định số 98/2010/NĐ-CP.

<sup>700</sup> TP Hồ Chí Minh: Đơn giá cấu thành vật tư hao phí; tỷ lệ phân trăm chi phí chung...; Hà Nội: Hệ số lương công nhân lái xe, hệ số tiền lương, chi phí tiền lương của nhân viên phục vụ trên xe; tỷ lệ trích nộp các loại bảo hiểm và kinh phí công đoàn; lương ngày công, định mức chi phí rửa xe...; tỉnh Vĩnh Phúc: Số ngày làm việc trong tháng của nhân công; Bắc Ninh: Hệ số ngày làm việc của nhân công.

<sup>701</sup> TP Hồ Chí Minh: Định mức và đơn giá đối với xe buýt điện; tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh: Đơn giá, giá sản phẩm, dịch vụ công; TP Hà Nội: Đơn giá chính thức đối với dịch vụ vận chuyển HKCC bằng đường sắt đô thị.

<sup>702</sup> TP Hà Nội; tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh: Dự toán gói thầu tính chi phí khấu hao chưa xét đến giá trị còn lại của tài sản là xe; tỉnh Vĩnh Phúc, Bắc Ninh: Xây dựng định mức còn một số nội dung chưa có cơ sở rõ ràng, chưa đủ căn cứ; việc áp dụng định mức còn chưa đúng quy định.

<sup>703</sup> TP Hồ Chí Minh.

<sup>704</sup> Tỉnh Bắc Ninh, Vĩnh Phúc.

<sup>705</sup> TP Hà Nội: Tại một số gói thầu, xe đã quá thời hạn 10 năm tính từ ngày đăng ký xe lần đầu, nhưng vẫn hoạt động trên tuyến và được nghiệm thu khối lượng hành trình, thanh toán, quyết toán (theo quy định tại hợp đồng cung cấp dịch vụ các tuyến 58, 60A, 74).

<sup>706</sup> Tỉnh Bắc Ninh.

<sup>707</sup> Quy định UBND cấp huyện lập hồ sơ xếp hạng đối với di tích cấp tỉnh chưa phù hợp với Nghị định số 98/2010/NĐ-CP; Chưa quy định các nội dung về công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động du lịch, tổ chức lễ hội, bảo vệ và phát huy giá trị di tích theo Thông tư liên tịch số 19/2013/TTLT-BVHTTDL-BTNMT.

<sup>708</sup> Danh thắng Bàn Than - Hòn Mang - Hòn Dứa, Phật viện Đồng Dương.

(2) Các di tích đã xếp hạng hầu hết chưa được kiểm tra, rà soát tình trạng sở hữu và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Nghị định số 43/2014/NĐ-CP; UBND TP Hội An cấp phép xây dựng, sửa chữa, tu bổ 284 di tích nhà ở nằm trong khu vực bảo vệ di tích của di sản văn hóa thế giới khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bộ Văn hóa thể thao và Du lịch.

### **3. Kiểm toán hoạt động Quản lý môi trường tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp giai đoạn 2021-2023<sup>709</sup>**

(1) Một số địa phương chưa ban hành đầy đủ văn bản theo quy định Luật BVMT<sup>710</sup>; xây dựng đơn giá chưa phù hợp<sup>711</sup>; một số cụm công nghiệp đã thành lập và đi vào hoạt động nhưng chưa hoàn thành công trình hạ tầng BVMT<sup>712</sup>; bố trí tỷ lệ cây xanh không đảm bảo quy định<sup>713</sup>; chưa có công trình xử lý phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải tại cụm công nghiệp theo quy định<sup>714</sup>; một số doanh nghiệp chưa kê khai, nộp phí BVMT đối với nước thải công nghiệp<sup>715</sup>; còn trường hợp doanh nghiệp hoạt động nhưng chưa có hồ sơ môi trường<sup>716</sup>.

(2) Công tác thẩm định, cấp giấy phép môi trường (GPMT) còn thiếu sót như: Cấp GPMT chưa phù hợp về thời gian vận hành trạm xử lý nước thải<sup>717</sup>; cấp phép chưa có hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung<sup>718</sup>; cấp GPMT cho các doanh nghiệp hoạt động trong khu công nghiệp có thời gian chưa phù hợp GPMT được Bộ TN&MT cấp cho khu công nghiệp; cấp GPMT cụm công nghiệp không phù hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường và quy hoạch chi tiết đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt<sup>719</sup>.

### **4. Công tác quản lý, bảo vệ môi trường nước phục vụ sản xuất và cung cấp nước sinh hoạt giai đoạn 2021-2023 tại thành phố Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ và Đà Nẵng**

(1) Việc phân công, phân cấp về quản lý, bảo vệ môi trường nước còn chồng chéo, chưa phù hợp, dẫn đến chưa thực hiện đầy đủ chức năng, nhiệm vụ được giao<sup>720</sup>; hệ thống giám sát tài nguyên nước chưa được xây dựng và đưa vào sử

<sup>709</sup> Tại các tỉnh An Giang, Bến Tre, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long, Quảng Ngãi và TP Đà Nẵng.

<sup>710</sup> TP Đà Nẵng, Tiền Giang, Trà Vinh.

<sup>711</sup> TP Đà Nẵng: Tại thời điểm ban hành Quyết định số 09/2023/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 đã có chủ trương tận dụng đất thừa tại 01 Dự án khác làm đất phủ nhưng Sở TN&MT, Sở Tài chính và các đơn vị liên quan vẫn xây dựng, thẩm định, trình UBND TP ban hành giá dịch vụ xử lý CTRSH có chi phí mua đất; chưa loại trừ chi phí mua đất làm đất phủ dẫn đến NSNN đã cấp thừa số tiền khoảng 9,91 tỷ đồng.

<sup>712</sup> Tỉnh Tiền Giang, Bến Tre, tỉnh An Giang.

<sup>713</sup> TP Đà Nẵng; Tỉnh Quảng Ngãi, Trà Vinh, Tiền Giang, An Giang, Bến Tre.

<sup>714</sup> Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.

<sup>715</sup> Đà Nẵng; Tiền Giang.

<sup>716</sup> Tiền Giang, Vĩnh Long, Bến Tre.

<sup>717</sup> Tỉnh Bến Tre.

<sup>718</sup> Tỉnh An Giang, Bến Tre.

<sup>719</sup> Tỉnh Trà Vinh.

<sup>720</sup> UBND TP Hà Nội, Hồ Chí Minh, Cần Thơ.

dụng<sup>721</sup>, vận hành chưa hiệu quả, thiếu cơ sở dữ liệu, không có phần mềm giám sát, phát hiện, cảnh báo các trường hợp vi phạm<sup>722</sup>; không thực hiện ngoại kiểm, giám sát chất lượng nước sạch phục vụ sinh hoạt<sup>723</sup> hoặc thực hiện không đầy đủ các nội dung phải giám sát<sup>724</sup>.

(2) Khai thác tài nguyên nước khi giấy phép khai thác hết hạn<sup>725</sup>, khai thác lưu lượng vượt giấy phép<sup>726</sup>; khai thác tài nguyên nước không có giấy phép, không có hồ sơ môi trường<sup>727</sup>; chất lượng nước phục vụ sinh hoạt một số thời điểm vượt quy chuẩn cho phép<sup>728</sup>.

(3) Tiến độ thực hiện các dự án phát triển nguồn nước tập trung và các dự án phát triển mạng cấp nước sạch chậm so với quy hoạch, kế hoạch, chưa có kế hoạch phát triển cấp nước đầy đủ cho một số xã trên địa bàn<sup>729</sup>; công tác bàn giao tiếp nhận, quản lý các nhà máy, công trình cấp nước giữa các đơn vị chậm, chưa kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc dẫn đến xuống cấp, hư hỏng<sup>730</sup>; chưa xác định được đối tượng, phương thức giao tài sản, nhiều công trình dừng hoạt động không rõ đối tượng quản lý, vận hành<sup>731</sup>; thực hiện thủ tục bàn giao không qua đấu thầu, chưa rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có, chưa lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có<sup>732</sup>.

#### **IV. KẾT QUẢ KIỂM TOÁN DOANH NGHIỆP VÀ CÁC TỔ CHỨC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG**

##### **1. Kiểm toán doanh nghiệp**

Kết quả kiểm toán cho thấy 09/09 Tập đoàn, TCT, Công ty sản xuất kinh doanh có lãi<sup>733</sup>, tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu tại một số đơn vị đạt trên 10%, thậm chí có đơn vị trên 20%<sup>734</sup>. Bên cạnh đó, việc quản lý, sử dụng vốn, tài sản của các doanh nghiệp còn một số hạn chế sau:

(1) Phần lớn các đơn vị còn sai sót trong công tác hạch toán, kê khai nghĩa vụ với NSNN, qua kiểm toán điều chỉnh tài sản, nguồn vốn<sup>735</sup>, doanh thu, chi phí<sup>736</sup>.

<sup>721</sup> UBND TP Cần Thơ.

<sup>722</sup> UBND TP Hà Nội.

<sup>723</sup> Sở Y tế TP Cần Thơ.

<sup>724</sup> Sở Y tế TP Hà Nội; Sở Y tế TP Hồ Chí Minh; Sở Y tế TP Đà Nẵng.

<sup>725</sup> UBND TP Hà Nội.

<sup>726</sup> UBND TP Cần Thơ.

<sup>727</sup> UBND TP Hà Nội, Hồ Chí Minh.

<sup>728</sup> UBND TP Hà Nội.

<sup>729</sup> UBND TP Hà Nội, Hồ Chí Minh.

<sup>730</sup> UBND TP Hồ Chí Minh.

<sup>731</sup> UBND TP Hà Nội.

<sup>732</sup> UBND TP Đà Nẵng.

<sup>733</sup> Lợi nhuận sau thuế năm 2023: TKV 6.473,70 tỷ đồng; Petrolimex 3.109,85 tỷ đồng; Vinataba 1.526,84 tỷ đồng; Sonadezi 1.399,75 tỷ đồng; Vinapharm 413,72 tỷ đồng; HUD 211,72 tỷ đồng; VMSS 100,75 tỷ đồng.

<sup>734</sup> Vinataba 21,31%; Sonadezi 13,8%; TKV 13,41%; Vinapharm 13,12%; HUD 11%; Petrolimex 10,61%...

<sup>735</sup> Tổng tài sản/Tổng nguồn vốn tăng 396,59 tỷ đồng, giảm 22,28 tỷ đồng.

<sup>736</sup> Tổng doanh thu, thu nhập tăng 135,34 tỷ đồng, giảm 2,36 tỷ đồng; tổng chi phí giảm 263,73 tỷ đồng.

(2) Một số đơn vị chưa xây dựng quy chế quản lý tiền<sup>737</sup>, quản lý dòng tiền chưa hiệu quả<sup>738</sup>; quản lý nợ chưa chặt chẽ, còn phát sinh nợ phải thu quá hạn<sup>739</sup>, khó đòi lớn<sup>740</sup>, tỷ lệ đối chiếu thấp<sup>741</sup>; tạm ứng tồn đọng nhiều năm chưa thu hồi<sup>742</sup>; bán hàng, đặt cọc cho nhà cung cấp không có bảo lãnh, tài sản đảm bảo<sup>743</sup>; trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi không đúng quy định<sup>744</sup>; còn tình trạng vật tư tồn kho lâu ngày, kém phẩm chất, chậm luân chuyển<sup>745</sup>; tồn kho thành phẩm bất động sản lớn<sup>746</sup>, chi phí xây dựng dở dang tồn đọng nhiều năm chưa quyết toán<sup>747</sup>; chưa đánh giá giá trị vật tư thu hồi sau sửa chữa một số tài sản<sup>748</sup>; kiểm kê chưa đầy đủ<sup>749</sup> hoặc chưa phù hợp<sup>750</sup>; trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho<sup>751</sup>, khấu hao TSCĐ<sup>752</sup> không đúng quy định; đầu tư, sử dụng

<sup>737</sup> Công ty mẹ - Vinapharm.

<sup>738</sup> (i) Vinapharm: Công ty CP Dược Trung ương 3 chưa lập kế hoạch dòng tiền, chưa quy định cụ thể để kiểm soát việc giao cán bộ thu tiền mặt của khách hàng; Công ty CP Dược phẩm Trung ương Codupha còn để số dư tiền mặt vượt định mức; (ii) Vinataba: Văn phòng TCT chưa xây dựng kế hoạch sử dụng dòng tiền.

<sup>739</sup> (i) Petrolimex: Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex 2.297,57 tỷ đồng; TCT Hóa dầu Petrolimex: Công ty mẹ 24,29 tỷ đồng, Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex 532,70 tỷ đồng, Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex 137,34 tỷ đồng; (ii) HUD 228,55 tỷ đồng; (iii) Vinapharm: Công ty CP Dược Trung ương CPC1 là 84,22 tỷ đồng; Công ty CP Dược Trung ương Codupha 38,02 tỷ đồng; (iv) VMSS: Công ty mẹ 11,99 tỷ đồng; Công ty CP Trục vớt cứu hộ Việt Nam 6,05 tỷ đồng.

<sup>740</sup> (i) Petrolimex: Công ty mẹ - Tập đoàn 379,57 tỷ đồng; Công ty CP vận tải xăng dầu Vipco - TCT Vận tải thủy Petrolimex 41,77 tỷ đồng; (ii) TKV 122,86 tỷ đồng; (iii) Sonadezi: Công ty mẹ 23,45 tỷ đồng, chiếm 25,5% nợ phải thu.

<sup>741</sup> (i) HUD: Công ty mẹ: Phải trả ngắn hạn 0%, Người mua trả tiền trước 0%, Phải thu khách hàng 48%, Phải thu khác 35%; HUD10: Trả trước cho người bán 0%, Phải trả người bán 14%, Phải trả phải nộp khác 14%, Phải thu khách hàng 3%; HUD3: Trả trước cho người bán 17,4%, Phải thu khác 23%; HUD Nha Trang: Phải trả ngắn hạn khác 0,41%, Phải thu khách hàng 19%; HUDSE: Trả trước cho người bán 20,78% và không đối chiếu khoản Phải trả ngắn hạn khác; HUDS: Phải trả ngắn hạn khác 27,6%; HUD Tam Đảo không đối chiếu khoản Người mua trả tiền trước; (ii) TKV: Công ty CP Gang thép Cao Bằng: Trả trước cho người bán ngắn hạn 28%; Công ty Nhiệt điện Sơn Động chưa có biên bản đối chiếu nợ phải trả người bán dài hạn 394,44 tỷ đồng và khoản nợ phải trả khác 4,32 tỷ đồng; (iii) Công ty mẹ - Vinataba: Trả trước cho người bán ngắn hạn 9,6%, Phải trả người bán ngắn hạn 21,3% và công nợ phải thu, phải trả nội bộ với các đơn vị trực thuộc chưa được đối chiếu (Văn phòng Tổng công ty).

<sup>742</sup> HUD: HUD3 cho Tổ đội vay vốn 5,89 tỷ đồng từ năm 2017, tạm ứng cho các chủ nhiệm công trình 13,11 tỷ đồng từ nhiều năm trước.

<sup>743</sup> TKV; Vinapharm: Công ty CP Dược Trung ương Codupha; Petrolimex: Công ty TNHH Xăng dầu Nam Tây Nguyên.

<sup>744</sup> Trích thừa: Vinataba 1,89 tỷ đồng; trích thiếu: VMSS 2,57 tỷ đồng.

<sup>745</sup> Vinataba: Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn 265,98 tỷ đồng, Công ty TNHH Liên doanh Vina-BAT 0,57 tỷ đồng; TKV 38,65 tỷ đồng; Vinapharm: Công ty CP Dược Trung ương Codupha 2,66 tỷ đồng; Petrolimex: TCT Gas Petrolimex 1,37 tỷ đồng.

<sup>746</sup> HUD: Công ty mẹ (Dự án hạ tầng kỹ thuật Chánh Mỹ giai đoạn 1 là 1.558,10 tỷ đồng, Dự án hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư số 6 là 599,52 tỷ đồng, Dự án hạ tầng kỹ thuật - Khu đô thị mới Đông Tăng Long 1.426,59 tỷ đồng); HUD4 là 95,83 tỷ đồng.

<sup>747</sup> HUD: HUD3 là 27,51 tỷ đồng từ năm 2014.

<sup>748</sup> Vinataba: Công ty Thuốc lá Cửu Long, Công ty TNHH Vinataba - Philip Morris; Petrolimex: Công ty CP Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Thừa Thiên Huế.

<sup>749</sup> (i) HUD: HUDSE không kiểm kê hàng tồn kho cuối năm; (ii) TKV: Công ty Nhiệt điện Đông Triều TKV - Chi nhánh TCT Điện lực TKV không đo đạc kiểm kê xác định khối lượng tro bay, tro xỉ tồn của tro bãi thải.

<sup>750</sup> Vinataba: Công ty CP Cát Lợi kiểm kê cả hàng đã xuất kho 16,48 tỷ đồng tại biên bản kiểm kê cuối năm.

<sup>751</sup> Trích thừa: Vinapharm 21,03 tỷ đồng; Petrolimex: Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex 7,57 tỷ đồng.

<sup>752</sup> Trích thừa: TKV 61,96 tỷ đồng, HUD 13,06 tỷ đồng, Petrolimex 2,42 tỷ đồng, Vinataba 01 tỷ đồng; trích thiếu: Vinapharm 1,64 tỷ đồng.

TSCĐ chưa hiệu quả<sup>753</sup>.

(3) Hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu cao<sup>754</sup>; chưa chi trả đầy đủ cổ tức<sup>755</sup>; chưa được góp đủ vốn điều lệ<sup>756</sup> hoặc có vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ nhưng chưa được phê duyệt phương án tăng vốn<sup>757</sup>; bị đưa vào diện giám sát tài chính đặc biệt<sup>758</sup>.

(4) Một số đơn vị đầu tư tài chính hiệu quả chưa cao, hoạt động sản xuất kinh doanh không hiệu quả, thua lỗ<sup>759</sup>; một số khoản đầu tư của Tập đoàn, TCT vào công ty liên doanh, liên kết, đầu tư dài hạn khác bị thua lỗ<sup>760</sup>; trích lập dự phòng đầu tư tài chính không đúng quy định<sup>761</sup>.

(5) Một số đơn vị quản lý chi phí, giá thành sản phẩm chưa chặt chẽ, định mức SXKD chưa phù hợp thực tế<sup>762</sup>; chưa xây dựng định mức tiêu hao nguyên

<sup>753</sup> (i) TKV: Chi nhánh Mô tuyển đồng Sin Quyền, Lào Cai - VIMICO: 02 nhà máy tuyển sản xuất khoáng sản không đạt công suất thiết kế cơ sở được phê duyệt; trong năm 2023, một số thiết bị khai thác, vận tải có mức tiêu hao nhiên liệu thực tế cao hơn định mức do TCT Khoáng sản TKV ban hành; Công ty CP Gang thép Cao Bằng: Xe ô tô tải tự đổ 8,3 tấn mua sắm năm 2015 (nguyên giá 0,81 tỷ đồng), từ năm 2022 đến tháng 5/2024 không sử dụng cho hoạt động SXKD; (ii) Petrolimex: Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên: Công trình Cửa hàng xăng dầu Chư Ngọc hoạt động từ tháng 9/2022 đến hết tháng 7/2024 đã tiêu thụ được bình quân 72m<sup>3</sup>/tháng trong khi mục tiêu theo Báo cáo kinh tế kỹ thuật là 125m<sup>3</sup>/tháng.

<sup>754</sup> TKV: Công ty CP Than Núi Béo 3,5 lần, Công ty CP Gang thép Cao Bằng 3,47 lần.

<sup>755</sup> (i) TKV: chưa chi trả hết tiền cổ tức cho các cổ đông cá nhân từ năm 2007 đến năm 2022 (Công ty CP Than Cao Sơn TKV 4,72 tỷ đồng); (ii) HUD: chậm thanh toán cổ tức cho Công ty mẹ (HUD4 là 14,75 tỷ đồng, HUD2 là 2,38 tỷ đồng); (iii) Petrolimex: chậm thanh toán cổ tức năm 2020 theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên TCT Xây lắp và Thương mại Petrolimex ngày 12/4/2023 (TCT Xây lắp và Thương mại Petrolimex 7,35 tỷ đồng).

<sup>756</sup> Công ty mẹ - HUD 1.678,37 tỷ đồng; TCT Khoáng sản TKV (Công ty CP Đất hiếm Lai Châu 6,31 tỷ đồng).

<sup>757</sup> Công ty mẹ - TKV: Vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ được phê duyệt tại 31/12/2023 là 5.538 tỷ đồng (đã được đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền); Công ty mẹ - Vinataba: Vốn chủ sở hữu tại 31/12/2023 cao hơn vốn điều lệ dự kiến đến năm 2025 (đã được đơn vị trình cơ quan có thẩm quyền) là 727,95 tỷ đồng.

<sup>758</sup> Công ty CP Gang thép Cao Bằng - TCT Khoáng sản TKV; Petrolimex: Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào.

<sup>759</sup> (i) TKV: Công ty mẹ: 04 khoản đầu tư vào công ty con có lỗ lũy kế tại 31/12/2023 là 412,95 tỷ đồng (vốn góp của Công ty mẹ là 1.759,57 tỷ đồng); TCT Khoáng sản TKV: 01 khoản đầu tư không bảo toàn vốn và 03 khoản đầu tư vào công ty con chưa chia cổ tức do lợi nhuận sau phân phối không đủ chia cổ tức hoặc có lãi nhưng còn lỗ lũy kế; (ii) Petrolimex: Công ty mẹ: Công ty TNHH MTV Petrolimex Lào lỗ lũy kế 423,66 tỷ đồng (vốn góp của Công ty mẹ là 68,16 tỷ đồng); TCT Hóa dầu Petrolimex: Công ty TNHH Hóa chất Petrolimex lỗ lũy kế 32,28 tỷ đồng (vốn góp của TCT là 254,30 tỷ đồng); (iii) Vinapharm: Công ty CP Dược phẩm Trung ương Codupha: Công ty TNHH Dược phẩm Codupha Lào lỗ lũy kế 1,90 tỷ đồng (vốn góp của Công ty là 16,58 tỷ đồng); (iv) Công ty mẹ - HUD: Công ty CP Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam lỗ lũy kế 14,44 tỷ đồng, Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng HUD CIC lỗ lũy kế 0,98 tỷ đồng.

<sup>760</sup> (i) Công ty mẹ - Vinapharm: Công ty CP Dược phẩm Trung ương 2 lỗ lũy kế tại 31/12/2023 là 122,06 tỷ đồng, Công ty CP Dược Davina 18,39 tỷ đồng; (ii) Công ty mẹ - HUD: Công ty CP Sài Gòn - Rạch Giá lỗ lũy kế 124,48 tỷ đồng, Công ty CP Khách sạn và du lịch Bảo Việt 73,02 tỷ đồng; (iii) Công ty mẹ - Vinataba: 03/06 công ty liên doanh, liên kết lỗ lũy kế 225,60 tỷ đồng và 01 khoản đầu tư dài hạn khác là 13,18 tỷ đồng; (iv) Sonadezi: Công ty CP Cấp nước Đồng Nai đầu tư góp vốn vào Công ty CP Cấp nước Gia Tân 50 tỷ đồng (chiếm 10,47% vốn điều lệ), phải trích lập dự phòng 16,47 tỷ đồng; (v) Petrolimex: Công ty mẹ: khoản đầu tư dài hạn khác vào Công ty CP Đầu tư và Phát triển Vân Phong có số lỗ lũy kế/vốn đầu tư là 54,49/3,80 tỷ đồng; TCT Vận tải thủy Petrolimex: khoản đầu tư vào Công ty CP An Phú có số lỗ lũy kế/vốn đầu tư là 152,23/57,22 tỷ đồng và đầu tư vào Công ty CP Vận tải Hoá dầu VP có số lỗ lũy kế/vốn đầu tư là 161,58/68 tỷ đồng, phải trích lập dự phòng 100% giá trị khoản đầu tư; (vi) Công ty mẹ - TKV: 01 khoản đầu tư phải trích lập dự phòng 100% tương ứng 55,87 tỷ đồng.

<sup>761</sup> Trích thừa: Petrolimex 7,66 tỷ đồng, Vinapharm 3,97 tỷ đồng, TKV 1,22 tỷ đồng.

<sup>762</sup> (i) Vinataba: Công ty TNHH Liên doanh Vina - BAT xây dựng định mức hao hụt cho tất cả các nguyên vật liệu sản xuất thuốc lá đồng đều là 8%; (ii) TKV: Công ty Tuyển than Cửa Ông đã ban hành các Chỉ tiêu định mức kinh tế, kỹ thuật đối với trung đại tu các thiết bị cơ điện, tuy nhiên chỉ ban hành định mức cho 01 cấp trung

vật liệu<sup>763</sup> hoặc tiêu hao nguyên, nhiên liệu vượt định mức đơn vị quy định<sup>764</sup>; khuyến mại không đúng quy định<sup>765</sup>.

(6) Về quản lý sử dụng đất: còn một số diện tích đất chưa đủ hồ sơ pháp lý<sup>766</sup>, chưa/chậm sử dụng<sup>767</sup>, sử dụng chưa đúng mục đích<sup>768</sup>.

(7) Tại một số Tập đoàn, TCT, cơ quan đại diện chủ sở hữu hoặc người đại diện phần vốn nhà nước chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định<sup>769</sup>.

Ngoài ra, kết quả kiểm toán Chuyên đề việc thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu theo quy định Nghị định số 10/2019/NĐ-CP giai đoạn 2022 - 2023 tại Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước tại doanh nghiệp (UBQLVNN), Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) cho thấy:

- Tại UBQLVNN: đến tháng 8/2024, còn 03/19 Đề án cơ cấu lại doanh

đại tu, không có sự khác nhau giữa các lần trung đại tu tài sản mới và tài sản cũ.

<sup>763</sup> (i) Vinapharm: Công ty CP Dược Trung ương 3 chưa xây dựng định mức hao hụt trong sản xuất thuốc; (ii) TKV: Công ty Kho vận Đá Bạc chưa xây dựng tỷ lệ hao hụt đối với công đoạn vận chuyển than theo từng loại phương tiện, độ ẩm thực tế và định mức hao hụt công đoạn sàng tuyển, chế biến (nghiền) đối với than nhập khẩu; (iii) Petrolimex: Công ty CP Vận tải xăng dầu Vitaco thuộc TCT Vận tải thủy Petrolimex chưa ban hành danh mục vật tư phụ tùng thay thế tối thiểu cần thiết; (iv) Vinataba: Công ty TNHH Liên doanh Vina - BAT chưa xây dựng định mức hao hụt nguyên vật liệu trong sản xuất đầu lọc; Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long chưa ban hành định mức tiêu hao, tỷ lệ hao hụt của công đoạn chế biến lá thành sợi; Công ty TNHH MTV Thuốc lá Sài Gòn chưa ban hành định mức tiêu hao công đoạn từ sợi sản xuất bao thuốc lá.

<sup>764</sup> Petrolimex: Công ty TNHH Xăng dầu Nam Tây Nguyên còn tình trạng vượt định mức hao hụt theo các công đoạn tại cửa hàng xăng dầu; Công ty CP Nhiên liệu bay Petrolimex tổng hao hụt xăng dầu công đoạn nhập từ tháng 7/2023 đến tháng 12/2023 tại Chi nhánh Nội Bài và công đoạn xuất từ tháng 5/2023 đến tháng 12/2023 tại Chi nhánh Cát Bi lớn hơn định mức lần lượt là 570.340 lít và 55.960 lít.

<sup>765</sup> Vinataba: Công ty TNHH MTV Thuốc lá Cửu Long 1,68 tỷ đồng; Vinapharm: Công ty CP Dược Trung ương 3 chưa thông báo đầy đủ các chương trình khuyến mại với Sở Công Thương địa phương.

<sup>766</sup> (i) TKV 2.977,63 ha; (ii) Petrolimex: 90,38 ha; (iii) Sonadezi: Công ty mẹ 38,71 ha; Công ty CP Phát triển đô thị công nghiệp số 2 là 6,5 ha; Công ty CP Sonadezi Long Bình: diện tích đất thuê lại của Công ty CP Sonadezi Châu Đức 2,1 ha; khu đất tại Khu công nghiệp Xuân Lộc 4,2 ha; (iv) VMSS: Công ty CP Trục vớt cứu hộ Việt Nam: 05 khu đất; Công ty CP Cơ khí hàng hải miền Nam 1,83 ha; Công ty TNHH Hoa tiêu hàng hải miền Nam 1,26 ha.

<sup>767</sup> (i) Sonadezi: Công ty mẹ 14,35 ha; Công ty CP Phát triển đô thị công nghiệp số 2 là 6,5 ha; Công ty CP Sonadezi Long Bình: thuê 2,10 ha đất của Công ty CP Sonadezi Châu Đức nhưng chưa sử dụng; cho thuê lại đất khu công nghiệp nhưng chưa được đưa vào sử dụng (Công ty CP Dược phẩm OPV thuê 2,06 ha đất từ 09/12/1995, được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất năm 2003; Công ty TNHH Nhựa và Hóa chất TPC Vina thuê 8,89 ha từ 28/02/2007, được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất năm 2007); Công ty CP Sonadezi Giang Điền cho thuê lại đất khu công nghiệp nhưng chậm đưa vào sử dụng 12,2 ha; (ii) Petrolimex: Công ty TNHH Xăng dầu Kiên Giang: quyền sử dụng đất 4,69 ha, giá trị 13,35 tỷ đồng, thời hạn 40 năm, hình thành từ chi phí đầu tư dự án Xây dựng Kho cảng xăng dầu Kiên Lương đã hoàn thành hơn 10 năm chưa đưa vào khai thác, sử dụng.

<sup>768</sup> Petrolimex: Công ty Xăng dầu Khu vực III thuê đất để làm kho xăng dầu nhưng không sử dụng hết, cho một số đơn vị thuê lại 0,42 ha để SXKD lĩnh vực khác (sản xuất hạt phụ gia ngành nhựa và kinh doanh dịch vụ giặt quần áo và các sản phẩm dệt).

<sup>769</sup> (i) Vinataba: Năm 2022, người đại diện chủ sở hữu trực tiếp tại TCT chưa được UBQLVNN tại doanh nghiệp đánh giá, xếp loại; người đại diện phần vốn góp của TCT tại các công ty con, công ty liên kết chưa được TCT đánh giá xếp loại; (ii) HUD: người đại diện vốn của TCT chưa có ý kiến tham gia đối với Hội đồng quản trị HUD10 về các nội dung quản lý tiền lương, thù lao, tiền thưởng phù hợp với hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2023; (iii) Sonadezi: người đại diện phần vốn nhà nước tại TCT chưa đề xuất chia hết cổ tức, lợi nhuận bằng tiền mặt để nộp NSNN đối với khoản cổ tức, lợi nhuận được chia cho phần vốn nhà nước; (iv) Petrolimex: Báo cáo giám sát của người đại diện vốn tại TCT Xây lắp và Thương mại Petrolimex không có thông tin về việc đôn đốc thu hồi cổ tức được chia từ doanh nghiệp.

ng nghiệp giai đoạn 2021-2025<sup>770</sup>, 02/19 Kế hoạch SXKD và đầu tư giai đoạn 2021-2025<sup>771</sup> và 04/19 Chiến lược phát triển<sup>772</sup> của các doanh nghiệp chưa được phê duyệt, 10/12 doanh nghiệp 100% vốn nhà nước<sup>773</sup> chưa được đánh giá, xếp loại năm 2023 và 01 doanh nghiệp<sup>774</sup> chưa được đánh giá, xếp loại năm 2022; chưa hoàn thành phê duyệt quyết toán cổ phần hóa<sup>775</sup> theo quy định; một số nhiệm vụ tiến độ thực hiện chậm<sup>776</sup>; một số doanh nghiệp còn có lỗ lũy kế<sup>777</sup>.

- Tại SCIC: SCIC đã thoái vốn tại 37/77 doanh nghiệp với tổng giá vốn là 2.801/12.821 tỷ đồng, bằng 21,8% kế hoạch 5 năm trong giai đoạn 2021-2023; đã bán hết vốn tại 50 doanh nghiệp nhưng chưa thu hồi hết cổ tức, lợi nhuận được chia 23,8 tỷ đồng; quá trình bán vốn còn trường hợp xác định giá trị quyền sử dụng đất<sup>778</sup> để tính giá trị vốn nhà nước không đúng quy định<sup>779</sup> hoặc đơn vị tư vấn xác định chưa đầy đủ giá trị vốn nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp<sup>780</sup>; một số khoản SCIC trực tiếp đầu tư không hiệu quả<sup>781</sup>; chưa hoàn thành cổ phần hóa tại một số đơn vị<sup>782</sup>; chưa hoàn thành tiếp nhận đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước tại 05 doanh nghiệp từ 02 Bộ<sup>783</sup>; chưa xây dựng kế hoạch và giải pháp thực hiện tái cơ cấu nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tại một số doanh nghiệp tiếp nhận<sup>784</sup>; đến 31/12/2023, chưa phê duyệt chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm giai đoạn 2021-2025 của 04/04 doanh nghiệp do SCIC nắm giữ 100% vốn điều lệ; SCIC xây dựng phương án tăng vốn điều lệ trình cấp có thẩm quyền chưa đầy đủ,

<sup>770</sup> EVN, TCT Đầu tư và Phát triển đường cao tốc Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam (theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2022 của Chính phủ, hoàn thành phê duyệt trong quý II năm 2022; theo Chỉ thị số 12/CT-TTg ngày 06/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ, hoàn thành phê duyệt trước ngày 30/5/2023).

<sup>771</sup> Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam, TCT Hàng không Việt Nam.

<sup>772</sup> TKV; Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam; Tập đoàn Hóa chất Việt Nam; TCT Hàng không Việt Nam.

<sup>773</sup> Trừ TCT Đầu tư và Phát triển đường cao tốc Việt Nam và TCT Lương thực miền Bắc.

<sup>774</sup> TCT Đường sắt Việt Nam.

<sup>775</sup> (i) PVN: Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn, TCT Điện lực dầu khí Việt Nam - CTCP, TCT Dầu Việt Nam - CTCP; (ii) EVN: Công ty mẹ - TCT Phát điện 2; Công ty mẹ TCT Phát điện 3; (iii) Công ty mẹ - TCT Cảng hàng không Việt Nam; (iv) Công ty mẹ - TCT Hàng Hải Việt Nam; (v) Công ty mẹ - TCT Lương thực miền Nam.

<sup>776</sup> Phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện; cho ý kiến đối với phương án tăng vốn điều lệ; đánh giá và xếp loại người đại diện vốn nhà nước; đánh giá, xếp loại doanh nghiệp; ban hành kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm; lập và gửi Báo cáo giám sát tài chính... tại một số doanh nghiệp.

<sup>777</sup> Theo BCTC năm 2023 của các đơn vị, lỗ lũy kế tại 31/12/2023 của TCT Cà phê Việt Nam là 738,8 tỷ đồng, EVN là 50.611 tỷ đồng, Tập đoàn Hoá chất Việt Nam là 884,39 tỷ đồng.

<sup>778</sup> Thửa đất 100m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 14 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, Quận 1, TP Hồ Chí Minh của Công ty CP Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị ngành In; thửa đất 186,7m<sup>2</sup> tại địa chỉ số 66 Hòa Mã, phường Ngô Thị Nhậm, quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội.

<sup>779</sup> Thửa đất chưa hoàn thành thủ tục pháp lý về quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 27 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP.

<sup>780</sup> Tại Công ty CP Điện máy; Công ty CP Xuất nhập khẩu Chuyên gia, Lao động và Kỹ thuật; TCT Tư vấn Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP; Công ty CP Xuất nhập khẩu Vật tư Thiết bị ngành In; Công ty CP In khoa học kỹ thuật.

<sup>781</sup> 03/14 doanh nghiệp lỗ lũy kế tại 31/12/2023 là 32.581,9 tỷ đồng; 02/14 doanh nghiệp không chia cổ tức, lợi nhuận trong giai đoạn 2019-2023.

<sup>782</sup> Công ty TNHH MTV Khai thác và Chế biến đá An Giang, Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển HPI, Công ty TNHH MTV In thông kê TP Hồ Chí Minh.

<sup>783</sup> (i) TCT CP Xây dựng Việt Nam, Công ty CP Xây dựng và Nhập khẩu Tổng hợp (Bộ Công Thương); TCT Xây dựng Hà Nội - CTCP (Bộ Xây dựng) do các Bộ chưa chuyển giao hồ sơ để SCIC thẩm định; (ii) Công ty CP Nông thổ sản Việt Nam (Bộ Công Thương) và TCT Cơ khí xây dựng - CTCP (Bộ Xây dựng) do không đủ điều kiện để tiếp nhận theo quy định (đơn vị kiểm toán độc lập từ chối đưa ra ý kiến đối với BCTC; không còn vốn nhà nước).

<sup>784</sup> Có tỷ lệ vốn nhà nước trên 36%.

rõ ràng<sup>785</sup>; người đại diện vốn lập và gửi Báo cáo giám sát tài chính chậm<sup>786</sup>.

- Một số quy định<sup>787</sup> liên quan đến thẩm quyền, trách nhiệm của UBQLVNN và SCIC chưa thống nhất như: Việc bổ sung vốn, thoái vốn tại công ty con, công ty liên kết; vốn nhà nước, vốn doanh nghiệp tại các doanh nghiệp do SCIC nhận bàn giao.

## 2. Kiểm toán các tổ chức tài chính ngân hàng

Năm 2023, NHNN đã điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt góp phần kiểm soát lạm phát ở mức 3,25%<sup>788</sup>, ổn định tỷ giá và thanh khoản hệ thống ngân hàng, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Các tổ chức tài chính, ngân hàng, bảo hiểm cơ bản đảm bảo các chỉ tiêu an toàn trong hoạt động, kinh doanh có lãi<sup>789</sup>, tỷ lệ nợ xấu nội bảng dưới 3%<sup>790</sup>. Song qua kết quả kiểm toán cho thấy còn tồn tại, bất cập:

- Cơ cấu tín dụng chưa đúng định hướng ưu tiên<sup>791</sup>; dư nợ tín dụng bất động sản cuối năm 2023 tăng 11,8% so với cuối năm 2022 (trong đó cho mục đích đầu tư, kinh doanh bất động sản tăng 35,4%, gấp 2,5 lần mức tăng trưởng chung của toàn ngành), chất lượng tín dụng có chiều hướng suy giảm, tiềm ẩn rủi ro; nợ xấu của nhóm khách hàng có dư nợ cấp tín dụng trên 500 tỷ tăng cao về cả tỷ lệ<sup>792</sup> và dư nợ<sup>793</sup> (chủ yếu tại SCB), trong đó dư nợ của nhóm khách hàng này tại một số ngân hàng TMCP tăng mạnh<sup>794</sup>.

- NHNN đã 04 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành với mức giảm từ 0,5%/năm đến 2%/năm, tuy nhiên chênh lệch giữa lãi suất cho vay bình quân và lãi suất huy động bình quân năm 2023 còn trên 4%<sup>795</sup>. Kết thúc Chương trình hỗ trợ lãi suất theo Nghị định số 31/2022/NĐ-CP ngày 20/5/2022 của Chính phủ, số tiền hỗ trợ lãi suất chỉ đạt 1.216 tỷ đồng (bằng 3,04% kế hoạch), một số ngân hàng thương mại hỗ trợ lãi suất chưa đúng quy định 1,75 tỷ đồng.

<sup>785</sup> Thuyết minh về sự cần thiết chưa gắn với nhu cầu sử dụng thực tế, chưa tính đến nguồn thu từ thoái vốn trong các năm tiếp theo; chưa xác định mức tăng vốn điều lệ từ việc nhận bàn giao vốn; chưa có dự án/phương án đầu tư cụ thể đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

<sup>786</sup> Báo cáo 06 tháng năm 2023 tại Công ty CP Vật liệu xây dựng và Khoáng sản Bình Thuận, Công ty CP Cảng Quảng Bình, TCT Đầu tư nước và Môi trường Việt Nam - CTCP; Báo cáo năm 2023 tại Công ty CP sách Việt Nam, Công ty CP Tư vấn Xây dựng Bắc Kạn.

<sup>787</sup> Tại các Nghị định số: 151/2013/NĐ-CP, 148/2017/NĐ-CP, 10/2019/NĐ-CP, 140/2020/NĐ-CP của Chính phủ...

<sup>788</sup> Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 06/01/2023 của Chính phủ: kiểm soát tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân khoảng 4,5%.

<sup>789</sup> Lợi nhuận trước thuế, tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu của NHHT lần lượt là 254,4 tỷ đồng và 4,84%; NHNo 25.641,13 tỷ đồng và 21,91%; NHNT 41.328,46 tỷ đồng và 20,1%; Tập đoàn Bảo Việt 2.263,43 tỷ đồng và 8,44%; chênh lệch thu chi của Ngân hàng Chính sách xã hội 1.105,55 tỷ đồng.

<sup>790</sup> NHHT 0,69%; NHNT 0,99%; NHNo 1,9%; Ngân hàng Chính sách xã hội: tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh 0,42%.

<sup>791</sup> Tăng trưởng tín dụng lĩnh vực nông nghiệp nông thôn là 11,56%; doanh nghiệp vừa và nhỏ là 13,61%; xuất khẩu là 6,57% đều thấp hơn mức tăng trưởng chung toàn ngành (13,78%).

<sup>792</sup> Tăng 4,9 lần (năm 2022 là 1,54%, năm 2023 là 7,56%).

<sup>793</sup> Tăng gần 06 lần.

<sup>794</sup> Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín tăng 536,2%, NHNT tăng 110,8%.

<sup>795</sup> Từ 4,99% vào tháng 01/2023 giảm dần xuống 4,39% vào tháng 10/2023 và tăng dần trở lại đến tháng 06/2024 là 4,71%.

- NHNN chưa xây dựng, trình các cấp có thẩm quyền ban hành chiến lược, kế hoạch về phát triển thị trường vàng<sup>796</sup>, chưa can thiệp kịp thời để bình ổn thị trường vàng theo quy định<sup>797</sup>. Công tác phối hợp cung cấp thông tin, số liệu của các Bộ, ngành liên quan cho NHNN để phục vụ việc xây dựng Báo cáo dự báo cán cân thanh toán quốc tế còn hạn chế qua nhiều năm<sup>798</sup> nhưng chưa được xử lý.

- Ngày 08/6/2022 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 689/QĐ-TTg về phê duyệt đề án “*Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021-2025*”, tuy nhiên đến ngày 31/12/2023, phương án cơ cấu lại của một số TCTD chưa được phê duyệt<sup>799</sup>. Phương án xử lý các ngân hàng yếu kém<sup>800</sup> chậm, kéo dài nhiều năm.

- Một số đơn vị đầu tư tài chính không hiệu quả hoặc hiệu quả thấp<sup>801</sup>; còn tồn đọng nợ phải thu chưa được xử lý dứt điểm<sup>802</sup>; hạch toán doanh thu, thu nhập<sup>803</sup>, chi phí<sup>804</sup> chưa đúng quy định; còn diện tích đất để trống<sup>805</sup>; Nhà máy In tiền quốc gia

<sup>796</sup> Điều 16 Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

<sup>797</sup> Mức chênh lệch giữa giá vàng trong nước và giá vàng thế giới quy đổi giao động từ mức thấp nhất là 8,85 triệu đồng/lượng ngày 05/5/2023 tới mức cao nhất là 19,62 triệu đồng/lượng ngày 29/12/2023.

<sup>798</sup> Theo báo cáo của NHNN: (i) Đối với năm 2022, đến ngày 02/3/2023, BTC mới gửi công văn cung cấp số liệu quý IV/2022 và năm 2022; (ii) Đối với năm 2023 và 2024, các Bộ, ngành chỉ gửi số liệu thực hiện quý III/2023 và không dự báo năm 2023; đồng thời, gửi số liệu dự báo năm 2024 mà không dự báo theo quý.

<sup>799</sup> 03/04 ngân hàng thương mại nhà nước; 09/28 ngân hàng TMCP; NHHT; 08/22 TCTD phi ngân hàng, 11/11 TCTD nước ngoài.

<sup>800</sup> Đối với 03 ngân hàng mua bắt buộc và Ngân hàng TMCP Đông Á.

<sup>801</sup> (i) NHHT: chưa thu hồi được khoản tiền gửi 330 tỷ đồng tại Công ty CP Tài chính Handico; (ii) NHNo: Công ty Cho thuê tài chính I - NHNo (ALCI) lỗ lũy kế tại 31/12/2023 là 783,1 tỷ đồng, NHNo đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính 100% số tiền 172,08 tỷ đồng, ALCI đang chờ xử lý pháp nhân trong trường hợp không được hoạt động kinh doanh các ngành nghề theo đăng ký; Công ty Cho thuê tài chính II - NHNo (ALCII) đã bị tuyên bố phá sản, chấm dứt hoạt động, NHNo đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính 100% số tiền 294,41 tỷ đồng; đầu tư 10 tỷ đồng vào Công ty CP vận tải Vinaconex, công ty đã ngừng hoạt động từ năm 2015, NHNo đã trích lập dự phòng đầu tư tài chính 100%; (iii) Tập đoàn Bảo Việt trích lập dự phòng đầu tư tài chính: Công ty mẹ 40,29/56,92 tỷ đồng (tương đương 70,78%) khoản đầu tư vào Công ty CP Tập đoàn HiPT; TCT Bảo Việt Nhân thọ: 28,06/139,28 tỷ đồng (tương đương 20,15%) khoản đầu tư vào TCT Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP; 17,01/76,95 tỷ đồng (tương đương 22,11%) khoản đầu tư vào Công ty CP Xuân Hòa; Công ty CP Chứng khoán Bảo Việt 2,94/14,15 tỷ đồng (tương đương 20,78%) khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Bất động sản Toàn cầu.

<sup>802</sup> Tập đoàn Bảo Việt: TCT Bảo hiểm Bảo Việt còn 21,12 tỷ đồng nợ phải thu từ năm 2011-2013.

<sup>803</sup> (i) NHHT: hạch toán thiếu 17,32 tỷ đồng, thừa 18,81 tỷ đồng lãi dự thu; chưa kịp thời hạch toán thu nhập từ phí dịch vụ 65,34 tỷ đồng; (ii) NHNo: hạch toán thừa 176,86 tỷ đồng lãi dự thu; (iii) Tập đoàn Bảo Việt: TCT Bảo hiểm Bảo Việt hạch toán giảm doanh thu phí bảo hiểm gốc 12,55 tỷ đồng khi chưa gửi khách hàng thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng; giảm phí bảo hiểm cho khách hàng vượt mức quy định 3,03 tỷ đồng...

<sup>804</sup> (i) NHHT: hạch toán thiếu phí dịch vụ thanh toán 19,73 tỷ đồng; phân bổ một số khoản chi phí chưa đúng niên độ kế toán, chưa phù hợp với doanh thu 9,07 tỷ đồng; (ii) Tập đoàn Bảo Việt: TCT Bảo hiểm Bảo Việt trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đối với khoản tạm ứng cho cán bộ nhân viên 9,95 tỷ đồng; chi hoa hồng đại lý, hỗ trợ đại lý bảo hiểm cho các cá nhân chưa có chứng chỉ đại lý bảo hiểm phi nhân thọ 0,72 tỷ đồng; (iii) NHNN: Nhà máy In tiền quốc gia xác định và hạch toán chi phí tiền lương vượt 1,7 tỷ đồng do tính trùng hệ số phụ cấp; Trung tâm Thông tin tin dụng Quốc gia - CIC chi hỗ trợ hoạt động đoàn thể, chi trang phục cho cán bộ vượt định mức 0,73 tỷ đồng.

<sup>805</sup> (i) NHNo: 21 thửa đất diện tích 95.836,94m<sup>2</sup>, trong đó có 06 thửa đất chưa có kế hoạch sử dụng, dự kiến trả lại Nhà nước; 13 thửa đất đang triển khai các thủ tục để xây dựng; 02 thửa đất không có nhu cầu sử dụng, đã có quyết định của cấp có thẩm quyền thu hồi trả lại Nhà nước; (ii) Công ty mẹ - Tập đoàn Bảo Việt: 02 thửa đất diện tích 7.047m<sup>2</sup>, trong đó 01 thửa đất 5.000m<sup>2</sup> đã nộp tiền sử dụng đất từ năm 2007, hiện chưa hoàn thành thủ tục pháp lý để đầu tư xây dựng dự án và 01 thửa đất 2.047m<sup>2</sup> có nhà trên đất đã xuống cấp không sử dụng được...

(NHNN) không lưu các hồ sơ tài liệu về căn hộ tập thể<sup>806</sup> làm cơ sở xác định việc phân phối nhà cho cán bộ<sup>807</sup> có đảm bảo đúng thẩm quyền theo quy định.

- Một số ngân hàng phân loại nợ chưa phù hợp<sup>808</sup>, trích lập dự phòng rủi ro tín dụng chưa chính xác<sup>809</sup>, còn sai sót về trình tự, thủ tục cho vay<sup>810</sup>; còn trường hợp sử dụng vốn vay ngân hàng để mua chứng chỉ tiền gửi không đúng quy định<sup>811</sup>.

- Ngân hàng Chính sách xã hội còn các trường hợp cho vay giải quyết việc làm không đúng đối tượng<sup>812</sup>; cho vay vượt hạn mức<sup>813</sup>; hỗ trợ lãi suất chưa đúng quy định<sup>814</sup>; một số chi nhánh có tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh cao so với bình quân toàn hệ thống<sup>815</sup>.

- Về hoạt động bảo hiểm xã hội<sup>816</sup>: chi tiền thù lao cho tổ chức dịch vụ thu chưa chính xác<sup>817</sup>, quyết toán chi phí quản lý bao gồm số chưa thực chi trong năm<sup>818</sup>, một số đơn vị chuyên nguồn năm sau các khoản kinh phí đã hết nhiệm vụ chi<sup>819</sup>.

## **B. KẾT QUẢ THỰC HIỆN KIẾN NGHỊ KIỂM TOÁN**

### **1. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán đối với niên độ ngân sách năm 2022**

(1) Về xử lý tài chính, xử lý khác: Cơ bản các đơn vị được kiểm toán đã chỉ đạo và thực hiện nghiêm túc các kết luận, kiến nghị của KTNN về xử lý tài chính, kiến nghị khác. Đến thời điểm báo cáo, số kiến nghị xử lý tài chính, kiến nghị khác đã thực hiện là 41.624,48/49.940,10 tỷ đồng<sup>820</sup>, đạt tỷ lệ 83,35%, trong đó:

<sup>806</sup> Căn hộ 212A8 khu tập thể Ngân hàng, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

<sup>807</sup> Theo Quyết định số 70/NMĐT-QĐ ngày 11/7/1994. Năm 2024, tài sản đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất cho cá nhân được phân nhà.

<sup>808</sup> Kết quả kiểm toán điều chỉnh nhóm nợ tại: (i) NHHT: giảm dư nợ nhóm 1 là 15,4 tỷ đồng, nhóm 3 là 0,09 tỷ đồng, nhóm 4 là 0,18 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 2 là 13,41 tỷ đồng, nhóm 5 là 2,26 tỷ đồng; (ii) NHNT: giảm dư nợ nhóm 1 là 24,06 tỷ đồng, nhóm 2 là 138,38 tỷ đồng, nhóm 4 là 57,15 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 3 là 84,51 tỷ đồng, nhóm 5 là 135,08 tỷ đồng; (iii) NHNo: giảm dư nợ nhóm 1 là 682,98 tỷ đồng, nhóm 2 là 31,09 tỷ đồng; tăng dư nợ nhóm 3 là 203,41 tỷ đồng, nhóm 4 là 283,29 tỷ đồng, nhóm 5 là 227,37 tỷ đồng.

<sup>809</sup> Kết quả kiểm toán điều chỉnh tăng chi phí dự phòng rủi ro tại NHNo 51,72 tỷ đồng; giảm chi phí dự phòng tại NHNT 1,87 tỷ đồng, NHHT 0,02 tỷ đồng.

<sup>810</sup> Thẩm định sơ sai; định kỳ chưa đánh giá lại tài sản bảo đảm; thiếu chứng từ giải ngân/tài liệu chứng minh mục đích sử dụng vốn; kiểm tra, giám sát sau cho vay chưa đầy đủ...

<sup>811</sup> Công ty CP Chứng khoán Agribank.

<sup>812</sup> Cho vay người lao động đã có việc làm ổn định, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc (352 khoản vay với dư nợ 20,69 tỷ đồng).

<sup>813</sup> Cho hai người trong cùng hộ gia đình cùng vay Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn (26 trường hợp) với tổng số tiền cho vay vượt hạn mức đối với 01 hộ gia đình là 0,44 tỷ đồng.

<sup>814</sup> 0,13 tỷ đồng tương ứng với 172 khoản vay.

<sup>815</sup> Chi nhánh Bạc Liêu 9,8%, Sóc Trăng 6,29%, Cà Mau 6,08%, An Giang 3,13%.

<sup>816</sup> Kết quả kiểm toán chuyên đề việc giao dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi phí quản lý bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp tại Bảo hiểm xã hội Việt Nam theo Nghị quyết số 09/2021/UBTVQH15.

<sup>817</sup> Chi không đúng tỷ lệ 3,14 tỷ đồng; chi trùng 0,03 tỷ đồng.

<sup>818</sup> Kinh phí thường xuyên 261,6 tỷ đồng, không thường xuyên 4,65 tỷ đồng.

<sup>819</sup> Bảo hiểm xã hội Công an nhân dân 20 tỷ đồng; Bộ LĐTB&XH: Văn phòng Cục Việc làm 16,2 tỷ đồng; Cục An toàn Lao động 7,65 tỷ đồng; Văn phòng Bộ: 02 tỷ đồng; Trung tâm quốc gia về dịch vụ việc làm 0,5 tỷ đồng; Trung tâm dịch vụ việc làm Đắk Lắk 0,3 tỷ đồng.

<sup>820</sup> Số kiến nghị gốc (theo Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm) 49.941,38 tỷ đồng, số kiến nghị sau điều chỉnh là 49.940,10 tỷ đồng.

- (i) Kiến nghị tăng thu, giảm chi thực hiện 19.983,34 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 93,62%;  
(ii) Kiến nghị khác thực hiện 21.641,13 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 75,68%. Cụ thể:

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

TT	Nội dung	Số kiến nghị	Số thực hiện	Tỷ lệ (%)
<b>1</b>	<b>Tăng thu, giảm chi NSNN</b>	<b>21.344,68</b>	<b>19.983,34</b>	<b>93,62%</b>
-	Tăng thu NSNN	3.840,95	3.717,51	<b>96,79%</b>
-	Giảm chi thường xuyên	15.333,40	14.253,84	<b>92,96%</b>
-	Giảm chi đầu tư	2.170,33	2.012,00	<b>92,70%</b>
<b>2</b>	<b>Kiến nghị khác</b>	<b>28.595,42</b>	<b>21.641,13</b>	<b>75,68%</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>49.940,10</b>	<b>41.624,48</b>	<b>83,35%</b>

(2) Về hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách: Có 67<sup>821</sup>/214 nội dung/văn bản đã được Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung theo kiến nghị của KTNN<sup>822</sup>; còn 147<sup>823</sup>/214 nội dung/văn bản chưa được hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung hoặc chưa hoàn thành, các đơn vị đang tiếp thu nghiên cứu sửa đổi theo quy định ban hành văn bản.

(3) Về kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân: Có 80/111 Báo cáo kiểm toán có kiến nghị kiểm điểm đã được các đơn vị thực hiện đầy đủ hoặc một phần.

## **2. Kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán đối với niên độ ngân sách năm 2021 trở về trước**

Trong năm 2024, các đơn vị tiếp tục thực hiện các kiến nghị về xử lý tài chính đối với niên độ NSNN năm 2021 trở về trước, trong đó đã thực hiện thêm 8.255,5 tỷ đồng (tăng thu, giảm chi NSNN 3.014,4 tỷ đồng; kiến nghị khác<sup>824</sup> 5.241,1 tỷ đồng), bằng 12,4% tổng số kiến nghị chưa thực hiện tính đến 31/12/2023<sup>825</sup>; có 83 nội dung/văn bản và 232 nội dung kiến nghị về kiểm điểm trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với niên độ NSNN năm 2021 trở về trước đã được các cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện bổ sung.

## **3. Về nguyên nhân chưa thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước**

Đến thời điểm báo cáo<sup>826</sup>, tổng kiến nghị xử lý tài chính, xử lý khác chưa thực hiện niên độ 2022 trở về trước là 66.583,74 tỷ đồng<sup>827</sup>, tổng hợp các nhóm

<sup>821</sup> Gồm: 01 nghị định, 05 thông tư và 61 văn bản khác.

<sup>822</sup> Số nội dung/ văn bản được KTNN kiến nghị hủy bỏ, sửa đổi, bổ sung theo Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2023 là 198 văn bản, số nội dung văn bản kiến nghị, tuy nhiên sau khi rà soát là 214 nội dung/văn bản.

<sup>823</sup> Gồm 01 Luật, 08 Nghị định, 03 Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 21 Thông tư và 114 văn bản khác.

<sup>824</sup> Bao gồm kiến nghị thu hồi và giảm chi cho DN 2,7 tỷ đồng, kiến nghị khác 5.238,4 tỷ đồng.

<sup>825</sup> Số kiến nghị chưa thực hiện tính đến 31/12/2023 sau rà soát là 66.583,6 đồng.

<sup>826</sup> Số liệu tính đến ngày 31/12/2024.

nguyên nhân chưa thực hiện, gồm: (i) Nhóm nguyên nhân thuộc về đơn vị được kiểm toán 40.648,24 tỷ đồng chiếm 61%<sup>828</sup>; (ii) Nhóm nguyên nhân thuộc về trách nhiệm của KTNN 182,2 tỷ đồng chiếm 0,27%<sup>829</sup>; (iii) Nhóm nguyên nhân thuộc về bên thứ 3 là 15.810,8 tỷ đồng chiếm 23,7%<sup>830</sup>; (iv) Nhóm nguyên nhân khác 9.942,5 tỷ đồng chiếm 14,9%<sup>831</sup>.

### C. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

Năm 2024, KTNN tiếp tục xác định công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (PCTNLPTC) là “sứ mệnh” của ngành. Trong năm, KTNN đã đẩy mạnh kiểm toán các lĩnh vực tiềm ẩn nguy cơ tham nhũng, lãng phí, như quản lý đầu tư công, mua sắm tài sản công, quản lý đất đai, tài nguyên, các CTMTQG... Thông qua hoạt động kiểm toán, KTNN đã kiến nghị xử lý tài chính hàng nghìn tỷ đồng, góp phần tăng thu, giảm chi ngân sách nhà nước, hạn chế thất thoát, lãng phí nguồn lực quốc gia; kiến nghị bổ sung, thay thế, hủy bỏ nhiều văn bản có nội dung sai quy định hoặc không phù hợp; kiến nghị kiểm điểm trách nhiệm đối với nhiều tập thể, cá nhân sai phạm... Để nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh PCTNLPTC thông qua hoạt động kiểm toán, KTNN đã ; ban hành quy trình kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng nhằm tăng cường phát hiện, xác minh, làm rõ các vụ việc có dấu hiệu tham nhũng trong quá trình kiểm toán để xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý theo quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng, Luật Kiểm toán nhà nước, Bộ luật Tố tụng hình sự và quy định pháp luật khác có liên quan; ban hành hướng dẫn một số nội dung về kiểm toán thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công<sup>832</sup>; phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng ban hành thông tư liên tịch quy định về phối hợp giữa KTNN, cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong việc trao đổi, chuyển thông tin và kiến nghị xem xét, khởi tố vụ việc có dấu hiệu tội phạm được phát hiện thông qua

<sup>827</sup> Gồm: (i) Số kiến nghị chưa thực hiện niên độ 2022 là 8.315,63 tỷ đồng; (ii) Số kiến nghị chưa thực hiện niên độ 2021 trở về trước là 58.268,1 tỷ đồng.

<sup>828</sup> Gồm: (i) Đơn vị được kiểm toán chưa thực hiện kiến nghị của KTNN số tiền 30.801,47 tỷ đồng, chiếm 46,3%; (ii) Đơn vị được kiểm toán gặp khó khăn về tài chính 4.571,52 tỷ đồng, chiếm 6,9%; (iii) Đơn vị được kiểm toán không còn hoạt động hoặc dừng hoạt động 1.344,37 tỷ đồng, chiếm 2,0%; (iv) Đơn vị báo cáo đã thực hiện nhưng chưa cung cấp đủ tài liệu, hồ sơ để KTNN xác nhận đã thực hiện 2.950,63 tỷ đồng, chiếm 4,4%; (v) Chứng từ, tài liệu hồ sơ thực hiện kiến nghị chưa đảm bảo theo quy định 980,25 tỷ đồng, chiếm 1,5%.

<sup>829</sup> Gồm: (i) Đơn vị đã thực hiện nhưng KTNN đang xem xét để xác định kết quả THKN 22,25 tỷ đồng, chiếm 0,03%; (ii) Đơn vị chưa thống nhất với kiến nghị của KTNN 159,91 tỷ đồng, chiếm 0,2%.

<sup>830</sup> Gồm: (i) Chờ phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền số tiền 9.497,05 tỷ đồng, chiếm 14,3%; (ii) Vướng mắc về cơ chế, chính sách trong quá trình thực hiện kiến nghị của KTNN 527,14 tỷ đồng, chiếm 0,8%; (iii) Do nhà thầu không hợp tác, phối hợp thực hiện kiến nghị của KTNN, còn có tranh chấp giữa chủ đầu tư và nhà thầu 1.635,26 tỷ đồng, chiếm 2,5 %; (iv) Chưa được bố trí vốn thanh toán, đang hoàn thiện hồ sơ quyết toán để thực hiện kiến nghị của KTNN 1.476,18 tỷ đồng, chiếm 2,2 %; (v) Chưa được phê duyệt quyết toán, thanh toán gói thầu, dự án làm cơ sở để thực hiện kiến nghị của KTNN 2.675,18 tỷ đồng, chiếm 4,0% tổng số kiến nghị chưa thực hiện.

<sup>831</sup> Gồm: (i) Chưa đến thời điểm đơn vị báo cáo thực hiện kiến nghị 64,67 tỷ đồng, chiếm 0,1%; (ii) Chưa xác định được nguyên nhân 290,88 tỷ đồng, chiếm 0,4%; (iii) Và nguyên nhân khác 9.586,99 tỷ đồng, chiếm 14,4%.

<sup>832</sup> Công văn số 234/KTNN-CD ngày 14/3/2025.

hoạt động kiểm toán của KTNN<sup>833</sup>...; đồng thời chủ động phối hợp tốt với các cơ quan có thẩm quyền, các cơ quan có chức năng đấu tranh PCTNLPTC, nhất là các cơ quan tổ tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu vi phạm pháp luật<sup>834</sup>; thông tin kịp thời cho các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Bộ trưởng các bộ, ngành, cơ quan trung ương, người đứng đầu đơn vị được kiểm toán và các cơ quan liên quan để chỉ đạo, đôn đốc thực hiện kiến nghị và tăng cường phối hợp công tác. KTNN cũng ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy định về kiểm soát quyền lực, đạo đức nghề nghiệp, phòng chống xung đột lợi ích trong hoạt động kiểm toán. Ngoài ra, trong năm, KTNN đã chỉ đạo các đơn vị tăng cường thực hiện công khai, minh bạch kết quả kiểm toán, kết quả thực hiện kiến nghị kiểm toán nhằm nâng cao trách nhiệm giải trình và giám sát xã hội, qua đó góp phần tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công.

## **D. KIẾN NGHỊ**

### **1. Kiểm toán nhà nước kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

(1) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương, đơn vị được kiểm toán thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị kiểm toán, trong đó: Kiến nghị tăng thu, giảm chi NSNN đối với niên độ ngân sách 2023 là 16.073,62 tỷ đồng, gồm các khoản tăng thu 2.857,15 tỷ đồng; giảm chi NSNN 13.216,47 tỷ đồng (chi thường xuyên 8.330,32 tỷ đồng; chi đầu tư 4.886,15 tỷ đồng); kiến nghị khác 15.464,09 tỷ đồng (Chi tiết tại Phụ lục số 02, 03, 04, 05 kèm theo).

(2) Chỉ đạo Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan trung ương, địa phương liên quan thực hiện đầy đủ kiến nghị của KTNN tại Báo cáo kiểm toán Báo cáo quyết toán NSNN năm 2023.

(3) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương xử lý các tồn tại trong công tác quản lý, sử dụng tài chính công, tài sản công đã nêu tại từng báo cáo kiểm toán của KTNN thực hiện trong năm 2024 (Chi tiết tại Phụ lục số 06 kèm theo).

(4) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương và địa phương rà soát để hủy bỏ hoặc thay thế, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới một số nội dung không phù hợp với quy định pháp luật hoặc chưa phù hợp với thực tiễn của 177 văn bản gồm 01 Luật; 05 Nghị định; 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; 12 Thông tư và 155 văn bản khác (Chi tiết tại Phụ lục số 07 kèm theo).

<sup>833</sup> Thông tư liên tịch số 01/2025/TTLT-KTNN-VKSNDTC-BCA-BQP ngày 20/01/2025.

<sup>834</sup> Trong năm 2024: KTNN đã cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các cơ quan khác 324 tài liệu, BCKT (tài liệu) bao gồm: UBKTTW (149 tài liệu), Cơ quan cảnh sát điều tra các cấp (174 tài liệu), cơ quan khác (01 tài liệu); ngoài ra, KTNN đã số hóa 231 BCKT thuộc KHKT năm 2024 theo hình thức điện tử trên Hệ thống Công khai BCKT, cung cấp tài khoản điện tử để các cơ quan Quốc hội, UBKTTW truy cập, khai thác. Chuyển hồ sơ cho Cơ quan cảnh sát điều tra 03 vụ việc có dấu hiệu vi phạm (02 vụ chuyển Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an tỉnh Bình Phước, Công an tỉnh Đồng Nai bằng Công văn; 01 vụ kiến nghị UBND tỉnh Bình Thuận chỉ đạo CQCSĐT điều tra, làm rõ dấu hiệu tại BCKT).

(5) Chỉ đạo các bộ, cơ quan trung ương, địa phương và đơn vị được kiểm toán kiểm điểm, xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân đối với các khuyết điểm và sai phạm đã nêu trong báo cáo kiểm toán của từng cuộc kiểm toán thực hiện trong năm 2024 (Chi tiết tại Phụ lục số 08 kèm theo).

2. KTNN kính đề nghị Quốc hội ban hành nghị quyết chỉ đạo các đơn vị thực hiện đầy đủ, kịp thời các kết luận, kiến nghị của KTNN.

Trên đây là nội dung Báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán năm 2024, KTNN trân trọng báo cáo Quốc hội./.

**Nơi nhận:**

- Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Chủ tịch nước;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Chủ tịch HĐĐT và Chủ nhiệm các UB của QH;
- Văn phòng Quốc hội (15 bản);
- Bộ Tài chính;
- Lãnh đạo KTNN;
- Các đơn vị trực thuộc KTNN;
- Lưu: VT.

**TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**

*(đã ký)*

**Ngô Văn Tuấn**